

Agatha Christie



13 vụ án
Agatha Christie

Chia sẻ ebook : <http://downloadsachmienphi.com/>
Tham gia cộng đồng chia sẻ sách :
Fanpage : <https://www.facebook.com/downloadsachfree>
Cộng đồng Google : <http://bit.ly/downloadsach>

Khi trăng tròn... hoa phong lữ thảo màu xanh...sẽ có tai hoạ". Rồi một buổi sáng, gọi mãi không nghe lên tiếng, người chồng và cô y tá phá cửa vào thấy người vợ của mình đã chết. Gần đó là một bông hoa phong lữ thảo xanh nở to. Liệu có bí ẩn gì đằng sau điềm báo và cái chết đột ngột của vị phu nhân này ?

Một con tàu chở đầy vàng bị chìm dưới biển nhưng lúc tìm thấy con tàu lại "rỗng ruột". Và huyền thoại về đoàn tàu chiến Tây Ban Nha chở đầy kho báu, chìm sâu dưới đáy đại dương vẫn râm ran truyền miệng. Bí mật được chôn giấu hàng trăm năm bỗng được khám phá...

Không cần phải có mặt tại hiện trường, một bà già quê cũng đã tìm ra thủ phạm của 13 vụ án. Cách phát hiện ra tội phạm cũng nhẹ nhàng và dễ dàng như việc đan len hàng ngày của bà...

CÂU LẠC BỘ NGÀY THỨ BA

“Chuyện lạ”.

Raymond West ngồi phì phà một hơi thuốc, mồm lẩm bẩm lần nữa có vẻ đặc ý:

“Chuyện lạ thật”.

Anh ta nhìn quanh khoái chí. Bên trong văn phòng cũ kỹ, trần nhà gác đà ngang bằng gỗ mun, đồ đạc bày biện trông đẹp mắt với những món đồ cổ thích hợp khung cảnh của ngôi nhà xưa.

Raymond West nhìn thích thú. Nghề của anh ta là viết văn.

Mỗi khi đến nhà bà dì Jane, anh ta đều cảm thấy hài lòng cách bố trí ngôi nhà, nó hợp với tính cách của bà. Anh ta nhìn qua nơi bà đang ngồi trên chiếc ghế bành bên bếp sưởi. Marple mặc chiếc áo dài đen thêu kim tuyến, may bó sát người. Tay đeo găng kết bằng sợi dăng ten đen, đội mũ dăng ten đen che mái tóc bạc bồng bênh. Bàn tay đưa những mũi que đan thoăn thoắt một sợi len trắng mịn, xấp. Đôi mắt bà xanh nhạt, cái nhìn dịu dàng âu yếm hướng về người cháu trai và đám bạn bè ngồi quanh. Trước mắt là Raymond vẻ mặt yêu đời tự tin; cô nàng Joyce Lemprière - một nghệ sĩ, mái tóc đen cắt ngắn, đôi mắt màu hạt dẻ, rồi qua tới người đàn ông thanh lịch, ngài Henry Clithering. Nhìn lại còn hai ông khách nữa, tiến sĩ Pender, ngài mục sư già trong xóm đạo, ông luật sư Pentherick, người nhỏ thó, gương mặt nhẵn nhúm đeo kính, mắt nhìn lơ đãng. Marple để ý nhìn qua một lượt rồi quay lại với những que kim đan trên tay, một nụ cười dịu dàng vừa thoáng hiện trên môi bà.

Ông luật sư Petherick có tật thường húng hắng ho trước khi lên tiếng.

“Raymond, cậu nói sao ? Chuyện lạ ư ? Chà... Thế là thế nào ?”.

“Chẳng thế nào cả”, nàng Joyce Lemprière nói xen vô. “Raymond thích đánh tiếng thế thôi, anh ấy thì lúc nào chả vậy”.

Raymond West nhìn qua như muốn trách móc, cô ta thì ngả người ra sau cười ngất.

“Anh ta muốn đánh lừa kẻ khác, phải vậy không bà Marple ?”, nàng hỏi vặn lại. “Bà thì phải biết rõ điều đó”.

Bà Marple nhếch mép cười nhìn lại, không cho biết ý kiến.

“Cuộc sống là cả một điều lạ lùng khó hiểu”, ngài mục sư mĩa mai.

Raymond vội quăng điếu thuốc và ngồi ngay người lại.

“Nói vậy mà không phải vậy, tôi không thích chuyện triết lý viển vông”, anh ta nói. “Tôi muốn nhắc những chuyện bình thường, chuyện không ai có thể nghĩ ra được”.

“Tôi biết mấy chuyện đó”, bà Marple nói, “cụ thể như trường hợp bà Carruthers mới vừa sáng hôm qua đây. Bà ra cửa hàng Elliot’s mua hai lạng tôm loại ngon. Ra về bà ghé vô hai cửa hàng nữa, lúc về tới nhà kiểm lại không thấy món tôm đâu. Trở lại nơi hai cửa hàng tìm thì không thấy. Tôi thấy việc này mới kỳ lạ thật”.

“Chuyện nói nghe khó tin”, ngài Henry Clithering nghiêm giọng nói.

“Thiệt ra có nhiều cách lý giải việc này”. Marple lên tiếng, hai gò má đỏ ửng lên vì thích thú. “Ví dụ như, lúc đó có một người lạ...”.

“Thưa dì”, Raymond West vui miệng nói, “tôi không muốn nghe chuyện ở làng quê. Tôi sợ nhớ những vụ án và những kẻ bỏ đi mất tích ... mấy chuyện này thì ngài Henry có thể ngồi kể hàng giờ chưa hết”.

“Tôi không bao giờ nói chuyện mua sắm”, ngài Henry rụt rè nói. “Không, tôi chẳng khi nào nói tới việc mua sắm”.

Ta còn nhớ trước đây ngài Henry đã từng là cảnh sát ở Scotland Yard.

“Tôi cho là còn nhiều vụ việc và cả những vụ án, cảnh sát chịu bó tay không tìm ra”. Joyce Lemprière nói.

“Điều đó ta phải công nhận”, Petherick nói.

“Tôi chưa nghĩ ra”, Raymond West lên tiếng. “Liệu có một bộ óc tinh tường có thể tìm ra tất cả manh mối ? Thường thì ai cũng cho là một thám tử không phải lúc nào sử dụng hết khả năng trí tưởng tượng của mình”.

“Người tầm thường thì họ cho là vậy”, ngài Henry nói mỉa.

“Ông có cần triệu tập một hội đồng”, Joyce vừa nói vừa cười. “Chuyện tưởng tượng và triết lý xin dành cho các nhà văn...”.

Nàng khiêm tốn nghiêng người trước mặt Raymond, và thấy anh ta tảng lờ đi.

“Tài viết lách của nhà văn nhìn thấy tận tâm can mỗi người”, anh ta nghiêm giọng nói, “thấy được cái mà người tầm thường không nhận ra”.

“Tôi biết mà cậu ơi”, bà Marple lên tiếng. “Sách của cậu viết toàn chuyện cao siêu. Cậu có nghĩ là các nhân vật cảm thấy khó chịu khi được hư cấu ?”.

“Thưa dì”, Raymond dịu giọng xuống, “dì cứ tin đi. Cháu mong là không làm cho họ phải bức mình”.

“Ý dì muốn nói là...”, bà Marple nói, vừa nhíu mày nhắm tính lại mấy mũi đan, “có nhiều người không hẳn là tốt hay xấu cả đâu, chỉ có điều rất là ngớ ngẩn”.

Ông luật sư Petherick lại húng hắng ho.

“Này Raymond”, ông nói, “cậu nghiêng về phần trí tưởng tượng nhiều quá thì phải ? Trí tưởng tượng có khi là nguy hại lắm, trong nghề làm luật tôi hiểu rõ điều đó. Phải biết tách ra những chứng cứ phân minh, manh mối nào ra manh mối đó... Tôi cho đó một phương pháp hợp logic để tìm ra chân lý. Trong nghề lâu năm mới thấy được phương pháp đó hoàn toàn đúng”.

“Ô hay !”, Joyce kêu lên một tiếng, nàng ngả người ra sau, vể mặt bức bối. “Tôi dám đánh cuộc với ông một phen này. Không kể tôi là phận đàn bà - tùy ông nghĩ, phụ nữ có bản năng trực giác mà cánh đàn ông thì không. Tôi còn là một nghệ sĩ. Có những việc tôi biết mà ông thì không. Là một nghệ sĩ tôi phải tiếp xúc với nhiều giới, và nhiều loại người khác nhau. Tôi biết nhiều điều mà bà Marple thân yêu đây không hề biết tới”.

“Tôi thì chả biết gì mấy việc đó”, bà Marple nói. “Tôi chỉ biết chuyện ở trong làng vẫn còn nhiều điều trái tai gai mắt”.

“Tôi có thể nói được chứ?”, ngài mục sư Pender vừa nói, miệng nở một nụ cười. “Lúc này mấy ông mục sư thường bị trêu, tôi biết chứ, chúng tôi nghe kể lắm điều, chúng tôi biết cả mặt xấu của con người mà người ngoài thì không hay biết gì”.

“Khá lắm”, Joyce nói, “tôi thấy đây là một cuộc họp mặt khá hoàn chỉnh. Thế thì ta nên lập ra một câu lạc bộ có được không ? Ngay hôm nay ? Hay là chờ đến thứ ba ? Lúc đó ta đặt cho câu lạc bộ cái tên “Câu lạc bộ ngày thứ Ba”. Mỗi tuần gặp nhau một lần, theo thứ tự lần lượt mỗi hội viên đề xuất ý kiến. Một vài vụ việc bí ẩn có thể từng người sẽ tìm ra được câu giải đáp. Để tính coi ta có bao nhiêu người ? Một, hai, ba, bốn năm. Vậy là sáu cả thấy”.

“Còn thiếu tôi nữa, cung ơi”, bà Marple cười hớn hở lên tiếng.

Joyce có phần hơi lúng túng và nàng nhanh trí phớt lờ ngay.

“Thế thì hay biết mấy, bà Marple”, Joyce nói. “Tôi tưởng đâu bà không thích tham gia”.

“Tôi thấy nó cũng hay hay”, bà Marple nói. “Nhất là có thêm mấy ông thông minh tài trí thì còn gì bằng, vì ở quanh vùng St. Mary Mead lâu nay nên tôi hiểu rõ về bản chất con người”.

“Được vậy thì chúng tôi mừng lắm”, ngài Henry lịch sự nói.

“Ai muốn phát biểu trước ?”, Joyce nói.

“Tôi chắc là có”, ngài mục sư Pender nói. “Chúng ta may mắn được gặp gỡ một nhân vật có tiếng tăm như ngài Henry đây”, bỗng ông im lặng, lịch sự nhìn về phía ngài Henry.

Vị khách quý ngồi lặng thinh một hồi. Chợt thở ra, vất chéo chân lại, nói:

“Tôi thấy khó mà nói ra cho đúng trọng tâm nhưng mà thấy sao tôi kể ra vậy, câu chuyện có phần trùng hợp với nội dung muốn đề cập. Chắc các bạn còn nhớ vụ án báo đã đăng cách nay cả năm. Vụ đó đầu đã phá được, may sao cách đây vài hôm tôi tình cờ nghĩ ra được một phương án giải quyết”.

“Chuyện xảy ra cũng đơn giản. Trên bàn ăn chỉ có ba người, ngoài các món bình thường còn có món tôm hùm đóng hộp. Tối hôm đó, cả ba người thấy đau, vội mời bác sĩ tới. Hai người được chữa khỏi còn người kia chết”.

“Ấy chà !”, Raymond kêu lên một tiếng.

“Như tôi đã kể, manh mối chẳng có gì, cái chết là do ăn nhầm ptomaine (chất độc có ở động vật) bác sĩ pháp y xác nhận và nạn nhân được chôn cất tử tế. Nhưng vụ việc chưa dừng ở đó”.

Bà Marple gật đầu.

“Phải có chuyện gì trong bữa ăn, theo tôi nghĩ”, bà nói, “bữa ăn nào cũng vậy”.

“Để tôi kể về các vị khách trong bữa ăn. Tôi cho mời hai vợ chồng ông bà Jones, luôn cả người bạn thân của bà vợ là cô Clark. Ông Jones nguyên là một nhân viên giao dịch cho hãng dược phẩm. Nhìn bề ngoài ông điển trai, cầu kỳ, dù hơi thô lỗ, tuổi đã ngũ tuần. Vợ ông trông có vẻ dân dã hơn, khoảng bốn mươi tuổi. Bà đi cùng với một người bạn là bà Clark, tuổi sáu mươi, mập mạp, da dẻ hồng hào. Nói chung nhìn mọi người không thấy một nét nào đáng lưu ý”.

“Mọi việc diễn ra trong một tình huống thật bất ngờ. Câu chuyện như vậy, đêm trước đó ông Jones ngủ ở khách sạn ở Birmingham. Hôm đó tập giấy thấm mới vừa được thay và người hầu phòng trong lúc rảnh rỗi mới đem tờ giấy thấm soi vô gương chơi, nhằm lúc ông Jones vừa mới viết thư. Qua mấy bữa sau trên báo đăng tin bà Jones chết do ngộ độc thức ăn tôm hùm đóng hộp, người hầu phòng mới đem kể lại cho đồng nghiệp nghe, nội dung đọc được mấy dòng chữ in trên tờ giấy thấm. Có đoạn thế này: Cái đó để hỏi lại vợ tôi... nếu bà ấy chết thì tôi ... có cả hàng trăm hàng ngàn...”

“Các bạn còn nhớ cách đây không lâu xảy ra một vụ chồng đầu độc vợ. Chẳng có gì lạ khi trí tưởng tượng của mấy người hầu được khơi dậy. Ông Jones lập mưu muốn giết vợ để chiếm đoạt mức tài sản lên tới hàng trăm ngàn bảng Anh. Một sự trùng hợp ngẫu nhiên trong số bạn

bè người hầu khách sạn lại đang sống tại vùng thị trấn gần nhà ông bà Jones. Cô ta viết thư cho bạn và rồi nhận được thư trả lời, cho hay ông Jones đang để ý cô con gái ông bác sĩ trong làng, cô nàng trẻ đẹp, ba mươi ba tuổi. Mọi việc ầm ĩ cả lên, đến nỗi ông Bộ trưởng bộ Nội vụ phải can thiệp. Thư nặc danh gởi tới sở mật thám Scotland Yard tố cáo ông Jones giết vợ. Câu chuyện đồn đại khắp làng. Để trấn an dư luận, một cuộc khai quật được tiến hành. Theo tin đồn thì không có bằng chứng xác đáng; tuy vậy cần phải đưa ra bằng chứng cụ thể. Y như rằng, sau cuộc giải phẫu tử thi khám nghiệm nạn nhân bị trúng độc thạch tín. Sở mật thám Scotland Yard cùng với chính quyền địa phương đang truy tìm thủ phạm vụ đầu độc chất thạch tín”.

“Chà !”, Joyce nói, “vụ này coi vậy mà đáng cho ta lưu ý”.

“Mọi giả thiết đổ dồn về phía người chồng, người được thừa hưởng món tiền kếch xù. Không phải số tiền lên tới hàng trăm ngàn như cô hầu phòng tưởng tượng, thực sự chỉ khoảng từ 8.000 đồng bảng Anh. Trong túi ông ta chỉ vừa đủ tiền xài, ngoài ra không có của cải gì khác, hay thích tiêu pha và ham thích của lạ. Chúng tôi đã cho điều tra kỹ chuyện lui tới giữa ông và cô nàng con gái ông bác sĩ trong vùng mới hay là hai bên tuy có gần bó với nhau một thời gian nhưng cách đây hai tháng bỗng cắt đứt quan hệ. Ông bác sĩ đã có tuổi sống vô tư, nhàn nhã; hay tin cuộc khám nghiệm tử thi khiến ông sững sờ. Tối hôm đó ông tới nơi khám cho ba người đang rên rỉ, thấy bà Jones là nặng nhất nên sai người lại hiệu thuốc mua mấy viên thuốc giảm đau (nha phiến). Dù đã đến cứu chữa tận tình nhưng nạn nhân vẫn không qua khỏi; chính ông cũng không nghi vấn có việc gì không ổn. Ông chẩn đoán nạn nhân chết do ngộ độc thức ăn. Bữa ăn tối hôm đó dọn ra bàn có món tôm hùm đóng hộp, rau cải, món bánh ngọt, bánh mì và pho mát. Điều không may là trên bàn không còn sót một chút nào món tôm hùm... mọi người ăn hết, lon hộp thì vứt đi. Ông cho mời Gladys Linch, hầu phòng ra thẩm vấn. Trông cô nàng có vẻ bối rối, run sợ và xúc động, lúc này khó mà kể lại cho chính xác, cô quả quyết nhìn thấy hộp đồ ăn còn nguyên nắp không căng phồng, món tôm hùm rất ngon miệng.

“Ta đã có được manh mối. Nếu ông Jones có ý đầu độc vợ thì có gì phải làm hại luôn cả ba người trong bữa ăn. Hơn nữa, còn một điểm, ông Jones vừa từ Birmingham trở về nhà thì bữa ăn đã dọn sẵn ra bàn, làm sao có thể nghi cho ông bỏ thuốc độc vô món ăn trước đó được”.

“Thế còn người bạn của bà ấy thì sao ?”. - Joyce hỏi - “Cái bà mập ú có gương mặt ngộ nghĩnh đó”.

Ngài Henry gật đầu.

“Ta không nên bỏ qua manh mối cô Clark, tôi xin nhắc lại. Nhưng thử hỏi việc gì bà ta nhúng tay vô chuyện đó. Bà Jones không để lại cho bà ta một món tài sản nào hết, sau khi bạn mình chết đi bà ta phải đi chỗ khác”.

“Vậy ta có thể gác qua một bên”, Joyce ngẫm nghĩ nói.

“Ta hãy chờ xem có ông thanh tra mật thám đưa ra manh mối xác đáng”. Ngài Henry tiếp tục câu chuyện. “Sau bữa ăn ông Jones trở xuống bếp nhờ nấu một tí cháo ngô, ông nghe bà vợ nói thấy trong người khó chịu. Ông chờ Gladys Linch nấu xong bưng lên phòng vợ.

Ông luật sư gật đầu.

“Manh mối khác là...”, ông nói, nhắm tính trên đầu mấy ngón tay – “...thời cơ. Ông ta là nhân viên tiếp thị cho hãng dược phẩm có kinh doanh thuốc độc”.

“Gã là một tay dễ sa ngã”, ngài mục sư nói thêm vô.

Raymond West chăm chú nhìn qua ngài Henry.

“Còn một điểm ta chưa phát hiện”, anh nói. “Sao ngài không ra lệnh bắt giữ thủ phạm ?”.

Ngài Henry cười mỉa.

“Đây là một phần kẻ hở trong vụ án. Khi mọi việc tưởng chừng êm xuôi, đừng cái nửa

chừng phải dừng lại. Jones không thể bị bắt giữ vì sau cuộc thẩm vấn cô Clark khai ra hôm đó cô ta đã ăn hết tô cháo ngô chứ không phải bà Jones”.

“Quả thực, như mọi bữa bà ta vẫn vô ra phòng bà Jones, tô cháo thì để gần chỗ bà ngồi trên giường”.

“Tôi thấy trong người hơi khó chịu, Milly. Cũng chỉ tại tôi mà ra, ham ăn món tô hùm buổi tối. Tôi nhờ Albert chạy đi nấu tô cháo ngô, nhưng mà sao tôi thấy nuốt không vô”.

“Tôi nghiệp chưa”, cô Clark lên tiếng. - “Cháo nấu ngon. Gladys thật khéo tay. Bọn trẻ ngày nay ít có đứa nào biết nấu cháo ngô ăn cho vừa miệng. Nói thiệt đang đói bụng tôi cũng thích ăn một tô cháo”.

“Ừa sao chị nói gì lạ vậy?”, bà Jones hỏi.

“Tôi phải nói cho rõ hơn”, Ngài Henry cắt ngang, “cô Clark sợ mập, đang ăn kiêng”.

“Không nên, Milly, nó không tốt cho chị đâu”, bà Jones nhắc, “Nhưng nếu Thượng Đế tạo ra chị mập thì chị phải mập. Chị cứ ăn hết tô cháo, chẳng lên kí đâu”.

“Tức thì cô Clark bưng tô cháo húp hết một hơi. Vậy là rõ quy tội cho người chồng là sai. Khi được hỏi mấy dòng chữ in trên tờ giấy thẩm, ông Jones nói ra ngay. “Đó là khi ông vừa viết trả lời cho ông anh ở bên Úc xin tiền, trong thư ông kể ông sống nhờ bên vợ. Khi nào vợ chết thì ông mới nắm được tiền trong tay; lúc đó mới có thể giúp đỡ anh em. Tiếc là lúc này chưa giúp gì được, trên đời này còn có hàng trăm ngàn người cùng một cảnh ngộ khó khăn”.

“Tức là vụ án coi như bế tắc”. Ông mục sư Pender nói.

“Vụ án đành để vậy”. Ngài Henry nghiêm giọng nói. “Chúng tôi không có cơ sở để bắt giữ ông Jones vì thiếu bằng chứng”.

Cả gian phòng lặng lẽ một lúc chợt Joyce lên tiếng - “Thế là hết, phải vậy không?”.

“Một vụ án điển hình trong năm rồi, sở mật thám Scotland Yard đang nắm giữ bí mật vụ án, đợi mấy hôm nữa coi báo thì biết”.

“Bí mật vụ án”, Joyce ngẫm nghĩ nói. “Chưa biết sao. Ta hãy dành năm phút động não tìm câu giải đáp”.

Raymond West gật, đưa tay chỉnh kim đồng hồ. Vừa hết năm phút anh nhìn qua ông mục sư Pender.

“Ngài muốn phát biểu trước à”, anh nói.

Ông Pender lắc đầu. “Thú thật”, ông nói, “tôi đang còn bối rối. Theo tôi nghĩ thì người chồng chính là thủ phạm nhưng trường hợp phạm tội ra sao tôi chưa thể nghĩ ra được. Theo tôi thì có thể ông đã cho thuốc độc vô đồ ăn mà ta chưa thể làm sao chứng minh được việc đó”.

“Joyce nghĩ sao?”.

“Tôi cho là người bạn thân”, Joyce nhất quyết. “Đích thị là người bạn của bà ấy. Làm sao ta có thể biết động cơ nào cô ta phải ra tay? Cô ta yêu chồng của bạn mình nhưng ông ta không đáp lại, thứ nhất cô ta đã có tuổi, người mập mạp xấu xí thì làm sao ông Jones yêu được. Cô ta có lý do để chán ghét bà chủ - trong vai người bạn - lúc nào cũng phải vui vẻ, phải biết nhịn nhục. Cho đến một bữa chịu không nổi cô ta quay ra giết bà chủ. Chuyện cô ta bỏ thạch tín vô tô cháo ngô là có thật, còn chuyện cô ta ăn hết tô cháo là chuyện láo”.

“Ông Petherick nghĩ sao?”

Ông luật sư chum mấy đầu ngón tay lại theo kiểu nhà nghề. “Tôi thấy khó nói quá. Có nhiều duyên cớ tôi thấy khó nói ra”.

“Xin ông cứ tự nhiên, ông Petherick”, Joyce nói, “ông đừng nên giữ kẽ mà nói “sợ tổn hại”, theo luật mà nói. Ông phải tham gia ý kiến”.

“Thật ra thì...”, ông Petherick lên tiếng, “tôi thấy không có gì đáng nói, vì đã có rất nhiều vụ trong đó người chồng là thủ phạm. Có một cách giải thích, nhiều chứng cứ cho thấy bà Clark góp phần che đậy cho ông chồng. Vì có thể cả hai bên đã bàn tính đến chuyện tiền nong. Ông thì biết rõ mình là nghi can số một, về phía bà ta trước sau gì cũng là một kẻ nghèo túng nên đã rắp tâm bịa ra chuyện húp hết phần tô cháo ngô. Đối lại bà ta sẽ được một món tiền hậu hĩ. Nếu trình tự diễn ra theo đúng bài bản thì phải nói đây là một vụ án khác thường. Rất là khác thường”.

“Tôi không cho là vậy đâu”, Raymond nói “Ông đã quên mất một manh mối quan trọng trong vụ này. Người con gái ông bác sĩ. Tôi sẽ giả thiết như sau: Cái hộp tôm hùm đã hư, như vậy là ăn vô có thể bị trúng độc. Ông bác sĩ được mời tới. Lúc này bà Jones bị nặng nhất - bà ăn nhiều tôm hơn hai người kia - và theo lời ông kể lại, thầy thuốc sai người về lấy mấy viên thuốc giảm đau (nha phiến). Nên nhớ là ông nhờ người khác đi lấy thuốc. Ai đứng ra giao thuốc cho người kia ? Phải là con gái ông, tức là nàng thay mặt ông phát thuốc cho bệnh nhân. Cô nàng đang yêu ông Jones. Nhân lúc này, vì tình mà tâm trí nàng mù đi, chỉ còn nghĩ tới chuyện ông muốn được tự do với nàng vì thế nàng quyết định ra tay. Nàng mới giao cho người kia mấy viên thạch tín nguyên chất. Đây là cách giải thích của riêng tôi”.

“Đến lượt ngài Henry cho biết ý kiến”, Joyce thúc giục.

“Để tôi nghĩ lại”, Henry nói. “Còn bà Marple chưa thấy nói gì hết”.

Bà Marple buồn bã lắc đầu.

“Ồi giờ ời”, bà kêu lên. “Tôi lỗi mất một mũi đan, mà để tai nghe kể chuyện. Một câu chuyện thương tâm, thật đáng thương tâm. Nghe rồi tôi mới nhớ lại câu chuyện lão Hargraves ở vùng Mount. Vợ ông không hề hồ nghi... cho đến lúc ông chết để lại tất cả tiền bạc cho người đàn bà ông đã ăn ở với nhau có năm mặt con. Trước kia nàng là người giúp việc trong nhà. Con bé thật dễ thương - bà Hargraves vẫn thường nhắc - cô ta làm việc hàng ngày, trừ ngày thứ sáu được nghỉ. Thế rồi lão Hargraves đem con bé gởi cho người quen ở làng kế cận xin được một chân làm người quỳn tiền cho nhà thờ vào mỗi ngày lễ chủ nhật”. *(nhân vật này hay “liên hệ”, làm rối người xem, ☺)*

Thừa dì Jane”, Raymond có vẻ bồn chồn nói. “Vậy chuyện ông Hargraves chết thì có dính dáng gì tới vụ này ?

“Nghe chuyện này tôi chợt nhớ lại ông ta ngay” Bà Marple nói. “Manh mối thì cũng như nhau, phải vậy không ? Tôi thấy để cho cô gái ra khai hết chắc là có manh mối, ngài Henry”.

“Có cô gái nào ?”, Raymond hỏi lại. “Thừa, dì vừa mới nói gì vậy ?”.

“Cái cô giúp việc đáng thương kia, Gladys Linch đó mà - vừa nghe ông bác sĩ phán một câu là nó đã run sợ khiếp vía... hay không chừng là nó, của đáng tội. Ta muốn thấy lão Jones bị treo cổ. Còn con bé chính là thủ phạm, cũng nên xử tội treo cổ”.

“Tôi e là, thưa bà Marple, trong vụ này bà có phần ngộ nhận”, ông luật sư Petherick góp lời.

Bà Marple lắc đầu cứ nhất quyết là mình nghĩ đúng, bà nhìn qua ngài Henry.

“Tôi nói đúng chứ, phải không ? Tôi thấy chuyện rõ như ban ngày. Trên giấy còn ghi lại... *có cả hàng trăm ngàn... và món bánh ngọt...* chi tiết này không thể bỏ qua”.

“Món bánh ngọt và dòng chữ viết hàng trăm ngàn, nghĩa là thế nào ?”, Raymond thốt lên.

Bà dì quay qua nhìn.

“Mấy bà nấu bếp như mọi khi bỏ thêm cả trăm thứ vô món bánh, cháu hiểu chưa?”, bà nói “Mấy cái thứ đường cát đủ màu hồng hồng trắng trắng. Tất nhiên khi nghe nhắc chuyện dọn món bánh ngọt ra trên bàn và khi nghe kể chuyện ông chồng viết thư có nhắc mấy chữ... *có cả hàng trăm ngàn*... khiến ta liên tưởng đến hai việc đó là một. Và đây cái món chất độc thạch tín... có cả hàng trăm ngàn hạt li ti. Ông để lại đó cho con sen dặn nhớ thêm vô trong món bánh ngọt”.

“Chuyện nghe thật phi lý”, Joyce nhanh miệng nói. “Vì mọi người cùng ăn món bánh ngọt”.

“Ôi, không” bà Marple nói, “cô bạn đang ăn kiêng, em nhớ cho. Một khi cô đang kiêng ăn thì không nên ăn đồ ngọt, và giả sử Jones lấy muống cao lớp màu rải trên mặt phần bánh rồi để qua một bên, làm vậy thì được thôi, nhưng mà cũng không ổn lắm”.

Mọi cặp mắt đổ dồn về phía ngài Henry.

“Tôi thấy vụ này lạ lắm”, ông chậm rãi nói- “Bà Marple vừa nghĩ ra một chuyện có thật. Lão Jones đã đưa Gladys Linch vô tròng như nhân gian thường nói. Cô nàng gần như tuyệt vọng. Lão cầu cho vợ chết để lấy Gladys như đã ước nguyện trước với cô nàng. Lão bịa ra mấy chữ *có cả trăm ngàn* lưu lại để cho cô nàng đem ra kể lại cho mọi người nghe nên sử dụng như thế nào. Gladys Linch đã chết cách nay một tuần lễ. Con cô ta mới sinh ra đã chết, lão Jones bỏ theo một cô khác. Lúc sắp chết cô nàng muốn thú tội”.

Mọi người ngời lặng thình một lúc, chợt nghe Raymond lên tiếng:

“Vậy là, thưa dì Jane, việc này giống như điều dì đoán. Không hiểu sao dì lại nghĩ ra được một câu chuyện có thật như vậy được. Tôi thì không dám cho là một người giúp việc lo việc nấu ăn lại dính dáng vô mấy việc này”.

“Làm gì có”, bà Marple nói, “cháu chưa hiểu đời bằng ta. Một người như lão Jones - thô lỗ nhưng mà vui tính, khi dì được nghe trong nhà có con hầu xinh đẹp thì dì biết ngay lão chủ chẳng để cho nó yên thân đâu. Phải nói đấy là một câu chuyện đau thương chứ không hay ho gì mà kể ra. Bà Hargraves cũng sốc một thời gian dài và đấy cũng là câu chuyện bị đàm tiếu một thời trong làng”.

Đền nữ thần ASTARTE

"Thưa mục sư Pender, ngài định kể lại chuyện gì đây ?".

Ngài mục sư nhếch mép cười, khoan thai nói:

- Cả đời tôi quanh quẩn nơi chốn lạng lẽ", ông nói, "chẳng nghe thấy biến cố gì lớn lao. Nhớ lại cái hồi còn thanh niên tôi đã trải qua những kỷ niệm không thể quên".

"Ồ, Joyce Lempriere thích thú kêu lên.

"Chuyện đó với tôi không khi nào quên", ngài mục sư kể lại "Nó đã in sâu trong trí từ dạo đó, mãi đến hôm nay, dù chỉ gợi lại nhưng tôi nhớ rõ mồn một cái cảnh tượng khủng khiếp... nhìn nạn nhân chết tức tưởi vì một lý do không đâu".

"Nghe kể tôi thấy rùng mình, Pender". Ngài Henry hồi hộp.

"Từ lúc đó, hễ mỗi khi nghe ai nhắc tới cảnh tượng đó tôi cảm thấy không cười nổi. Chuyện đó có thật mà. Có rất nhiều cái ta vừa cảm thấy lạnh hoặc dữ, dường vừa có cảm giác là như có một thể lực vô hình nào đó".

"Ngôi nhà đó, Larches, như thể là một điềm gở" ba Marple nhắc lại. "Lão Smithers mất hết của trắng tay phải bỏ đi nơi khác. Tiếp đến nhà Carslakes; đến một bữa Johnny Carslake té cầu thang gãy chân, bà Carslake sức khỏe suy yếu phải đi về miền nam nước Pháp tĩnh dưỡng. Nghe nói nhà Burdens mới dọn về ở thì ông Burden phải vô nằm nhà thương chờ mổ".

"Nói chung tôi thấy các người chỉ tin vô chuyện mê tín dị đoan", ông luật sư Petherich nói. "Nơi đó đã chịu nhiều mất mát nên thiên hạ phao tin đồn đại vô tội vạ".

"Tôi biết một vài "hồn ma" tính cách mạnh mẽ còn hơn cả người thật", ngài Henry vừa cười khúc khích vừa kể.

"Tôi đề nghị", Raymond nói, "ta ngồi lại lắng nghe ngài Pender kể tiếp câu chuyện".

Joyce đứng dậy với tay tắt bớt hai ngọn đèn, căn phòng sáng lên nhờ ánh lửa từ bếp sưởi.

"Một bầu không khí u tịch", cô nói. "Nào ta có thể bắt đầu được rồi đây".

Ngài Pender nhìn qua nàng cười, ông ngồi dựa lưng ra sau ghế gỗ cặp kính kẹp mũi ra, ông bồi hồi kể lại:

"Ở đây có ai biết vùng cao nguyên Dartmoor chưa. Câu chuyện tôi sắp kể đây xảy ra ở một nơi gần biên giới Dartmoor. Ngôi nhà là một món tài sản rất quý giá, bán mấy năm nhưng chưa có ai tới dám hỏi. Lúc đó nhằm vào mùa đông lạnh lẽo, nhưng ai cũng nhìn thấy những nét đẹp kỳ ảo của ngôi nhà. Về sau nó được bán cho một vị khách tên là Haydon - ông Richard Haydon. Tôi biết ông từ ngày còn học ở đại học, bằng đi một thời gian chúng tôi không liên lạc dù vẫn còn gần bó. Cho đến khi nhận được giấy mời tới thăm khu rừng có tên gọi là Silent Grove (là cái tên mà ông mới đặt khi làm chủ ở đây).

"Bữa tiệc mời không có gì là ồn ào. Chủ nhân Richard Haydon và người bà con tên là Elliot Haydon. Ngoài ra còn có phu nhân Monnering dắt theo cô con gái mắt mũi xấu xí, đáng điệu rụt rè tên là Violet. Hai vợ chồng Đại úy Rogevin là những nhà chơi thể thao, mặt mũi rầm rắng, thích môn đua ngựa, săn bắn. Phải kể thêm hai vợ chồng trẻ nhà Syrnonds và cả cô nàng Diana Ashley. Tôi biết chút ít về cô nàng này. Hình chụp cô nàng được đưa lên báo xã hội thường xuyên, một trong những người đẹp nhiều tai tiếng nhất trong vùng. Sự xuất hiện của

nàng phải nói là gây xôn xao. Trông bề ngoài ngăm ngăm đen, khổ người cao ráo, làn da phơn phớt màu kem nhạt. Đôi mắt đen lầy khếp hờ nhìn chếch về một bên tạo cho nàng một gương mặt huyền bí đông phương. Nàng được trời phú cho giọng nói thanh tao”.

“Tôi biết ngay ông bạn Richard Haydon say mê con bé, đoán chừng bữa tiệc có ý dành riêng cho nàng. Còn nàng nghĩ ngợi ra sao tôi chịu, không thể đoán. Nàng có những sở thích bốc đồng. Một hôm đang nói chuyện với Richard nàng không thèm nhìn đến những người xung quanh, qua bữa sau đổi ý thích, tán tỉnh Elliot anh chàng bà con cùng họ. Hôm đó, cô ta quên bằng Richard, thật xấu không chữa, cô ta liếc mắt đưa tình với anh chàng bác sĩ Symonds âm thầm lặng lẽ ngồi khuất ở một nơi”.

“Qua bữa sau tôi được chủ nhà dẫn đi coi một vòng quanh nhà. Nhà thì chẳng có gì lạ, xây bằng loại đá granite lấy ở Devonshire, một chất liệu xây dựng bền bỉ, không đẹp nhưng mắt mẽ thoải mái. Đứng bên cửa sổ nhìn ra bao quát cả một vùng quang cảnh Moor, những dãy đồi phủ kín loài cây chịu hạn, cây Tors.”

“Xuôi theo triền đồi Tor, nơi gần nhất nổi lên những chòi nhà tranh di tích thời kỳ Đồ Đá. Bên quả đồi kia là khu mộ cổ vừa được khai quật, thu nhặt được vài mớ dụng cụ bằng đồng còn sót lại. Haydon là một tay thích sưu tầm đồ cổ, ông ta thao thao kể đây là nơi còn lưu lại rất nhiều di tích thời cổ”.

“Những cư dân thời kỳ Đồ Đá mới, người Druids, người Roman cả những dấu tích của giống người cổ đại Phoenicians còn lưu lại nơi đây”.

“Có thể nói chỉ còn nơi này còn sót lại nhiều điều kỳ thú”, ông ta kể. “Nơi này được đặt cho cái tên là Silen Grove. Thế đấy, ta sẽ hiểu ngay vì sao vùng đất được đặt cho một cái tên lạ hoắc”.

“Ông ta chỉ tay về phía trước mặt, một vùng đất trống trải - một vùng đá sỏi, chỉ còn loài cây thạch thảo, cây dương xỉ - phải đi xa hơn trăm mét mới đến cánh rừng rậm rạp”.

“Đây là khu di tích thời cổ”, Haydon nói, “cây khô lâu nay đã được trồng mới, nhìn bao quát tưởng đâu là khu rừng nguyên sinh - như trong thời kỳ người Phoenicians đi khai phá. Hãy đi theo tôi”.

“Chúng tôi đi theo ông ta. Vừa thấy khu rừng một cảm giác kỳ lạ ập đến với tôi. Phải nói như lạc lối vào một vùng tĩnh lặng, cây cối um tùm không nghe thấy một tiếng chim hót. Một cảm giác ghê rợn và hoang vắng. Tôi nhìn lại thấy Haydon nhếch mép cười khó hiểu”.

“Ông thấy chỗ này ra sao, Pender?”, ông ta hỏi tôi. “Có gì lạ à ? Hay là ông thấy khó chịu trong người?”.

“Tôi không thích chỗ này”, tôi lặng lẽ đáp.

“Đó là cảm giác của ông. Đây là cứ điểm của một bộ tộc thời trước nghịch với tín ngưỡng của ông. Nơi đây là khu rừng Nữ thần Astarte”.

“Nữ thần Astarte?”.

“Astarte hay là Ishtar hoặc Ashtoreth, gọi theo cách nào cũng được. Tôi thích gọi tên Astarte như người Phoenician. Quanh vùng này có một khu rừng gọi là Grove of Astarte nằm về hướng Bắc của bức tường thành. Tuy chưa rõ nhưng tôi tin là đã có một khu rừng mang tên Grove of Astarte. Không đâu xa, ngay trong khu rừng này xưa kia là nơi tế lễ linh thiêng”.

“Tế lễ linh thiêng?”, Diana Ashley nói khẽ, mắt nàng nhìn xa xôi. “Họ là ai vậy, tôi chưa hiểu”.

“Một bộ tộc không có tiếng tăm”, đại úy Roger cười vang, nói băng quơ.

Haydon chẳng màng để ý.

“Theo tôi có thể còn một ngôi đền ngự trị ngay giữa khu rừng”. Ông kể. “Tôi chưa vô tới ngôi

đền, nhưng nghĩ là có nó !!

“Cũng vừa lúc chúng tôi bước ra ngoài tới một nơi trống trải ngay giữa cánh rừng. Ngay nơi này có một cái chòi xây bằng đá. Diana Ashley ngơ ngác nhìn qua Haydon.

“Tôi nghĩ nên gọi nó là Idol House”, ông ta nói. “Đây là ngôi đền Idol House of Astarte”.

“Ông ta đi vô trong. Bên trong phía trước mặt chúng tôi là một cây cột gỗ mun khắc chạm hình tượng người đàn bà sừng nhọn, cười sụ tử”.

“Nữ Thần Astarte của người Phoenician”, ông Haydon vừa nói, “Nữ thần Mặt trăng”.

“Nữ thần Mặt trăng”, Diana kêu lên một tiếng. “Chà, đêm nay ta làm tiệc giữa rừng thử một bữa. Ta mặc đồ hóa trang. Tất cả cùng bước ra ngoài dạo dưới ánh trăng làm lễ tôn vinh nữ thần Astarte”.

“Bỗng tôi xoay người lại, nhanh chân, Elliot Haydon - người anh em họ với Richard - tiến lại gần chỗ tôi đứng”.

“Ông không thích mấy chỗ này hở Padre?”, anh ta hỏi.

“Không”, tôi nói ra ngay. “Không thích”.

Anh ta ngơ ngác nhìn tôi. *“Chuyện vớ vẩn. Dick làm sao biết đây là nơi chốn linh thiêng. Anh ta thích đùa thế thôi. Nhưng mà nếu quả thật...”.*

“Nếu quả thật thì sao...?”.

“Vậy thì...”. Anh ta cười gượng gạo. “Ông không tin có chuyện đó, phải không ? Bởi ông là một người tu hành”.

“Tôi không chắc chuyện một người tu hành tin hay không chuyện này”.

“Nhưng mà chuyện thần thánh đó thì đã qua từ lâu”.

“Tôi cũng không biết ra sao”, tôi nói hờ. “Nhưng tôi biết một việc: tôi cảm thấy không hợp với không khí nơi này, lúc mới bước vào rừng, một cảm giác kinh dị và ma quái vây quanh tôi”.

“Anh ta liếc nhìn qua vai một cách khó chịu”.

“Ờ”, anh ta nói, “đấy - nó lạ kỳ lắm. Tôi hiểu ý ông muốn nói nhưng do chúng ta quá tưởng tượng đó thôi. Symonds, anh định nói gì vậy?”.

Anh chàng bác sĩ ngẫm nghĩ một hồi mới lặng lẽ nói ra:

“Tôi không thích chỗ đó, nhưng tôi không biết tại sao. Thật tình tôi không thích lui tới những chỗ này”.

Cũng vừa lúc Violet Mannering chạy tới.

“Tôi không thích vô đây”, nàng kêu lên. “Tôi chán chỗ này, ta đi khỏi đây đi”.

“Chúng tôi rủ nhau bỏ đi ra chỉ mỗi nàng Diana Ashley còn nấn ná ở lại. Ngẩng đầu liếc nhìn qua vai, thấy nàng đứng đó tần ngần một hồi trước ngôi đền, ngẫm nhìn say sưa hình tượng chạm khắc trên mặt đá”.

“Ngày hôm đó tôi có cảm giác nóng bức khác thường, nhưng là một ngày đẹp trời, Diana Ashley đề nghị mở hội hóa trang, tức thì mọi người hưởng ứng nhiệt liệt. Tiếng cười nói khúc khích lảng lẽ bên nhau lo may cho xong đồ hóa trang, đến khi mọi người ngồi vô bàn ăn nhìn nhau rồi cười rộ lên. Hai vợ chồng nhà Rogers giả trang người thời Đồ Đá Mới - không hiểu vì sao còn thiếu tấm thảm lót trước bếp sưởi. Richard Haydon trong bộ đồ thủy thủ người

Phoencian, bên cạnh người anh em họ sắm vai tên cướp biển, bác sĩ Symond trong vai bếp trưởng, phu nhân Mannering làm cô y tá, cô con gái đóng vai kẻ nô lệ người Circassian, còn tôi trong vai một tu sĩ áo mũ trùm kín. Người đến sau cùng là Diana Ashley, mọi người cảm thấy không hài lòng vì nàng khoác trên người chiếc áo choàng đen kinh dị”.

“Tôi là kẻ vô danh”, nàng ung dung nói. “Tôi muốn vậy. Nào chúng ta cùng ngồi vô bàn”.

“Sau bữa ăn bọn tôi ra ngoài. Không khí quang đãng mát dịu, chúng tôi ngắm nhìn trăng lên”.

“Chúng tôi đi dạo nói chuyện phiếm, thời gian trôi qua lúc nào không hay; vừa đi vừa trò chuyện nên thì giờ chóng qua. Mãi gần một tiếng đồng hồ chúng tôi phát hiện Diana Ashley không đi với chúng tôi”.

“Chắc chưa đi ngủ đâu”, Richard Haydon lên tiếng.

Violet Manering lắc đầu.

“Ồ, không”, cô nàng lên tiếng. “Tôi nhìn thấy cô ta đi về hướng này khoảng mười lăm phút”. Cô ta đưa tay chỉ về hướng cánh rừng um tùm, tối đen; dù trời có trăng.

“Giờ này mà bỏ đi đâu?”, Richard Haydon nói. “Cô ta định giờ trò gì đây? Ta đi một vòng thử coi”.

“Mọi người cùng nhau đi, một phần vì hiếu kỳ muốn biết cô Ashley giờ trò gì đây. Riêng tôi thì đang còn lưỡng lự chưa muốn tới chỗ khu rừng cây ma quái. Trong người tôi như có một sức mạnh vô hình muốn níu chân lại. Linh tính báo cho tôi biết chốn đó linh thiêng kỳ quái. Tôi nghĩ trong đầu mấy người kia cũng chẳng khác gì tôi, dù trong bụng không muốn nói ra. Khu rừng cây rậm rạp, ánh trăng không thể len lỏi xuyên qua đám lá để lọt xuống chút ánh sáng. Tai tôi nghe quanh đây những tiếng thì thầm than thở... Một cảm giác kỳ quái, liêu trai, như một phản xạ tự nhiên không ai bảo ai bọn tôi xích lại nhau gần hơn !

“Bỗng hiện ra phía trước mặt là một khoảnh đất sáng loáng, lọt thỏm giữa cánh rừng. Cả bọn kinh ngạc đứng nhìn sững sờ chưa biết gì, thì thấy một hình nhân sáng lung linh quần bằng bó sát người, trên đầu nhô lên hai chiếc sừng nhọn hoắt ngay phía trước thềm ngôi đền Idol House”.

“Lạy Chúa tôi !”, Eichard Haydon nói, mồ hôi vã ra lấm tấm trước trán.

Nhưng Violet Mannering đã kịp định thần lại.

“Sao, chính là Diana”, nàng kêu lên. “Cô định giờ trò gì đây? Chao ôi, người sao mà khác đời”.

Hình tượng đứng trước cửa giờ tay lên vẫy chào, chân bước tới trước một bước, cất tiếng hát ngân vang.

“Ta là Nữ thần Astarte”, nàng ngân nga. “Coi chừng không được xích lại gần ta, bàn tay ta dẫm máu”.

“Thôi mà đừng làm vậy”. Phu nhân Mannering cất tiếng oán trách. “Cô đã làm cho cả bọn tôi sợ hãi”.

Haydon nhào tới trước.

“Lạy Chúa ! Coi kìa Diana !”. Ông ta kêu lên một tiếng. “Em thật lạ lùng”.

“Mắt tôi quen dần với ánh sáng trăng, tôi có thể nhìn rõ mọi thứ. Quả thật y như Violet nhận xét, nhìn cô ta lạ thường. Một gương mặt như được khắc họa. Nét huyền bí phương Đông, đôi mắt nàng để lộ ra những tia chớp độc địa, nụ cười lạ lẫm ngự trị trên môi. Lạ đến nỗi tôi như chưa từng nhìn thấy qua gương mặt này dù chỉ một lần.

“Coi chừng...”, nàng thét lên một lời cảnh báo, “... không được xích lại gần nữ thần. Kẻ nào chạm vô mình ta kẻ đó sẽ chịu chết”.

“Em thật là tuyệt vời, Diana”, Haydon kêu lên. “Nhưng nói thật, tôi không thích em làm vậy đâu”.

“Ông ta bước về phía nàng, trên bãi cỏ. Nàng chỉ tay hướng về ông ta !

“Đứng lại”, nàng thét. “Bước lại gần, ta sẽ dụng phép tà của nữ thần Astarte trừng phạt mi”.

Richard Haydon cười phá ra, sấn tới trước, ngay tức thì một vật lạ xuất hiện. Ông ta ngần ngại chùn bước rồi toàn thân lao đảo, ngã chúi xuống”.

“Một hồi lâu, ông ta vẫn nằm sóng soài trên mặt đất”.

Bất chợt Diana cười rộ lên nghe thật man rợ, một âm thanh kỳ quái phá tan bầu không khí tĩnh lặng nơi chốn rừng thiêng.

Elliot quyết tử nhào tới.

“Ta không thể chùn bước”, anh ta gào lên, “Dick, đứng lên ! anh đứng lên đi !”.

“Richard Haydon không xô dịch một phân. Elliot bước tới gần bên quì xuống lấy tay nghiêng người qua, anh ta nghiêng người áp sát mặt nhìn cho rõ hơn”,

“Anh ta đứng ngay dậy, người đang còn đang run rẩy”.

“Bác sĩ...”, gã lên tiếng, “... bác sĩ, ... vì Chúa xin ông tới ngay đây. Tôi ... tôi thấy anh ta đã chết”.

Symond vụt chạy tới, thấy vậy Elliot chậm rãi bước đến chỗ chúng tôi. Vừa bước đi, gã cúi nhìn xuống hai bàn tay với một vẻ kỳ lạ.

Chợt Diana rú lên nghe kinh rợn.

“Ta đã giết hẳn”, nàng kêu lên một tiếng. “Ôi, lạ Chúa ! Ta không muốn nhưng ta phải giết hẳn”.

Vừa hết câu nàng ngã nhào xuống đất người co rút lại trên bãi cỏ.

Bà Rogers than khóc.

“Hãy giúp chúng tôi thoát khỏi nơi địa ngục trần gian này”. Bà gào thét, “chúng tôi liệu có bề gì không. Chao ôi, khiếp quá !”.

Elliot bước tới níu lấy vai tôi.

“Làm sao như thế này được, ông ơi”, gã thở hổn hển nói. “Tôi muốn nói là không thể như vậy được. Ai nỡ giết một người vô tội. Phải nói là... là trái với đạo Trời”.

Tôi lựa lời nói cho anh ta nguôi ngoai.

“Tôi có thể giải thích được”, tôi nói. “Anh của cậu có vấn đề bệnh tim nên lên cơn bất thường. Có thể do một cơn sốc hay vì ngày ngất...”.

Anh ta cắt ngang giữa chừng.

“Ông chưa hiểu”, gã nói. Gã chìa bàn tay có một vết đỏ. “Dick không phải chết do một cơn sốc, mà bị đâm một nhát... trúng ngay tim, nhưng không tìm thấy hung khí”.

Nghe nói tôi chưa vội tin. Cũng vừa lúc bác sĩ Symonds khám nghiệm xong tử thi trở lại chỗ cũ. Mặt mũi ông nhợt nhạt, người run rẩy.

“Chúng ta điên hết rồi hay sao?”, Anh ta nói. “Đây là đâu ... chuyện gì xảy ra như thế này?”.

“Nhưng sự thật là nó đã xảy ra”, tôi nói.

Anh ta gật đầu.

“Vết thương trên người do một con dao cán dài phóng ra, nhưng nhìn lại ... chẳng thấy dao đâu”.

Cả bọn chúng tôi nhìn nhau.

“Còn quanh đâu đây”, Elliot Haydon kêu lên. “Hung thủ chắc quăng gần đây thôi... đâu chừng trên bãi cỏ. đi quanh một vòng tìm thử coi”.

Nhìn quanh chẳng thấy đâu. Chợt Violet Mannering buột miệng nói:

“Trên tay hình như Diana nắm một vật gì đó. Như là con dao găm, tôi nhìn thấy một vật lóe sáng lên ngay khi cô ta cất tiếng cảnh giác”.

Elliot Haydon lắc đầu.

“Ông ta đứng xa chỗ cô ta không quá ba mét”, gã cãi lại

Phu nhân Mannering bước gần lại cúi người xuống nhìn.

“Trên tay cô ấy không thấy gì...”, phu nhân nói, “... nhìn quanh bãi cỏ cũng không thấy. Violet, con nhìn thấy thật sao? Mẹ chẳng thấy gì”.

Bác sĩ Symonds chạy tới bên nạn nhân.

“Chúng ta hãy đưa cô ấy trở vô nhà”, ông nói, “Rogers, bà giúp tôi một tay đi nào”.

“Bọn tôi xúm lại đưa Diana trở vô nhà rồi quay trở ra xác ngài Richard.”

Ngài mục sư Pender xin phép được cắt ngang câu chuyện rồi ông nhìn quanh.

“ Ở thời bây giờ chúng ta đã ta thông thạo hơn”, ông nói. “Nhờ đọc truyện tiểu thuyết trinh thám. Ngay cả đứa trẻ cũng biết được chuyện phải giữ nguyên xác nạn nhân lại ngay tại hiện trường. Nhưng lúc đó chúng tôi không hiểu biết, bảo nhau xúm lại khiêng xác Richard. Haydon vô nhà, sai lão quản gia đạp xe chạy đi báo cho đồn cảnh sát - cách đấy khoảng mười hai cây số”.

Vừa lúc đó Elliot Haydon đẩy tôi qua một bên

“Đến đấy”, gã nói. “Tôi quay trở lại chỗ rừng cây. Phải tìm cho ra hung khí”.

“May ra thì còn”, tôi buột miệng nói hờ.

Gã nắm tay tôi giật giật. *“Câu lại nghĩ chuyện mê tín, anh tôi chết một cách lạ đời. Nay, ta hãy đi trở ra chỗ rừng cây coi thử sao”.*

“Tôi tò mò muốn biết hẳn định làm gì. Tôi khuyên hẳn không chịu nghe. Nghĩ tới lúc trở ra lại chỗ cánh rừng tôi cảm thấy ớn lạnh, linh tính báo cho biết gã sắp gặp chuyện tai ương. Elliot tính gần dở. Hẳn nhát gan nhưng làm như ta đây không sợ chết. Hẳn muốn đi cho được để coi chuyện bí mật tới đâu”.

“Tôi còn nhớ cái đêm kinh hoàng, không ai chợp mắt được một chút chứ đừng nói muốn buồn ngủ. Lúc cảnh sát tới nơi nhìn thấy hiện trường khả nghi, muốn làm một cuộc khám nghiệm. Cô Ashley bảo chờ xin ý kiến bác sĩ Symonds, anh ta không chịu. Cô Ashley đã tỉnh lại, bác sĩ cho thêm một liều thuốc ngủ cực mạnh, tới sáng ngày mai mới tỉnh”.

Tới bảy giờ sáng hôm sau mọi người sức nhớ Elliot Haydon. Symonds quay qua hỏi gã bỏ đi đâu. Tôi kể mọi chuyện về Elliot, anh chàng Symonds nghe xong mặt mũi sa sầm. *“Lẽ ra anh*

chàng không nên bỏ đi, liều - liều mạng thật !”. Anh ta nói.

“Anh nghĩ là có gì nguy cho tính mạng anh ta hay sao ?”

“Tôi hy vọng là không sao, Padre, tôi sẽ cùng với anh tới đó”.

“Anh ta đi trước, còn tôi thu hết can đảm cất bước đi theo. Chúng tôi lại ra đi đến chỗ rừng cây xúi quẩy hôm trước. Đến nơi bọn tôi gọi hai lần không nghe thấy Elliot lên tiếng. Thoáng chốc chúng tôi đã trở lại chỗ trắng đất trống, lơ mờ, u ám trong ánh sương mai, Symonds bấu chặt tay tôi khiến tôi phải kêu lên một tiếng. Mới tối hôm qua dưới ánh trăng chúng tôi đã nhìn thấy xác một người nằm úp mặt xuống bãi cỏ. Sáng sớm trở lại vẫn cảnh tượng đó, nhưng lại là xác Elliot Haydon nằm ngay chỗ người anh chết hôm qua ?

“Lạy Chúa tôi !”, Symonds buột miệng nói. “Anh ta cũng cùng chung một số phận”.

Bọn tôi chạy lại chỗ bãi cỏ. Elliot Haydon nằm bất tỉnh hơi thở thoi thóp, vết thương gây ra vết thương còn ở trên ngực. Một thỏi kim loại đồng đỏ găm sâu vô vết thương.

“Nắm vai xoay người qua, đừng sờ vô chỗ trước ngực. Cũng còn may...”. Anh chàng bác sĩ hướng dẫn. *“Thiệt tình tôi không biết nên nói sao. Anh chàng chưa chết, ta hãy chờ nghe gã kể lại”*.

Nhưng rồi gã chẳng nhớ được nhiều. Lời kể lại nghe rất mơ hồ. Gã hoài công cả đêm tìm kiếm con dao găm, nhưng đành bỏ cuộc ngay lúc vừa bước chân tiến gần tới bên ngôi đền Idol House, cũng là lúc gã giật mình nhìn thấy bóng người đứng rình ở bên bìa rừng. Gã muốn bỏ chạy nhưng không kịp nữa. Một luồng gió chướng vừa nổi lên, không phải gió của rừng, gió từ bên trong ngôi đền Idol House. Xoay người gã lại nhìn vô bên trong. Một khuôn mặt nhỏ bé của Nữ Thần hiện lên, mắt gã muốn hoa cả lên. Khuôn mặt biến dạng phình to hơn mỗi lúc. Chợt gã cảm thấy một cú va đập hai bên thái dương, bước chân lão đảo lúi lại, người ngã xuống, vừa lúc một cảm giác tê buốt ớn lạnh vô bên vai trái.

Con dao găm này nhìn giống như con dao tìm thấy trong lần khai quật đất trên đồi mà Richard Haydon mua lại được. Ông ta đem cất giấu một nơi trong nhà; hay bên trong ngôi đền Idol House, trong rừng cây, đến nay chưa ai rõ.

Cảnh sát cho rằng chính Ashley đã đâm chết. Theo chúng tôi chỗ nàng đứng cách nơi ông ta gần ba mét, thì không thể cho nàng là thủ phạm. Toàn bộ vụ việc còn trong vòng bí ẩn.

Mọi người lặng thinh.

“Tôi thấy không có gì đáng nói”, Joyee Lemprière lên tiếng. “Khiếp quá... lạ quá. Thưa ngài mục sư Pender, ngài có thể cho biết ý kiến”.

Ngài mục sư gật đầu. “Có chứ”, ông nói. “Tôi có ý kiến thế này, nhưng ý kiến của riêng tôi nó có phần khác người. Theo tôi còn nhiều manh mối chưa tìm ra”.

“Tôi đã từng ngồi gọi hồn”. Joyce kể, “các bạn nghĩ thế nào thì tùy, sẽ thấy được nhiều việc kỳ lạ chỉ có thể giải thích bằng phép thôi miên. Cô nàng kia đã hóa thân làm nữ thần Astarte, và không hiểu sao tôi thì cho là chính nàng đã đâm chết ông ta. Hay là nàng đã quăng con dao mà cô Mannering đã nhìn thấy”.

“Hay có thể đó là một cây thương”, Raymond West nói xen vô. “Lúc đó trăng đã mờ. Trên tay nàng thủ sẵn một ngọn giáo có thể đâm chết người từ một khoảng cách ở xa, và có thể suy diễn lúc đó mọi người như đang bị thôi miên. Ý tôi muốn nói là ông ta bị hạ gục do một sức mạnh vô hình”.

“Tôi đã được nhìn thấy nhiều vụ ly kỳ sử dụng dao hoặc các loại vũ khí ở nhà hát”. Ngài Henry kể: “Tôi đoán lúc đó một người đàn ông núp trong bụi cây từ đây hất phóng một con dao và dao găm trúng vô người nạn nhân rất chính xác... Ta phải công nhận hẳn là tay phóng dao nhà nghề. Nghe qua có phần suy diễn nhưng nghĩ lại không ngoài sức tưởng tượng của con

người. Các bạn nên nhớ kẻ lạ kia lại tưởng đâu có người đang theo dõi đứng núp trong lùm cây. Và Mannering kể Ashley nắm trên tay một thứ vũ khí là con dao găm, người khác lại bảo thấy nàng hai tay không, theo tôi chẳng có gì đáng ngạc nhiên. Nếu đặt trường hợp tôi các bạn sẽ nghĩ trong một lúc năm người trong cuộc cùng nhìn thấy một sự việc, chắc chắn lời kể của mỗi người cũng sẽ khác nhau, khó mà tin được”.

Ông luật sư Petherick lại hỏi:

“Mãi lo kể chuyện chúng ta đã bỏ quên một manh mối chủ yếu”, ông nhắc lại. “Còn cái món vũ khí kia thì sao ? Cô Ashley không thể buông ngọn dao rồi đứng sững ngay giữa trảng đất trống trải. Giả sử lúc đó một tên đứng núp trong bụi rậm rồi phóng dao thì tất nhiên mũi dao vẫn còn cắm sâu trên người nạn nhân. Tôi thấy phải loại bỏ những lập luận mơ hồ và phi lý để tìm ra đâu là manh mối cụ thể”.

“Manh mối cụ thể đưa ta đi tới đâu ?”.

“Tại đây, một bằng chứng cụ thể. Lúc nạn nhân ngã xuống đất không có ai ở gần, vậy ta có thể suy đoán gã tự đâm vô người. Một vụ tự sát, có thể thôi”.

“Quái lạ sao gã lại muốn tự sát nhỉ ?”, Raymond West chưa biết nên tin ai.

Ông luật sư lại húng hắng ho. “Chà, cậu lại rơi vô vòng lý thuyết lẫn quẩn nữa rồi”, ông nói. “Lúc này tôi không muốn nói chuyện lý thuyết. Theo tôi thì loại trừ chuyện một sức mạnh vô hình gây ra cái chết cho nạn nhân thì chỉ có mỗi một cách giải thích sự việc như thế này. Nạn nhân tự đâm vô người lúc ngã xuống dang hai tay ra, con dao găm bị hất mạnh, văng vô trong bụi cây. Theo tôi thì có thể giải thích được dù xác suất có phần hiếm khi xảy ra”.

“Tôi chưa thể nói ra đây, đó là điều chắc chắn”, bà Marple nói, “tôi đang còn lúng túng. Bởi một việc lạ thế này. *(lại liên hệ nữa đấy)* Năm trước tại một bữa tiệc ngoài sân vườn ở nhà phu nhân Sharpley, người phụ trách phân chia sân chơi golf bị sẩy chân lọt xuống lỗ. Y bất tỉnh nhân sự hết cả năm phút”.

“Vâng, thưa bà dì”, Raymond khiêm tốn nói. “Nhưng gã không phải bị đâm chết, phải không ?”.

“Làm gì có chuyện đó, cháu ơi”, bà Marple nói. “Để dì kể cho cháu nghe, chỉ có một cách giải thích vì sao ngài Richard bị đâm chết, tôi biết nguyên nhân làm ông vấp ngã. Rõ ràng là chân ông vấp vô gốc cây. Lúc đó ông lo để mắt nhìn theo cô nàng, nhằm đêm trăng bước đi có thể bị hụt chân”.

“Bà Marple, ý bà muốn nói là chỉ có một nguyên nhân khiến ngài Richard bị đâm chết”, ông mục sư nói đưa mắt nhìn theo,

“Một chuyện đau thương tôi không muốn nhắc lại. **Anh ta** thuận tay phải, đúng không ? Tôi đoán có thể **anh ta tự tay đâm vô vai bên trái**. Nhớ lại tội nghiệp cho Jack Baynes trong chiến tranh thế giới lần thứ nhất, Chắc ông còn nhớ chuyện người lính tự bắn vô chân sau một cuộc giao tranh ác liệt tại mặt trận diễn ra ở miền Bắc nước Pháp. Khi đến bệnh viện thăm, ông ta kể cho tôi nghe, ông cảm thấy nhục nhã vì việc làm đó. Về chuyện anh chàng Elliot tôi muốn thấy gã chẳng được gì sau khi vụ án xảy ra”.

“Elliot Haydon”, Raymond kêu lên. “Dì cho là anh ta đã giết chết nạn nhân ?”.

“Theo tôi thấy không còn ai khác hơn”, bà Marple nói, tròn xoe mắt có vẻ ngạc nhiên, “tôi xin nói, theo như lời ông Petherick trình bày khá rõ, ta cần phải tìm ra manh mối loại bỏ chuyện thần thánh ngoại đạo ra. Gã bước tới chỗ nạn nhân, tay xoay người nạn nhân qua một bên, gã ngồi xuống, tư thế quay lưng về phía mọi người, nhờ lớp áo hóa trang làm một tên cướp, gã dễ lặn theo trong lưng một món vũ khí. Tôi nhớ lại lúc còn con gái, trong một lễ hội hóa trang tôi có khiêu vũ với một anh chàng giả làm tướng cướp. Anh ta mang theo trong người năm thứ dao và một con dao găm, tôi thấy bất tiện và vướng víu khó chịu vô cùng khi

phải nhảy cẫng với anh ta”.

Mọi người quay nhìn về phía mục sư Pender.

“Tôi biết rõ đâu là sự thật”, ông nói. “Năm năm sau kể từ khi câu chuyện đáng thương tâm kia xảy ra. Nội vụ được nhắc lại trong một bức thư Elliot Haydon gửi cho tôi. Gã thắc mắc không hiểu vì sao tôi nghi cho gã. Chỉ vì một sự thèm muốn bất chợt dâng trào lên trong người gã. Chính gã cũng muốn được yêu Diana Ashley, nhưng ngày đó gã đang là một chàng luật sư nghèo.

Nghe tin Richard sẽ được thừa hưởng chức tước và sản nghiệp, gã nhìn thấy ngay một cơ hội trước mắt. Lúc gã quỳ xuống ngồi bên xác người anh vạt áo vén lên khỏi lưng, mũi dao găm lòi ra ngoài, gã chưa kịp sửa lại, giấu vô lưng. Một lúc sau, gã tự tay đâm vô người nhằm đánh lạc hướng. Trước lúc lên đường làm một chuyến thám hiểm Bắc cực, gã viết thư cho tôi hay mọi sự việc để lỡ khi gã không trở về. Tôi thì cho là gã không về nữa đâu, tôi biết điều đó cũng như bà Marple cho là sau khi án mạng xảy ra gã chẳng được hưởng một món nào”. “Ròng rã năm năm”, gã kể: “tôi như sống trong cảnh địa ngục trần gian. Tôi muốn được đền tội bằng cách được chết trong danh dự”.

Ông dừng lại giữa chừng.

“Tức là anh ta đã được chết trong danh dự”, ông Henry nói, “ông đã thay tên đổi họ nhân vật trong câu chuyện, thưa ngài mục sư, nhưng tôi biết họ là ai”.

“Như tôi đã kể, ngài mục sư tiếp tục câu chuyện. “Tôi cho là trong câu chuyện này không hoàn toàn đúng với thực tế. Ở nơi chốn rừng thiêng kia còn lưu lại nhiều bí ẩn, tà ma đã xui khiến Elliot Haydon làm chuyện ác. Nhắc lại câu chuyện ngôi đền Astarte cho tới hôm nay tôi còn thấy rùng mình, ớn lạnh”.

KHO VÀNG DƯỚI ĐÁY BIỂN

“Không hiểu câu chuyện tôi sắp kể ra đây có được gọi là chuyện lạ hay không”, Raymond West mở lời. “Bởi vì ta không thể đưa ra lời giải đáp. Có nhiều tình tiết ly kỳ nên tôi muốn đặt vấn đề với các bạn. Tôi nghĩ giữa chúng ta cũng nên tìm và đưa ra một kết luận cho nó hợp logic”.

“Câu chuyện xảy ra cách nay đã hai năm, lúc đó tôi đi lễ Hạ trần tại nhà một ông bạn là John Newman ở miền Cornwall ”

“Cornwall?”, Joyce Lemprière hỏi gắt.

“Ờ, mà sao kia?”.

“Chả sao. Chuyện lạ. Tôi biết một câu chuyện xảy ra cũng ở Cornwall, một làng đánh cá thừa thớt ở Rathole. Chắc câu chuyện của anh không phải là chuyện mà tôi biết”.

“Không. Chuyện tôi kể xảy ra ở làng Polperran, một nơi ở miền duyên hải phía tây Cornwall; vùng đất khô cằn hoang vu. Tôi được giới thiệu trước đó mấy tuần một ông bạn rất là vui tính. Một nhân vật thông minh sống tự lập, trí tưởng tượng phong phú. Để thỏa mãn thú vui chơi, ông ta thuê nguyên ngôi nhà Pol. Ông bạn tôi am hiểu lịch sử thời Elizabeth - say sưa kể lại bằng một thứ ngôn ngữ sống động - cuộc thất bại thảm hại của đội tàu Armada Tây Ban Nha. Ông kể hay tới mức người nghe nhầm tưởng như ông tận mắt chứng kiến sự kiện lịch sử thời đó. Phải chăng có cuộc đầu thai qua kiếp sau... Tôi băn khoăn”.

“Cháu thật là một người hay mơ mộng đó, Raymond”, bà Marple nói, mắt nhìn anh ta một cách trêu mếu.

“Trời sinh ra tôi tính hay mơ mộng”, Raymond West nói tiếp, nét mặt buồn buồn, “còn ông bạn Newman mơ mộng hơn thế nữa; anh ta muốn nhắc tôi nhớ đây là một cách để ôn lại quá khứ. Trong đội thuyền Armada có một chiếc chở theo kho báu vàng từ vùng biển Caribe trở về. Trong một cuộc giao chiến, tàu bị đánh đắm ngoài khơi bờ biển Cornwall, chung quanh là vùng đá dựng đứng hiểm trở, Serpent Rocks. Năm sau, theo lời kể của Newman, nhiều chuyến tàu thám hiểm dò tìm trục vớt con tàu lên để thu hồi lại kho báu. Những câu chuyện đại loại như vừa kể không phải là hiếm, chuyến tàu chở kho báu được thuê dật như những huyền thoại ngoài sức tưởng tượng. Newman đứng ra mua lại một công ty bị phá sản với giá rẻ mạt. Đòi gả lên hương. Gã cũng lập ra một đội tàu đi tìm kho báu. Cuộc tìm kiếm hoàn toàn nhờ vô máy móc khoa học. Khối vàng còn nguyên đó, trước sau rồi sẽ có ngày được trục vớt lên”.

“Một người giàu có như Newman phút chốc được phát lên, xét cho cùng món tài sản nếu được tìm thấy chẳng đáng là bao so với công sức của gã. Tôi cảm thấy khâm phục tấm lòng nhiệt thành của gã. Tôi đã được nhìn những con thuyền Tây Ban Nha ra khơi, trong cơn giông bão sóng xô dẩy vô ghềnh đá, vỡ tan. Chỉ một cái tên đội thuyền nghe thơ mộng làm sao. Nghe nhắc tới chuyện “Kho báu Tây Ban Nha” cả trẻ con và người lớn đều say mê. Để tăng thêm phần ly kỳ, khi nào viết một cốt truyện có vài chương nói đến cảnh thời thế kỷ 16, tôi mong sẽ được ghi nhận thêm chi tiết để cho cốt truyện đậm đà bản sắc địa phương”.

“Sáng sớm ngày với thứ sáu đó tôi rời Paddington với tinh thần phấn chấn, mong chờ vô chuyển đi. Trên chuyến xe chỉ có mỗi mình tôi với một người đàn ông lạ mặt ngồi đối diện. Người ông cao lớn, tướng nhà binh, và nếu tôi không nhầm thì dường như đã được nhìn thấy ông trước đó. Tôi ngồi cố nghĩ cho ra, một hồi lâu tôi sực nhớ ra. Ông là thanh tra mật thám Badgworth, tôi được gặp ông trong một lần truy tìm hồ sơ vụ án Everson mất tích”.

“Thế rồi tôi và ông cùng vui vẻ trò chuyện rôm rả. Nghe kể chuyến đi của tôi tới Polperran ông ngỡ ngàng; sao mà trùng hợp ngẫu nhiên lạ lùng, bởi ông cũng đi về hướng đó. Tôi không thắc mắc, tránh không nhắc lại vì sao ông cùng đi ra tới đó. Tôi mới kể ông nghe vì sao tôi thích được nhìn ngắm phong cảnh ngoài đó, nhắc lại câu chuyện chiếc thuyền Tây Ban Nha bị đánh đắm. Tôi hết sức kinh ngạc, không hiểu vì sao ông thông thạo mọi thứ. “Đấy là con thuyền Juan Fernandez ! Ông kể. “*Bạn của anh không phải là người đầu tiên muốn đem tiền ra để đổi lấy món tài sản vớt lên dưới đáy biển. Nghe qua tưởng đâu chuyện mơ mộng viễn vông*”.

“Hay có thể nói là một câu chuyện huyền hoặc”. Tôi nói, “Làm gì có chuyện đắm thuyền ngoài đó”.

“Câu chuyện chiếc thuyền bị đắm đã quá đủ rồi”, ông thanh tra nói - “Nhưng lại kéo theo nhiều chiếc thuyền khác. Rồi anh sẽ kinh ngạc khi biết được còn biết bao nhiêu chiếc thuyền bị đắm quanh vùng biển, cho nên tôi muốn trở lại ngoài đó xem sao. Cách nay sáu tháng một chiếc thuyền mang tên Otranto cũng bị đắm”.

“Tôi nhớ đã nghe qua vụ đó”, tôi nói. “Không có thiệt hại về người thì phải”.

“Không có ai bị thiệt mạng”, viên thanh tra nói, “nhưng thiệt hại về mặt khác. Việc này ít ai được biết, trên chiếc thuyền Otranto chở đầy vàng thoi”.

“Vậy sao ?”; tôi lấy làm lạ hỏi.

“Và tất nhiên, công cuộc dò tìm của các thợ lặn đã trục vớt con thuyền là có thật, nhưng mà ... toàn bộ số vàng đã biến mất, ông West ạ”.

“Biến mất !”, tôi kêu lên, trố mắt kinh ngạc. “Làm sao mất hết được ?”

“Đấy mới là chuyện đáng ngờ”, thanh tra đáp. “Thuyền đựng nhằm tảng đá ngầm; khoét sâu một lỗ dưới khoang thuyền bọc thép, chỗ chứa vàng. Từ nơi này thợ lặn dễ nhìn thấy nhưng bên trong trống rỗng. Câu hỏi đặt ra có phải toàn bộ số vàng bị lấy đi trước hay là sau lúc chiếc thuyền bị đắm ? Toàn bộ số vàng có thật được cất giấu dưới khoang thuyền ?”.

“Một chuyện thật lạ lùng”, tôi nói.

“Lạ hơn nữa nếu anh đã biết thế nào là vàng thoi không như một sợi dây chuyền nam kim cương dễ cho vô túi. Nghĩ tới chuyện cả một khối tài sản công kênh đồ sộ biến mất... đấy, toàn bộ câu chuyện nghe thật phi lý. Có thể trước lúc chiếc thuyền ra khơi người ta đã dàn dựng, đánh tráo toàn bộ số vàng, nếu không thì có thể đã được chuyển lên bờ sáu tháng sau đó... cho nên tôi phải trở lại để tìm hiểu”.

“Tôi gặp Newman đứng chờ tại sân ga. Anh ta cáo lỗi vì xe hư gửi đi sửa chữa ở Truro. Anh ta lái chiếc xe tải ra đón tôi”.

“Tôi leo lên xe ngồi kế bên, chiếc xe phải chạy lòng vòng ngoằn ngoèo theo con đường làng nhỏ hẹp. Leo qua một chặng đường dốc, vòng vèo một đôi xa, trước khi dừng lại trước cánh cổng dựng bằng đá granite - ngôi nhà Pol.

“Đấy là một nơi cảnh quang đẹp mắt, từ trên vách đá dựng có thể nhìn bao quát một vùng biển bao la. Một phần vùng được xây dựng cách nay ba bốn trăm năm, một phần được xây dựng theo lối hiện đại. Phía sau là vùng đất trồng trọt rộng khoảng bảy héc-ta ăn sâu vô đất liền”.

“Hân hạnh chào các bạn về Pol”, Newman nói.

“Chào mừng chiếc thuyền vàng”. Anh ta chỉ tay về phía cửa trước nhìn lên chỗ bức tranh vẽ chiếc thuyền Tây Ban Nha đang căng buồm xuôi gió.

Đêm đầu tiên thật là thú vị. Chủ nhân mang ra một bản sao chiếc thuyền Juan Fernandez, anh ta trải rộng tấm bản đồ giải thích những điểm được ghi chú sẵn, những dự tính sử dụng

máy móc lặn dò, khiến tôi lóa cả mắt.

“Tôi kể lại cuộc gặp gỡ viên thanh tra mật thám Badgworth, nghe được anh ta lấy làm thích thú”.

“Dân làng biển lạ kỳ làm sao”, anh ta hỏi tưởng lại. “Họ sống nhờ buôn lậu và những vụ đắm tàu. Hay tin một chiến thuyền bị đắm là tranh nhau hồi của, làm giàu bất kể. Tôi sẽ giới thiệu cho cậu gặp một người dân địa phương. Anh ta là nhân chứng”.

“Sáng hôm sau trời quang mây tạnh. Tôi được dẫn về tới Poperran gặp một thợ lặn, tên gã là Higgins. Dáng người phong trần, ít nói, chỉ hỏi tới đâu nói tới đó. Sau một hồi bàn tính chuyện máy móc kỹ thuật, bọn tôi dời qua chỗ Three Anchors. Được mời một chầu bia, anh chàng nói năng nghe trôi chảy hơn”.

“Một ông thám tử từ trên London về đây”, gã nói lầm bầm trong miệng. “Tại nơi này một chiến thuyền bị đắm từ tháng mười một năm trước chở theo một khối vàng khổng lồ. Vàng, không phải chiếc đầu tiên mà chưa chắc là chiếc cuối cùng”.

“Khá lắm”, ông chủ nhà trọ Three Anchor nói xen vô, “cậu nói nghe được, Bill Higgins”.

“Tôi nói có sai đâu, ông Kelvin”, Higgins đáp.

“Tôi nhìn qua lão chủ muốn nghe cho rõ hơn. Trông bề ngoài lão thật là khó nhìn, mặt mũi ngăm ngăm, hai vai rộng nở nang. Mắt lão đỏ ngầu, lẩn tránh cái nhìn người lạ. Tôi nghĩ bụng chắc đây là người Newman đã kể cho tôi nghe, một nhân chứng biết nhiều việc”.

“Chúng tôi không thích người ngoài xen vô công việc trong vùng biển này”, lão nói, mặt mũi bặm trợn.

“Có phải mấy ông thám tử?”, Newman nhếch mép cười hỏi.

“Cả bọn thám tử... và những người khác”, Kelvin xác nhận. “Chắc là ông không quên chứ?”.

“Này Newman, nghe kể tôi thấy như mình vừa bị xúc phạm”, vừa đi lên tôi vừa nói.

Ông bạn tôi tươi cười.

“Nhằm nhò gì, miễn là không động chạm gì tới ai là được”.

“Tôi lắc đầu chưa tin. Nhìn Kelvin có một vẻ gì đó độc địa và thô lỗ, tâm trí lão ta nghĩ những chuyện đầu đầu khó biết được”.

“Tôi cảm thấy khó chịu nhất là lúc này. Đêm đầu tôi còn ngủ được, qua bữa sau giấc ngủ cứ chập chờn. Buổi sáng chủ nhật trời u ám, xa xa nghe có tiếng sấm. Tôi có tật khó giấu cảm xúc, nên nhìn mặt, Newman đoán là có việc gì không ổn”.

“West, cậu sao vậy? Trông mặt mũi cậu có làm sao”.

“Tôi chả biết”, tôi nói thật tình, “tôi có linh tính kỳ lạ lắm”.

“Chắc là do thời tiết”.

“Ờ, chắc vậy”.

“Tôi không nói nữa. Xế trưa tôi ngồi trên xuồng máy của Newman ra khơi, chợt trời đổ mưa tầm tã đành phải quay vô bờ, về nhà thay quần áo”.

“Đêm tối, tôi thấy trong người bồn chồn khó chịu. Ngoài trời giông tố nổi lên ầm ầm. Tới mười giờ tối trời mới êm ả, Newman nói “Độ chừng nửa giờ nữa chắc là trời sáng sủa hơn. Tôi sẽ ra ngoài đi một vòng”

Tôi ngáp dài, *"Tôi buồn ngủ quá",* tôi nói, *"tối qua không chợp mắt, tối nay tôi sẽ đi ngủ sớm".*

"Chuyện là vậy. Đêm trước ngủ ít, tối nay tôi phải ngủ thẳng một giấc. Nhưng rồi ngủ không yên giấc. Đầu óc tôi còn ám ảnh chuyện ma quái rùng rợn. Mơ thấy toàn chuyện kinh dị, thấy mình quanh quẩn nơi những hố sâu vực thẳm, lỗ sầy chân một cái lọt xuống hố, đời thế là hết. Mở choàng mắt nhìn lên nhìn đồng hồ, kim chỉ tám giờ. Đầu nhức như búa bổ, giấc mơ kinh dị đêm qua còn lớn vờn".

"Thấy khó chịu, tôi lần bước tới bên cửa sổ kéo màn lên nhưng bỗng một cảm giác ớn lạnh ập tới, chân bước lùi lại, tôi thấy một người đàn ông đang cuốc ngôi mộ bỏ hoang.

"Phải một lúc sau tôi mới định thần lại được, nhìn kỹ ra là người làm vườn cho Newman đang xới đất, chỗ tôi tưởng là "ngôi mộ" sẽ đưa ba cây bông hồng còn bó gốc vô trồng".

Người làm vườn ngược thấy tôi, lão đưa tay chào.

"Chào ông. Hôm nay trời thật đẹp".

"Tôi cũng nghĩ vậy", đầu óc tôi vẫn còn lớn vờn chuyện kinh dị.

"Quả như lời lão làm vườn vừa nói, sáng nay nhìn trời đẹp quá. Nắng lên, bầu trời xanh ngắt, báo hiệu một ngày đẹp trời. Tôi trở xuống ăn sáng vui miệng huyết gió. Nhà Newman không có người giúp việc. Hai phụ nữ trung niên ở trang trại gần nhà mỗi ngày qua đây lo mấy việc vặt. Người chị đặt bình cà phê xuống bàn vừa lúc tôi bước vô.

"Chào Elisabeth", tôi nói, *"Ông Newman đâu chưa thấy tới ?*

"Ông đi lo công việc như mọi bữa" bà nói. "Tôi vừa qua thấy ông ấy đã đi".

Tôi lại thấy khó chịu trong người. Hai bữa trước gã vẫn ăn sáng tuy đến hơi trễ, tôi biết, gã có thói quen thức dậy trễ. Như có linh tính, tôi trở lên bước vô buồng ngủ. Không thấy anh ta, nhìn lại giường chăn gối y nguyên, tức là đêm qua anh ta không ngủ. Nhìn quanh một hồi tôi nảy ra hai ý. Nếu Newman bỏ đi ra ngoài dạo một vòng thì phải thay quần áo buổi tối, thì sẽ không thấy chúng.

"Linh tính báo cho tôi biết quả không sai. Newman đã bỏ đi, ra ngoài dạo chơi như mọi bữa. Vì một lý do ngoài ý muốn gã không quay về. Vì sao ? Hay là gã gặp tai nạn đâu đó ? Té xuống vực thẳm ? Phải lo tìm kiếm ngay".

"Sau mấy tiếng đồng hồ tôi huy động được nhóm người cứu hộ, ngay tức thì tung lực lượng ra nhiều hướng, men theo bờ đá và bãi đá bên dưới. Không thấy tăm hơi Newman đâu".

"Cuối cùng không còn cách nào khác hơn tôi tìm đến ông thanh tra mật thám Badgworth. Nghe kể, mặt ông sa sầm".

"Tôi cho là có một âm mưu gì đây", ông nói. *"Trong vụ này có mấy người lạ vừa đến đây. Anh đã gặp Kelvin, ông chủ nhà trọ Three Anchors chưa ?".*

Tôi đáp là có nhìn thấy lão

"Anh có nghe nói lão từng ngồi tù bốn năm vì can tội hành hung người dân lương thiện không ?".

"Tôi không lạ gì mấy chuyện đó", tôi nói.

"Dân trong vùng thì cho là bạn ông thích xen vô việc người khác, miễn sao anh ta đừng làm hại gì ai".

Bọn tôi nỗ lực tìm kiếm, mãi đến xế trưa tìm thấy Newman bên dưới rãnh nước sâu, phía sau nhà. Tay chân bị trói lại, mồm bị nhét khăn cứng ngắt.

Anh ta bị kiệt sức, mình mẩy đau nhức. Sau một hồi xoa bóp hai cổ tay, hai mắt và cho uống một ly uých ky, anh ta hồi tỉnh nhớ lại chuyện xảy ra.

“Lúc đó trời đã quang đãng, khoảng mười một giờ anh ta ra ngoài đi dạo một vùng. Đi được một đôi xa ngoài bãi đá tới chỗ gọi là Smugglers Cove, địa điểm có nhiều hang động. Đến nơi gã nhìn thấy bốn người bốc hàng từ một con thuyền nhỏ lên bờ, tò mò gã lần bước theo sau. Không xác định được là món hàng gì, vì nhìn bề ngoài nặng nề, phu khuân vác chuyển vào hang động sâu nhất”.

“Biết là có chuyện lạ, dù Newman không biết là túi hàng chứa gì. Chợt nghe tiếng người báo động cảnh giác, hai tên thủy thủ lực lưỡng nhào tới uy hiếp, đánh anh ta té nhào bất tỉnh. Sau một hồi tỉnh lại, anh ta thấy mình nằm trên một chiếc xe tải lắc lư trên đường đi, anh ta đoán chừng ra tới ngoài bìa làng. Quá kinh ngạc, anh ta nhìn ra thấy chiếc xe tải ngừng lại ngay trước nhà. Anh ta lắng nghe bốn người nói chuyện xì xào một hồi, rồi lôi anh ta bỏ dưới mương nước, một nơi trước đây hình như là địa điểm tìm thấy kho báu. Chiếc xe bỏ chạy hình như qua một điểm nữa, cách làng không bao xa đi ngang qua một cái cổng làng. Anh ta không nhớ mặt những kẻ hành hung là ai, chỉ biết bốn chúng là thủy thủ nói tiếng địa phương Cornwair.

Ông thanh tra Badgworth chăm chú lắng nghe.

“Căn cứ theo dấu vết nơi cất giấu hàng”, ông kêu lên một tiếng. “Nói gì đi nữa thì đây là tài sản được vớt từ chiến thuyền bị đắm đem chôn giấu trong một hang động biệt lập. Cho tới nay chúng tôi đã cho lục soát khắp các hang động nhưng bọn cướp biển tinh vi hơn, bốc hàng chôn giấu trở lại nơi lực lượng đã lục soát qua một lần rồi bỏ đi. Bọn chúng không nắm quy luật, công việc chuyển hàng từ nơi địa điểm chôn giấu phải mất mười tám tiếng đồng hồ. Nếu bọn chúng bắt Newman đem qua tính từ thời điểm đó chắc ta có thể tìm thấy kho báu ngay lúc này”.

“Ông thanh tra cho lục soát ngay. Ông có đủ bằng chứng nơi cất giấu số vàng, nhưng bọn chúng nhanh chân chuyển đi nơi khác, chưa biết là nơi nào”.

“Qua sáng hôm sau ông thanh tra cho tôi hay đã nghĩ ra được một manh mối khác”.

“Con đường này ít xe cộ qua lại”, ông nói, “ta đã đi qua mấy chỗ có lối đi có cổng, và mấy dấu nhìn thấy lờ mờ theo lối đi ra qua cổng khác, không còn chối cãi gì nữa, đúng là chiếc xe ta đang theo dõi dấu vết. Nào, ta thử đoán vì sao bọn chúng bỏ đi ra qua một cổng khác xa hơn ? Rõ ràng chiếc xe xuất phát từ trong làng đi ra. Bây giờ ta rà soát lại, trong làng số người có xe tải chỉ đếm được trên đầu ngón tay, chừng vài ba người. Kelvin, ông chủ Three Anchors có một chiếc”.

“Kelvin trước đây làm nghề gì?”, Newman hỏi.

“Tôi lấy làm lạ sao ông hỏi tôi như thế, ông Newman, lúc còn trẻ Kelvin làm thợ lặn chuyên nghiệp”.

“Tôi và Newman nhìn nhau, cả hai cùng lúng túng”.

“Ông không thấy Kelvin có mặt trong số người ngoài bãi biển hay sao?”. Ông thanh tra hỏi lại.

Newman lắc đầu.

“Tôi thấy thực là khó nói”, anh ta lấy làm tiếc. “Tôi không thể hiểu hết mọi chuyện”.

“Ông thanh tra sẵn sàng đưa tôi tới chỗ Three Anchors. Gara đậu xe bên kia đường, cổng ngoài khóa chặt, đi vòng qua bên hông một cánh cửa nhỏ dẫn vô trong. Thoáng nhìn dấu xe ông thanh tra hiểu ngay. “Đây rồi ! Ta đã tóm được hẩn”, ông kêu lên. “Không chối cãi gì nữa, đây là dấu bánh xe sau. Nay ông Kelvin, ông đừng có quanh co nữa”.

Raymond West dừng lại.

“Vậy thì sao?”, Joyce lên tiếng. “Tôi thấy chuyện không có gì âm ỉ cả... Ngoại trừ bọn

chúng không thể tìm ra số vàng”.

“Bọn chúng không lấy được đầu”, Raymond nói. “Cũng không tóm được Kelvin. Hẳn dư biết chuyện đó, và hẳn làm cách nào để đối phó thì tôi chưa hiểu. Phải tóm hẳn cho bằng được... ta đã tìm thấy dấu xe. Nhưng ta còn gặp một trở ngại. Bên kia đường đối diện nhà xe là một căn nhà nghỉ mát của một nữ nghệ sĩ”.

“Ôi, lại liên quan mấy bà nghệ sĩ !”, Joyce vừa nói vừa cười.

“Như cô vừa nói, “Ôi, mấy bà nghệ sĩ !”. Bà này ốm nặng đã mấy tuần nên nhờ y tá trong bệnh viện đến chăm sóc. Y tá trực đêm kéo ghế ra chỗ cửa sổ, kéo màn lên ngồi nhìn ra ngoài. Nàng khai nếu đêm đó chiếc xe từ trong nhà xe chạy ra thì chắc nàng đã nhìn thấy, nàng xác định đêm hôm đó chiếc xe nằm im trong gara”.

“Tôi cho việc này chẳng có gì phải bàn”, Joyce nói. “Giờ đó y tá đã đi ngủ chuyện bình thường. Mọi bữa vẫn vậy”.

“Thì ai... ai lại không biết chuyện đó”, ông luật sư Petherick lên tiếng, “nhưng chớ vội tin nếu ta không chịu khó kiểm chứng lại manh mối. Ta nên đối chứng thiện chí của cô y tá khi khai. Nghi can không có mặt tại hiện trường, xuất quỷ nhập thần như thế này ta phải đặt nghi vấn”.

“Ta phải tính đến lời khai nhân chứng nữ nghệ sĩ”, Raymond nói. “Theo lời bà kể đang đau ốm, đêm thức giấc nhiều lần, tất nhiên bà phải nghe được tiếng xe khác với tiếng ồn bình thường, nhất là đêm đó sau cơn bão trời lặng êm”.

“Chà”, ngài mục sư lên tiếng, “ta được thêm một manh mối nữa. Liệu Kelvin có chứng cứ ngoại phạm”.

“Theo lời khai lão ở nhà lên giường ngủ từ lúc mười giờ, và lão khai không hay biết chuyện đó”.

“Cô y tá thì đã ngủ”, Joyce nói, “giờ đó bệnh nhân cũng đi ngủ. Hỏi ra thì mọi người ai cũng kêu ca mất ngủ”.

Raymond West ngơ ngác nhìn qua ngài Pender.

“Thưa ngài, tôi thấy tội nghiệp cho Kelvin. Tôi liên tưởng đến trường hợp “Lỡ mang tiếng xấu phải chịu cả đời”. Kelvin trước kia đã từng ngồi tù. Ngoài chuyện nhìn thấy dấu xe ngẫu nhiên thì không có lý do buộc tội lão chỉ trừ cái tội lỡ mang thành tích xấu”.

“Còn ngài Henry có ý kiến gì không ?”.

Ngài Henry lắc đầu.

“Một chuyện đã rồi”, ông nhếch mép cười nói. “Tôi biết một chi tiết. Nó rõ như ban ngày khỏi cần phải nói ra”

“Vậy thì tới lượt dì Jane, dì có ý kiến gì không ?”

“Để tôi nghĩ lại coi”, bà Marple nói. “Không hiểu tôi có nhớ nhầm không đây. Hai mũi lên ba mũi xuống, bỏ đi một, cứ thế hai mũi lên... ờ, đúng rồi. Cháu vừa nói gì ?”.

“Dì cho biết ý kiến ?”.

“Nói ra cháu cũng bỏ ngoài tai. Lốp trẻ ngày nay vậy đó. Tôi xin miễn bàn”.

“Vô lý, thưa dì Jane, dì cứ nói đi”

“Thế này, Raymond”, bà Marple lên tiếng, tay buông mũi đan nhìn qua người cháu trai. “Dì khuyên cháu nên khéo chọn bạn. Tính cháu cả tin, dễ mắc lừa. Tôi giả định mình trở thành một nhà văn giàu trí tưởng tượng. Câu chuyện kể đội thuyền buồm Tây Ban Nha hay thật ! Nếu

cháu già hơn, có kinh nghiệm đời hơn cháu sẽ biết nên cảnh giác. Ngay cả với người đàn ông mới biết cách đây mấy tuần !”.

Ngài Henry bất chợt phá ra cười ồm lên, vỗ tay vô dùi.

“Lần này ta hiểu ý cậu, Raymond, ông nói. “Bà Marple khá lắm. Anh bạn Newman của cậu, hẳn còn một cái tên khác... phải nói là nhiều tên lắm. Lúc này hẳn đang có mặt tại Devonshire chứ không phải Cornwall... đúng hơn là đang ở tại Dartmoor... hẳn là phạm nhân ở nhà tù Princetown. Chúng ta không muốn tóm hắn vì can tội trộm vàng mà vì can tội khoét hầm chứa vàng nhà băng London. Chúng tôi biết hắn còn chôn giấu một khối lượng vàng đáng kể sau sân vườn nhà Pol. Một sáng kiến độc đáo. Câu chuyện chiến thuyền Tây Ban Nha bị đắm ngoài khơi duyên hải Cornwall chờ theo vàng là chuyện thường ngày. Khi người ta nhắc tới bọn thợ lặn thì sẽ nghĩ tới chuyện vàng. Trong vụ này phải tìm ra được một kẻ chịu gánh tội, và kẻ đó không ai khác hơn là Kelvin. Trong vụ này phải nói Newman đóng kịch rất tài tình, về phần ông bạn Raymond ngoài ưu thế là một nhà văn, trong vai một nhân chứng thật hoàn hảo”.

“Còn dấu xe thì sao ?”, Joyce lên tiếng chống chế.

“À, tôi hiểu ngay, cô em, dù tôi không rành về chuyện xe cộ”, bà Marple nói. “Xe thay bánh khi cần là chuyện bình thường... và chuyện tháo bánh xe bên xe của Kelvin đem ra ngoài theo lối cửa sau rồi ráp lại vô xe của Newman, xong cho xe chạy ra cửa trước thẳng ra biển chất lên đầy vàng, cho xe chạy quay trở ra cổng kia, tới đây dừng lại tháo bánh xe ra, ráp trở lại qua xe Kelvin, trong khi đó anh chàng Newman bị trói ké quăng xuống mương. Anh chàng xấu số phải chịu ngâm mình dưới nước một thời gian khá lâu. Tôi đoán chừng người đàn ông đóng vai lão làm vườn cũng tham gia thực hiện cái màn kịch này”.

“Sao lại nói là “đóng vai lão làm vườn” hử dì Janes ? Raymond thắc mắc.

“Ờ, lão đầu có phải là người làm vườn, phải vậy không ?”. Bà Marple nói: “Người làm vườn không làm việc trong ngày lễ Whit Monday. Chuyện đó ai cũng biết”.

Bà nhếch mép cười, tay xếp cuộn len lại.

“Chính nhờ chi tiết nhỏ nhặt đó tôi mới nghĩ ra”, bà nói đưa mắt nhìn qua Raymond. “Ngày nào cháu có nhà cửa đằng hoàng rồi, nhà có vườn, lúc đó cháu sẽ hiểu ra mấy cái việc nhỏ nhặt đó”.

VẾT MÁU TRƯỚC HIÊN NHÀ

“Có một chuyện lạ”, Joyce Lemprière vừa lên tiếng, “tôi chưa muốn nói ra ngay. Chuyện này đã lâu... tính ra đã năm năm... cho mãi tới bây giờ tôi còn bị ám ảnh. Nhìn cảnh bên ngoài thấy tươi đẹp sáng sủa, còn bên trong thì u ám ghê sợ. Sự việc là bức tranh tôi vẽ ra ngày đó nhuộm một màu sắc buồn tẻ. Mới nhìn qua chỉ là bức phác họa con phố nhỏ leo dốc ở Cornwall ánh nắng ngập tràn. Nhìn lâu một hồi thì thấy nó toát ra một màu sắc ghê rợn. Tôi không bán cho ai và cũng chẳng dám ngắm. Tôi treo nó trong góc xưởng vẽ, mặt úp vô tường”.

“Có một nơi gọi là Kathole, một làng đánh cá thừa thớt ở Cornwall, phong cảnh rất đẹp, phải nói là tuyệt đẹp. Mới nhìn qua có thể thấy nổi bật nhất là “Quán trà thất Cornwall”. Nó có nhiều gian hàng, người phục vụ là mấy em tóc ngắn mặc áo choàng; tay đặt bút ghi các món khách chọn lên loại giấy da sáng rực. Trông đẹp mắt lạ lùng làm sao, các cô nàng luôn có vẻ e thẹn”.

“Tôi không biết”, Raymond West miêng càu nhàu nói. “Chuyến xe đò thấy ghét, tôi nghĩ. Đường làng thì hẹp không có gì đáng nói, không có nơi nào yên ổn”.

Joyce gật đầu.

“Đường vô làng Rathole hẹp lại leo dốc như hai bên hiên từng nhà. Tôi sẽ kể ra đây. Tôi ở lại Cornwall mười lăm ngày. Làng Rathole có một quán trọ cũ kỹ, Polharwith Arms. Ngôi nhà duy nhất còn đứng vững sau trận mưa pháo của quân Tây Ban Nha khoảng thế kỉ 15”.

“Không phải do pháo kích”, Raymond nhú mày nói, “muốn kể phải nhớ lại lịch sử cho rõ, Joyce”.

“Như thế này, giặc chuyển súng ống tới bắn phá vùng duyên hải, phá sập nhà cửa. Câu chuyện không dừng lại đó. Quán trọ là một nơi khung cảnh hữu tình, cổng trước xây lên bốn cột trụ vững vàng. Tôi tìm được nơi ưng ý, vừa lo chuẩn bị đem đồ nghề xuống thì nghe tiếng xe ô tô đang đỗ dốc. Thế nào rồi xe phải đỗ lại trước quán... tôi nghĩ bụng rồi lúng túng. Từ bên trong bước ra một ông đi cùng với một bà. Tôi không nhìn rõ mặt họ. Người phụ nữ mặc áo màu hoa cà, đầu đội mũ màu hoa cà”.

“Ngay tức thì người đàn ông lại trở ra, tôi mừng hết sức khi gã lái xe chạy ra bến tàu đậu ngoài đó. Gã đi bộ trở lại quán ngang qua chỗ tôi đứng. Cũng vừa lúc một chiếc ô tô quái dị từ đầu đó xịch lại, từ trên xe một người đàn bà bước xuống, khoác chiếc áo choàng vải bông màu đỏ thắm, trông lạ mắt. Thoáng nhìn trên đầu đội chiếc mũ rơm... tôi đoán họ là dân Cuba không chừng... cũng một màu đỏ thắm ?

“Người đàn bà lái xe không dừng lại trước quán cho xe chạy thẳng rồi ghé qua quán khác. Nàng bước xuống cũng vừa lúc người đàn ông nhắc thấy gọi tên nàng “Carol”, gã vừa kêu, “em là hiện thân của những gì đẹp nhất. Không ngờ anh gặp lại em nơi vắng vẻ thế này bao nhiêu năm rồi nhỉ. Này, Margery - vợ anh, em biết mà. Em nhớ ghé chơi với vợ chồng anh”.

“Hai người cùng đi tới quán trọ, người đàn bà lúc này trong quán bước ra đi về phía hai người. Người đàn bà tên Carol đi ngang qua chỗ tôi. Tôi kịp liếc mắt nhìn theo, thoáng thấy dưới cằm thoa một lớp phấn trắng mịn, môi đỏ chói, tôi mong nàng vui vẻ gặp cô ta. Tôi chưa nhìn rõ lắm Margery, nhưng nhìn xa xa cô ta ăn mặc luộm thuộm, dáng người đoan trang.

“Ôi, họ nói gì thì nói, đâu phải chuyện của tôi. Họ nói chuyện xì xào từ đằng xa, đứng đây tôi thoáng nghe thấy được vài câu. Họ vừa bàn chuyện đi tắm biển. Nghe tên người chồng dường như là Denis, muốn thuê một chiếc thuyền chèo dọc theo bờ biển, để ngắm hang động

đẹp mắt, xa hơn đây mấy cây số. Carol cũng thích nhưng nàng muốn đi men theo trên bãi đá đứng từ ngoài nhìn vô. Nàng không thích ngồi trên thuyền. Rồi họ thỏa thuận với nhau, Carol đi bộ dọc theo bãi đá hẹn gặp nhau tại cửa hang động, Denis và Margery ngồi trên thuyền, chèo một vòng tới đó".

"Nghe nhắc chuyện tắm biển tôi cũng muốn nhào xuống nước. Sáng hôm đó trời nóng, tôi không thể làm gì được. Hơn nữa chờ tới xế trưa khi nắng lên mới đẹp. Nghĩ là làm, tôi xếp đồ nghề, ra tới chỗ bãi hẹp nơi tôi đã tới một lần... hướng ngược chiều lại hang động, hãnh diện đã khám phá một nơi độc đáo. Sau khi tắm thoải mái tôi ăn uống qua loa với một lon thịt hộp và mấy quả cà, kịp về đến nơi trời xế trưa, trong người thấy khoan khoái và tự tin, tiếp tục cầm cọ vẽ".

"Mọi người trong nhà Rathole đi ngủ. Tôi ngồi ngắm nhìn ánh nắng buổi trưa, trong bóng râm khung cảnh thật kỳ ảo. Ngôi nhà Polharwith Arms là nguồn cảm hứng cho tôi sáng tạo. Tia nắng chiếu hắt nghiêng về một phía lan tỏa trên nền đất tạo hình một đường nét cực kỳ sinh động. Mấy người rủ nhau đi tắm biển về lại đông đủ, tôi nhìn thấy hai chiếc áo tắm màu đỏ và màu xanh đậm treo phơi trước ban công".

"Tôi khom người chỉnh lại một góc của bức tranh thấy chưa vừa ý. Lúc ngược đầu nhìn lên tôi thấy một khuôn mặt lạ đứng tựa vô nhà Polharwith Arms nhìn có vẻ ma quái. Nhìn bề ngoài, một chàng thủy thủ nhưng tôi biết hẳn là một ngư dân. Hẳn để bộ râu xồm xoàm, nếu tôi tìm một hình mẫu vẽ hình ảnh một thuyền trưởng ác ôn người Tây Ban Nha thì đây là một gương mặt ăn ý hơn hết. Chớp được thời cơ hiếm hoi tôi phác họa cho kịp, kéo không gã dờn bước đi thì hỏng, nhưng nếu nhìn cho kỹ tư thế gã đứng tựa lưng vô cột như muốn chôn chân lại đó".

"Hắn di chuyển định bước đi nhưng may mà tôi kịp ghi lại đầy đủ các chi tiết. Gã bước lại chỗ tôi đứng bắt chuyện".

"Làng Rathole", gã khơi mào, "một địa danh có nhiều cái hay".

"Chuyện đó tôi đã biết từ lâu nhưng tôi không nói ra để tránh mang tiếng tò mò, nhiều chuyện. Tôi biết hết, chuyện làng bị pháo kích... phải nói bị phá hủy hoàn toàn... và chuyện ông chủ nhà Polharwith Arms bị giết chết cuối cùng. Ông ta bị ngã xuống và bị đâm bởi chính thanh kiếm của viên đại úy người Tây Ban Nha, máu phun loang lổ ra vỉa hè, hàng trăm năm sau chưa rửa sạch".

"Dư âm của câu chuyện cũng u ám nặng nề như không khí buổi chiều hôm đó. Lời gã kể thao thao ên tai như muốn báo hiệu câu chuyện có hơi hám rùng rợn. Bộ điệu bên ngoài xum xoe nhưng tôi nghĩ trong bụng gã độc địa. Nhờ đó mà tôi hiểu được tường tận chuyện tòa án pháp đình thời Trung cổ và những trò đàn áp dã man của người Tây Ban Nha so với những gì tôi được nghe kể trước kia".

"Tai nghe kể chuyện mắt tôi vẫn chăm chú phác họa nhưng vì mãi để tai nghe lúc nhìn lại nét vẽ không phải từ trong trí tôi. Một mảng đất trống trên vỉa hè nơi nắng chiều chiếu hắt xuống trước thềm nhà Polharwith Arms được vẽ với những tông màu máu, không hiểu vì sao tâm trí tôi muốn đánh lừa bàn tay và khi nhìn lại toàn cảnh quán trọ, người tôi choáng váng. Bàn tay tôi đã tái hiện những gì chính mắt tôi nhìn thấy... những vệt máu loang lổ trước thềm nhà lát đá trắng ?

"Tôi đứng lặng nhìn một hồi, hai mắt nhắm nghiền miệng lẩm bẩm, "Đừng có nghĩ vớ vẩn, nhìn cho rõ có thấy gì đâu", mở mắt ra nhìn lại, những vệt máu còn nguyên".

"Hai chân đứng muốn khụy xuống, tôi ngắt ngang câu chuyện giữa chừng".

"Nhờ anh nhìn cho", tôi nói, "mắt tôi đang hoa lên. Có phải chỗ đằng kia còn nguyên những vệt máu".

"Gã nhìn tôi với ánh mắt chia sẻ"

“Làm gì có chuyện máu me thời này, thưa bà, Câu chuyện tôi vừa kể cách nay chừng năm trăm năm”.

“Ờ”, tôi nói, “nhưng nay tôi thấy còn in dấu trước thềm nhà”... cổ họng tôi nuốt nghẹn lại. Tôi biết... tôi biết gã không thấy cái tôi đã nhìn. Tôi ngồi đây lo thu xếp đồ nghề, hai tay run lẩy bẩy. Bất chợt tôi trông thấy anh chàng ngồi trên xe sáng hôm nọ từ trong quán bước ra. Anh ta đang lóng ngóng nhìn khắp tứ phía. Trên ban công vợ anh ta cũng lo gom mấy chiếc áo treo trên dây. Anh ta bước lại chỗ xe đậu nhưng nghĩ sao quay ngoắt lại, băng qua đường tới trước mặt anh chàng ngư dân.

“Tôi muốn hỏi anh một việc”, anh ta nói. “Anh có để ý người đàn bà từ trên chiếc xe đằng sau kia đã thấy trở ra chưa?”.

“Người đàn bà mặc áo bông chứ gì? Dạ chưa, tôi chưa thấy cô ấy. Sáng nay tôi còn nhìn thấy cô ấy đang đi dạo ngoài bãi đá, chỗ hang động”.

“Tôi biết, tôi biết. Tôi cũng ra đó tắm chung, cô ấy trở về nhà một mình rồi tìm không thấy đâu. Chẳng lẽ cô ta bỏ đi suốt. Quanh bãi đá không có chỗ nào gập gềnh hiểm trở, phải thế không?”.

“Tùy chỗ, thưa ông, ông muốn tới chỗ nào. Nên nhờ một người địa phương ở đây hay hơn”.

“Gã biết sao nói vậy, tôi thấy gã muốn nói chuyện nhưng anh chàng kia không thèm nói một lời, bỏ chạy đi về phía quán trọ, gọi vợ đứng trên ban công”.

“Này, Margery, chưa thấy Carol về nhà, quái lạ thế nhỉ?”

“Không nghe thấy Margery nói gì, người chồng nhắc lại. “Thôi, không chờ được nữa, ta còn phải đi qua Penrithar. Em đã xong hết chưa? Đợi anh quay xe lại”

Nghĩ lại mấy chuyện vừa qua tôi buồn cười làm sao. Nhìn chiếc ô tô mất hút tôi trở lại quán trọ nhìn xuống trước thềm nhà một lần nữa, căng mắt nhìn cho rõ. Mà thật có nhìn thấy máu me gì đâu, không, chẳng qua do trí tưởng tượng của tôi nó méo mó lệch lạc, do câu chuyện thêm thắt thêm phần rùng rợn... Vừa lúc đó tai tôi nghe tiếng anh chàng ngư dân nói.

“Bà tưởng là dấu máu chỗ này, hả, thưa bà?”. Gã soi mói nhìn tôi.

Tôi gật đầu.

“Lạ, chuyện lạ. Ở làng này người ta còn mê tín lắm. Nếu ai nhìn thấy máu...”

Gã lặng thinh.

“Thì sao?”, tôi hỏi.

“Gã dịu giọng lại, nói tiếng dân quê Cornwall nghe xuôi tai như một người được học hành đàng hoàng, không chút ngượng ngịu.

“Người dân cho là, thưa bà, nếu ai nhìn thấy máu hai mươi bốn giờ sau sẽ tìm thấy người chết”.

Sởn ốc! Tôi cảm thấy lạnh toát cả người.

Gã lại kể thao thao, “bên trong nhà thờ còn bày bài vị của người chết...”.

“Thôi không dám”, tôi nói nhất quyết, lặng lẽ bỏ đi trở về nơi nhà trọ. Về tới nơi tôi nhìn từ đằng xa thấy bóng dáng Carol đang bước đi, ngoài bãi đá. Nàng bước đi vội vã. Bóng nàng in trên nền đá xám xịt như một loài hoa dại màu tím thẫm. Chiếc mũ nàng đội trên đầu đỏ như một màu máu...

“Tôi rùng mình. Đầu tôi đang chứa đầy những hình ảnh về máu”.

“Một chập sau nghe thấy tiếng xe ô tô tiến lại gần, không hiểu nàng có muốn đi qua Penrithar như tôi; nhìn chiếc xe quay ngược đầu trở lại về phía trái. Xe leo lên dốc đồi chạy mất hút, tôi mới thở ra một hơi nhẹ cả người. Làng Rathole trở lại với cái vẻ thanh tịnh như thuở nào”.

“Nếu chỉ có vậy”, Raymond West nói lúc cô Joyce vừa dứt câu chuyện. “Tôi phán đoán ngay. Người cô bị chứng khó tiêu, sau bữa ăn nhìn mọi thứ thấy hoa cả mắt”.

“Chưa hết đâu”, Joyce nói. “Phải nghe cho tới phần cuối. Hai bữa sau báo đăng tin “Án mạng ngoài bãi tắm”. Nội dung tin nói về bà Dacre vợ ngài Đại úy Denis Dacre bị chết đuối gần vũng Landeer Cove cách bờ không bao xa. Trước đó hai vợ chồng thuê khách sạn ở lại, muốn đi tắm biển bỗng trời nổi gió. Đại úy Dacre thấy trời trở lạnh rủ thêm mấy người bạn đi chơi sân golf gần bên. Tuy nhiên do bà Dacre không thấy lạnh, nên bà đi một mình ra biển. Mãi không thấy vợ về ông hoảng hốt cùng mấy người bạn chạy ra biển. Đến nơi thấy quần áo bà còn để lại bên một tảng đá, nhưng tìm mãi không thấy người đâu. Gần một tuần trôi qua bỗng một hôm theo cơn sóng xô, xác bà giạt vô bờ, được tìm thấy cách một đoạn khá xa bờ biển. Một vết thương lớn do va đập trên phần đầu có lẽ là bị chấn thương trước khi bà chết. Có thể suy đoán lúc đó bà nhảy xuống nước đập đầu vô đá ngầm. Theo tôi thì bà chết khoảng hai mươi bốn giờ sau khi tôi nhìn thấy vết máu trước thềm nhà”.

“Tôi thấy phi lý”, ngài Henry phản đối. “Cách đặt vấn đề không đúng... có thể nói đây là một câu chuyện ma quái. Cô Lemprière là một người đồng bóng ảo tưởng”.

Ông luật sư lại húng hắng ho.

“Tôi thấy một điểm lạ...” ông nói. “Chỗ vết thương trên phần đầu. Theo tôi thì ta không thể không tính tới chuyện có kẻ muốn ám hại bà. Nói gì thì nói ta phải nắm vững bằng chứng. Ta phải tính đến chuyện cô Lemprière mắc chứng ảo giác”.

“Chứng ăn khó tiêu kết hợp với sự ngẫu nhiên”, Raymond nói. “Liệu ngài dám chắc họ là cùng một nhóm người. Hơn nữa, chuyện nguyên rửa hay gì đó chỉ riêng những người dân làng Rathole mới biết mà thôi”.

“Theo tôi thì..”, ngài Henry lên tiếng, “chính anh chàng ngư dân kỳ dị kia có dính dáng vô vụ này. Theo như lý lẽ ông luật sư Petherick đưa ra tôi đồng ý cô Lemprière đã hé mở cho ta thấy một vài manh mối”.

Joyce quay qua nhìn thấy ngài mục sư Pender nhếch mép cười, lắc đầu.

“Nghe thì hay thật”, ông nói, “tôi thì không đồng ý với ngài Henry cũng như ông luật sư Petherick, là ta đã thấy được một vài manh mối”.

Tức thì Joyce lén nhìn qua, bà Marple đưa mắt nhìn theo cười.

“Tôi thì cho là Joyce nghĩ chưa đúng”, bà nói, “tất nhiên là tôi có ý kiến khác hơn. Tôi muốn nhắc lại, ở chỗ phụ nữ với nhau nên tôi đồng ý một chi tiết bộ quần áo nạn nhân còn để lại. Còn đàn ông chuyện này khỏi phải bàn. Thay quần áo thì nhanh thôi. Thật là người đàn bà xấu xa ! Còn ông chồng thì thật ác độc”.

Joyce quắc mắt nhìn.

“Kìa dì Jane”, nàng nói, “Xin lỗi bà Marple, tôi nghĩ là... là bà đã biết đâu là sự thật”.

“Thế này, cô em”, bà Marple nói, “tôi có thể ngồi yên không nói còn dễ hơn cô em đây - là một nghệ sĩ cô em rất nhạy cảm trước tình thế, phải không ? Tôi ngồi một chỗ đan áo mà biết được hết manh mối. Những vết máu trước thềm nhà nhỏ từng giọt xuống là từ chiếc áo tắm phơi trên ban công của chiếc áo tắm màu đỏ, bọn tội phạm không nghĩ ra đó là dấu máu. Tội nghiệp, đáng thương thay !”

“Xin lỗi bà Marple”, ngài Henry nói, “như các bạn thấy, tôi hoàn toàn mù tịt việc này. Hai

người biết chuyện nói với nhau, cánh đàn ông chúng tôi hoàn toàn không hay biết”.

“Tôi sẽ kể hết đoạn cuối cho ông nghe”, Joyce nói. “Sau đó một năm, lúc đó tôi cũng đang có mặt tại khu nghỉ mát ở biển đông vẽ tranh, bất chợt một cảm giác kỳ lạ như từ đâu hiện về. Trước mắt tôi là hình ảnh một người đàn ông và một người đàn bà đứng chào một người thứ ba là một bà mặc chiếc áo bông màu đỏ thắm. *“Carol, thật là kỳ diệu ! Sau bao nhiêu năm bỗng lại được gặp em. Em biết vợ anh chứ ? Joan, đây là cô Harding bạn cũ của anh”*.

“Tôi nhìn ra người đàn ông, chính là Denis ngày nào tôi đã gặp ở làng Rathole. Người vợ nay đã khác xưa - tức là, Joan chứ không phải Margery, cũng đáng người trẻ trung lịch thiệp, ăn mặc có phần luộm thuộm, rụt rè. Thoáng chốc tôi cảm thấy như mình đang hóa rồ. Nghe họ kể chuyện tắm biển. Tôi sẽ kể lại lúc đó tôi định làm gì. Tôi đi tới ngay bót cảnh sát... đến nơi chắc mọi người cho là tôi điên, cũng chẳng sao. Nhưng rồi mọi việc đầu vào đó. Một thám tử Scotland Yard có mặt tại chỗ đã nghe báo cáo sự việc như vừa kể. Được biết là - chà khiếp thật, tôi phải nhắc lại đây - cảnh sát nghi cho Denis Dacre. Tên thật ông ta không phải vậy... đi tới đâu ông thay tên đổi họ tới đó. Ông quen biết nhiều em đẹp, mấy em kín đáo rụt rè không bạn bè thân thích, ông lấy làm vợ, chu cấp tiền bạc, ổn định cuộc sống và một bữa no... chao ôi, khiếp thật ! Người đàn bà tên Carol là vợ chính thức của ông ta cùng nhau lập mưu như những lần trước. Do đó hắn mới bị tóm. Hắn bảo hiểm lúc bấy giờ mới té ngựa. Gã thường lui tới chỗ bãi tắm vắng vẻ với cô vợ mới cưới, chờ thêm một người mới tới cùng rủ nhau đi tắm. Cô vợ mới cưới sẽ bị giết chết, Carol chỉ việc lấy quần áo nạn nhân mặc vô người leo lên thuyền cùng đi theo với gã. Xong rồi họ bỏ đi, tắt vô nơi nào chẳng được sau khi giả vờ hỏi thăm Carol, đến khi đi xa làng, lúc đó Carol thật vội vã cởi bỏ bộ áo của nạn nhân khoác lên người chiếc áo bông màu sắc sỡ, trang điểm phấn son lòe loẹt như xưa quay trở lại bãi xe leo lên xe lái đi. Cứ thế hai vợ chồng đoán biết từng con nước ai sẽ là nạn nhân kế tiếp ngoài bãi tắm quanh đó. Carol vẫn đóng vai người vợ mon men ra chỗ bãi tắm vắng vẻ quăng bộ áo tắm của nạn nhân trên bờ đá, thay lại bộ áo bông lạng lẽ ngồi chờ người chồng đến rủ nhau đi”.

“Có thể sau khi giết Margery máu cô ta phun bắn vô người Carol đọng lại trên chiếc áo tắm cùng một màu đỏ thắm, không phân biệt đâu là máu như lời bà Marple nhận xét. Chiếc áo tắm giặt đem phơi trên ban công trước nhiều giọt xuống. Gớm !”, nàng rùng mình. “Tôi có cảm giác vết máu còn nguyên đó”.

“Chớ còn gì nữa”, ngài Henry nói, “tôi nhớ rõ mà. Anh chàng tên thật Davis. Tôi quên bằng đi hắn còn nhiều bí danh khác như là Dacre chẳng hạn. Hai vợ chồng đáng cặp thật là xứng đôi, gian manh, tráo trở. Tôi lấy làm lạ không ai có thể nhận ra chuyện thay tên đổi họ của chúng. Giả sử theo như lời nhận xét của bà Marple, quần áo dễ nhận ra hơn là nhìn mặt mũi, nhưng bọn này thật lắm mưu chước, nếu ta nghi cho Davis thì khó mà buộc tội được, bởi hắn thường sắm vai một nghi can có tài biến hóa xuất quỷ nhập thần”.

“Dì Janes”, Raymond nói, mắt nhìn soi mói. “sao dì lại cho là vậy ? Dì ngồi một chỗ ở nhà chẳng có việc gì làm cho dì ngạc nhiên cả”.

“Dì cho là mọi thứ trên đời này chẳng có khác gì nhau”, bà Marple nói. “Cậu biết đấy, chuyện bà Green chôn sống năm đứa trẻ... đứa nào cũng được bảo hiểm nhân mạng. Đấy, đến lúc đó người ta mới sinh nghi”.

Bà lắc đầu.

“Ở làng quê còn lắm chuyện gian ác. Tôi nghĩ là các cô cậu còn non trẻ chớ nên nghĩ là thế gian này nhìn đâu cũng thấy kẻ ác”.

DUYÊN CỐ VÀ THỜI CƠ

Ông luật sư Petherick đăng hăng lấy giọng ra vẻ nghiêm trang hơn mọi khi.

“Tôi e là câu chuyện sắp kể ra đây dễ khiến cho các bạn nhàm chán”, ông mở đầu bằng một câu phân bua, “sau khi được nghe kể những câu chuyện éo le. Chuyện tôi sắp kể không có mầu me, toàn bộ câu chuyện hấp dẫn ở chỗ tình tiết lý thú và mưu trí, nó hay ở chỗ tôi là nhân chứng có thể đưa ra lời giải đáp cho hồi kết”.

“Bởi vì không phù hợp luật lệ, phải vậy không?”, Joyce Lemprière hỏi lại. “Tức là nhiều việc dính dáng tới luật pháp và nhiều vụ như Barnaby kiện lại Skinner xảy ra hồi năm 1881 hoặc những vụ tương tự”.

Ông Petherick nhếch mép cười đắc ý, ẩn dưới cặp kính.

“Không, không đâu cô em. Cô chớ lo chuyện đó. Câu chuyện tôi sắp kể ra đơn giản, ai nghe qua cũng có thể hiểu được”.

“Ta không nên chơi chữ ở đây”, bà Marple lên tiếng tay giờ que đan ra dấu.

“Làm gì có chuyện đó”, ông Petherick nói.

“Chà, tôi có biết đâu, thôi anh kể đi”.

“Chuyện về một khách hàng của tôi trước đây. Tên ông ta là Clode - Simon Clode. Một thân chủ thuộc hạng khá giả giàu có, nhà cửa rộng rãi, cách đây không bao xa. Ông có một người con trai đã chết trong chiến tranh để lại một đứa cháu gái - mẹ nó mới sinh con ra thì chết. Đến khi người cha chết, đứa trẻ về ở nhà ông nội, được ông nội nhất mực nuông chiều. Con bé Chris muốn gì, ông cho nấy. Hiếm có một người ông nào thương yêu đùm bọc đứa cháu được vậy. Bất hạnh thay đến lúc được mười một tuổi nó chết vì bị sưng phổi. Nỗi đau dồn dập”.

“Simon Clode đau đớn vô cùng. Mới vừa đây người em trai ông chết trong một hoàn cảnh ngặt nghèo, Simon Clode là người rộng lượng, chu cấp nơi ăn ở cho mấy đứa con của người em trai - hai cô gái là Grace, Mary, và George. Dù ông rộng rãi và đối xử tử tế với những đứa cháu, nhưng không thể đem so với tình thương và tấm lòng hy sinh tận tụy dành cho đứa cháu nội. ông giới thiệu cho George Clode làm nhân viên ngân hàng ở gần nhà. Grace Clode lấy chồng là Philip Garrod một dược sĩ trẻ tuổi. Chỉ còn Mary, một đứa cháu trầm lặng, ít giao du với ai, quanh quẩn trong nhà, chăm sóc người bác. Tôi biết con bé trầm lặng nhưng biết lo cho ông. Nhìn bề ngoài mọi việc êm đẹp. Chuyện tôi kể ra đây sau cái chết của đứa cháu nội. Simon Clode đến gặp tôi muốn lập tờ di chúc. Trong chúc thư món tài sản khá lớn được chia đều cho ba đứa cháu”.

“Thời gian trôi qua. Một bữa gặp lại George Clode tôi hỏi thăm lâu nay không thấy ông Simon. Nhìn George mặt mũi biến sắc, tôi kinh ngạc vô cùng. “Mong ông thông cảm giùm bác Simon”, gã nói buồn bã, giọng vẫn còn bối rối, lo âu. “Do nạn mê tín thần thánh mới ra nông nổi như thế?”

“Chuyện thần thánh thế nào?”, tôi hỏi, chưa rõ ắt gặp chuyện gì.

“George kể cho tôi nghe đầu đuôi mọi chuyện. Vì sao ông Clode lao vào chuyện mê tín và đến lúc không còn lối ra ông gặp một bà làm nghề đồng bóng tên Eurydice spragg. Nhìn bà ta George biết ngay một kẻ bịp bợm, nhưng bà ta nói gì Simon Clode nghe nấy. Bà ở luôn trong nhà, thường đứng ra gọi hồn cho cháu bé Christobel hiện về gặp lại người ông vô cùng thân thương”.

“Có thể nói tôi chúa ghét bọn mê tín thần thánh họ thật là buồn cười, đáng khinh bỉ. Như tôi đã nói trước, tôi chỉ tin những gì tai nghe mắt thấy. Xét một cách vô tư và cân nhắc lý lẽ, chuyện mê tín thần thánh thì không thể gọi là chuyện lừa bịp hay có thể xem thường. Tuy nhiên như đã nói tôi không tin, cũng không bài bác. Cũng có một vài bằng chứng mà ta không thể viện lý lẽ bác bỏ”.

“Mặt khác tệ sùng bái chiêu hồn thần thánh thường đi đôi với trò bịp bợm lừa đảo. Dựa theo lời kể của anh chàng George Clode về người đàn bà Eurydice Spragg, tôi mới ngộ ra chính vì Simon Clode mất cảnh giác nên mù đàn bà Spragg kia giờ trò bịp bợm lừa đảo. Ông bạn già dù có thông minh, tài cán đến đâu cũng dễ bị mắc lừa vì hết lòng thương nhớ đứa cháu đã mất:

“Nhắc lại chuyện cũ tôi thấy trong người thương xót. Vì tình thương dành cho ông Clode, Mary và George tôi nhận ra bà Spragg đã chi phối được ông bác. Rồi sau này mới thấy lắm chuyện rắc rối”.

“Tranh thủ thời gian tôi đến thăm Simon Clode.

“Đến nơi bà Spragg giả vờ đón tiếp tôi như một vị khách quý. Thoáng nhìn tôi có ác cảm người đàn bà này thậm tệ. Người bà mập ú, tuổi trạc trung niên, ăn mặc lòe loẹt. Bà tuôn ra một hơi những câu sáo ngữ: “Người thân không ai ngó ngang tới”, và những lời đại loại như vờ kể”.

“Chồng bà ta cũng có mặt tại đây, Absalom Spragg, thân hình gầy nhom, mặt buồn hiu, mắt nhìn lăm lăm lét. Tôi gặp lại Simon Clode, thấy tinh thần ông ta còn minh mẫn. Ông hớn hờ ra mặt. Eurydice Spragg thật là tuyệt vời ! Bà tới đây là để cầu nguyện cho ông. Chuyện tiền nong không thành vấn đề, được làm việc thiện là niềm vui. Bà thương con bé Chris với tấm lòng của một người mẹ. Còn ông thì thương cháu như con gái. Ông kể hết cho tôi nghe... ông nghe được tiếng nói của Chris... con bé cảm thấy sung sướng được gần gũi cha mẹ. Ông lại kể con bé nói chuyện này nọ; tôi nhớ lại con bé Christobel có bao giờ nói được vậy. Nó còn nói “Bố mẹ cũng thương yêu bà Spragg”.

“Nhưng dĩ nhiên ông không tin, ông ta kêu lên, “ông là người hay nhạo báng, ông Petherick”.

“Không, tôi có bông đùa bao giờ. Không khi nào. Đã có vài người viết về đề tài này dẫn ra bằng chứng nghe chấp nhận được, lúc đó tôi mới hiểu là người làm nghề đồng bóng được họ giới thiệu với tất cả lòng kính trọng và tín cẩn. Tôi nghĩ bà Spragg cũng tốt đấy chứ”.

“Simon trúng phải bùa mê bà Spragg. Bà là người cỡi trên sai xuống đây. Ông gặp được bà ở nơi nghỉ mát mùa hè vừa qua. Một cuộc gặp gỡ tình cờ và ông cảm thấy được mãn nguyện”.

“Tôi chán nản bỏ đi. Bây giờ mới thấy sợ nhưng chưa biết xử trí ra sao. Sau nhiều lần nghĩ đi nghĩ lại cuối cùng tôi viết thư gửi Philip Garrod, anh chàng mới cưới vợ, - là cô cháu gái tên Grace. Tôi đặt vấn đề ngay; tất nhiên tôi phải biết lựa lời nói cho khéo. Tôi kể lại trường hợp bà nọ đã chi phối được ông, nên phải coi chừng. Tôi cảnh giác việc ông Clode sẽ sa vô bẫy của bọn buôn thần bán thánh. Việc này tôi thấy không khó khăn gì mấy đối với Philip Garrod”.

“Garrod muốn nhanh chóng giải quyết ngay. Anh ta cho là, sức khỏe Simon Clode tới hồi suy sụp, và với cách suy nghĩ thực tế anh ta thấy không nên báo cho vợ anh ta cùng như mấy anh chị em biết, vì lo mất hết quyền thừa hưởng tài sản. Qua tuần sau rủ thêm người bạn, một ông giáo sư có tiếng tăm, Longman, về nhà. Ông là một nhà khoa học uy tín, hiểu biết sâu sắc về thuật duy tâm, rất được kính nể; không những là một nhà khoa học sáng chói, ông còn được kính trọng vì tính thẳng thắn, trung thực”.

“Khi giáo sư đến nhà, ông Simon không có ở nhà. Khi về, giáo sư gửi cho Garrod một bức thư nói rằng ông không tìm được bằng chứng về sự gian dối của bà Spragg nhưng cũng không nên tin vào khả năng siêu phàm của một người nào đó”.

“Philip Garrod đưa bức thư ra cho ông bác coi, thực tế không như anh ta mong đợi. Ông

bác nổi giận dùm dùm. Rõ ràng đây là chuyện nói xấu bà Spragg, là một vị nữ thánh; rằng Longman đáng nguyên rủa ! Trước đó bà đã đoán cho ông hay là ông sẽ bị người ta gièm pha. Ông nói chính Longman bị ép buộc phải nói dối. Ông không phải là nạn nhân bị lừa gạt. Eurydice Spragg đến với ông như một vị cứu tinh, giúp đỡ tận tình, và ông có ý định tán thành việc làm của bà cho dù người nhà phản đối kịch liệt. Đối với ông, bà mới thật sự là một người tốt chân chính”.

“Philip Garrod bỏ đi ra không cần chào hỏi. Sau cơn giận dữ, sức khỏe của Clode suy sụp thấy rõ. Ông nằm liệt giường suốt cả tháng, không chừng ông sẽ trở thành một kẻ tàn phế, chỉ nằm một chỗ chờ chết mà thôi. Qua hai bữa sau Philip bỏ đi, tôi nhận được lời gọi khẩn cấp nên vội vã ra đi. Đến nơi thấy Clode nằm trên giường nhìn tôi với cái nhìn bệnh hoạn. Ông đang cần được tiếp thêm hơi thở.

“Tôi sắp già từ cõi đời”, ông nói. “Tôi biết điều đó. Đừng nên trách tôi, Petherick. Trước lúc ra đi tôi muốn giữ trọn lời hứa với một người đã giúp đỡ tôi nhiều hơn tất cả những ai trên đời này. Tôi muốn làm một tờ di chúc mới”.

“Được chứ”, tôi nói, “ông cần dặn dò thêm gì nữa không. Tôi làm ngay bản di chúc cho ông”.

“Không cần đâu”, ông nói. “Tôi nghĩ, chắc tôi không qua khỏi đêm nay. Tôi đã viết lại những gì tôi muốn”, tay ông lần mò dưới gối, “ông nên góp ý cho tôi coi có được không”.

“Ông lôi ra một trang giấy viết nghệch ngoạc nét chữ bút chì, đơn giản một mạp. Ông chia phần gia tài ra cho mỗi đứa cháu 5000 bảng Anh, còn lại dành hết cho bà Euriciyee Spragg “để tưởng nhớ công ơn với tấm lòng ngưỡng mộ”.

“Tôi không thích nhưng phải chịu. Không có chuyện trí óc không được minh mẫn, thật ra trí óc ông còn sáng suốt như mọi người”.

“Ông nhấn chuông gọi mấy người giúp việc, thoáng cái họ chạy tới ngay. Bà giúp việc Emma Gaunt người cao lớn, tuổi trung niên, phục vụ lâu năm, chăm sóc ông Clode tận tình. Kể đến là cô nấu ăn còn khỏe mạnh, tuổi độ ba mươi. Simon Clode nhìn hai người dưới đôi chân mày rậm”.

“Tôi muốn bà làm chứng cho tờ di chúc. Emma, đưa cây viết cho tôi”.

“Emma bước tới bên bàn giấy”.

“Không phải chỗ ngăn kéo bên trái”, Simon kêu lên. “Bà không biết nó nằm ngăn bên phải sao ?”.

“Dạ không nó nằm đây”, Emma nói rồi lôi ra cây viết.

“Vậy là hôm trước bà cất nhầm vô đó”, lão càu nhàu. “Tôi không muốn đồ đạc để lộn xộn”.

“Miệng càu nhàu ông giơ tay đỡ lấy cây viết, tự tay thảo ra nội dung mà ông đã nhờ tôi chỉnh sửa lại qua trang giấy khác, xong ký tên. Ông gọi Emma Gaunt và cô nấu ăn Lucy David cùng ký tên vô. Tôi xếp tờ di chúc bỏ vô chiếc phong bì lớn màu xanh. Theo thủ tục cần phải viết ra trên loại giấy thường”.

“Hai người giúp việc vừa định bước ra ngoài, Clode ngả người ra giường miệng ngáp một hơi, mặt mũi nhăn rúm. Tôi chịu khó nghiêng người xuống đỡ ông, vừa lúc đó Emma Gaunt vội quay trở lại. Nhưng ông còn tỉnh, miệng cười gượng:

“Không sao, Petherick, ông đừng lo. Dù có chết tôi cũng chết một cách lạng lẽ vì thỏa mãn được ý nguyện”.

“Emma Gaunt nhìn tôi chòng chọc như muốn hỏi bà có nên ra về lúc này. Nhắc thấy tôi gật đầu bà bước đi ra... không quên cúi nhặt chiếc phong bì màu xanh tôi lỡ tay làm rớt xuống sàn trong lúc bận rộn. Bà trả lại, tôi rút vô túi, trước khi ra về”.

“Tôi thấy ông ưu phiền, Pethreiek”. Simon Clode nói. “Ông cũng có thành kiến như mọi người khác”.

“Chẳng có gì là thành kiến”, tôi nói - “Bà Spragg xứng đáng được như thế. Tôi thấy không có gì trở ngại nếu ông muốn để lại cho bà ấy một món tài sản gọi là ghi nhớ công ơn. Thật tình tôi muốn nói với ông, ông Clode, quên tình máu mủ ruột thịt, ông tước quyền thừa kế để dành cho người ngoài là một việc làm sai trái”.

“Nói xong tôi bỏ đi. Tôi đã làm xong nhiệm vụ nói lên tiếng nói phản bác”.

“Mary Clode vừa bước ra phòng khách nhìn thấy tôi bên ngoài nhà trước !

“Mời ông ở lại uống trà rồi hẵn đi, được chứ ?”, nói xong nàng mời tôi bước vô.

“Bên trong căn phòng có lò sưởi, ánh lửa bập bùng thật ấm cúng, vui tươi. Tôi đang cởi áo choàng nhìn thấy George cậu em trai nàng bước vô. Gã đỡ lấy chiếc áo pa đờ xuy từ tay nàng vắt lên thành ghế nơi cuối phòng, bước lại chỗ lò sưởi cùng ngồi uống trà. Đến lúc này câu

chuyện nhà đất được mang ra bàn. Simon Clode không muốn bàn việc này, để George quyết định. Thấy có vẻ căng thẳng, tôi đề nghị sau giờ uống trà bàn tiếp. Tôi cho kiểm tra lại giấy tờ, lúc này có cả Mary Clode tham gia:

“Khoảng mười lăm phút sau, tôi chuẩn bị ra về, sức nhớ chiếc áo pa đờ xuy bỏ quên nên quay lại phòng khách tìm. Nhìn vô trong chỉ còn mỗi bà Spragg quỳ xuống bên chiếc ghế, nơi chiếc áo choàng vắt ngang. Bà đang chăm chú nhìn lớp vải bọc nệm, nên chẳng để ý. Thoáng thấy tôi bước vô, bà đứng ngay dậy lúng túng.

“Lớp vải bọc nệm không ngay ngắn”, bà cầu nhàu. “Thật mệt ! Lúc nào tôi cũng phải tự tay sửa lại”.

“Tôi cầm lấy chiếc áo choàng, mặc vô. Vừa khoác lên tôi thấy chiếc phong bì đựng tờ di chúc trong túi rơi ra, nằm trên sàn. Tôi cúi nhặt, cất vô túi, chào một tiếng rồi bước ra ngoài”.

“Về tới văn phòng, tôi sẽ kể cho các bạn tỉ mỉ hơn chuyện này. Cởi áo choàng, tôi lấy bản di chúc trong túi ra. Tôi đứng bên chiếc bàn cầm trên tay tờ di chúc, chợt nhìn thấy người thư ký bước vô. Có khách cần gặp qua điện thoại, tôi bước trở ra phòng bên ngoài nói chuyện năm phút vì đường dây nội bộ hỏng.

Vừa trở ra nhìn thấy người thư ký đang chờ.

“Ông Spragg cần gặp ông. Tôi đã mời ông vô văn phòng”

“Tôi bước vô thấy ông Spragg đang ngồi bên bàn. Ông đứng dậy chào, điệu bộ có vẻ sẵn đón quá mức, rồi ông nói thao thao bất tuyệt. Tóm lại, chỉ một việc ông cảm thấy khó ăn nói về phần ông và bà vợ ông ngại dư luận, thiên hạ nói vô nói ra, này nọ. Vợ ông từ thuở bé đến giờ không làm việc gì mờ ám, vụng trộm... Tôi muốn nói ra nhưng sợ làm ông phật lòng. Thế rồi nghĩ lại ông thấy đến đây nhưng tôi chẳng giúp được gì, ông bỏ ngang giữa chừng ra về. Sức nhớ tờ di chúc để trên bàn, tôi với lấy, niêm kín và viết mấy chữ ngoài bì, cất vô tủ sắt”.

“Tôi sẽ kể tới đoạn quan trọng nhất. Hai tháng sau được tin ông Simon Clode chết. Tôi không muốn kể dài dòng, chỉ nêu ra đây một sự thật quá phũ phàng. Mở chiếc phong bì ra nhìn lại chỉ thấy một mảnh giấy trắng”.

Ông dừng lại, nhìn quanh, mọi người ngơ ngác. Chợt ông nhếch mép cười thích thú.

“Các bạn sẽ chấp nhận điều đó chứ ? Hai tháng chiếc phong bì nằm im trong tủ sắt. Làm gì có chuyện tráo trở. Không thể, thời gian hai tháng thật ngắn ngủi, tính từ lúc tờ di chúc được ký kết xong, đem cất vô tủ sắt. Vậy ai len lỏi vô đây, và nhân danh vì lợi ích nào ?”

“Tôi sẽ tóm tắt lại mấy điểm chính. Bản di chúc ông Clode ký tên, tôi bỏ vô phong bì... trước sau y nguyên vậy. Lúc đi ra tôi cất vô túi chiếc áo pa-đờ-xuy. Chính tay Mary đỡ lấy chiếc

áo rồi đưa qua cho George, gã còn nhìn thấy tông ngay từ lúc đó. Lúc tôi còn ở trong phòng, bà Eurydice Spragg có thừa thời gian móc túi lấy chiếc phong bì trong túi áo ra coi và lúc tôi vào nhìn thấy chiếc phong bì rơi dưới sàn nhà chớ không nằm trong túi áo; rõ ràng bà móc túi lấy ra chớ còn ai nữa. Nhưng có một điểm lạ: là thừa cơ lén vô tráo mảnh giấy trắng nhưng mà không rõ nguyên do vì đâu. Bản di chúc có chia phần cho bà, nếu tráo vô mảnh giấy trắng coi như bà khước từ quyền lợi lâu nay bà trông đợi hay sao. Tương tự, ông Spragg cũng như thế, thời cơ mở ra trước mắt lúc ông ở một mình ở trong phòng, bên cạnh đồng hồ sơ. Lần này chính ông đã bỏ lỡ thời cơ để đánh tráo. Ta đang đứng trước một việc khó xử: cả hai người có thừa thời gian tráo giấy tờ nhưng không biết rõ động cơ vì sao líhì họ phải vậy, và khi cả hai có đủ lý do hành động nhưng lại bỏ lỡ mất cơ hội. Nói gì thì nói tôi thấy không loại trừ nghi can là bà giúp việc Emma Gaunt. Bà phục vụ tận tình với gia đình ông chủ và căm ghét nhà Spragg. Theo tôi nghĩ bà có đủ lý do nếu bà muốn tráo bản di chúc. Và cho dù bà có thật tình nhặt chiếc phong bì đưa lại cho tôi, cũng không đủ thời gian để đánh tráo tờ di chúc hay sử dụng thủ thuật để làm việc đó (chắc chắn là không thể được) bởi chiếc phong bì do chính tay tôi đưa vô nhà, làm sao có một bản thứ hai nào nữa?

Ông nhìn quanh một vòng nhếch mép cười.

“Nào, tới đây tôi còn một điểm nữa cần nêu lên. Tôi thích được biết ý kiến của mọi người”. Mọi người vẫn chưa hết kinh ngạc, bỗng nhiên bà Marple cười một tràng dài.

“Chuyện gì vậy, dì Jane? Kể cho mọi người vui với chứ?”, Raymond nói.

“Tôi sực nhớ chuyện thằng bé Tommy Symonds tính nghịch ngợm, tôi lo ngại mà cũng có khi thấy thú vị. Trông mặt mũi nó vô tư thế, mà tính nghịch lắm, Mới bữa chủ nhật tuần rồi, nó hỏi “Thưa cô phải cô thường nói lòng đỏ trứng thường là màu trắng hay tất cả là màu trắng”. (Nguyên văn câu chơi chữ: “Teacher, do you say yolk of eggs is white or yolk of eggs are white) Cô giáo Durston giải thích thường ngày ai cũng nói “tất cả lòng trứng đều là màu trắng hay là lòng đỏ trứng thì trắng”, đến lượt Tommy nghịch ngợm nói: “Ờ em muốn nói lòng đỏ trứng màu vàng!”. Tính nó nghịch, thích đùa; những trò xưa như trái đất. Dù sao nó cũng là một thằng nhóc”.

“Nghe nói cũng mắc cười, dì Jane”, Raymond nói nhỏ. “Nhưng không đáng gì tới câu chuyện lý thú ông Petherich vừa kể”.

“Có chứ, vui chứ”, bà Marple nói, “Đó là chuyện đổ mếu! Cũng như câu chuyện ông Petherich cũng là một kiểu đổ mếu, cũng giống như ông luật sư! Ông bạn già thật là...!” Cô lắc đầu nhìn qua muốn trách ông.

“Có phải bà đã biết hết?”, luật sư nheo mắt hỏi.

Bà Marple viết mấy chữ ra giấy, xếp lại đưa cho ông.

Ông Petherick mở ra coi, ông có vẻ tâm đắc.

“Này bà ơi”, ông nói, “còn điểm nào bà chưa biết?”.

“Tôi biết đó là chuyện trẻ con”, bà Marple nói. “Tôi muốn đùa thế thôi”.

“Tôi đã nghĩ ra chuyện đó”, ngài Henry lên tiếng. “Chắc là thế nào ông Petherick cũng thủ sẵn ngón nghề cho riêng ông”.

“Làm gì có”, ông Petherick buộc miệng, “Không bao giờ. Tôi nghĩ sao nói ra vậy. Xin ông chớ quan tâm tới bà Marple. Bà ấy có cách nhìn riêng của bà”.

“Ta phải tìm cho ra sự thật”, Raymond West nói có vẻ khó chịu. “Chúng cứ rành rành ra đấy. Có tới năm người chạm tay vào chiếc phong bì. Có thể nghi cho nhà Spragg nhưng nghĩ lại thì không phải. Còn lại ba người kia. Nào ta nên cân nhắc xem ai là người làm trò xiếc lạnh tay lẹ mắt, diễn trò trước mắt mọi người. Theo tôi thì bản di chúc có thể đã bị đánh tráo do bàn tay anh chàng George Clode lúc hắn đỡ chiếc áo mang tới chỗ máng trên ghế đằng cuối góc”.

phòng”.

“Chà, tôi thì cho chính bà giúp việc”, Joyce nói, “chính bà giúp việc chạy tới cho cô chủ hay tin rồi thừa cơ chớp lấy chiếc phong bì khác cùng màu xanh tráo vô cái kia”.

Ngài Henry lắc đầu. “Tôi không đồng ý với các bạn”, ông chậm rãi nói, “Việc này phải có tay xảo thuật mới làm nên trò, mà làm ngay trên sân khấu như trong tiểu thuyết kể; ngoài đời thì khó mà làm gì được, nhất là làm sao qua khỏi cặp mắt tinh đời của ông bạn Petherick của tôi đây. Tôi có ý kiến thế này... một ý kiến mà thôi. Như ta đã biết ông giáo sư Longman vừa mới ghé lại thăm ông có bàn luận một ít. Phải nói là nhà Spragg mới thấy lo ngại nhân dịp ông đến đây. Nếu Simon Clode không kể cho họ nghe, mà cũng có thể lắm chứ, thì chuyện mời ông luật sư Petherick tới nhà họ sẽ nghĩ khác hơn. Họ nghĩ là ông Clode đã làm xong bản di chúc người hưởng lợi là bà Eurydice Spragg, chính bà lo sợ sự có mặt của giáo sư Longman sẽ gạt bà ra hoặc theo như kinh nghiệm nghề nghiệp luật sư, có thể nói lúc đó Philip Garrod đòi ông bác nên xét lại tình máu mủ ruột thịt. Tới đây ta giả sử bà Spragg có ý định tráo tờ di chúc. Nếu quả vậy, thì ngay lúc đó luật sư Petherick bất ngờ xuất hiện bà làm sao có thì giờ coi lại tờ di chúc nên vội quăng vô lò sưởi, nếu chẳng may ông luật sư biết được ai đã lấy mất”.

Joyce lắc đầu quày quạ.

“Không có chuyện đem đốt mà không coi trước”.

“Giải pháp đó coi bộ không ổn”, ngài Henry nói.

“Giả sử... ờ nhỉ... ông Petherick không tiên liệu trước”.

Một ý kiến nghe thật tức cười, ông luật sư mặt mũi xụ mặt.

“Một ý kiến đưa ra không nhằm lúc”, ông nói giọng hơi xẵng.

“Ông Pender nói sao?”, ngài Henry hỏi.

“Không dám nói là tôi cao kiến hơn ai. Theo tôi, thì chuyện đánh tráo tờ di chúc chỉ có thể do bà spragg hoặc là chồng bà, như ngài Henry đã nêu lên lúc nãy. Nếu bà không được đọc tờ di chúc sau khi ông Petherick bỏ đi lúc ấy bà mới thấy lúng túng bởi vì bà không thể nào thú nhận đã làm việc đó. Hoặc có thể bà đem cất giấu trong đồng giấy tờ của ông Clode sau khi ông chết người ta sẽ tìm thấy. Tôi không hiểu vì sao lại không còn đó. Có thể đoán chừng - lúc đó bà Emma Gaunt còn nhìn thấy... vì lòng tận tụy phục vụ ông chủ... bà đem hủy đi”.

“Tôi thấy ta nên nghe theo cách giải quyết của ngài mục sư Pender thì hay hơn”, Joyce nói. “Có đúng không, ông Petherick”.

Ông luật sư lắc đầu.

“Tôi sẽ kể tiếp theo. Rõ ràng tôi vô cùng kinh ngạc và hoang mang như các bạn. Làm sao tìm cho ra sự thật... chắc là không... nhưng tôi đã hiểu ra. Việc đó đã được thực hiện một cách tài tình.

“Sau đó một tháng tôi tới nhà Philip Garrol cùng ăn uống, lúc ngồi nói chuyện gã mới gọi chuyện cho tôi nghe một vụ mới xảy ra gần đây”.

“Tôi muốn kể ra đây cho ông nghe, Petherick, chỉ riêng mình ông biết thôi”.

“Chuyện gì vậy?”, tôi hỏi lại.

“Tôi có một ông bạn vì quá kì vọng vô người thân nên đâm ra thất vọng vô cùng khi được biết người họ hàng tin tưởng một người chẳng ra gì. Này ông bạn, theo tôi thấy thì đây là một cách để ông thay đổi cách suy nghĩ. Chuyện một người đàn bà giúp việc tận tụy với quyền lợi tập thể. Ông bạn tôi hướng dẫn đơn giản. Mỗi lần anh ta giao cây viết bơm đầy mực. Bà chỉ việc đem cất vô ngăn kéo bàn giấy trong phòng riêng của ông chủ, bà cất vô ngăn không thường dùng. Gặp lúc ông chủ gọi tới chứng kiến chữ kí trên giấy tờ cần lấy cây viết bà lấy nhằm ch

ngăn kéo bên trái khác, với chỗ để bên phải nhưng cũng là một cây viết giống hệt. Bà chỉ biết có vậy. Ông không dặn dò gì thêm. Bà chỉ biết nghe lời cậu chủ bảo sao làm vậy”.

“Kể tới đây anh ta bỏ lửng nói qua chuyện khác. Tôi bồn chồn”.

“Ông chó có bức mình, ông Petherick”.

“Không sao”, tôi nói, “Nhưng tôi muốn nghe cho hết.

Chúng tôi ngồi nhìn nhau. “Này ông bạn của tôi ơi chuyện không như ông tưởng đâu”, anh ta nói

“Hắn là vậy”, tôi đáp.

“Vậy là hết chuyện”, Phillip Garrod nói. Dừng lại một lát anh ta nhếch mép cười nói, “ông đã hiểu rồi chứ gì ? Cây viết được bơm một loại mực màu phai... Bột pha với nước thêm mấy giọt iodine là ra được một thứ mực viết. Mực màu xanh đen, chừng bốn năm bữa sau là nó bay đi hết”.

Bà Marple cười tủm tỉm.

“Mực màu”, bà nói, “Tôi biết chuyện đó. Đó là trò hời hỏ tôi vẫn thích chơi”.

Vẫn nụ cười trên môi, bà nhìn quanh một lượt, giơ ngón tay ra khều khều về phía ông luật sư Petherick.

“Nói chung đó là một cái mẹo, ông Petherick”, bà nói. “Thì cũng y như một luật sư”.

DẤU TAY THÁNH PIERRE

“Tới đây thưa dì Jane, xin nhường lại dì”, Raymond West nói.

“Hay lắm, dì Jane, chúng tôi đang chờ một câu chuyện thú vị hơn”, Joyce Lemprière nói xem vô.

“Khỏi phải nói, các cháu muốn cười dì”, bà Marple thông thả nói. “Các cháu tưởng đâu dì ngồi một chỗ thế này không biết gì chuyện trên đời”.

“Lạy Trời, làm gì có chuyện sống ở quê mà yên tĩnh được đâu”, Raymond hăng hái nói. “Cũng không phải sao, khi nghe dì kể mấy chuyện động trời ? Sống nơi đô hội nhiều khi thấy dễ chịu thanh bình hơn ở St. Mary Mead”.

“Này, nghe đây”, bà Marple nói, “Con người ta ở đâu cũng vậy thôi, nhưng đi ra ngoài còn có cơ hội biết đó biết đây hơn những nơi xa xôi ở làng quê”.

“Dì Jane có một không hai”, Joyce kêu lên. “Bỏ lỗi cho cháu nếu gọi bà là dì Jane được chứ ?” nàng nhắc lại “Không hiểu sao cháu thích gọi vậy”.

“Ồ, vậy sao? bà Marple nói.

Bà ngược nhìn một lúc lâu có vẻ lạ lẫm, khiến cô nàng kia mặt mũi đỏ bừng. Raymond West ngồi nhích qua một bên đằng hắng lấy giọng, có vẻ xúc động.

Bà Marple nhìn qua hai người rồi lại cười, bà cúi xuống chăm chú nhìn theo mũi đan.

“Thật tình cuộc sống của tôi thăm lặng nhưng tôi biết cách giải quyết những việc nhỏ nhặt. Coi vậy lắm lúc cũng rắc rối, tôi thấy nói ra đây không hay bởi chẳng có gì đáng phải lưu ý... đại loại như: Ai cắt lớp lưới bao túi xách của bà Jone ? Và sao bà Sims chỉ mặc áo lông mới toanh một lần rồi bỏ.... Đó là những bài học lý thú cho sinh viên khoa nhân văn. Nhưng một câu chuyện tôi còn nhớ mãi mà các bạn cần phải học hỏi, đó là chuyện chồng của đứa cháu gái Mabel đáng thương”.

“Câu chuyện đã mười, mười lăm năm gì đó, may thay đã trôi qua êm xuôi và không ai muốn nhớ lại. Trí nhớ người ta có hạn. Đó là điều may, tôi vẫn cho là vậy”.

Bà Marple dừng lại, nói lẩm bầm trong miệng.

“Để coi đếm lại hàng này. Chỗ này đan thưa hơi xấu, Một, hai, ba, bốn, năm rồi tới ba mũi viền tua. Nào tôi vừa kể tới đâu ? Tôi đang nói đến chuyện gì vậy ? À, về chuyện con bé Mabel tội nghiệp”.

“Con Mabel là cháu tôi. Nó xinh đẹp, phải nói là đẹp thật, có điều như người ta thường nói nó hơi ngớ ngẩn một chút. Mỗi khi gặp chuyện không vừa ý là kể lể. Nó lấy ông Denman lúc hai mươi hai tuổi, cuộc hôn nhân không được hạnh phúc cho lắm. Tôi lo đừng xảy ra chuyện gì bởi tính ông Denman hay nổi cáu... không phải người biết thông cảm cho con Mabel có nhiều tật xấu... hơn nữa tôi được biết nhà ông ta có tiền sử bệnh tâm thần. Con gái thời đó khó bảo hơn bây giờ, nhưng nói gì nó vẫn vậy. Mabel cương quyết lấy ông ta”.

“Từ lúc có chồng ít khi gặp lại nó. Thỉnh thoảng nó có ghé lại nhà chơi, có lúc mời tôi qua nhà, nhưng mà nói thật tôi không quen ở chỗ lạ nên lấy cớ thoái thác. Lấy nhau được mười năm thì ông Denman chết đột ngột. Hai người không có con, tài sản để lại cho Mabel. Tôi viết thư an ủi Mabel, và khi nhận được trả lời, tôi vỡ lẽ nó không lấy làm buồn vì chuyện đó. Tôi biết

chuyện phải vậy thôi bởi hai bên có một thời gian lục đục, cơm chẳng lành canh chẳng ngọt. Tối gần ba tháng sau tôi nhận được thư Mabel, lúc này nó đang suy sụp, nhắn tôi tới thăm. Tình hình thật bi đát vô cùng, chắc khó qua nổi tháng này ?

“Thế là...”, bà Marple kể tiếp, “tôi lo thu xếp mọi việc ra đi ngay. Tối nơi nhìn Mabel thật thảm thương. Nhà cửa rộng rãi, đồ đạc đủ tiện nghi. Nhà có người nấu ăn, người hầu, một cô y tá lo chăm sóc ông lão Denman, cha chồng của Mabel, mang chứng bệnh “đầu óc không bình thường”. Dù mọi người đối xử tử tế nhưng có lúc ông lão lại giở chứng. Như tôi đã kể, nhà này có tiền sử bệnh thần kinh”.

“Gặp lại Mabel nó thay đổi khác xưa làm tôi hoảng. Nó lẩn lộn, tinh thần khủng hoảng đến nỗi không nói cho tôi nghe chuyện gì đã xảy ra. Tôi nghĩ cách sẽ hỏi thăm thử bạn bè còn lui tới đây - như nhà Gallaghers thường được nhắc trong thư. Tôi lấy làm ngạc nhiên khi nghe nó nói dạo này ít gặp họ. Hỏi qua số bạn bè khác cũng trong tình trạng tương tự. Tôi hỏi chuyện gì xảy ra, vì sao nó lại giam mình một chỗ, xa lánh bạn bè. Nghe tới đây nó mới chịu kể ra hết”.

“Không phải lỗi tại con, tại người ta. Quanh đây không ai muốn nói chuyện với con, con đi ra phố gặp ai cũng muốn xa lánh, sợ gặp mặt phải chào hỏi. Tránh như tránh xa bệnh hủi. Khiếp quá, con không chịu nổi, muốn bán nhà qua xứ khác ở. Mà sao con phải bỏ xứ ra đi ? Con không có tội tình gì”.

“Nghĩ lại lúc đó tôi còn bối rối hơn bây giờ. Tôi lãnh đơn chiếc khăn len quàng cổ cho bà Hay, trong lòng bối rối, đơn lỗi hai mũi, mãi về sau mới nhớ ra”.

“Này cháu Mabel”, tôi nói, “con làm ta lo. Nguyên nhân vì sao thế ?”.

“Chao ơi, lúc còn nhỏ Mabel đã khó ăn nói. Lúc đó tôi phải khó nhọc mới hỏi cho ra chuyện, nó còn kể lại những lời đàm tiếu vớ vẩn của mấy tay ngồi lê đôi mách, những kẻ thích lên mặt dạy đời”.

“Nhờ vậy cô mới hiểu ra”, tôi nói. Hiện tại người ta đang xầm xì bàn tán chuyện đời tư của con. Và chuyện gì đó con đã rõ, con phải kể cho ta nghe”.

“Xấu xa lắm”, Mabel rên rỉ.

“Dĩ nhiên là phải xấu rồi”, tôi nói ra ngay. “Chả có chuyện gì khiến ta phải ngạc nhiên. Nào, Mabel con kể đi cứ thẳng thắn, nói ra thiên hạ đã nói gì con ?”.

Chuyện là như thế này.

“Cũng vì lý do cái chết của Geoffrey Denman quá đột ngột nên thiên hạ mới bàn tán xôn xao, Nói đúng ra... như tôi đã khuyên đưa cháu cứ thẳng thắn nói ra... thiên hạ đang bàn tán chuyện nó đã đầu độc chồng”.

“Nào, mong các bạn hiểu cho, không gì độc địa hơn là miệng lưỡi thiên hạ, và không gì khó khăn hơn tìm cách chống đỡ. Thiên hạ nói xấu sau lưng chuyện đó làm sao chối cãi, tiếng lành đồn xa, tiếng dữ cũng đồn xa, không ai ngăn được. Tôi biết chắc một điều: Mabel không đầu độc để hại ai. Không hiểu sao tinh thần nó suy sụp, không yên y như nó đã phạm một tội ác tày trời”.

“Không có lửa làm sao có khói”, tôi nói. “Nào, Mabel con nói hết cho ta nghe làm sao có chuyện đó. Phải có đầu đuôi mới được”.

“Mabel nói năng không ra gì, nhưng chẳng có chuyện gì hết... làm gì có, chẳng qua Geoffrey chết bất đắc kỳ tử. Tối hôm đó ngồi ăn uống bình thường, tối khuya thấy đau dữ dội, chạy đi mời bác sĩ tới nơi được ít phút đã chết. Bác sĩ cho biết có thể nạn nhân ăn trúng nấm độc”.

“Chà”, tôi nói, “chết bất đắc kỳ tử vậy thế nào người ta cũng bàn tán xôn xao, nhưng làm sao không có manh mối. Con có gây gổ hay nói này nọ với Geoffrey lần nào không ?”.

"Sáng hôm kia cháu có cãi nhau với chồng lúc ăn sáng".

"Mấy người giúp việc nhà nghe được, phải không?" Tôi hỏi.

"Lúc đó họ đang làm phòng".

"Không, cháu ơi", tôi nói, "biết đâu họ đứng gần ngoài cửa".

"Tôi biết Mabel có tật mỗi lần cái giận hay la hét om sòm. Còn Geoffrey Denman thì được ông trời ban cho giọng nói như rống mỗi lần tức giận ai.

"Nhưng con gây gổ chuyện gì?"

"Ôi, chuyện nhỏ. Chuyện thường ngày ở nhà. Chuyện bé xé ra to, vậy là Geoffrey đuối lý rồi đổ ra nói năng tầm bậy. Con phải nói là anh ta đáng ghê tởm".

"Vậy là bữa đó cãi nhau dữ lắm". Tôi hỏi.

"Không phải lỗi tại cháu..."

"Này cháu", tôi nói, "Dù lỗi tại ai cũng chẳng sao. Ta không nên kể ra đây. Tại nhà này mọi chuyện riêng tư coi như là chuyện chung. Hai vợ chồng hay kiểm chuyện gây gổ. Mới buổi sáng còn cãi nhau dữ dội, ngay tối hôm đó chồng chết đột ngột, một cái chết khó hiểu. Chỉ có vậy hay còn gì khác?"

"Có chuyện gì khác là sao?", Mabel hỏi vặn lại.

"Ta muốn hỏi như vậy, cháu ơi. Nếu đã lỡ làm chuyện bậy thì vì Chúa đừng nên giấu giếm. Ta muốn tìm cách để giúp cho cháu".

"Không có chuyện gì và không có ai giúp được cháu", Mabel kịch liệt bác lại. "Ngoại trừ cái chết".

"Cháu nên tin có ơn Trên", tôi nói. "Nghe này, Mabel ta biết cháu còn giấu điều gì đó, chưa muốn nói ra".

"Tôi dư biết, hồi nó còn nhỏ, nó thường không nói ra hết. Phải chờ thật lâu sau nó mới chịu khai. Sáng bữa đó, nó ra ngoài hiệu thuốc mua một ít chất thạch tín. Mua xong phải ký tên vô sổ. Như mọi lần người bán thuốc phải hỏi".

"Ai là bác sĩ của cháu?", tôi hỏi.

"Bác sĩ Rawlinson".

Tôi nhìn thấy qua ông ta một lần. Hôm nọ Mabel chỉ nói nhìn ông ta như một lão già hom hem. Kinh nghiệm cho tôi biết mấy ông bác sĩ thì không bao giờ sai lầm. Mấy ông còn lắm khi tinh tường, cũng có ông thì không được vậy, có lắm khi mấy ông giỏi nhất mà lại không biết bệnh nhân đau ốm ra sao. Chuyện bác sĩ và thuốc men thì tôi không dính dáng tới".

Nghĩ ngợi một hồi tôi chuẩn bị tới thăm bác sĩ Rawlinson. Y như tôi nghĩ trong đầu khi thoát trông thấy ông... một ông lão dễ nhìn tử tế, mặt mày ngơ ngác, mắt cận thị thấy tội nghiệp, tai nghe hơi lảng, đã vậy tính ông lại hay cáu, dễ bức xúc. Vừa nghe kể vụ Geoffrey Denman ông lên mặt kể ra một lô mấy loại nấm, thứ ăn được, thứ không. Ông hỏi bà nấu ăn, bà thấy có mấy cây nấm "có vẻ lạ", nhưng bên cửa hàng họ giao, chắc ăn được. Thấy lạ bà mới đắn đo có nên đem nấu, bởi nhìn lại thấy khác hơn mọi bữa.

"Phải vậy thôi", tôi nói. "Thoạt nhìn phải nói là hàng tốt, để lâu nó đổi ra màu vàng cam lốm đốm màu tím. Phải thử mới biết".

"Tôi đoán lúc bác sĩ tới nơi Denman đã cứng họng, gã không chịu nổi nữa nên chết sau mấy phút. Ông bác sĩ hoàn toàn yên tâm làm giấy chứng tử. Có phải cố tình hay vì quá tin tưởng, chuyện đó tôi không dám nói chắc!"

“Trở về nhà tôi hỏi lại Mabel vì sao muốn mua chất thạch tín làm gì”.

“Chắc con đã nghĩ gì trong đầu”, tôi nói ra ngay.

Mabel khóc òa lên. “Con muốn tự tử”, nó rên rỉ. “Con khổ quá. Con không muốn sống”.

“Cháu còn giữ lại đó không?”, tôi hỏi.

“Không. Con quăng mất rồi!”.

“Tôi ngồi một chỗ, đầu óc nghĩ ngợi quay cuồng.

“Lúc ông ta đau cháu thấy ra sao? Ông có kêu cháu tới không?”.

“Không”, con bé lắc đầu. “Ông ta nhấn chuông liên hồi, làm dữ lắm. Một hồi sau bà giúp việc Dorothy mới nghe thấy, kêu bà nấu ăn dậy cùng nhau chạy tới. Nhìn thấy ông, bà Dorothy run lẩy bẩy, miệng nói lắm nhảm, mê sảng. Dậy bà nấu ăn ở lại, bà ta chạy đi gọi con; nghe gọi con chạy theo. Trông mặt mũi ông đau đớn dữ lắm. Không may cho ông, đêm hôm đó người chăm sóc ông lão là bà Brewster bỏ về nhà, không ai biết xoay sở ra sao cứu ông. Con dặn Dorothy đi mời bác sĩ để bà nấu ăn ở lại đây thôi, ở lại được một lúc chịu không nổi con bỏ đi ra, chạy về phòng khóa cửa lại”.

“Con ăn ở vậy sao được”, tôi nói, “thảo nào con ăn ở vậy nên mọi người đối xử tệ với con, con đã thấy chưa. Để bà nấu ăn một mình xoay sở. Đây là một việc làm xấu xa”.

“Sau đó tôi nói chuyện với mấy người giúp việc. Bà nấu ăn muốn nhắc chuyện món nấm, tôi ngăn lại. Đến lượt tôi chất vấn tỉ mỉ, đêm hôm đó tình hình ông chủ ra sao. Đêm đó ông ta đau ghê lắm, không nuốt được nước miếng, nói năng ngọng nghịu, nói tiếng được tiếng không; như người mê sảng, lắm nhảm trong miệng - như một người thất thần?”

“Nghe ông nói nhảm ra sao?”, tôi hỏi dò.

“Nghe như là món cá, phải vậy không?”, bà nhìn qua người kế bên.

Dorothy gật đầu.

“Cả một mớ cá”, bà kể. “Nói lắm nhảm thế đó. Thấy ông như người mất hồn, tội nghiệp”.

“Nghe qua chẳng hiểu đầu đuôi gì hết. Chỉ còn một nơi có thể xoay sở, tôi sực nhớ bà Brewster, gầy ốm, đã năm mươi”.

“Rủi ro cho ông ấy đêm hôm đó tôi phải về nhà”, bà kể “chẳng ai làm gì được để giúp ông cho đến khi bác sĩ tới”.

“Có thể ông mê sảng” tôi nói. “Triệu chứng trúng độc, đúng không?”.

“Cũng có thể”, Brewster nói.

“Tôi hỏi lại bà thấy ông lão Denman lúc này tình trạng có khá hơn không”.

Bà lắc đầu.

“Thấy ông đau dữ lắm”, bà nói.

“Yếu lắm hử?”

“Ôi không, bề ngoài ông còn khỏe... chỉ có mắt kém. Không nhìn thấy được nữa. Coi vậy chứ ông còn sống lâu hơn nữa, chỉ có điều trí óc không còn sáng suốt. Tôi cho hai vợ chồng cậu Denman biết nên đưa ông về viện tâm thần, nhưng cô Denman không chịu nghe”.

“Tôi muốn nói với bà ấy Mabel là một người tốt bụng”.

“Vâng, nhưng có một chuyện thế này. Tôi nghĩ đi nghĩ lại, chỉ còn mỗi một cách. Cũng vì

thiên hạ xầm xì bàn tán... chỉ còn cách xin phép được khai quật tử thi khám nghiệm, may ra tình hình mới hoàn toàn lắng dịu. Mabel phản đối kịch liệt... không được động đến người chết đã nằm xuống yên nghỉ vv.. và vv... Nhưng tôi đã quyết phải làm”.

Tôi không nói dài dòng. Được phép các chuyên gia cho tiến hành khám nghiệm tử thi, kết quả cho thấy không như tin đồn. Không tìm thấy dấu vết chất độc thạch tín dù sử dụng hết cách. Kết luận sau cùng biên bản ghi là không tìm ra nguyên nhân cái chết của nạn nhân”.

“Vây là, như các hạn đã biết, không giải quyết được vấn đề. Thiên hạ bàn tán là còn một loại chất độc chưa thể phát hiện được và thêm dệt thêm những điều nhảm nhí. Tôi tìm đến một nhà chuyên môn bệnh lý học đặt vấn đề, dù không muốn trả lời hết các thắc mắc nêu ra nhưng tôi biết được một điều do chính ông nói ra, rất có thể cái chết của nạn nhân, theo ông, không phải do ăn món nấm. Tôi chợt nảy ra một ý hỏi ông vậy thì có thể nạn nhân chết do một loại chất độc nào khác không. Ông giải thích dài dòng lắm, tuy không hiểu hết nhưng đại ý như vậy: cái chết của nạn nhân có thể do ngộ độc thực vật cực mạnh”.

“Tôi lại nghĩ khác: Giả sử Geoffrey Denman trước đây có máu tâm thần biết đâu ông tìm cách muốn tự tử thì sao ? Lúc còn sinh viên ông có theo học ngành y hẳn ông phải biết nhiều thứ thuốc độc lợi hại như thế nào”.

“Tôi cho là chưa hẳn vậy nhưng suy nghĩ của tôi chỉ tới đó. Và không thể đi xa hơn nữa, thật tình mà nói. Chuyện tôi kể ra đây e rằng các bạn trẻ sẽ cười cho. Nhưng mà hễ gặp khi bối rối tôi thường hay cầu nguyện - bất cứ ở đâu, dù đang đi ngoài đường hay đang ở trong gian hàng bách hóa. Và câu trả lời đến ngay sau đó. Có thể đó là một chuyện nhỏ không ăn nhập gì với chuyện ta đang bàn, nhưng mà có thật. Lúc còn con gái, tôi treo trên đầu giường câu khẩu hiệu “cứ hỏi tức khắc sẽ được trả lời”. Sáng hôm đó lúc đi dạo trên phố tôi cầu nguyện dữ lắm. Nhắm mắt lại một hồi, khi mở ra các bạn biết tôi nhìn thấy gì trước tiên ?”

Năm gương mặt mỗi người một vẻ cùng nhìn về phía bà Marple. Phải nói là không ai đoán ra được cho chính xác.

“Tôi nhìn thấy”, bà Marple xúc động nói, “trên cửa sổ nhà người bán hàng cá, có treo một món đó là một con cá vược còn tươi rói”.

Tôi hân hoan nhìn quanh.

“Chà, lạ Chúa !”, Raymond West lên tiếng, “câu trả lời cho ước nguyện... một con cá vược còn tươi !”.

“Đúng thế, Raymond”, bà Marple nghiêm giọng nói.

“Tôi thấy không có gì là phạm thượng. Bàn tay của Chúa có ở khắp nơi. Vật mà tôi nhìn ra trước tiên là một dấu chấm đen... dấu tay của thánh Pierre. Ý như là chuyện hoang đường phải không các bạn, dấu tay ông thánh Pierre. Ý nghĩ đó theo tôi về tới nhà. Tôi cần có đức tin, đức tin chân chính là thánh Pierre. Hai thứ liên kết với nhau, đức tin... và loài cá”.

Ngài Henry vội hỉ mũi. Joyce bặm môi.

“Vâng mấy thứ đó đã giúp tôi nghĩ gì ? Tất nhiên là cả bà giúp việc và người nấu ăn nhắc lại món cá là câu nói nạn nhân muốn trăng trối lúc đang hấp hối. Tôi hiểu ngay phải tìm lời giải cho cái bí ẩn trong mấy chữ đó. Tôi trở về nhà quyết tâm tìm cho ra lẽ”.

Câu chuyện tới đó dừng lại.

“Đã có lần nào các bạn gặp”, bà nói tiếp nốt câu chuyện, “một trường hợp người ta thường nhắc tới là cảnh quan môi trường ? Có một nơi gọi là Grey Wethers trên cao nguyên Dartmoor. Nếu gặp được một người nông dân, bạn nhắc hai chữ Grey Wethers, ông ta hiểu ngay bạn ám chỉ những vòng tròn bằng đá, có nghĩa bạn muốn đề cập không gian tại nơi đó, cũng tương tự như vừa kể, khi một người lạ bất chợt nghe lỏm được câu chuyện, ông ta lại hiểu

là bạn muốn đề cập tới chuyện thời tiết. Cho nên khi muốn lặp lại một câu chuyện, theo thông lệ các bạn không nên lặp lại cùng một tên gọi, mà phải đặt một cái tên khác cũng gợi lên một ý như bạn muốn nói"

"Tôi đến nơi gặp riêng từng người một. Trước tiên, tôi hỏi bà nấu ăn phải bà đã nghe ông chủ nhắc tới chuyện một mớ cá. Bà nói ngay là có nghe."

"Có đúng ông nói vậy không?", tôi hỏi lại, "hay ông muốn nói một thứ cá nào đó?"

"Đúng mà", bà nấu ăn nói, "một thứ cá đặc biệt, tôi không nhớ là cá gì. Một mớ... mớ gì nhỉ? Không phải thứ cá dọn ra bàn. Có phải cá chép... hay là một giống cá măng? Không, nó không bắt đầu là chữ b".

"Dorothy còn nhớ ông chủ nhắc tới một thứ cá gì đó. Một thứ cá ngoại nhập thì phải".

"Một mớ - chà, mớ gì đây".

"Cố nhớ đi, nghe ông nói một mớ hay là một đồng?". Tôi hỏi lại.

"Một đồng thì phải. Nhưng mà không chắc gì... khó mà nhớ ông nói đúng tên, phải vậy không bà, bởi lúc đó ông nói chẳng ra đầu đuôi. Có thể tôi nhớ ra, ông nói một đồng và một thứ cá tên gọi chữ c đứng đầu, chẳng lẽ là cod (cá thu) hay là crayfish (tôm hùm)".

"Tới đây có thể là tôi đã hiểu ra", bà Marple nói, "bởi lẽ, tôi thì không rành chuyện thuốc men... mấy thứ đó thật đáng sợ. Bà nội tôi còn để lại một toa thuốc xưa dùng cây ngải cứu chế ra một món thuốc còn độc hơn thuốc bây giờ. Tôi nhớ trong nhà còn để lại nhiều sách thuốc, mỗi cuốn ghi từng danh mục thuốc. Các bạn biết không, tôi sức nhớ ông chủ nhớ được một thứ thuốc độc, nên ông ráng kể lại tên thuốc một lần cuối".

"Vây là tôi lục tìm theo thứ tự tới vần H, bắt đầu bằng chữ He, không thấy nói tên thuốc độc, phải tra tới vần p, tìm ra ngay... các bạn có thể đoán được chứ?"

Bà nhìn quanh mọi người, gác lại niềm vui trong phút chốc.

"Pilocarpine (cây phượng hương). Các bạn thử mừng tượng một người lúc đau ốm ráng nói ra cho đúng chữ nào? Bà nấu ăn nghe qua chẳng hiểu nó là cái chữ gì. Có thể đọc trại ra thành chữ "Pile of carp?" (một mớ cá chép).

"Tất nhiên!". Ngài Henry lên tiếng.

"Tôi thì không nghĩ ra có chuyện đó", ngài mục sư Pender nói.

"Thật là lý thú", ông luật sư Petherick nói, "phải nói thật là thú vị".

"Tôi lật nhanh qua tới trang ghi trong bảng mục lục, đọc tới chữ Pilocarpine, ghi rõ đây là thảo dược dùng trị đau mắt, không nói gì về trường hợp nạn nhân bị trúng độc. Sau cùng đọc tới dòng cuối ghi: được dùng làm thuốc giải độc trong trường hợp trúng độc atropine (nhựa cây cà độc dược)".

"Tôi không thể kể ra đây các bạn nghe vì sao lúc đó đầu óc tôi sáng ra. Tôi không nghĩ Geoffrey Denman muốn tự tử. Không, một cách giải quyết không thể chấp nhận được, nhưng là cách suy nghĩ nạn nhân muốn chọn lựa, bởi mọi chứng cứ đầu đuôi khớp với logic".

"Tôi không muốn đoán già đoán non làm gì", Raymond nói. "Dì Jane cứ kể tiếp tới chỗ làm sao được sáng trí ra".

"Chuyện thuốc men tôi không rành", bà Marple nói. "Tình cờ tôi biết được lúc tôi bị đau mắt, bác sĩ cho thuốc pha chế thêm atropine sulfate. Tôi đi ngay lên phòng ông lão Denman. Tôi không muốn dài dòng".

"Này ông Denman", tôi lên tiếng, "tôi biết hết mọi chuyện. Sao ông nữ giết con trai ông?"

“Lão nhìn tôi một hồi... tôi thấy ông lão rất đẹp lão - chợt ông phá ra cười. Tôi chưa từng nghe thấy ai cười lạ tai đến vậy, cả người tôi muốn nổi da gà. Trước đây tôi cũng từng được nghe giọng cười như thế này một lần, lúc bà Jones trong tình trạng bị mất trí”.

“Vâng”, lão nói, “tôi muốn trả thù Geollrey. Tôi biết tổng hắc mà, hắc muốn đưa tôi vào nhà thương điên, phải không ? Chả lẽ tôi phải vô nhà an trí ? Tôi nghe bọn chúng tranh cãi với nhau. Mabel tốt bụng... Mabel muốn bênh vực tôi nhưng không thể làm trái ý Geolfrey được. Hắc luôn luôn làm theo ý mình. Tôi muốn thanh toán nó, đưa con thân yêu ! Ha ha ! Đêm hôm tôi lần mò xuống, cả nhà yên tĩnh. Bà Brewster về nhà, đưa con thân yêu đã lên giường ngủ, có một ly nước để trên đầu giường, bởi vì hắc có tật hay thức giấc nửa đêm uống hết một ly nước. Tôi đổ hết ly nước... ha ha... châm đầy trở lại với nước thuốc nhỏ mắt; lúc thức giấc hắc nốc một hơi không cần biết là thứ nước gì. Chỉ cần uống một muống thuốc... bấy nhiêu là đủ chết, đủ chết. Ý như rằng hắc nốc hết một hơi ! Sáng sớm mấy người giúp việc chạy tới cho tôi hay, lo sợ tôi có bề gì không. Ha ! Ha ! Ha ! Ha ! Ha !”.

“Đấy” bà Marple nói, “câu chuyện tới đó hết. Dĩ nhiên phải đưa lão ấy vô nhà an trí, và lão không chịu trách nhiệm hành vi tội ác do lão gây ra. Tuy nhiên, sự thật đã được ông lão khai nên mọi người thông cảm cho Mabel, nhưng không thể nào bù đắp lại những thiệt hại về mặt tinh thần cho nó. Bị người đời nghi oan là thủ phạm. Nhưng nếu không phải do Geolfrey biết là hắc vừa uống vô thứ nước gì nên gọi người nhà tìm thuốc giải độc ngay, thì câu chuyện sẽ không bao giờ được biết đến. Theo tôi hiểu nạn nhân trúng độc chất atropine... làm cho con người bị giãn nở, như tôi đã kể, bác sĩ Rawlinson mắt kém nhìn ông thật khổ. Cùng một cuốn sách thuốc đó tôi đọc tiếp tới đoạn... phải nói là có vài đoạn đáng chú ý - triệu chứng ngộ độc vi khuẩn và atropine không khác gì mấy. Tôi dám nói là chưa bao giờ nhìn thấy một đồng cá vược mà không liên tưởng tới dấu tay của Thánh Pierre”.

Câu chuyện tới đây dừng lại một hồi lâu.

“Này bà bạn”, luật sư Petherick nói, “bà bạn thân mến, bà làm mọi người kinh ngạc đấy”.

“Tôi sẽ mời mật thám sở Scotland Yard tới đây để nhờ cô chỉ giáo”, ngài Henry nói.

“Nói cho hết luôn đi, dì Jane”. Raymond lên tiếng. “Có một điều dì chưa biết”.

“À, phải, ta biết chứ !”, bà Marple nói tiếp. “Chuyện đó xảy ra trước bữa ăn, đúng không ? Lúc đó cháu sẽ đưa nàng Joyce ra ngoài nhìn mặt trời lặn. Nơi đó thật đẹp đấy. Có gốc hoa lài thơm ngát. Tại nơi này anh chàng bán sữa đã cầu hôn Annie đấy”.

“Thôi nào, dì Jane”, Raymond nói, “đừng cười nhạo chuyện yêu đương. Giữa cháu và Joyce khác với chuyện anh chàng bán sữa với Annie”.

“Cháu đã phạm một sai lầm đó”, bà Marple nói. “Mỗi người đều như nhau cả, rất giống. Cũng may người ta không nhận ra được đó thôi”.

HOA PHONG LỮ THẢO MÀU XANH

"Nhớ lại năm rồi tôi đã đến đây...". Ngài Henry Clithering nói tới đó rồi ngưng.

Bà Bantry - chủ quán trọ - nhìn ông với vẻ lạ lùng.

Ngài cựu cảnh sát trưởng Scotland Yard đang ở thăm mấy người bạn cũ, ông Đại tá và bà Bantry, tại quê nhà ở ST. Mary Mead.

Bà Bantry tay cầm bút muốn hỏi ông cho biết ý kiến nên mời ai cho đủ sáu người cho bữa ăn tối nay.

"Ông nói sao ?", bà Bantry có vẻ hớn hở, "năm trước ông tới đây vào lúc nào ?".

"Bà có thể cho tôi biết", ngài Henry nói, "bà có nghe ai nói tên bà Marple chưa ?"

Bà Bantry ngạc nhiên.

"Bà Marple ! Ai mà không biết ! Một văn sĩ viết chuyện trinh thám. Có phải ông muốn tôi mời bà ta tới đây dùng bữa tối ?"

"Bà ngạc nhiên lắm sao ?".

"Hình như vậy, thật tình. Tôi cứ nghĩ là ông ... nhưng phải nói làm sao đây ?".

"Dễ thôi. Nhớ lại năm trước mỗi lần tới đây bọn tôi thường bàn những câu chuyện chưa rõ hồi cuối... bọn tôi sáu thành viên... người trước tiên phải nhắc đến là anh chàng Raymond nhà văn. Bọn tôi mỗi người đưa ra một câu chuyện đã biết trước hồi cuối, còn mấy người kia thì chịu. Có thể nói đây là dịp để thử tài suy luận. Cui ai đoán gần đúng nhất".

"Rồi sao nữa ?".

"Y như chuyện cổ tích. Bọn tôi khó đoán ra bà Marple sắm vai nào, nhưng câu chuyện phải biết giữ phép lịch sự... tránh xúc phạm tình cảm riêng tư. Để thử coi tài ai hơn. Lần nào bà ta cũng vượt lên trước bọn tôi".

"Sao ?".

"Tôi cam đoan... là mình thành thật như chim bồ câu hiền lành".

"Sao hay quá vậy ! Vì bà Marple có bao giờ đi xa khỏi vùng St. Mary Mead đâu".

"Chà ! Vậy mà với bà ta đó là cơ hội ngàn vàng để được chiêm nghiệm nhân tình thế thái... qua lăng kính hiển vi".

"Tôi cho là còn vấn đề gì đó", bà Banrey thú thật. "Ta phải nhìn cho rõ bản chất của từng con người. Tôi thì cho là trong nội bộ chúng ta đây không có ai là kẻ phạm tội. Để chờ sau bữa ăn chúng ta sẽ thử tài năng của bà ấy qua chuyện ma quái của ông Arthur. Tôi phải cúi đầu khâm phục nếu bà ta tìm ra được lời giải đáp".

"Tôi không hiểu sao ông Arthur tin là có ma ?"

"Chà ! ông thì không tin. Thế nên ông mới lo chuyện xảy ra với một người bạn, ông George Pritchard... một người rất là phàm tục. Thật đáng thương cho ông George. Hoặc giả là câu chuyện là có thật - nếu không phải thì..."

"Thì sao ?".

Bà Bantry không nói ra. Ngẫm nghĩ một hồi bà đáp lại một cách vu vơ:

“Ông biết không, tôi thích anh chàng George... mọi người đều thích. Khó có thể tin anh chàng... nhưng mà người ta cứ cho là vậy mới lạ chứ”.

Ngài Henry gật. Ông còn biết rõ hơn cả bà Bantry chuyện kỳ lạ đó.

Tối hôm đó bà Bantry ngồi nhìn quanh bàn ăn (bà khẽ rùng mình vì không khí lạnh lẽo) rồi dừng lại ngay chỗ một bà lão ngồi bên phải chồng bà. Bà Marple đeo găng tay đen, trên vai khoác khăn choàng thêu đăng ten trông cũ kỹ, đầu trùm thêm một cái khăn che bớt mái tóc bạc trắng. Bà vui vẻ trò chuyện với ông bác sĩ Lloyd chuyện thiếu hụt y tá giúp việc.

Bà Bantry lại càng ngạc nhiên hơn. Hay là ngài Henry muốn nói đùa, nhưng làm gì có chuyện đó. Bà thấy ngạc nhiên là phải.

Bà nhìn qua người chồng mặt mũi hồng hào, vai rộng, rắn chắc đang bàn chuyện đưa ngựa với người đẹp - nữ nghệ sĩ Jane Helier. Ngoài đời trông Jane còn đẹp hơn (nếu được vậy) lúc trên sân khấu, đôi mắt xanh tròn xoe khẽ chớp từng hồi: “Vây à?”, “Chà lạ thật!”, “Chuyện lạ”. Bà chả thích gì môn đưa ngựa, nên chẳng quan tâm làm gì.

“Arthur”, bà Bantry lên tiếng, “ông lại làm phiền cô Jane. Gác chuyện đưa ngựa qua một bên, ông kể cho cô ấy nghe chuyện ma đi. Ông biết đấy... George Pritchard”.

“Ô kìa, Dolly ! Chà, nhưng mà tôi có biết gì đâu...”.

“Ngài Henry đây cũng thích được nghe. Sáng nay tôi có kể sơ qua. Cũng nên biết, bởi mọi người đang bàn tán”.

“Chà, kể đi !”. Jane nói, “tôi thích nghe chuyện ma”.

“Thôi thì...”, Đại tá Bantry găm gù, “nói thật tôi không tin mấy cái chuyện thần linh. Nhưng đây...”

“Chắc quý vị đây chưa ai biết George Pritchard. Ông là một người đàn ông gương mẫu. Vợ ông ta... ờ, bà ấy chết rồi, tội nghiệp. Như thế này, lúc còn sống không lúc nào bà để cho George được yên. Có thể xếp bà vô hàng những đối tượng gàn dở... có thể do người bà không được lành mạnh. Những việc bà làm đều tệ hại. Bà có tính hay giở chứng, bắt bẻ phi lý. Suốt ngày luôn mồm than vãn, càu nhàu từ A đến Z, làm không xong bị chửi. Nếu gặp người khác, nói cam đoan bà bị ăn đòn nhừ tử. Ô kìa, Dolly, nói vậy đúng không?”.

“Bà ấy thật là quá tay, bà Bantry nói không sai. Nếu lỡ George Pritchard đập cho một búa vỡ đầu, ra tòa nếu gặp quan xử án là một phụ nữ chắc là ông ta cũng được xử trắng án”.

“Tôi không rõ câu chuyện xảy ra làm sao. George không còn nhớ đầu đuôi. Theo tôi nghĩ bà Pritchard thích xem tướng số, chỉ tay, bói toán... đại loại mấy món đó; nhưng George không để ý. Nếu hôm nào bói trúng bà vui ra mặt. Còn ông chẳng thấy vui chút nào, khổ thế đấy”.

“Nhà lúc nào cũng có y tá đến chăm sóc, được vài tuần bà Pritchard thấy không hài lòng. Trong số đó có một cô y tá trẻ tuổi rành chuyện bói toán; bà Pritchard thích nói chuyện với cô ta. Bỗng đâu một thời gian bà không thích, yêu cầu cô ta ra về. Bà nhớ lại trước có một bà y tá biết chăm sóc bệnh nhân tâm thần. Bà y tá Copling được ông George khen làm việc khá và là một người biết nói chuyện. Bà biết chịu đựng những lúc bà Pritchard nổi cơn điên, với một thái độ dửng dưng.

“Bà Pritchard ăn cơm trên lầu, George và mấy y tá ăn cơm trễ lúc xế trưa. Hết phiên y tá ra về từ hai đến bốn giờ; nếu “cần giữ lại” bà sẽ gặp sau buổi uống trà nếu George muốn được thông thả giấc buổi chiều. Nhầm bữa đó, bà đi thăm người em gái ở Golders Green về trễ. George nhân nhó hỏi vì ông chuẩn bị đi chơi golf. Cô y tá Copling phải nói cho ông yên tâm.

“Tôi với ông chẳng ai muốn nhắc tới đâu, ông Pritchard”, bà nháy mắt nói, “bà Pritchard

sắp có bạn tâm sự, vui hơn là nói chuyện với chúng ta nữa đó”.

“Ai vậy ?”.

“Ông sẽ biết ngay”, cô y tá Copling mắt nháy nháy. “Để tôi kể cho nghe, Zarida, nhà tâm lý đoán được tương lai”.

“Lạy Chúa !” George lầm bầm. “Nhân vật này mới, phải không ?”.

“Mới tinh ! Tôi biết mà, người này do người tiền nhiệm của tôi, bà Carstairs, giới thiệu tới đây. Bà Pritchard chưa biết mặt, nhờ tôi viết thư hẹn gặp nhau chiều nay”.

“Thầy kẹ, tôi còn đi chơi golf”, George nói, nghĩ bụng thấy hài lòng chuyện Zarida, nhà tâm lý đoán được tương lai.

Về tới nhà ông nhìn bà Pritchard, thấy gương mặt hốc hác dễ sợ. Bà nằm một chỗ trên giường tay cầm ống thuốc muối lâu lâu đưa lên mũi hít.

“George”, bà kêu, “tôi đã nói với ông về cái nhà này, nhớ không ? Vừa mới về ở tôi đã thấy không ổn ! Ông còn nhớ lúc đó tôi nói gì chứ ?”.

Cố dần xuống ông mới nói, “bà nói lúc nào cũng đúng”, George đáp, “không, hình như tôi không nhớ nữa”.

“Chuyện của tôi có bao giờ ông còn nhớ. Mấy ông lúc nào cũng dửng dưng... tôi biết ông còn vô cảm hơn gấp mấy lần người ta”.

“Coi kìa, Mary, bà nói gì lạ vậy”.

“Ôi, tôi đã kể cho ông nghe, bà ta biết hết. Bà ta... bà giật mình thụt lùi... ông hiểu ý tôi mà... ngay khi vừa mới bước tới cửa bà ta cất tiếng, “Nhà này có ma ám... ma quỷ phá phách. Tôi biết mà”.

George nghĩ sao bỗng phá ra cười.

“Chà, chiều nay bà bỏ tiền ra cũng xứng đáng đấy chứ”.

“Bà vợ nhắm mắt lại đưa ống thuốc lên mũi hít một hơi thật lâu.

“Ông ghét tôi lắm mà ! Tôi có chết ông còn cười nhạo thêm .

Bà còn nói nữa làm George giận dữ hơn.

“Ông cứ cười đi, tôi đã kể hết cho ông nghe mọi chuyện. Nhà này tôi ở không hạp... bà thầy bói đã chỉ cho tôi thấy”.

George đã đổi ý không còn khâm phục Zarida. Bởi vợ ông nặng nề đòi chuyển nhà qua mới, bà trở chứng.

“Bà nọ còn nói gì nữa không ?”, ông hỏi.

“Bà ta không nói dài dòng, bà ta cảm thấy lo lắng chỉ nói một câu. Tôi có mấy cành hoa violet cắm trong bình. Bà chỉ chúng và hét lên:

“Vứt mấy cái này đi. Đừng chọn hoa màu xanh, không nên mua hoa màu xanh. Hoa màu xanh là màu tang tóc, bà nhớ cho”.

“Ông biết không”, bà Pritchard nhắc lại, “trước kia tôi đã nói với ông tôi kỵ màu xanh, tôi dị ứng với màu này”.

“George thừa hiểu bà có nói ra chuyện đó bao giờ, ông xoay qua hỏi Zarida người ra sao. Bà Pritchard nhanh miệng tả lại diện mạo người đàn bà nọ”.

“Tóc đen uốn từng lọn hai bên mang tai... mắt lúc nào cũng khép hờ... thâm quầng... hai bên khóe miệng, dưới cằm thâm đen; giọng nói nghe như chim hót thấy lạ tai... nghe như nói tiếng Tây Ban Nha...”.

“Chẳng qua đó là ngón nghề của bà ta”, George vui miệng nói.

“Bà vợ nghe được tức thì nhắm mắt lại ?

“Tôi thấy ê ẩm trong người”, bà nói. “Gọi y tá. Bất nhẫn làm tôi khó ở, ông dư biết”.

“Hai bữa sau cô y tá Copling tới gặp George, mặt mũi cô sa sầm.

“Xin ông lên gặp bà Pritchard. Mới nhận được thư không hiểu sao bà lại bối rối..”.

“Bà Prichard đang cầm cái thư trên tay, thấy ông bước vô bà chìa ra !”

“Ông coi đi”, bà nói.

George cầm lấy đọc. Mùi giấy thơm nồng nàn nét chữ to viết bằng mực đen.

“Ta đã đoán được tương lai. Hãy cảnh giác, kéo không thì ân hận. Đề phòng đêm trăng tròn. Màu xanh hoa anh thảo phải lo đề phòng, hoa thực quỳ xanh là điềm xấu, hoa phong lữ thảo màu xanh là điềm chết chóc...”

George vừa tính há miệng ra cười nhưng bà y tá Copling trừng mắt nhìn, có ý trách móc. Ông nói xằng một câu “Mary, người đàn bà nọ muốn hù dọa. Bởi làm gì có hoa thực quỳ màu xanh hay phong lữ thảo màu xanh”.

“Chợt bà Pritchard khóc to. Mạng sống của bà được tính từng ngày, gần xuống lỗ. Cô y tá Copling chạy theo George ra tới đầu cầu thang”.

“Đồ vớ vẩn”, ông buột miệng nói ra.

“Đúng quá còn gì nữa”.

Vừa nghe cô y tá nói ông giật mình nhìn lại chăm chăm.

“Tôi nói thật, cô không tin hay sao...”.

“Không đâu, ông Pritchard, làm gì có chuyện đoán được tương lai - phi lý. Tôi lấy làm lạ ở chỗ ả ý sao. Bói ra ma quét nhà ra rác. Người đàn bà nọ muốn hù dọa nhưng thấy chẳng được gì. Nhưng tôi thấy có một điều lạ...”

Thế nào ?”.

“Bà Pritchard kể lại Zarida có một nét gì đó thấy rất quen mắt ?”

“Rồi sao ?”.

“Thế này, tôi không thích kể ra đây, thưa ông Pritchard, chỉ có vậy”.

“Cô mà cũng tin dị đoan sao ?”.

“Tôi không tin dị đoan, chỉ trừ khi thấy chuyện có vẻ ngờ ngợ”.

“Khoảng bốn ngày sau y như rằng có chuyện xảy ra. Để cho ông hiểu rõ hơn tôi xin kể ra lúc đó đang ở bên trong phòng bà Pritchard...”.

“Hãy để cho tôi nói”, bà Bantry cắt ngang, “trong phòng lúc đó trang trí giấy dán tường, bà muốn để thêm vô mấy chùm hoa làm cảnh. Nhìn qua tưởng như ở ngoài vườn nhưng nhìn kỹ lại bông hoa giả. Mùa này làm gì có chuyện hoa nở rộ..”

“Dolly, đừng bày thêm chuyện làm vườn vô đó”, ông chồng nói. “Bà giỏi làm vườn ai cũng

biết”.

"Chuyện thật phi lý", bà Bantry bắt bẻ. "Ai lại đem nào là dạ lan hương, thủy tiên, hoa đậu trắng, hoa thực quỳ, các sao xếp chung vô một chỗ”.

"Phản khoa học", ngài Henry nói. "Thôi kể tiếp đi cho câu chuyện liền mạch”.

"Chà, nhìn vô cả vườn hoa anh thảo xen lẫn hoa vàng và đỏ. Nào kể đi, Arthur, ông rành mấy chuyện này”.

Đại tá Bantry tiếp tục câu chuyện.

"Sáng bữa đó nghe trong phòng bà Pritchard nhấn chuông inh ỏi. Người nhà chạy lại... tưởng đâu bà muốn trắng trời, nhưng mà chưa. Bà giãy nảy giờ tay chỉ lên giấy dán tường, nhìn kỹ lại là một bông hoa anh thảo màu xanh ghép xen kẽ vô giữa...”.

"Chao ôi !" bà Marple thảng thốt, "khiếp quá !”.

"Một nghi vấn đặt ra: chùm hoa anh thảo xanh luôn ở chỗ đó hay sao ? Đó chính là nhân xét của George và bà y tá. Bà Pritchard không thích loài hoa đó, hẳn nhiên rồi. Bà chẳng để ý dòm ngó tới mãi đến buổi sáng hôm đó và cái đêm hôm trước lúc trăng tròn. Bà vô cùng lo lắng chuyện đó”.

"Ngày hôm đó tôi gặp George Pritchard, ông kể cho tôi nghe", bà Bantry kể. "Tôi muốn gặp bà Pritchard để trêu bà chơi, nhưng mà chẳng ăn thua. Tôi bỏ đi trong đầu nghĩ ngợi, sự nhớ có gặp Jean Instow kể lại cho nàng nghe. Jean là một cô nàng khác người, mới hỏi, "Bà ta cảm thấy lo sợ vì chuyện đó hay sao ?" Tôi nói bà ta có thể hoảng sợ quá mà chết... bà có tật hay mê tín”.

"Về sau tôi còn nhớ lời Jean nói, nghe qua tôi kinh ngạc. Nàng nhận xét, "Ôi, tất cả chỉ có vậy sao ?". Nghe nàng thốt ra một cách lạnh lùng, thản nhiên nghe sao mà, muốn buồn nôn. Hẳn nhiên so với ngày nay chuyện đó bình thường. Nhưng đó là một câu nói thật phũ phàng, nghiệt ngã, tôi không quen với thứ tình cảm đó. Jean nhìn tôi cười một cách lạ lùng, "bà không muốn nghe nhưng đó là sự thật. Bà Pritchard đâu còn thiết đến mạng sống nữa ? Hoàn toàn không. George Pritchard thấy đó là một gánh nặng. Làm cho bà vợ khiếp sợ chết khiếp, như vậy mới thỏa mãn tâm địa xấu xa". Tôi nói, "George đối xử rất tốt với bà ấy". Nghe xong nàng mới nói, "vâng, ông ta đáng được tưởng thưởng, ông ấy là một người đàn ông có sức quyến rũ, George Pritchard. Người y tá mới vô nhận việc gần đây nói thế, cô ta rất xinh đẹp... tên là gì nhỉ ? Castairs. Là nguyên nhân của một cuộc cãi vã giữa cô ta với bà Prichard.”.

"Tôi không thích nghe Jean nói ra điều đó. Hẳn nhiên nghe ai cũng ngạc nhiên..”.

Bà Bantry có ý muốn bỏ ngang giữa chừng.

"Ờ, phải đấy", bà Marple thản nhiên nói. "Ai cũng vậy". Trông cô Instow có đẹp không ? Tôi đoán cô nàng biết chơi golf”

"Có, nàng chơi thể thao khá, người trông dễ thương, xinh xắn, da dẻ hồng hào, đôi mắt xanh quyến rũ. Bọn tôi ai cũng thấy cô nàng thường đi với George Pritchard nếu có gì khác hơn... thật xứng đôi vừa lứa”.

"Vậy họ là bạn với nhau ?", bà Marple hỏi.

"Phải mà. Bạn thân nữa kìa”.

"Dolly, bà có nên.. ", đại tá Bantry buồn rầu nói, "để cho tôi tiếp tục câu chuyện”.

"Arthur", bà Bantry giờ mới chịu ngưng, "ông muốn kể cho hết chuyện mà”.

"Tôi phải kể ra cho hết đoạn cuối câu chuyện của George", ông Đại tá nói. "Đến cuối tháng sau lúc đó bà Pritchard mới thấy hoảng sợ. Trên tờ lịch bà đánh dấu đúng ngày trăng

tròn, tối bữa đó bà mời cô y tá và George vô phòng để nhìn xem cho kỹ trên chỗ giấy dán tường. Chỉ có màu hoa thực quỳ hồng và đỏ, không có chỗ nào là hoa thực quỳ xanh. Chờ lúc George bước ra ngoài bà khóa cửa lại."

"Sáng bữa sau nhìn lên thấy một bông hoa thực quỳ màu xanh to tướng", cô Helier vui miệng xen vào.

"Đúng quá", Đại tá Bantry nói. "Hay cũng là đúng. Trên đầu giường một bông hoa thực quỳ chuyển qua màu xanh. George chói với, hẳn nhiên không vì một chút kinh ngạc trước sự việc khiến ông phải lo sợ. Trước sau như một, ông cho là có kẻ thích đùa. Ông phớt lờ chuyện cửa đã khóa và chính mắt bà Pritchard phát hiện có sự thay đổi trước khi mọi người... cả bà y tá Copling... mới nhận ra".

"George sững sờ, ông cảm thấy sự việc thật phi lý. Vợ ông muốn bỏ nhà đi, ông không chịu, ông muốn tin chuyện thần thánh thử một lần, nhưng mà làm sao ông tin được. Ông đã quen nhường nhịn vợ, nay thì đừng hòng. Không thể chấp nhận một chuyện phi lý vậy được".

"Thế rồi một tháng trôi qua rất nhanh. Bà Pritchard không hiểu sao nay không cầu nhàu như trước. Cũng vì mê tín cho nên bà tin là sống không còn bao lâu nữa. Bà nhắc đi nhắc lại "Hoa anh thảo xanh... nên đề phòng. Hoa thực quỳ xanh... điềm xấu... Hoa phong lữ thảo xanh... điềm chết chóc. Cứ thế bà thích nằm một chỗ ngắm nhìn chùm hoa phong lữ thảo màu hồng thắm trên đầu giường".

"Nghe qua câu chuyện đã muốn nhức đầu. Ngay cô y tá còn thấy mệt mỏi. Hai bữa trước đêm trăng tròn, cô gặp George khuyên ông nên bỏ bà Pritchard. George giận dữ".

"Cho dù cả chùm hoa trên giấy dán tường chuyển qua một màu xanh cũng chẳng có chết ai", ông quát.

"Có chứ. Có người đã từng chết do bị sốc".

"Phi lý", George nói.

George có tật hay bướng bỉnh, khó lay chuyển, ông có ý tưởng trong đầu là vợ ông muốn làm cho khác người, và đã tính trước cái chuyện chết chóc này.

"Thế rồi cái đêm định mệnh đã tới. Như mọi bữa bà Pritchard khóa cửa phòng. Bà tỏ ra bình thản... tinh thần vô cùng phấn chấn là đằng khác. Cô y tá thấy lạ hỏi bà cần tiêm Strychnine cho khỏe không, bà Pritchard từ chối. Có thể hiểu bà muốn được tận hưởng những giây phút cuối. George kể cho tôi biết điều đó".

"Có thể lắm chứ", bà Bantry nói. "Câu chuyện kể ra nghe mới thấy ly kỳ".

"Sáng hôm sau không ai nghe thấy tiếng chuông reo inh ỏi như mọi bữa. Bà Pritchard thường ngủ dậy lúc tám giờ. Chờ mãi đến tám rưỡi không nghe thấy động tĩnh, cô y tá đập cửa rầm rầm. Không nghe thấy gì, cô chạy đi tìm George nói ông phá cửa vô. Hai người tìm cây đục, phá cửa ?

"Cô y tá Copling chỉ cần liếc qua thân hình nằm im lìm trên giường biết ngay chuyện. Cô nói George gọi bác sĩ nhưng muộn mất rồi. Bà Pritchard đã chết đó cách tám tiếng đồng hồ. Ông thuốc muối còn để lại trên giường trong tầm tay. Nhìn trên vách tường sát đầu giường một bông hoa phong lữ thảo đỏ thắm chuyển qua một màu xanh thắm, sáng lóng lánh".

"Khiếp quá", cô Helier vừa kêu lên một tiếng, nàng rùng mình.

Ngài Henry cau mày.

"Còn thấy gì nữa không ?".

Đại tá Bantry lắc đầu, chợt bà Bantry buột miệng nói.

“Hơi ngạt”.

“Còn chuyện hơi ngạt thì sao?”, ngài Henry hỏi.

“Lúc bác sĩ tới nơi trong phòng ngủ có mùi ga, ông nhìn thấy khóa ga lò sưởi mở hờ qua chỉ có một bên, một số lượng ít ỏi thôi, nhưng nó cũng không thể gây chết người được”.

“Vậy lúc ông Pritchard theo cô y tá bước vô, họ không cảm nhận được hay sao?”.

“Cô y tá ngủ thấy mùi ga thoảng qua. George không để ý, nhưng ông cảm thấy có một vẻ khác lạ hơn mọi bữa, ông nghĩ là do một cơn sốc... có thể vậy. Có một điều chắc chắn không thể gán cho ngộ độc ga. Mùi ga chỉ nghe thoáng thoáng”.

“Vậy là hết chuyện”.

“Chưa, chưa hết. Còn nhiều điều bàn tán. Mấy bà giúp việc xì xầm với nhau... nghe đâu bà Pritchard kể tội chồng là ông căm ghét bà, nếu bà chết ông còn cười thêm. Còn nhiều linh tinh nữa, một bữa bà nói nhân lúc ông không chịu bỏ nhà đi: “Thôi được, vậy nếu tôi có chết, thế nào thiên hạ cũng đổ cho ông tội giết vợ”. Bà nói sao mà linh thiêng, trước đó một ngày ông ra sau vườn pha thuốc diệt cỏ. Một người giúp việc tình cờ nhìn thấy; chừng một lát sau thấy ông trên tay bung ly sữa vô cho bà”.

“Tiếng dữ đồn xa. Bác sĩ cấp giấy chứng nhận - tôi không biết nói sao cho phải - nào lên cơn sốc, yếu tim, ngất xỉu, tôi không hiểu mấy chuyện này. Tội nghiệp bà mới chết chưa được tháng đã được lệnh cho khai quật tử thi để khám nghiệm”.

“Cuộc giải phẫu tử thi không tìm thấy dấu tích trúng độc, tôi còn nhớ!” Ngài Henry nghiêm chỉnh nói. “Một bằng chứng hiếm thấy, có khói mà không có lửa”.

“Chuyện kể cũng lạ”, bà Bantry nói. “Cu thể... là bà thầy bói... Zarida. Theo địa chỉ ghi trên giấy tờ hỏi người ở địa phương không ai biết”.

“Bà ta chỉ xuất hiện một lần, trong lúc bất ngờ” chồng bà nói, “rồi biến mất luôn. Trong lúc bất ngờ... nghe cũng hay đấy!”.

“Và đây nữa”, bà Bantry kể tiếp, “cô y tá trẻ Carstairs đã giới thiệu bà ấy, cũng không thấy mặt mũi đâu kể từ dạo đó”.

Mọi người ngồi nhìn nhau.

“Có phải là ông Pritchard sau đó lấy cô Instow?”, bà Marple nhỏ nhẹ hỏi.

“Sao bà lại đi hỏi mấy chuyện đó?”, ngài Henry hỏi lại.

Bà Marple mắt tròn xoe nhìn qua.

“Coi vậy mà hệ trọng”, bà nói. “Họ đã lấy nhau chưa?”.

Đại tá Bantry lắc đầu.

“Chà... chà, chúng ta cũng mong là có chuyện đó... nhưng đã mười tám tháng nay. Từ dạo đó chắc là họ cũng ít khi gặp nhau”.

“Đấy mới thành chuyện..”, bà Marple nói, “mà là chuyện lớn”.

“Bà cũng nghĩ như tôi”, bà Bantry nói. “Bà cho là...”-

“Dolly, nghe này”, chồng bà lên tiếng. “Bà nói nghe vô lý. Làm sao buộc tội một người khi không có bằng chứng”.

“Ông đừng có nói vậy, Arthur, ông là đàn ông. Mấy ông ngại không dám nói ra. Đấy là chuyện chung. Tôi chợt nảy ra một ý tưởng ngộ nghĩnh biết đâu... nghĩ là vậy thôi. Joan Instow

cải trang làm bà thầy bói. Ông nhớ, cô ta làm vậy là muốn đùa thôi. Dù sao tôi không tin cô ta có ý đồ nọ kia, nếu có thật chẳng nữa, thì bà Pritchard vì quá sợ hãi mà chết. Có phải là bà Marple muốn nói như thế, đúng không?”.

“Không, không phải thế”, bà Marple nói. “Cô nghĩ xem nếu tôi muốn giết ai... tất nhiên tôi chẳng bao giờ nghĩ tới chuyện đó bởi nó ghê tởm làm sao ấy. Hơn nữa tôi không thích chuyện giết chóc cho dù đó là một con ong mà tôi có thể làm, nhưng tôi nghĩ người làm vườn đã làm việc đó vì mục đích nhân đạo. Để coi, tôi đang kể tới đâu?”.

“Nếu bà muốn giết ai”, Ngài Henry nói xen vô. “Ồi chà, nếu tôi muốn, tôi chẳng quan tâm đến sự sợ hãi. Tôi biết mọi người đã nghe qua chuyện đó, nhưng mà nói ra nghe khó tin, hơn nữa người có vấn đề tâm thần dám hành động quyết liệt hơn người ta tưởng. Khi đã ra tay là phải chắc cú, làm tới nơi tới chốn”.

“Bà Marple”, ngài Henry nói, “bà làm tôi lo sợ. Tôi hy vọng bà sẽ không làm thế với tôi. Nhưng toan tính của bà quá cao siêu”.

Bà Marple nhìn ông như oán trách.

“Tôi chỉ muốn làm sáng tỏ vấn đề, không bao giờ tôi muốn nghĩ tới mấy chuyện quái đản”, bà nói. “Không, tôi muốn đặt mình vào vai trò một nhân vật khác”.

“Có phải là George Pritchard”, Đại tá Bantry hỏi.

“Tôi không cho là Gorge đâu, bà nên nhớ, chỉ mỗi cô y tá thì cho là vậy. Một tháng sau tôi trở lại gặp người y tá cùng thời điểm diễn ra cuộc khai quật. Cô ta không hiểu chuyện gì đã xảy ra... mà thật ra chẳng nói được một lời nào... một điều không thể chối cãi là, cô ta cho là chính George phải chịu trách nhiệm cái chết của vợ ông. Cô ta xác nhận điều đó”.

“Ồi”, bác sĩ Lloyd lên tiếng, “có thể cô ấy nói không sai đâu. Ông nhớ là, y tá thì phải biết. Cô ta không nói ra được, bởi không tìm đâu ra bằng chứng, nhưng mà cô ta biết”.

Ngài Henry nghiêng người ra trước.

“Nào kể tiếp nữa đi, bà Marple”, ông năn nỉ. “Bà lại mơ màng. Bà sẽ kể hết cho chúng tôi cùng nghe chứ”.

Bà Marple mặt đỏ bừng.

“Xin lỗi ông”, bà nói, “Tôi sực nhớ một bà y tá ở quê. Mọi việc thật khó xử”.

“Có khó hơn chuyện một chùm hoa phong lữ thảo màu xanh không?”.

“Còn tùy ở màu hoa anh thảo nữa”, bà Marple nói. “Tôi xin nhắc lại ý bà Bantry muốn nói là hoa có sắc vàng và hồng. Một chùm hoa anh thảo màu hồng chuyển màu xanh thì có vẻ thích hợp, nhưng đây lại là một chùm hoa vàng...”.

“Một chùm hoa màu hồng”, bà Bantry nhắc. Bà tròn xoe mắt. Mọi người cũng trở mắt nhìn bà Marple.

“Câu chuyện tới đó coi như tạm ổn”, bà Marple nói. Bà hối tiếc lắc đầu. “Qua đến mùa ong vò vẽ rồi đủ các thứ. Có cả chuyện hơi ngạt”.

“Tôi xin nhắc lại, giả sử còn biết bao nhiêu chuyện thương tâm hơn ở làng quê thì sao”. Ngài Henry nói.

“Chẳng có chuyện nào thương tâm”, bà Marple nói “Lại càng không có chuyện gì xấu xa. Tôi muốn nhắc lại đây một việc nhỏ liên quan tới bà y tá làng. Nói gì thì nói y tá cũng là người nhân đạo, khi nếu giả sử bà ta tỏ ra xứng đáng trong cách ứng xử dưới lớp áo nhà nghề và cùng chia sẻ nỗi đau với người nhà. Vậy mà ông ngờ một hành vi trái với đạo đức có thể xảy ra sao?”.

Một ý tưởng vừa lóe lên trong đầu ngài Henry.

“Bà muốn ám chỉ y tá Carstairs ?”.

“Ồ không. Không phải y tá Carstairs. Tôi muốn nhắc cô y tá Copling. Ông biết không, trước cô đã tới đó, khi nhìn thấy ông Pritchard, cô ta lo lắng cho ông ấy, như ông vừa kể, ông ta điển trai. Tôi dám nói cô tưởng tượng trong đầu, thật đáng thương... mà thôi, ta miễn bàn chuyện đó. Tôi nghĩ là cô ta không biết về cô Instow, tất nhiên là về sau cô ta mới hay, cô ta thay đổi thái độ với ông ấy, nên lúc đó cô ấy dám làm mọi chuyện. Và rồi chính lá thư đã làm cô ta lộ tung tích, phải vậy không ?”.

“Cái thư nào?”.

“À, cái thư bà Pritchard nhờ viết gởi cho bà thầy bói, vì bà về tới nhà là muốn trả lời thư. Về sau mới vỡ lẽ không có ai ở chỗ địa chỉ đó. Ta hiểu ngay cô y tá Copling chứ không ai khác hơn. Cô ta giả vờ viết thư - vậy thì còn ai khác hơn là chính cô ta là người tự xưng là thầy bói chứ ai ?”

“Tôi không đoán ra chuyện cái thư”, ngài Henry nói. “Đó là một điểm then chốt, tất nhiên rồi”.

“Cũng gay go chứ không phải vừa”, bà Marple nói, “biết đâu bà Pritchard có thể nhận ra dù cô ta có khéo léo giả dạng... mà thật là vậy, cô y tá giả vờ đùa cho vui”.

“Bà cho tôi biết”, ngài Henry nói, “vì sao bà muốn nói nếu đặt vô địa vị người khác bà không để cho mình phải sợ hãi”.

“Không ai dám nói chắc về điều này”, bà Marple nói “Không, tôi hiểu là lời cảnh báo và sắc xanh của chùm hoa, tôi xin mạn phép nói theo cách nói của nhà binh - là để nguy trang”.

“Còn thực tế thì sao ?”.

“Tôi biết”, bà Marple nói xởi lởi, “đầu óc tôi ám ảnh mấy bầy ong vò vẽ. Khổ thế, cả ngàn con phá hoại... lại nhằm giữa kỳ hè tươi đẹp. Tôi còn nhớ mãi trong đầu hình ảnh người làm vườn trên tay cầm chai nước lắc trộn hóa chất potassium cyanide sao mà giống như chai thuốc muối. Và nếu được trộn lẫn vô ống thuốc muối rồi đem thế vô chai thuốc... chà, bà chủ nhà có tật thường đưa lên mũi hít thuốc muối. Và theo lời ông kể lúc phát hiện ông thuốc muối còn để trên giường, trong tầm tay bà. Và, hử nhiên, khi ông Pritchard chạy tới bàn điện thoại gọi bác sĩ, cô y tá đã nhanh tay thay vô đó ống thuốc thiệt; rồi quay ra mở hờ bình ga để lấp bốt mùi hôi, nhớ có ai thấy lạ. Tôi nghe nói cyanide không để lại dấu vết dù đã lưu lại một chỗ khá lâu. Nhưng biết đâu tôi có thể nhầm, nếu chẳng may trong ống thuốc đựng một thứ hóa chất khác, nhưng mà chuyện đó cũng không khác gì, phải không ?”.

Bà Marple dừng lại, lấy hơi lên.

Jane Helier nghiêng người ra trước nói. “Còn chùm hoa phong lữ thảo xanh với mấy loài hoa kia thì sao ?”-

“Mấy cô y tá luôn có sẵn giấy quỳ phải không ?”, bà Marple nói, “dùng để... à để thử. Nói mấy chuyện đó chán lắm, ta bỏ qua. Tôi cũng biết chút ít nghề y tá”, chợt bà ngưng đỏ mặt. “Màu xanh tiếp xúc với acid chuyển qua màu đỏ, màu đỏ tiếp xúc với kiềm cho ra màu xanh. Dễ thôi nếu muốn phết vô một chút giấy quỳ đỏ lên trên chùm hoa đỏ... để gần đầu giường. Đến lúc bà chủ đáng thương đưa ống muối lên mũi hít, hơi amoniac bay lên chuyển hoa qua màu xanh. Tài tình thật. Hử nhiên lúc mới đưa vô trong phòng, màu hoa phong lữ thảo không phải màu xanh... chẳng có ai để ý, về sau mới vỡ lẽ. Đến phiên y tá vô thay ống thuốc, cô ta giơ cao ống thuốc muối lên gần chỗ giấy dán tường chừng một phút, phồng chừng khoảng đó”.

“Chắc lúc đó bà có mặt ở đó, bà Marple”, ngài Henry nói.

“Tôi thắc mắc một điều”, bà Marple nói, “là chuyện giữa ông Pritchard đáng thương kia

với cô Instow. Tôi đoán không chừng hai bên nghi kỵ lẫn nhau rồi xa cách... cuộc sống ngăn ngủi làm sao”.

Bà lắc đầu.

“Bà khỏi cần thắc mắc”, ngài Henry nói. “Nói thật tôi còn giữ kín một việc, nay mới kể ra. Một y tá đã bị bắt vì can tội giết một bệnh nhân già cả mà bà này làm di chúc để lại cho cô ta một món gia tài. Thủ phạm đã thay potassium cyanide vô ống thuốc muối. Cô y tá Copling lại bày trò cũ rích ra để hại người. Cô Instow và ông Pritchard đã nhận ra chân tướng của cô ta”.

“Mọi việc đều tốt đẹp, phải không?”. Bà Marple kêu lên. “Tất nhiên tôi không muốn nhắc lại một vụ án mới đây. Khiếp thật, trên đời này còn lắm chuyện ghê gớm và nếu ông chịu khó nhường lời... tức là muốn nhắc nhở tôi nên chấm dứt ngay cuộc trao đổi giữa tôi với bác sĩ Lloyd về chuyện cô y tá ở làng”.

8

NGƯỜI BẠN ĐỒNG HÀNH

“Nào, bác sĩ Lloyd”, cô Helier lên tiếng. “Ông có biết câu chuyện nào rùng rợn không?”.

Nàng cười nhìn ông, nụ cười làm say mê khán giả mỗi đêm. Jane Helier một thời được tôn vinh là người đẹp nhất nước Anh, nhưng không ít đồng nghiệp của cô gièm pha rằng: “Tất nhiên Jane đâu phải là một nghệ sĩ. Cô nàng chỉ biết act (làm) thôi. Chắc các bạn hiểu ý tôi nói chứ. Nhìn thấy đôi mắt cô ta thì phải biết”.

“Đôi mắt đó đang nhìn chòng chọc như muốn khiêu khích ông bác sĩ mái tóc đã điểm sương, người đã tích cực cứu chữa cho nhân dân trong làng St. Mary Mead trăm năm qua”.

Ông lúng túng đưa tay cởi chiếc áo gi lê (chắc vì áo may hơi chật) ráng tìm ra chuyện để thỏa mãn trí tò mò của cô nàng.

“Tôi nghĩ là”, Jane mơ màng nói, “tôi nay tôi thích nghe những chuyện vụ án”.

“Tuyệt”, Đại tá Bantry nói với vị khách mời. “Phải nói là tuyệt vời”, ông khoái chí cười vang theo kiểu cười nhà binh, “Ô kìa, Dolly thế nào?”.

Bà vợ chợt bừng tỉnh nhớ đến những chuyện rối ren trước mắt (bà đang lên kế hoạch chuẩn bị đi chơi xa) nên đồng ý ngay.

“Tuyệt quá rồi còn gì”, bà mừng rỡ dù trong đầu đang nghĩ chuyện đâu đâu. “Tôi cho là vậy”.

“Thật sao, bà?”, bà Marple vừa hỏi vừa nháy mắt.

“Chẳng có chuyện gì rùng rợn... lại càng ít chuyện hình sự... nhất là quanh St. Mary Mead đây, cô Helier biết quá mà”, bác sĩ Lloyd nói.

“Tôi lấy làm ngạc nhiên”, ngài Henry Clithering nói. Ông cựu cảnh sát trưởng Scotland Yard nhìn qua bà Marple. “Tôi nghe mấy ông bạn đồng nghiệp kể quanh vùng St. Mary Mead này là nơi hang ổ của bọn đồi trụy và tội phạm”.

“Thôi nào, ngài Henry!” bà Marple phản đối, mặt mũi bà đỏ bừng. “Tôi không khi nào nói như thế. Tôi chỉ nói là bản chất của con người ở mọi nơi đều giống nhau chỉ có điều có người đã tạo ra những cơ hội và có thời gian rảnh để thực hiện tội ác”.

“Nhưng mà bà đã ở đó bao giờ chưa?”, Jane Helier nói, ý nhắm vô ông bác sĩ “ông đã từng đi trên đó - những nơi xảy ra đủ thứ chuyện trên đời?”.

“Tất nhiên là vậy”. Bác sĩ Lloyd nói cố nghĩ cho ra. “Ồ, tất nhiên... ờ... chà ! Tôi nhớ rồi”.

Ông ngả người ra sau thở hắt ra một hơi.

“Chuyện đã mấy năm... tưởng đâu đã quên. Nhưng vẫn còn mới lạ, lạ lắm ! Nhưng do một sự trùng hợp ngẫu nhiên tôi nắm được manh mối, điều này càng lạ hơn”.

Cô Helier xích ghế lại gần hơn chút nữa, điểm lại chút môi son, tai lắng nghe, mấy người kia cũng chăm chú.

“Trong số quý vị đây đã có ai được nghe nói tên quần đảo Canary”, ông bác sĩ mở đầu câu chuyện.

“Nơi đó đẹp lắm thì phải”, Jane Helier nói. “Nằm ở vùng biển phía nam, đúng không ? Hay có thể là vùng biển Địa Trung Hải ?”.

“Tôi đã tới đó một lần nhân chuyến đi qua Nam Phi”. Ông đại tá nói. “Đi qua mũi Peak của Tenerife nhìn cảnh mặt trời lặn đẹp vô cùng”.

“Chuyện tôi sắp kể ra đây xảy ra trên đảo Grand Canary, không phải chỗ Tenerife. Đến nay đã lâu lắm rồi. Lúc đó do sức khỏe sa sút tôi phải tạm ngưng hành nghề ở nước Anh, ra nước ngoài an dưỡng. Nơi tôi đến hành nghề là Las Palmas một khu thị trấn trên đảo Grand Canary. Phải nói là tôi vô cùng sung sướng được sống tại nơi này. Khí hậu dễ chịu, quanh năm nắng ấm, có trò chơi lướt ván (tôi thích tắm nắng). Cuộc sống gần bến cảng thật thú vị. Las Palmas, nơi tàu hàng nước ngoài đi qua cập bến. Cứ sáng sớm tôi đi dạo trên bờ đê, trong khi mấy bà thích dạo phố mua sắm”.

“Như tôi đã kể tàu hàng khắp nơi trên thế giới ghé đến neo đậu bến Las Palmas có khi vài giờ, hoặc một hai ngày, rồi lại ra khơi. Ở đây có một khách sạn lớn Metropole, nơi trú ngụ của khách du lịch quốc tế. Khách đi tàu đến Tenerife thường ghé lại đây nghỉ ngơi vài bữa trước khi tiếp tục hành trình !”

“Câu chuyện tôi sắp kể diễn ra tại khách sạn Metropole này. Một buổi tối tháng giêng, hôm đó vào ngày thứ năm. Buổi khiêu vũ bắt đầu, tôi với một người bạn ngồi bên chiếc bàn nhỏ nhìn quan khách nhảy nhót. Tôi nhìn ra đám đông gồm một ít khách người Anh và người nước ngoài người Tây Ban Nha đông hơn hết, khi ban nhạc trỗi lên bản tango, khoảng nửa số khách này bước ra sàn nhảy ! Nhìn họ nhảy thật đẹp. Trong số này có một cô nàng có bước nhảy đẹp nhất, khiến bọn tôi ngồi ngây người ra, thưởng thức tài nghệ. Cô nàng cao ráo, xinh đẹp, nhún người theo nhịp, bước chân y như con beo cái đã được thuần dưỡng. Tuy vậy nhưng không phải là tay vừa. Tôi gọi lên điều đó cho bạn tôi nghe, hẳn đồng ý liền”.

“Mấy cô nàng như em đó”, gã nói, “phải nói là dân sành điệu khó có ai qua mặt được”.

“Được làm người đẹp cũng khổ”, tôi nói.

“Đẹp không chưa đủ” gã nói. “Phải kể thêm thứ khác nữa. Đây, nhìn kỹ cô nàng. Chà chắc phải có lắm chuyện scandal do cô nàng mà ra. Không ai qua mặt nàng về điều này được. Cuộc sống của nàng chắc hẳn sẽ có nhiều chuyện lạ và sôi động. Nhìn cô nàng có thể đoán ra được ngay”.

“Gã im lặng một lúc rồi, nhếch mép cười nói”.

“Cậu thử nhìn qua hai cô nàng khác ngồi đằng kia, với họ thì chẳng có gì đáng nói ! Cuộc sống của họ êm đềm, có thể không có gì xáo trộn”.

“Tôi nhìn theo ánh mắt gã. Hai cô nàng gã vừa mới nhắc là khách du lịch đi theo tàu Holland Lloyd mới cập bến hồi chiều. Khách đi tàu cũng vừa mới ghé vô đây. Tôi nhìn theo

hiếu ý gã muốn nói gì. Hai phụ nữ Anh... họ cùng đi trên một chuyến tàu. Tôi đoán khoảng bốn mươi tuổi. Một người da dẻ trắng trẻo... nhỏ con... mập ú, người nọ da ngăm nhỏ con... lại cũng nhỏ con... người gầy nhom. Thoạt trông dáng người trẻ trung, ăn mặc kín đáo, trầm lặng và không chút phấn son. Nhìn bề ngoài trầm lặng thì chắc chắn là dân Anh có học thức hẳn hoi. Không khoác trên người một vẻ hào nhoáng, cả hai như hàng vạn phụ nữ khác. Họ đi tham quan với cẩm nang du lịch trên tay, ngoài ra họ chẳng biết gì hết. Muốn vô thư viện hay đi nhà thờ Anh giáo nơi nào tùy thích, có thể một trong hai người đã biết sơ qua nơi này. Như lời bạn tôi kể nhìn hai người không có gì đáng chú ý, thế mà ai biết họ có thể đã đi hết nửa vòng trái đất. Nhìn họ xong rồi quay lại nhìn cô nàng người Tây Ban Nha nhảy đẹp, mắt đang lim dim, thấy vậy tôi mới bật cười”.

“Khổ thế”, Jane Heilier vừa thở ra vừa nói, “ Ở đời có lắm kẻ ngu xuẩn. Không biết khai thác khả năng trời cho. Cô nàng ở phố Bond Street... nàng Valentine... thật đáng khâm phục. Nàng đóng vai Andrey Denman, ông đã được xem vở “Một bước lùi” chưa ? Nàng là một học sinh được mời sắm vai lần đầu đã tỏ rõ tài năng. Vai Andrey ít ra cũng năm mươi tuổi. Vậy mà bây giờ bà tuổi gần lục tuần”.

“Ông kể ra đi”, bà Bantry nhắc nhở bác sĩ Lloyd nhớ. “Tôi thích nghe chuyện cô nàng Tây Ban Nha có đôi chân nhún nhảy thật đẹp mắt, làm cho tôi quên đi mình đang già, mập ú thế này”.

“Xin lỗi”, bác sĩ Lloyd phân bua. “Bà nhớ giùm cho câu chuyện này không phải nói về cô nàng người Tây Ban Nha”

“Vậy sao ?”

“Không phải vậy. Có thể cả hai chúng tôi đã nhầm. Câu chuyện hoàn toàn không nhắc tới người đẹp Tây Ban Nha. Cô nàng lấy chồng là một nhân viên hãng tàu. Đến lúc tôi rời đảo cô nàng đã năm con, giờ đã phát phì”.

“Khác nào đứa con gái của Israel Peters”, bà Marple phán một câu. “Con bé lên sân khấu diễn kịch khoe cặp đùi thon đẹp, thủ vai chính trong vở kịch câm. Mọi người cứ cho nó sau này chẳng ra gì, nhưng về sau con bé lấy được một tay lái buôn có cơ ngơi đồ sộ”.

“Cũng cùng một câu chuyện làng quê”, ngài Henry nói khẽ.

“Không”, ông bác sĩ kể tiếp, “tôi muốn kể câu chuyện hai phụ nữ người Anh”.

“Chắc có chuyện gì đây ?”, cô Helier thở ra.

“Có vấn đề. Nhưng là chuyện của ngày hôm sau”.

“Vậy sao ?”, bà Bantry nôn nóng.

“Cũng vì hiếu kỳ, tối hôm đó lúc đi ngang qua quầy tôi mới liếc nhìn vô sổ đăng ký. Chẳng mấy khó khăn tôi nhìn ra cô Mary Barton và cô Amy Durrant quê ở Little Paddock, Caughton Weir, Bucks. Tôi ấn tượng với những cái tên này vì sau đó tôi lại gặp phải một vấn đề khá bí ẩn với chúng”.

“Qua bữa sau tôi chuẩn bị đi picnic với mấy người bạn. Đi xe ra đảo, ở lại ăn cơm trưa tại chỗ, (tôi còn nhớ... dù đã lâu); nơi đó là Las Nieves, một vùng vịnh yên tĩnh, tha hồ tắm. Chương trình đã được sắp xếp có điều bọn tôi ra đi hơi trễ, nên phải dừng lại cắm trại, buổi chiều trước giờ uống trà chúng tôi xuống tắm ở bãi Las Nieves”.

“Ra tới biển, nhìn thấy một đám đông lao xao. Dân làng đổ xô chạy ra biển. Vừa thấy người lạ, họ chạy xúm lại quanh chiếc xe, miệng nói huyền thuyên. Bọn tôi không thạo tiếng Tây Ban Nha, nghe một hồi mới hiểu, câu chuyện như sau:

“Hai cô nàng nổi hứng rủ nhau tắm biển, một người bơi ra quá xa chắc là bị vọp bẻ. Người kia thấy vậy bơi ra cố kéo vô bờ, nhưng sức yếu sắp chết đuối, may ra có một người

trông thấy, chèo thuyền ra cứu cả hai, người bơi ra trước e rằng khó cứu sống”.

“Vừa nghe qua câu chuyện tôi xô mọi người qua một bên, bỏ chạy ra biển. Tôi không thể nhìn ra cả hai. Cô nàng mặc đồ tắm màu đen, đội nón tắm màu xanh, ngược nhìn lên. Nàng quỳ xuống bên người bạn, hai tay thử làm mấy động tác hô hấp nhân tạo. Vừa nghe nói tôi là bác sĩ, cô này thở phào nhẹ nhõm, tôi yêu cầu đưa cô nàng vô dây lều nghỉ mát để xoa bóp, thay đồ. Tôi giao việc cho một cô trong đoàn, còn tôi lo cứu chữa cho người bạn bị chết đuối nhưng không cứu được. Mạng sống con người quá mong manh, tôi đành chịu bó tay”.

“Tôi bỏ đi vô dây lều cùng với mấy người kia, lòng xót xa. Người sống sót thay đồ mới, nhìn mặt tôi nhớ ra ngay đây là một trong hai cô gái người mà tôi đã thấy chìm qua. Nàng lặng lẽ nhìn bạn mình ra đi. Nỗi mất mát này không có gì có thể bù đắp được”.

“Tôi nghiệp Amy”, nàng nói. “Tôi nghiệp Amy quá. Cô ta ao ước được ra tới đây tắm biển, một tay bơi lội rất giỏi. Tôi không hiểu nổi. Ông nghĩ sao về việc này, thưa bác sĩ?”.

“Có thể nạn nhân bị vọp bẻ. Cô kể lại chuyện đầu đuôi ra sao”.

“Hai đứa tôi bơi được khoảng hai mươi phút, tôi còn nhớ. Tôi muốn quay trở vô, còn Amy thích ở lại, bơi ra xa hơn chút nữa. Cô ấy đang bơi, chợt tôi nghe kêu cứu. Tôi ráng bơi cho tới nơi thấy cô ấy còn nổi trên mặt nước vùng vẫy, níu chặt vô người tôi, rồi cả hai cùng chìm xuống. Nếu không gặp chàng thanh niên nhanh tay, kịp chèo thuyền ra cứu, có lẽ tôi cũng chết chìm theo”.

“Chuyện này nơi đây vẫn thường xảy ra”, tôi nói. “Cứu người chết đuối không phải chuyện dễ”.

“Khiếp thật”, cô Barton kể lể, “Bọn tôi vừa ra tới đây hôm qua, được nghỉ ít bữa nên đi tắm biển phơi nắng. Giờ đây, lại xảy ra chuyện cảnh đau thương này..”.

“Tôi hỏi thăm thân thể nạn nhân ra sao và muốn giúp đỡ nàng. Nhà nước Tây Ban Nha cần phải biết đầy đủ thông tin về thân thể nạn nhân. Nàng kể cho tôi nghe”.

“Nạn nhân, cô Amy Durrant, là người bạn đồng hành, mới biết nhau được năm tháng. Hai người rất thân thiết, cô Durant kể lại sơ qua về những người thân. Cô ta là con mồ côi, từ nhỏ được một người chú nuôi dưỡng, đến hai mươi một tuổi cô ta sống tự lập”.

“Chỉ có vậy”, ông bác sĩ nói. Ông nghĩ ngợi một lúc mới nói chắc. “Chỉ có vậy thôi”.

“Tôi chưa hiểu”, Jane Helier nói, “Chỉ có vậy thôi... Tức là, một tai nạn thảm thương, tôi giả sử, nếu không phải vậy... Chà, không phải như tôi tưởng tượng một câu chuyện kinh dị”.

“Ta chờ nghe cho hết”, ngài Henry lên tiếng.

“Phải”, bác sĩ Lloyd nói, “Ta chờ nghe cho hết. Quý vị biết không, ngay lúc đó có một chuyện lạ. Tất nhiên tôi hỏi ngay những ngư dân tại chỗ, và các thứ ... họ đã nhìn thấy gì. Tôi gặp được nhân chứng tại chỗ. Một bà kể lại nghe rất buồn cười. Thoạt nghe tôi bỏ qua, mãi về sau sức nhớ lại. Bà nhìn thấy Durrant chưa đến nổi phải chết đuối, lúc kêu cứu. Cô bạn bơi ra tới nơi, theo lời bà kể, dìm đầu cô ta xuống nước. Như đã kể tôi không để ý chuyện đó. Bởi nghe nó lạ tai, khác với những lời kể mấy ngư dân trên bờ. Cô Barton muốn dìm cho người bạn ngất ngư một hồi nên để nàng vùng vẫy níu chặt cho cả hai cùng chết đuối. Quý vị thấy, theo lời kể của người đàn bà Tây Ban Nha nghe như là... có thể nói, cô Barton muốn dìm đầu người bạn xuống nước”.

“Như đã kể thoạt nghe tôi không để ý, về sau tôi sức nhớ. Khó khăn ở chỗ ta chưa biết gì tung tích nạn nhân, cô Durrant. Dường như nàng không còn người thân. Tôi cùng với cô Barton truy tìm lai lịch từ đầu. Tìm ra một địa chỉ, chúng tôi viết thư báo tới đó mới hay căn phòng chỉ thuê để gửi đồ đạc. Bà chủ nhà không quen biết gì, chỉ nhìn thấy một lần khi nàng đến nhận phòng. Cô Durrant bảo muốn có một nơi để lui tới thường xuyên. Trong căn phòng còn vài

món bàn ghế cũ kỹ, mấy bức ảnh chụp ở trường học, một cái rương đựng đầy hàng mua giá rẻ, không có một món tư trang. Cô kể lại với bà chủ, cô là con mồ côi, cha mẹ chết bên An Độ lúc cô còn nhỏ, ông chú làm mục sư đem về nuôi, cô ta không nói ra ông là cậu hay là chú”.

“Câu chuyện không có gì bí ẩn, chỉ có điều ta chưa được thỏa mãn hết trí tò mò. Ta có thể thấy có nhiều phụ nữ sống độc thân và kín đáo như cô ấy. Tại Las Palmas còn lưu giữ mấy tấm ảnh trong sổ hiện vật nằng để lại, nhìn vô thấy mờ nhạt, cũ kỹ, được cắt xén bớt cho vừa khung ảnh, mất góc tên hiệu ảnh. Có một tấm ảnh chụp theo lối xưa, có thể là người mẹ hay bà ngoại gì đó”.

“Cô Barton còn nhớ có hai mối liên hệ của cô ta. Một thì đã quên, còn tên kia sau một hồi nhẩm lại cũng nhớ ra được. Bà này đã ra nước ngoài, qua Úc. Nàng muốn viết thư ngay. Chắc phải chờ lâu mới hồi âm và tới ngày nhận chắc chẳng giải quyết được gì. Nghe nàng kể cô Durrant là người bạn đồng hành và có thể nói là rất gần bó, tính nết dễ thương; còn đời tư và những người thân thích thì hoàn toàn không ai biết”.

“Thật ra thì, tôi có thể nói không có gì lạ. Nhưng qua hai điều tôi cảm thấy không ổn. Cô nàng Amy Durrant lai lịch không ai biết và câu chuyện kể của người đàn bà Tây Ban Nha cứ ám ảnh tôi. Vâng, tôi xin nêu ra đây một điểm nữa: lúc tôi vừa nghiêng người xuống bên xác nạn nhân, cô Barton bỏ đi tới chỗ dãy lều trại của ngư dân, vừa đi nàng ngoái nhìn lại. Tôi có thể nhìn thấy trên nét mặt nàng một thoáng đau khổ xót xa... một nỗi đau còn in sâu trong trí tôi”.

“Lúc đó tôi cảm thấy chẳng có gì khác thường. Tôi nghĩ nàng đau đớn cho số phận người bạn, nhưng sau nghĩ lại không phải vậy. Không hề có chuyện hy sinh vì bạn bè, không có chuyện quá đau đớn. Cô Barton tự dừng thấy có cảm tình với Amy Durrant, nàng kinh hoàng trước cái chết người bạn; chỉ có vậy thôi”.

“Thế sao nàng đau khổ quá vậy ? Vì lẽ đó tôi mới nghĩ lại. Cái nhìn của nàng thì không thể nhầm được.

Tôi thấy nó ra làm sao ấy. Một nghi vấn chọt lóe lên trong đầu. Giả sử những lời kể của người đàn bà Tây Ban Nha là thật, giả sử Mary Barton nhẫn tâm muốn dìm đầu Amy Durrant xuống nước. Vừa muốn trấn nước hại bạn lại giả vờ cứu người lâm nạn. May sao có người chèo thuyền ra cứu. Bãi tắm ngoài đó vắng người, lại xa hơn. Thế rồi, đúng như nàng mong đợi. Đã có bác sĩ ! Một bác sĩ người Anh ! Nàng dư biết người chết đuối lâu như Amy Durrant không thể được cứu sống nhờ hô hấp nhân tạo. Nhưng nàng còn phải cho xong vai trò của mình rồi bỏ đi để tôi ở lại lo cứu nạn nhân. Nàng ngoái nhìn lại lần cuối. Lúc đó nhìn gương mặt nàng đau đớn vô cùng. Liệu Amy Durrant có thể được cứu sống để kể lại những gì cô ta biết”

“Chao ôi !” Jane Helier kêu lên. “Nghe đến đây tôi muốn sờn óc”.

“Cứ nhìn câu chuyện theo chiều hướng đó thì thấy nó lạ lùng làm sao, lai lịch Amy Durrant càng mù mịt hơn. Amy Durrant là ai ? Một người bạn đồng hành vô danh như sao lại bị giết chết bởi bàn tay của người bạn ? Đằng sau tai nạn tắm biển còn ẩn chứa điều gì nữa ? Cô ta được Mary Barton nhận vô làm một chân hầu bàn mới đây được mấy tháng. Mary Barton đưa cô ta ra nước ngoài, vừa đến nơi được một ngày, hôm sau cô ta gặp nạn. Đôi bạn dễ thương đúng là mẫu người Anh tao nhã giản dị ! Câu chuyện càng ly kỳ hơn, đó là theo tôi nghĩ. Tôi muốn thả hồn cho trí tưởng tượng bay đi xa”.

“Ông không giúp gì được sao”. Cô Helier hỏi.

“Này cô em, tôi giúp gì được hở ? Bằng chứng đâu. Các nhân chứng cùng khai như cô Barton. Tôi tự nêu lên nhiều điểm nghi vấn, chỉ có thể đặt ra một câu hỏi là mối quan hệ của Amy Durrant ra sao ? Nay mai qua Anh tôi tìm gặp bà chủ nhà cho thuê phòng, tôi sẽ kể lại những gì đã nhìn thấy, như vừa kể ra cho cô em nghe”

“Ông đã thấy được có mấy điểm khác thường”, bà Marple nói.

Bác sĩ Lloyd gật.

“Hết phân nửa thời gian tôi cảm thấy xấu hổ vì việc làm đã qua. Sao phải nghi cho người phụ nữ Anh khả ái, xinh đẹp này hẳn tâm muốn hại người ? Tôi phải tỏ ra thân mật với nàng những lúc còn lưu lại trên đảo một thời gian ngắn. Cùng với chính quyền địa phương tôi đã cố gắng giúp nàng như là một người đồng hương nơi đất khách quê người, về sau tôi hiểu được nàng biết tôi nghi cho nàng và ghét bỏ nàng”.

“Cô nàng ở trên đảo bao lâu ?”, bà Marple hỏi.

“Khoảng chừng hai tuần lễ. Cô Durrant được chôn cất tại đây, mười bữa sau nàng đáp tàu về bên Anh. Sau tai nạn nàng bị sốc bỏ luôn ý định ở lại chơi cho qua mùa đông. Đó là những gì nàng nói”.

“Nàng bị sốc thiệt sao ?”, bà Marple hỏi. Bác sĩ lưỡng lự.

“À, điều đó không có nghĩa nàng phải đau đớn ra mặt”, ông dè dặt nói.

“Cụ thể là nàng không mập ra ?”, bà Marple hỏi.

“Bà biết không, đó là một điểm khá thú vị. Giờ tôi nhớ lại, bà hỏi nghe có lý. Tôi thấy nàng... vâng, dường như là hơi mập ra”.

“Khiếp quá”. Jane Helier rùng mình kêu lên, “Cô nàng mập ra nhờ vấy máu nạn nhân”.

“Hơn nữa, nghĩ lại tôi nhớ đã nghi oan cho cô nàng”, bác sĩ Lloyd kể. “Nàng đã nói một câu gì đó trước khi bỏ đi, làm ta có thể nghĩ theo một chiều hướng khác. Có thể là, mà chắc phải vậy, lương tâm nàng đã trỗi dậy, tuy có muộn màng... thấy đây là hành vi vô cùng táo tợn”.

“Ngay tôi hôm trước khi rời đảo Canaries, nàng mời tôi đến ngỏ lời cảm ơn tôi đã bỏ công giúp đỡ nàng. Tôi không màng chuyện đó, vì bốn phận mà tôi phải làm thôi. Ngẫm nghĩ một lúc nàng chợt hỏi lại.

“Ông có nghĩ là...”, nàng hỏi, “... một người có thể tự biện hộ cho mình khi nắm được luật lệ trong tay”.

“Tôi cho nàng biết ngay đó là một câu hỏi khó trả lời. Nhưng nói chung theo tôi thì không được, bởi luật lệ là luật lệ, mọi công dân phải chịu tuân thủ ?

“Ngay cả khi luật không còn khả năng bảo vệ ?”.

“Tôi hoàn toàn không hiểu được”.

“Thật khó giải thích, nhưng một người có thể làm một hành vi được coi là sai trái hoàn toàn, nghĩa là được coi là phạm tội, ngay cả hành vi đó xuất phát do thiện ý mà ra”.

Tôi đáp lại một cách thẳng thừng “có thể những tên tội phạm muốn nghĩ theo cách của bọn chúng ở thời điểm đó”, nghe nói nàng ngả người ra sau.

“Nếu vậy thì khiếp quá”, nàng nói khẽ. “Khiếp quá”.

“Rồi nàng đổi giọng nói, nhỏ nhẹ xin tôi cho một liều thuốc ngủ. Nàng cảm thấy khó ngủ kể từ lúc... nàng ngần ngừ, từ lúc nàng bị một cú sốc đau đớn.

“Cô nói gì thế ? Chuyện gì thấy khiếp ? Hay cô em nghĩ ngợi gì ở trong đầu ?”.

“Ở trong đầu ? Tôi có việc gì phải nghĩ ngợi trong đầu ?”

“Nàng nói nghe kịch liệt, hoài nghi tất cả”.

“Lo nghĩ có khi dễ bị mất ngủ”, tôi nói nhỏ, vừa đủ nghe

Nàng nghĩ ngợi một lúc.

“Ý ông là lo nghĩ chuyện ngày mai hay là lo nghĩ chuyện xưa cũ, cũng không làm sao thay

đổi được ?”.

“Cả hai”.

“Chỉ có nghĩ ngợi chuyện đã qua mới là chẳng được ích gì. Làm sao tìm lại được cái đã mất. Chao ôi ! Có ích gì ! Đừng lo nghĩ, chớ nên lo nghĩ làm gì !”.

“Tôi cho nàng một liều thuốc ngủ nhẹ rồi ra về. Vừa đi tôi chợt nhớ câu nàng vừa nói lúc này “Làm sao tìm lại được cái đã mất...” . Mất gì ? Mất ai ?

“Tôi nghĩ ngay lần gặp gỡ cuối cùng sẽ báo hiệu có việc gì sắp đến. Tôi không mong đợi thế, nhưng khi nó đến, tôi không lấy làm ngạc nhiên. Bởi vì như mọi người đã biết, Mary Barton là một người phụ nữ hết lòng vì bạn chứ không phải là một kẻ có tội vì nhẹ dạ, một khi đã quyết tâm là quyết thực hiện, không một chút băn khoăn vì tin vào quyết định của bản thân. Tôi nghĩ trong đầu lần gặp gỡ cuối cùng nàng đã bộc lộ một chút hoài nghi về lòng quyết tâm vừa kể. Tôi hiểu ngay ý nàng muốn nói ra, nàng bắt đầu nhận thấy một cuộc tự vấn lương tâm kịch liệt; nàng muốn hối hận.

“Câu chuyện lại xảy ra ở Cornwall, một khu nghỉ mát khá vắng vẻ vào mùa này. Thời điểm đó là vào cuối tháng Ba. Tôi coi báo thấy đăng tin một cô nàng thuê phòng ở lại khách sạn nhỏ, tên nàng là Barton. Thoạt nhìn vẻ ngoài có vẻ lập dị, khiến mọi người phải để mắt dòm ngó. Buổi tối, trong phòng một mình nàng đi lui đi tới mồm nói lảm nhảm; làm cho hai phòng bên cạnh cảm thấy khó chịu. Một bữa nọ nàng đến nhà thờ xin gặp thầy trợ tế, nàng muốn xưng tội với thầy. Nàng vừa phạm một trọng tội. Nhưng nghĩ sao, thay vì nói ra hết, nàng đứng lên ra về, xin hẹn đến gặp thầy bữa khác. Thầy trợ tế hoang mang và nghĩ chắc là nàng có vấn đề tâm thần, không muốn nghĩ là nàng phạm tội”.

“Sáng bữa sau mới hay nàng đã bỏ đi mất dạng. Nàng để lại một lá thư gửi sở điều tra tư pháp. Nội dung như sau:

“Hôm qua tôi đến nhà thờ xin gặp thầy trợ tế để xưng tội, nhưng mà chưa được cho phép. Bà ta không chấp nhận. Tôi nghĩ được một cách để tạ lỗi... lấy mạng đổi mạng; tôi phải chịu thế mạng y như cô ta đã chết. Đến lượt tôi phải chịu trầm mình dưới biển sâu. Chỉ có cái chết mới mong được giải oan. Nghĩ lại tôi thấy không phải vậy. Nếu muốn được Amy tha thứ tôi phải đi tìm gặp nàng. Xin đừng cố ai oán trách vì cái chết của tôi. Mary Barton”.

“Quần áo của nàng được tìm thấy tại một bãi tắm gần một vũng nước vắng vẻ. Có thể là nàng đã cởi bỏ quần áo lại đây, lao mình ra biển, nơi sóng nước cuộn cuộn có thể chìm chết người bơi ra tới đó”.

“Không tìm thấy xác, chờ mãi vẫn không thấy, mọi người tin là nàng đã chết. Nàng giàu có, tài sản để lại tính ra được trăm ngàn bảng Anh; lúc chết không làm di chúc nên tài sản được giao lại cho bà con gần với nàng... một gia đình họ hàng ở bên Úc. Biên bản được bí mật lập ra, xác nhận vụ tai nạn trên đảo Canary, cái chết của cô Durrant khiến cho cô bạn loạn trí. Sở điều tra tư pháp đưa ra phán quyết: nạn nhân đã tự tử trong tình trạng tâm thần không ổn định”.

“Như vậy thảm kịch Amy Durrant và Mary Barton tới đây coi như kết thúc”.

Câu chuyện dừng lại một lúc lâu, chợt nghe Jane Helier thở dài.

“Ôi, ông đừng bỏ dở câu chuyện, đang tới hồi kết đầy kịch tính. Ông nên kể cho hết”.

“Này cô bạn, đây không phải là chuyện dài nhiều tập, chuyện đời thường là thế đó, đến hồi nó phải kết thúc”.

“Tôi không chịu”, Jane nói, “tôi muốn nghe cho hết”.

“Tới đây ta cần phải vận dụng trí tuệ, cô Helier”, ngài Henry phân giải, “tại sao Mary Barton lại đi giết chết người bạn đồng hành ? Đó là một vấn đề do bác sĩ Lloyd muốn nêu lên để chúng ta suy đoán”.

“Chà, khá lắm”, cô Helier nói, “nàng có cả một ngàn lẻ một lý do để giết người. Ý tôi muốn nói; ôi, tôi cũng không biết. Có thể giết người chỉ vì một cơn tức giận, hay là vì ghen tuông dù không nghe bác sĩ Lloyd nhắc tới một người đàn ông nào cùng quen biết đi chung chuyến tàu... ờ, nhưng ông đã biết chuyện đi tàu và những chuyến du lịch biển nó như thế nào rồi”.

“Cô Helier dừng lại, lấy hơi lên, người đối diện bây giờ mới nhận ra mái tóc của Jane còn cao siêu hơn cả bộ óc bên trong.

“Tôi có thể nên lên nhiều suy đoán”, bà Banttry nói, “nhưng gút lại chỉ còn một. Thế này, tôi cho là cha của cô Banttry phát lên giàu có là do đã đánh bại được cha của Amy Durrant, nên nàng mới quyết chí trả thù. Chao ôi, không, tôi đã nhớ nhầm, chán thật ! Vì sao một người chủ giàu có lại muốn giết người theo hầu mình ? Tôi hiểu ra rồi. Cô Barton có một cậu em trai, gã này vì thất tình với cô Amy Durrant nên đã dùng súng tự sát. Cô Barton chỉ chờ có cơ hội này. Amy gặp lúc sa sút. Cô Barton đề nghị cô ta làm bạn đồng hành đi du lịch qua đảo Canaries luôn tiện để có dịp rửa hận. Nghe được đấy chứ?”.

“Tuyệt !” ngài Henry nói. “Chỉ có điều từ nào giờ ta chưa biết cô Barton có một người em trai”.

“Ta suy ra”, bà Banttry nói, “nếu như không có người em trai thì nàng không có gì phải phạm tội. Vậy người em trai đó chắc phải có. Ông hiểu chứ, Watson?”.

“Lập luận nghe cũng hay, Dolly”, chồng bà nói. “Nhưng vẫn là suy đoán”.

“Tất nhiên”, bà Banttry nói. “Chỉ có vậy thôi, ta nên suy đoán. Bởi chưa tìm ra manh mối. Ông cứ nói đi, ông được quyền suy đoán”.

“Chà tôi biết nói gì đây. Theo như lời nhận xét của cô Helier dường như có bóng dáng một người đàn ông xen vô đây. Nghe này Dolly, có thể ông ta là mục sư bề trên. Cả hai người giành thù cho ông chiếc áo lễ hay một món gì đó, không hiểu sao ông mặc chiếc áo do Durrant thù trước. Chắc mà, phải là một món đồ thù. Để xem làm sao nàng mang tới cho ông mục sư. Hai cô nàng này điên hết rồi, cùng nhắm vô một ông thầy diễn trai. Bà sẽ còn nghe nhắc đi nhắc lại chuyện này”.

“Tôi thiết nghĩ cần phải nói cho rõ hơn”, ngài Henry nói, “dù chỉ là một cách suy đoán. Theo tôi thì cô Barton đang ở trong tình trạng loạn trí. Những trường hợp như vậy thì rất nhiều, không thể đếm cho hết. Chứng ngưng cuồng đến lúc cao điểm, không kìm được, nàng tự tìm lối thoát bằng cách giết một mạng người... phải là một người nữ. Về lai lịch cô Durrant không ai rõ. Vậy có thể trước đây nàng đã trải qua một thời “đen tối”. Cô Barton tìm hiểu được bèn ra tay, tìm cách sát hại. Về sau nghĩ lại hành vi nàng cho là chính đáng đã khiến nàng bối rối, thấy ân hận. Nàng như là một người loạn trí. Nào, bà Marple, bà có đồng ý với tôi không?”.

“Chắc là không, thưa ngài Henry”, bà Marple nói, vừa cười xởi lởi. “Hành vi của nàng chứng tỏ nàng còn là một người tỉnh táo, lạnh lẽ”.

Jane Helier chợt kêu lên một tiếng, nói xen vô. “Ồi chà, tôi thật là ngốc nghếch. Để tôi nghĩ lại thử coi ? Lẽ ra phải như thế này. Một cuộc tố tụng ! Người bạn đồng hành muốn tố tụng. Không hiểu sao bà Marple lại cho là thà nàng tự tử đi còn hay hơn. Tôi nghĩ không ra chỗ này”.

“Chà !”, ngài Henry nói, “cô em biết không, bởi bà Marple đã từng chứng kiến một vụ tương tự xảy ra ở làng St. Mary Mead”.

“Ông thì lúc nào cũng muốn trêu tôi, thưa ngài Henry”, bà Marple có ý trách móc. “Thật tình mà nói tôi sức nhớ lại chuyện bà Trout, bà đứng ra nhận tiền hưu cho ba người bạn già đã qua đời, không cùng một xóm đạo”.

“Chuyện này coi bộ rắc rối”, ngài Henry nói. “Tôi thấy chẳng giúp gì được trong vụ này”.

“Tất nhiên là không”, bà Marple nói, “không thể - theo ông nghĩ. Nhưng một số gia đình

còn nghèo, món tiền hưu trí là niềm an ủi cho họ. Tôi thấy người ngoài khó mà thông cảm cho họ. Ý tôi muốn nói mọi thứ trông chờ vô bà lão về hưu trí, tình cảnh không khá hơn mấy người già khác”.

“Ồ kìa”, ngài Henry nói, đang còn hoang mang.

“Tôi không có tài kể lể mọi chuyện. Ý tôi muốn nói lúc ban đầu bác sĩ Lloyd nêu lên hai người đàn bà nhưng không cho biết cụ thể là ai, làm sao tôi có thể đoán được có một người thứ ba là thủ phạm. Nếu có chẳng nữa là sau đó một, hai ngày, nhưng ngay bữa sau đó một trong hai người bị chết đuối, giả sử người còn lại tự nhận mình là cô Barton thì sao, không lẽ có một người khác đứng ra mạo nhận là nàng”.

“Bà cho là...Ồ, tôi hiểu..”, ngài Henry thong thả nói.

“Cách suy diễn đó cũng bình thường thôi. Bà Bantry sắp đưa ra một lối lập luận tương tự. Vì sao một bà chủ giàu có muốn giết người bạn đồng hành đáng thương kia ? Đúng ra phải nói ngược lại mới phải. Ý tôi muốn nói, sự việc phải diễn ra đúng như vậy”.

“Thật sao?”, ngài Henry nói. “Nghe bà nói tôi đâm hoảng”.

“Lẽ dĩ nhiên”, bà Marple nối lại câu chuyện, “cô nàng lấy quần áo cô Barton mặc vô nhìn hơi chật để cho thấy nàng có hơi mập ra. Tôi muốn đặt ra một câu hỏi. Một người đàn ông lạ mặt nhìn vô thấy ngay nàng mập ra, chớ không phải bộ quần áo hơi chật... dù ta biết đó là một nhận xét không hợp logic”.

“Giả sử Amy Durrant giết chết cô Barton thì nàng sẽ được gì?” bà Bantry hỏi; “Nàng không thể đánh lừa ai mãi được”.

“Cùng lắm là một vài tháng”, bà Marple nói. “Trong thời gian đó nàng đi ra nước ngoài du lịch, tránh mặt người quen biết. Vì vậy nên tôi mới dám nói nhìn người này thấy giống người kia. Còn hình chụp dán trong sổ hộ chiếu chẳng ai để ý chuyện đó... bà đã biết hộ chiếu là sao. Qua tháng ba nàng tới vùng Corirwall giả bộ sống kiểu lập dị để cho người ta dòm ngó chơi. Đến lúc mọi người tìm thấy quần áo nàng bỏ lại ngoài bãi biển cùng với bức thư tuyệt mệnh nên không ai có thể nghĩ câu chuyện có kết cuộc tầm thường đến vậy”.

“Nghĩa là...”, ngài Henry hỏi.

“Không tìm thấy xác”, bà Marple khẳng định. “Sự việc đã bày ra trước mắt ngài, và nếu như không ai tìm cách đánh lừa được ngài... kể cả suy đoán một vụ phạm tội hay là chuyện thủ phạm muốn sám hối. Không tìm thấy xác. Một sự thật không thể chối cãi”.

“Ý của bà là...”, bà Bantry nói, “... không có chuyện ân hận hay sao ? Không có chuyện cô ta nhảy xuống biển tự vận sao?”.

“Làm gì có chuyện nàng tự vận !”, bà Marple nói. “Đến đây bà Trout lại xuất hiện trong suy nghĩ của tôi.

Bà Trout có biệt tài đánh lừa thiên hạ, nhưng lần này bà gặp ngay sự phụ là tôi. Có thể nói tôi biết tổng cái vụ cô Barton cảm thấy ân hận ra làm sao. Muốn tự vận ư ? Cô nàng đã bỏ đi qua Úc, nếu tôi đoán không nhầm”.

“Bà Marple, bà nói đúng”, ông bác sĩ kêu lên. “Chớ còn ai nữa. Tôi lại một phen kinh ngạc. Sao nữa, nhớ lúc còn ở Melbourne... Bà đã khiến tôi một phen hú vía”.

“Tức là ông muốn nhắc lại một sự việc trùng hợp ngẫu nhiên sau cùng?”.

Bác sĩ Lloyd gật.

“Mà phải, thật là một điều không may cho cô Barton mà cũng có thể là Amy Durrant... bà nghĩ sao thì tùy. Tôi theo làm bác sĩ trên tàu một thời gian, lúc tàu cập bến Melbourne, người đầu tiên tôi nhìn thấy lúc lên bờ chính là cô nàng đã tự vận ở Cornwall. Chạy đâu cho khỏi, tôi

biết ngay mà, nàng bèn chơi nước liều... kể ra hết mọi chuyện cho tôi nghe, không lo sợ bị tiết lộ. Một cô nàng lạ đời, theo tôi nghĩ là hoàn toàn suy đồi về mặt đạo đức. Là người con đầu trong một gia đình chín anh chị em nghèo xơ xác. Đã có lần viết thư cầu xin giúp đỡ từ người anh bà con giàu có ở Anh; nhưng bị từ khước. Cô Barton gây gổ với cha mấy người bên đó. Tiền bạc túng thiếu, không thể lấy đâu ra lo thuốc men cho ba người em còn nhỏ. Ngay tức thì Amy Barton vừa nghĩ ra một cách giết người táo bạo. Nàng đắp tàu qua Anh xin làm một chân giữ trẻ. Tranh thủ thời cơ xin làm bạn với cô Barton, lúc này tự xưng cô là Amy Durrant. Nàng thuê một căn phòng đem đồ đạc về đó giả dạng người lương thiện. Còn cái màn chết đuối bất chợt hiện ra trong đầu, chờ thời cơ thuận lợi nàng sẽ tính. Đến lượt nàng dựng lên màn chót của tấn tuồng đòi quay về Úc, theo đúng kịch bản. Nàng với mấy anh chị em sẽ được thừa hưởng gia tài vì là chỗ bà con họ hàng”.

“Quả thật một âm mưu táo bạo hết chỗ chê”, ngài Henry nói. “Có thể nói một âm mưu hoàn hảo. Nếu quả thật cô Barton đã chết ở Canaries, tất nhiên phải nghi cho Amy Durrant do ở chỗ là bà con với gia đình Barton nên sẽ bị lộ tẩy, nhờ trước đó nàng thay tên đổi họ nhưng có sự liên kết giữa hai vụ án, tùy ông nghĩ sao cũng được, nên chuyện đó được cho qua. Vâng, phải nói là một âm mưu hoàn hảo”.

“Cô nàng liệu có bề gì không?”, bà Bantry hỏi. “Còn ông thì tính sao, thưa bác sĩ Lloyd?”.

“Tôi thấy mình thật khó xử, thưa bà Bantry. Theo luật lệ phải trưng ra bằng chứng, còn tôi thì thấy được có bao nhiêu đâu. Với cương vị là một người thầy thuốc có mấy điều tôi nêu lên, nhìn bề ngoài nàng còn có vẻ như là không thiết sống. Tôi theo nàng về tới nhà... một gia đình ấm cúng, trong nhà chỉ trông chờ vô nàng, người chị cả, không ai có một ý nghĩ trong đầu rằng nàng là một kẻ tội phạm. Khi chưa biết rõ đầu đuôi sự việc thì không nên để cho bọn trẻ phải đau buồn nên tôi đâu dám nói ra. Nàng chỉ thú nhận với tôi ngoài ra chuyện này không ai hay biết. Chuyện đó chỉ có Trời biết. Sau đó sáu tháng hay tin cô Amy Barton chết. Đến nay tôi vẫn chưa hiểu là lúc đó nàng có thấy vui và không cảm thấy ân hận hay không”.

“Chắc là không đâu?”, bà Bantry nói.

“Tôi cho là có”, bà Marple nói. “Bà Trout đã ân hận...”.

Jane Helier khẽ lắc đầu.

“Ồi chà”, nàng nói, “thật là khủng khiếp. Tới giờ này tôi chưa rõ là ai muốn trấn nước ai. Mà sao lại có chuyện bà Trout xen vô đây nhỉ?”.

“Không có đâu, cô em”, bà Marple nói, “bà ta chỉ là một người bình thường... dù không tử tế cho lắm... ở trong làng”.

“Ồ!” Jane nói, “ở trong làng. Nhưng trong làng có chuyện gì lạ đâu”, nàng thở ra. “Nếu tôi mà ở trong làng chắc là không còn đầu óc đâu nữa”.

BỐN NGHI CAN

Cuộc thảo luận xoay quanh mấy vụ án chưa được khám phá và chưa được tuyên phạt. Theo thứ tự từng người phát biểu ý kiến. Sau đại tá Bantry, tới bà vợ mập ú có duyên, qua tới Jane Helier, bác sĩ Lloyd, và bà Marple. Có một nhân vật chưa kể câu chuyện của mình nhưng ý kiến lại được mọi người đồng tình đó là ngài Henry Clithering, cựu cảnh sát trưởng Scotland Yard, ông ngồi đưa tay vân vê hàng ria mép, khều khều đúng hơn, miệng cười tủm tỉm ! Có vẻ tâm đắc một ý tưởng vừa lóe lên trong đầu.

"Ngài Henry", bà Bantry bực mình thốt ra. "Nếu ông không kể gì tôi sẽ gào lên. Có phải còn nhiều vụ án chưa được tuyên phạt hay là không ?".

"Bà muốn nhắc lại mấy hàng tí đăng trên báo, thưa bà Bantry. Sở Scotland Yard lại mắc sai lầm. Nội dung thuật lại một lô vụ án chưa được xét xử".

"Quả thật bấy nhiêu đó chỉ chiếm một phần tỉ lệ nhỏ thôi hay sao ?", bác sĩ Lloyd nói.

"Đúng, mà thật vậy. Hàng trăm vụ án đã được xét xử, thủ phạm lãnh án mấy khi được báo trước hay xướng tên. Nhưng vấn đề chưa cần tranh cãi lúc này có phải vậy không ?" Ông vừa nhắc lại nhiều vụ án chưa được khám phá và chưa được xét xử tức là ông muốn chia làm hai phạm trù. Ở phạm trù thứ nhất gồm những vụ án sở Scotland Yard chưa hề nghe nói, vụ án chưa ai biết là đã từng xảy ra".

"Nhưng giả sử không phải nhiều vụ như vậy đâu ?", bà Bantry nói.

"Thật sao ?".

"Ngài Henry ! Ngài không muốn nói là chuyện đó có thật".

"Thật ra thì...", bà Marple nghĩ ngợi, "...còn rất nhiều vụ".

Bà già có cốt cách trầm tĩnh lạ thường, thản nhiên phát biểu.

"Coi kìa bà Marple", Đại tá Bantry lên tiếng.

"Tất nhiên", bà Marple nói. "Phần đông người ta ngu xuẩn. Bởi vậy cho nên mới bị phát giác. Nhưng còn bao nhiêu người khác họ đâu có dại gì, khiến ta phải rùng mình trước hành vi của họ vì chúng được thực hiện một cách rất bài bản".

"Phải", ngài Henry nói. "Còn biết bao người đâu có dại gì. Nhiều vụ án bị phát giác bởi những bàn tay vụng về, nên bọn tội phạm mới thấy ân hận. Nếu không vì một bàn tay vụng về thử hỏi đồ ai biết được".

"Chuyện không đơn giản đâu, Clithering", đại tá Bantry nói. "Không đơn giản".

"Ông nói thật à ?".

"Ông hỏi gì lạ vậy ? Thật chứ ! Không đơn giản đâu".

"Ông đã từng nói tội ác nham nhẩn chưa bị trừng phạt, mà có thiệt không ? Luật pháp không trừng phạt chuyện đó cũng có khi, nhưng ở đời còn có luật nhân quả. Kẻ gây tội ác phải bị trừng trị là chuyện thường tình, tôi thấy không có gì có thể đúng hơn được nữa".

"Biết đâu, biết đâu được", Đại tá Bantry nói. "Điều đó không thể nói hết mức quan trọng

của vụ việc”, ông bỏ ngang giữa chừng, gương mặt bối rối.

Ngài Henry Clithering nhếch mép cười.

“Một trăm người hết chín mươi chín người không tin ông”, ngài nói. “Ông nên nhớ, không phải việc phạm tội mới cần nêu lên, mà chính là người vô tội. Chưa ai nghĩ ra việc này”.

“Tôi chưa hiểu”, Jane Helier nói.

“Tôi biết”, bà Marple lên tiếng, “Lúc bà Trent phát hiện mất một đồng tiền nửa đồng 5 shillings trong ví, bà nghi cho người giúp việc, bà Arthur. Tất nhiên nhà Trents nghi cho bà chó ai, nhưng người chủ biết điều, xét hoàn cảnh người giúp việc gia đình đông con, chồng thì nghiện rượu, thôi thì làm rùm beng lên để được gì. Từ đó về sau chủ nhân dè dặt hơn không giao nhà cho bà một mình, bà thấy lạ, hàng xóm nghi bà có vấn đề gì đây. Về sau, bà Trent kiểm soát người giúp việc một cánh cửa được phản chiếu qua tấm gương. May đâu - tôi vẫn cho đó là Trời định. Cái đó theo tôi thấy, nó phù hợp với suy nghĩ của ngài Henry. Tất nhiên mọi người phải nghi cho một người lấy cắp tiền, nhưng lại nghi không đúng người; y như truyện trinh thám! Nhưng người bị nghi oan là bà Arthur lại không biết gì chuyện đó. Tức là phù hợp với suy đoán của ông, đúng không, ngài Henry”.

“Vâng, bà Marple, bà đã hiểu ý tôi nói. May cho bà giúp việc, nhờ có bà chứng kiến từ đầu. Bà ta vô tội chuyện đã rõ. Thế mà có người phải mang tiếng suốt đời vì bị hàm oan đối xử bất công”.

“Theo ông có thể có một trường hợp ngoại lệ nào không, thưa ngài Henry?”, bà Bantry khéo hỏi.

“Nói thiệt với bà là có, một vụ án ly kỳ. Một vụ giết người nhưng không tìm ra chứng cứ”.

“Chỉ có vụ đầu độc thôi”, Jane thở ra, “khó tìm thấy dấu vết”.

Bác sĩ Lloyd ngồi không yên, ngài Henry lắc đầu.

“Làm gì có, cô em. Đây không phải như chuyện bắn tên độc của người da đỏ Nam Mỹ. Tôi nghĩ có thể đây là một trường hợp tương tự. Ta sẽ được chứng kiến một vụ tầm thường hơn... đến mức ta không làm sao chứng minh cho thủ phạm nhìn thấy. Trường hợp như một người già cả té xuống thang lầu gãy cổ, tai nạn thương tâm này cũng thường thấy xảy ra”.

“Nhưng sự thật thế nào?”.

“Ai mà nói được”, ngài Henry rùng mình, “nạn nhân bị xô ngã từ sau lưng chẳng? Có thể một mảnh vải hay sợi dây cột ngang đầu cầu thang rồi sau đó khéo léo vút bỏ đi? Làm sao biết được”.

“Ngài có thể cho đó là... à, không phải một tai nạn? Rồi sao nữa?”, ông bác sĩ hỏi.

“Chuyện kể dài dòng, nhưng... ối chà, tôi biết chắc một điều. Tôi biết trước khó mà chứng minh cho thủ phạm thấy được... bởi bằng chứng thì quá mơ hồ. Ta thử xét qua một khía cạnh mới... nội vụ tôi đang kể ra đây. Trong vụ này có tới bốn tên tham gia; chỉ một tên chịu tội ba tên kia thì vô tư. Và nếu không tìm ra được manh mối, ba tên kia vẫn bị theo dõi gắt gao”.

“Tôi thấy”, bà Bantry nói, “thà ông cứ kể cho hết dù có lâu tới chừng nào”.

“Tôi không muốn kể dài dòng”, ngài Henry nói. “Tôi xin tóm tắt phần đầu, liên quan tới một hội kín của người Đức - hội Schwartz Hand - mô phỏng theo kiểu hội kín Camorra, có thể nói phần đông nghe nhắc ai cũng biết là Camorra chuyên tổng tiền và khủng bố. Hoạt động bùng phát sau cuộc đại chiến và nhanh chóng lan rộng khắp nơi, khủng bố người dân lương thiện. Chính quyền khó đương đầu bởi tổ chức được bố phòng một cách cẩn mật, khó có thể mua chuộc bọn đàn em bên dưới”.

“Ở nước Anh ít người biết tới tổ chức này, ở bên Đức nó hầu như bị tê liệt hoàn toàn. Cuối

cùng tổ chức tan rã do các hoạt động bị ảnh hưởng bởi một nhân vật, một vị bác sĩ được biết tên là Rosen, trước đây đã từng là nhân viên mật vụ. Ông xin vô làm nhân viên rồi xâm nhập tận cùng hang ổ, làm sụp đổ toàn bộ cơ cấu tổ chức này”.

“Ông bị truy nã và đã nhanh chân ra khỏi nước Đức, dù bất cứ giá nào. Ông qua tới nước Anh, sau đó tôi nhận được nhiều thư cảnh sát Berlin gửi qua, nhắc chuyện của ông. Ông yêu cầu được gặp riêng tôi, phong cách của ông rất tự nhiên và bình thản. Ông biết được tương lai ông sẽ đi về đâu”.

“Bọn chúng muốn giết tôi, thưa ngài Henry”.

“Không chạy đâu thoát”, nhìn người ông cao lớn, giọng nói trầm, phát âm giọng có đặc trưng của dân bản xứ. “Việc này tôi đã biết trước. Với tôi chẳng có gì phải lo. Trước lúc cộng tác tôi đã lường trước mọi gian nguy. Tôi đã hoàn thành nhiệm vụ. Tổ chức hoàn toàn tan rã. Tuy vẫn còn một số ngoài vòng pháp luật. Bọn chúng đòi lấy mạng tôi để rửa hận. Vấn đề chỉ còn là thời gian mà thôi, với tôi càng lâu càng thuận lợi. Ông biết đó, tôi đang thu thập tư liệu để cho ra mắt một tác phẩm, tổng kết những hoạt động một thời. Tôi mong muốn đạt được sở nguyện”.

“Nghe ông trình bày đơn giản sự việc với tất cả lòng dũng cảm khiến tôi khâm phục. Tôi hứa bảo đảm cho ông mọi mặt. Nghe vậy ông xua tay”.

“Sớm muộn bọn chúng cũng giết tôi”, ông nhắc lại, “nếu tôi có mệnh hệ nào xin ông chớ nên ray rứt. Bởi ông đã giúp tôi hết sức mình”.

“Ông kể ra những việc cần phải làm ngay. Ông có ý định tìm một ngôi nhà nhỏ vùng quê ở đây để yên tâm hoàn thành tác phẩm. Ông đã chọn được một nơi tại địa phương, Somerset, làng King’s Gnaton, cách xa đường tàu bảy dặm, thoải mái không màng tới cuộc sống văn minh bên ngoài. Thế rồi ông cũng tậu được một ngôi nhà nhỏ ưng ý, sửa sang lại đôi chút để cư ngụ lâu dài. Người nhà có đứa cháu gái Greta, một thư ký, một bà giúp việc quốc tịch Đức, đã theo hầu ông suốt bốn chục năm, người làm vườn dân địa phương làng King’s Gnaton”.

“Đúng quá. Bốn nghi can, còn nói gì hơn nữa. Cuộc sống của ông bình yên ở King’s Gnaton được đâu chừng năm tháng thì tai họa ập tới. Buổi sáng hôm đó bác sĩ Rosen té cầu thang, nửa giờ sau ông mới chết. Lúc xảy ra tai nạn bà Gertrud ở dưới nhà bếp, cửa đóng không nghe thấy gì... theo lời bà kể. Cô Greta đang ở sau vườn lom khom trồng thêm mấy bụi cây... cũng theo lời nàng kể. Dobbs, người làm vườn đang ngồi trong nhà kho ăn bữa lỡ... theo lời ông kể, còn người thư ký thì đi dạo ngoài đường và cũng do gã tự thuật lại. Không ai viện có vắng mặt... không ai làm chứng cho người khác. Nhưng có một chứng cứ gọi là xác đáng. Không thấy dấu vết người ngoài xen vô vụ này, ở trong làng King’s Gnaton có kẻ lạ tức thì mọi người biết ngay. Cửa trước cửa sau đều khóa, người nhà mỗi người có chìa riêng. Tức là ta thấy trước sau có bốn người. Không ai có thể gọi là nghi can, Greta là đứa cháu gái. Gertrud qua bốn mươi năm phục vụ tận tụy. Dobbs, không có một ngày đi xa khỏi làng King’s Gnaton. Sau cùng người thư ký, Charles Templeton...”.

“Ồ phải”, Đại tá Bantry nói, “anh chàng ra sao ? Trong đầu tôi cứ nghi cho anh chàng này. Ông biết anh chàng này thế nào ?”.

“Chính vì chỗ quen biết nên tôi muốn đặt ra ngoài chuyện nghi vấn... cho dù thế nào chẳng nữa. Ngài Henry nghiêm chỉnh nói. “Ông biết đấy, Charles Templeton là người của tôi”.

“Chao ôi !”, Đại tá Bantry nói, càng ngạc nhiên hơn.

“Vâng tôi cần tìm một người cài vào trong và cũng muốn tránh tiếng trong làng. Rosen đang cần một thư ký, tôi giới thiệu ngay Templeton vô nhận việc. Anh ta lịch lãm, nói thạo tiếng Đức, nói chung là một nhân viên lành nghề”.

“Vậy thì ông nghi cho ai ?”, bà Bantry hỏi đang còn phân vân. “Tôi thấy chẳng có ai đáng nghi cả”.

“Vâng, rõ quá rồi. Bà nên hiểu sự việc dưới một góc độ khác. Cô Greta là một đứa cháu thật dễ thương. Nhưng trải qua một thời kỳ chiến tranh, chúng ta đã chứng kiến nhiều hoàn cảnh anh chị em xung khắc nhau, cha con xung đột và đủ các thứ; cũng có những đứa cháu dễ thương và ngoan ngoãn có khi dám làm những việc kinh thiên động địa. Ta có thể xét trường hợp Getrud và có ai biết được động cơ nào đưa đẩy bà vô vòng tội lỗi. Có thể sau một lần xung đột với ông chủ, hận thù chồng chất qua bao nhiêu năm tận tụy phục vụ. Những người như bà lắm lúc càng sâu sắc hơn. Còn Dobbs thì sao ? Phải chăng anh chàng người ngoài cuộc bởi không họ hàng thân thích gì với nhà này ? Đồng tiền chi phối mọi thứ. Xét theo một khía cạnh khác Dobb có thể bị người ngoài mua chuộc”.

“Ta có thể suy đoán, một lệnh lệnh từ nơi khác được chuyển tới nếu không thì sao tình hình yên tĩnh được năm tháng ? Không, bởi các tay chân của tổ chức vẫn hoạt động không ngừng. Vì chưa chắc Rosen phản bội nên bọn chúng phải chờ đến lúc tìm đủ bằng chứng. Ngay tức thì không còn chần chờ gì nữa bọn chúng gởi một lệnh cho phe nội gián... nội dung phán quyết: “Phải giết”.

“Thật ghê tởm !”. Jane Heiler rùng mình nói.

“Làm cách nào điện được gửi đi ? Việc này cần phải làm sáng tỏ, may ra giải quyết được vấn đề. Một trong bốn người phải có quan hệ với bên ngoài hoặc đã bị mua chuộc. Ngay tức thì, tôi biết rõ, khi mệnh lệnh được chuyển tới, chúng sẽ được thi hành ngay theo đúng tôn chỉ của hội kín Schwartze Hand”.

“Tôi lao ngay vô việc, theo một cung cách là có thể cho là tỉ mỉ, đáng buồn cười. Buổi sáng hôm đó ai đến ngôi nhà đó ? Trong vụ này không loại trừ ai. Tôi kể ra đây”.

Ông lôi trong túi chiếc phong bì rút ra một mảnh giấy.

Người hàng thịt tới giao thịt cừu. Sau khi đã được kiểm tra hàng.

Người bán hàng tạp hóa, đem giao bột bắp, đường cát, bơ, cà phê, sau khi cho kiểm tra xong.

Người đưa thư, giao hai thư thông báo gởi cô Rosen, thư gởi cho Gertrud, ba cái thư của Tiến sĩ Rosen, một cái từ nước ngoài; hai cái gởi cho Templeton, một cái nữa cũng từ nước ngoài.

Ngài Henry bỏ ngang câu chuyện lôi trong phong bì ra một xấp giấy.

“Các bạn sẽ thích thú được xem mấy thứ này. Trong số thư này có người giao lại cho tôi và một số thu nhặt trong giỏ rác. Phải nói là tất cả được thử lại coi có sử dụng mực hóa học, v.v... Không thấy một điểm nào đáng ngờ”.

“Mọi người xúm lại coi. Xấp giấy gồm là mẫu hàng do người ươm cây giao và của một hãng sản xuất áo lông thú. Hai tờ phiếu tính tiền đề tên tiến sĩ Rosen, một ở trong nước giao hàng hạt giống làm vườn, một cái của hãng đồ dùng văn phòng. Bức thư gởi cho ông nội dung ghi lại:

“Thân gởi Rosen

Tôi vừa đến thăm nhà tiến sĩ Helmuth. Hôm kia gặp lại Edgar Jackson cùng với Amos Perry vừa đi du lịch Tsingtau về. Và Thiết tình mà nói tôi thêm được như nhà họ, đi du lịch một chuyến. Chờ tin cậu. Như tôi đã dặn trước, nên đề phòng kẻ lạ - cậu hiểu ý tôi nói, dù biết là cậu không chịu nghe.

Thân ái,

Georgine

“Thư gởi cho Templeton chỉ một tờ phiếu này, tính tiền cho hiệu may quần áo và một cái

thư ở bên Đức”, ngài Henry kể tiếp, “cái thư rủi thay xé bỏ vứt đi trong lúc gã đi dạo ngoài phố. Ta coi qua bức thư gửi Gertrud”.

“Thân gửi Swartz

Chúng tôi mong được gặp bạn vào buổi họp mặt tối thứ sáu, thầy trợ tế mong chờ. Bạn sẽ được mọi người đón tiếp nồng hậu. Cảm ơn món thịt jăm bông, ăn thật ngon. Chúc bạn khỏe, mong gặp lại tối thứ sáu.

Thân ái,

Emma Greene”.

Bác sĩ Lloyd tủm tủm cười, bà Bantry thấy vậy cười theo.

“Tôi thấy nên bỏ qua chuyện cái thư này”, bác sĩ Lloyd nói.

“Tôi cũng nghĩ như ông”, ngài Henry nói. “Theo tôi cũng nên xét lại vì sao có chuyện bà Green vào hội thánh nhà thờ trong này. Có lúc không nên quá tỉ mỉ như vậy, ông đồng ý chứ”.

“Đó cũng là ý muốn của bà Marple”, bác sĩ Lloyd vừa cười vừa nói. “Bà đang mơ hay sao, bà Marple. Bà nghĩ gì đâu đâu vậy”.

Bà Marple lên tiếng.

“Tôi nghĩ mình ngốc nghếch”, bà nói. “Tôi thấy một điểm lạ vì sao chữ thiết tình trong thư gửi Tiến sĩ Rosen viết chữ hoa”.

Bà Bantry hiểu ý ngay.

“Tôi cũng thấy vậy”, bà nói, “chà !”.

“Đúng rồi”, bà Marple nói. “Bà cũng tinh mắt ghê !”.

“Cần lưu ý một điểm trong bức thư”, ngài Henry nói. “Theo lời Templeton kể lại, tiến sĩ Rosen mở thư ra coi nhân lúc ngồi ăn sáng, ông quăng qua anh ta nói ông chả biết người bạn này”.

“Đâu phải bạn”, Jane Helier nói, “người viết ký tên “Georgina”.

“Khó mà đoán là ai”, bác sĩ Lloyd nói. “Có thể là Georgey, nhưng nếu đoán ra Georgina thì chắc hơn. Tôi đặc biệt lưu ý người viết là đàn ông”.

“Ông nên nhớ nó lạ ở chỗ, đại tá Bantry nói, “theo như cách ông ta quăng cái thư qua bên kia bàn rồi giả vờ như chả biết nó. Ông muốn thử xem phản ứng của mọi người. Kẻ giấu mặt đó là ai, nam hay nữ ?”.

“Hay là bà nấu ăn. ?”, bà Bantry nói xen vô. “Bà bung món ăn sáng vô trong phòng. Nhưng tôi chưa rõ ở chỗ ... nó lạ làm sao ấy...”.

Bà cau mày nhìn bức thư, bà Marple ngồi xích lại, bà chìa ngón tay sờ lên trang giấy. Hai bà nói nhỏ với nhau.

“Còn cái thư kia sao anh chàng thư ký muốn xé bỏ đi ?”, Jane Helier sực nhớ hỏi lại.

“Dường như... ối chà ! Tôi cũng không biết... Chuyện lạ. Anh ta cũng nhận thư từ qua lại từ bên Đức sao ? Cho dẫu, tất nhiên là, gã được cho vô tội như lời suy đoán của ngài...”.

“Ngài Henry có nói ra vậy đâu”, bà Marple nhanh nhẩu đáp, đang lúc nói riêng với bà Bantry, bà ngược mặt lên nói. “Ngài nói có bốn nghi can. Như vậy kể luôn cả anh chàng Templeton. Ngài Henry thấy đúng không ?”.

“Vâng, bà Marple. Tôi đã thẩm thía một điều chớ nên suy đoán một người nào là vô tội.

Tôi sẽ đưa ra lý do vì sao nghi ba người kia, nghe ra thật phi lý. Ngay thời điểm đó tôi chưa nghi cho anh chàng Templeton. Cuối cùng tôi sức nhớ ra dựa theo quy luật tôi nêu lên ban nãy và tôi đã chọn giải pháp: bất cứ một quân đội nào dù là bộ binh hải quân hoặc là cảnh sát đều có những tay làm nhân viên nội gián, cho dù ta không muốn nhìn nhận sự thật. Tôi lặng lẽ theo dõi trường hợp nghi can Charles Templeton”.

“Tôi đã tự đặt mình vô những điều thắc mắc Helier nêu lên. Tại sao chỉ còn một mình anh ta không chịu đưa cái thư ra, cái thư đóng dấu tem từ bên Đức gửi. Sao anh ta lại có thư từ qua lại từ bên Đức?”.

“Cuối cùng tôi nêu lên một câu hỏi nghe vô tư. Anh ta cho biết đơn giản thôi. Mẹ anh ta có một người chị lấy chồng Đức. Lá thư đó là do một người em gái bà con gửi qua. Từ đó tôi mới biết... là Charles Templeton có bà con ở bên Đức. Tôi thấy cần phải đưa tên anh ta vô danh sách tình nghi... phải vậy thôi. Tôi coi gã như người nhà, một anh chàng tử tế đáng tin cậy, nhưng theo thói thường và công bằng mà xét, tên anh ta được xếp lên trên hàng đầu các nghi can”

“Nhưng còn một việc này... tôi không biết ! Tôi không biết... và hầu như chắc chắn là tôi sẽ không bao giờ biết. Đây không phải chuyện trừng phạt một tên tội phạm. Một vấn đề khác đối với tôi có mức độ quan trọng gấp trăm lần. Phải nói đó là vết nhơ trong sự nghiệp một người được trọng vọng... vì bị tình nghi ... một nghi can mà tôi không thể làm ngơ”.

Bà Marple vừa ho vừa nói nhỏ nhẹ:

“Vây là, thưa ngài Henry, nếu tôi đoán không nhầm chính anh chàng Templeton đã khiến ngài phải lo lắng”.

“Cũng có phần đúng. Xét cho cùng thì cả bốn người xếp chung vô một danh sách nhưng chưa hẳn là vậy đâu. Ví như trường hợp của Dobbs, người làm vườn, thì không ảnh hưởng gì tới công việc trước mắt, nếu tôi có nghi cho ông ta. Không ai trong lòng nghĩ chuyện tiến sĩ Rosen chết là do tai nạn. Bà Gertrud thì có phần nào đau đớn. Phải nói là cách đối xử giữa cô Rosen với bà có khác hơn. Nhưng nghĩ lại chuyện đó không ăn thua gì”.

“Còn lại Greta Rosen. Vâng, mấu chốt vấn đề là đây, Greta một cô gái xinh đẹp, còn Charles một chàng thanh niên điển trai, hai người quấn quít bên nhau đến nay được năm tháng. Lửa gần rơm lâu ngày cũng bén. Hai người phải lòng nhau... theo kiểu tình trong như đã mặt ngoài còn e ?

“Thế rồi tai họa ập tới. Đến nay đã ba tháng; lúc đó tôi vừa trở lại được ít bữa, Greta Rosen đến thăm. Nàng cho hay đã bán nhà để trở về bên Đức, có giải quyết công việc cho người chú. Nàng đích thân đến nhà dù biết là tôi đã về hưu và cũng bởi có việc riêng nên nàng muốn gặp tôi. Sau một hồi nói vòng vo tam quốc nàng mới khai thiệt. Tôi nghĩ sao đây ? Chính vì cái thư đóng dấu tem bên Đức nên nàng mới thắc mắc, bận tâm, cái thư Charles đã xé bỏ. Như vậy có được không ? Phải được thôi. Là vì nàng tin theo lời anh ta kể nhưng mà... Ôi ! Giá mà nàng hiểu được ! Giá mà nàng biết được... mà chắc vậy”.

“Bà thấy chưa ? Trước sau như một: nàng muốn tin nhưng trong đầu còn ngấm ngấm nửa tin nửa ngờ. Tôi thấy sao nói vậy và yêu cầu nàng nên nghe theo. Tôi hỏi nàng có thật tình lo lắng cho Charles và ngược lại anh ta cũng lo cho nàng”.

“Hình như vậy”, nàng nói. “À vâng, tôi thấy hình như là vậy. Chúng tôi rất hạnh phúc. Mỗi ngày qua là một ngày vui, cả hai đứa tôi biết điều đó. Không vội vã, thời gian còn dài. Một hôm chàng ngỏ lời với tôi, tôi đáp lại tôi cũng nói yêu chàng. Ô ! Nhưng mà ông có thể đoán được không, nay thì đã khác xưa. Một áng mây đen đã ngăn cách chúng tôi... Nhìn nhau mà thấy ngượng, không biết ăn nói ra sao, chắc là anh ta cũng nhận ra điều đó... Trong thâm tâm mỗi người tự nói ra: “Nếu mà tôi biết chắc...”. Cho nên, thưa ngài Henry, xin ngài nói với tôi là, “Cô em tin chắc đi, có người đã giết ông chú, nhưng không phải Charles Templeton !”. Ông nói đi ! Ôi, nói cho tôi biết ! Van ông... xin ông !”.

“Thôi, bỏ đi”, ngài Henry nói, hai tay đắm xuống bàn, “Tôi không thể nói cho nàng nghe. Hai người cùng xa cách; cả hai... đổ tội cho nhau như ma ám trong đầu. Làm sao đuổi nó đi”.

Ông ngã người ra sau mặt mũi bơ phờ, buồn xo. Ông lắc đầu chán nản.

“Mọi việc không thể giải quyết trừ khi...”, ông ngồi ngay lại một nụ cười khó hiểu thoáng hiện trên gương mặt ông - ... trừ khi bà Marple muốn giúp tôi một tay. Được không, bà Marple? Tôi đoán hình như bà đã biết cái thư đó. Thư gửi cho hội thánh nhà thờ. Bà thử nhớ lại việc gì đó hay một người nào đó có thể làm sáng tỏ mọi vấn đề? Bà có thể giúp cho đôi bạn yêu nhau, họ đang lúc tuyệt vọng, có thể tìm thấy lại hạnh phúc?”.

Ấn sau nụ cười khó hiểu, lời yêu cầu của ông nói lên tấm lòng nhiệt thành. Ông liên tưởng ngay tới khả năng yận dụng trí nhớ của một người đã có tuổi. Ông nhìn qua bà một cái nhìn tha thiết, khẩn cầu.

Bà Marple húng hắng ho, đưa tay vuốt lại nếp đũng ten trên ve áo.

“Việc này nhắc tôi nhớ lại Annie Poultny” bà nói. “Tất nhiên chuyện cái thư đó đã rõ, cả tôi và bà Bantry biết. Không phải cái thư của hội thánh nhà thờ, mà là cái thư kia. Ông sống lâu năm ở Luân Đôn, nhưng không biết chuyện làm vườn, thưa ngài Henry, nên không để ý”.

“Ô kìa”, ngài Henry lên tiếng, “Để ý chuyện gì?”.

Bà Bantry chìa tay qua lấy cuốn catalogue, mở ra đọc to lên có vẻ thích thú.

“Tiến sĩ Helmuth Spath. Giống cây tử đinh hương, rất đẹp, cành dài cứng cáp, chọn làm giàn cành hoặc làm đẹp cho vườn cây. Một nét đẹp thật mới lạ”.

“Edgar Jackson, một giống hoa cúc, sắc hoa màu ngói lạ mắt”,

“Arnos Perry. Màu đỏ chói trang trí trên cao”.

“Tsingtau. Màu đỏ cam chói lọi, trồng trong vườn cho ra hoa sắc màu lòe loẹt, lâu tàn”.

“Thiệt tình...”

“Chữ thiệt tình viết hoa, ông nhớ chứ”, bà Marple nói nhỏ.

“Thiệt tình. Sắc hồng và sắc trắng, bông hoa nở to cánh, tròn trịa.

Bà Bantry buông tập sách catalogue xuống mồm hô to như la làng:

“Dahifiasl” (một loài hoa thực được).

“Chữ đầu của mỗi câu ghép lại có nghĩa là DEATH (chết)”, bà Marple phân bua.

“Nhưng cái thư gửi cho tiến sĩ Rosen”, ngài Henry bắt bẻ lại.

“Đấy mới là chuyện đáng nói”, bà Marple nói. “Cái thư mang theo một lời cảnh báo. Ông ta biết tính sao, vừa nhận được thư của một người xa lạ, nội dung ghi đủ thứ tên ông ta mù tịt. Rồi sao nữa, tất nhiên ông quăng qua bên bàn cho người thư ký”.

“Vậy là, rốt cuộc...”.

“Ồ, không”, bà Marple nói, “không phải người thư ký. Sao nữa, rõ ràng không phải anh ta, nếu có thư chẳng nữa anh ta sẽ không để cho ai biết. Hơn nữa anh ta chẳng muốn xé bỏ nó đi khi cái thư được đóng dấu bên Đức. Thiệt tình, chính cái vô tư của anh ta... nếu ngài cho phép tôi nói... đã rõ”.

“Vậy thì ai...”.

“À, có một điều chắc chắn... phải nói chắc như bấp, có một người thứ ba tại bữa ăn sáng và lúc đó nàng muốn tranh thủ thời cơ, chìa tay ra cầm lấy thư đọc. Chỉ có vậy. Ngài còn nhớ

nàng vừa nhận được một tập sách catalogue cũng từ bên Đức gửi...".

"Greta Rosen", ngài Henry nói chậm rãi. "Cho nên nàng muốn tìm đến nhà tôi".

"Mấy ông có thói quen không chịu nhìn thấu suốt vấn đề", bà Marple nói. "Tôi thừa hiểu mấy ông cho bọn tôi già cả khác nào lũ mèo, thấy sao biết vậy. Tôi muốn chứng minh phần đông người ta chỉ biết bên vực cho mình, khổ thế đấy. Theo tôi thấy giữa hai người có một sự ngăn cách. Anh chàng thư ký cảm thấy khinh thị nàng một cách vô cớ. Anh ta hiềm nghi là vì linh tính báo cho biết và anh ta không muốn giấu chuyện đó. Tôi mới hiểu là cô nàng muốn tìm đến nhà ông là do oán hận mà reo. Rõ ràng nàng vô tội, nhưng lại có ý muốn để cho ông thấy anh chàng Templeton mới là nghi can. Thoạt đầu ông chưa biết anh ta ra sao cho tới lúc cô nàng tới nhà gặp ông".

"Tôi cam đoan là không phải do cô ấy nói...". Ngài

Henry nói.

"Các ngài, bà Marple điềm nhiên nói, "không bao giờ nhìn thấu suốt vấn đề".

"Còn cô nàng, ông dừng lại, "đã phạm một trọng tội mà vẫn sống ung dung".

"Ôi ! Không, thưa ngài Henry", bà Marple nói, "không thể sống ung dung. Cả ông và tôi không ai tin có chuyện đó. Hẳn ông còn nhớ đã nói gì cách đây không lâu. Không. Greta Rosen không thể nào thoát khỏi tội. Tôi đoán là, khó có thể nào thoát khỏi một nhóm băng đảng... chúng là bọn tổng tiền và khủng bố mối quan hệ không giúp gì cho nàng, mà còn có thể nhận lấy hậu quả bi thảm. Theo lời ông, ta không nên phí thời giờ nghĩ đến người có tội... chính người vô tội mới đáng nói. Anh chàng Templeton, tôi dám nói chắc, sẽ lấy cô nàng bà con chú bác làm vợ, việc anh ta xé bức thư nàng gửi coi như là... vâng, một điều đáng ngờ... tôi nhắc lại chỗ này hoàn toàn khác với lúc ngồi bàn thảo luận buổi tối. Còn nhớ lúc đó gã có vẻ lo sợ cô nàng kia để ý cái thư, và muốn coi ? Vâng, tôi thấy câu chuyện tình này có vẻ lằng mằng. Phải kể luôn Dobbs... vâng, theo như lời ông, người làm vườn không có chuyện gì. Cuối cùng bà Gertrud nhắc tôi nhớ lại, Annie Poultny. Tội nghiệp Annie Poultny. Sau năm mươi năm tận tụy phục vụ phải chịu nghi oan cho tội lấy trộm tờ di chúc của bà Lamb, dù không có bằng chứng buộc tội. Khổ cho bà, một đời trung thành với chủ, cho tới ngày bà chủ chết mới vỡ lẽ tờ di chúc bà Lamb đem cất giấu trong hộp đựng trà không cho ai biết. Tội nghiệp Annie sự thể quá muộn màng". *(ai đọc chỗ này mà k rồi, tui chết liền ☺)*

"Nghĩ tới bà giúp việc tôi thấy đau lòng, khi người ta tới tuổi già mới thấy thấm thía, chua xót. Tôi thấy thương hại bà, hơn là anh chàng Templeton, anh ta còn trẻ mặt mũi điển trai. Ngài Henry nên viết thư cho bà kể cho bà nghe bà hoàn toàn vô tội, có nên chẳng ? Chủ nhân đã chết, bà đừng ân hận làm gì. Chao ôi ! Làm sao chịu nổi !".

"Bà Marple, tôi sẽ làm theo lời dặn của bà", ngài Henry nói. Ông nhìn sâu vô mắt bà. "Bà biết không, tôi không hiểu bà nổi. Quan điểm của bà hoàn toàn trái với những điều tôi nghĩ trong đầu".

"Tuy vậy chứ quan điểm của tôi lúc nào cũng trong sáng", bà Marple khiêm tốn nói: "Tôi ít khi nào rời xa St. Mary Mead".

"Vây mà bà đã giải quyết xong một việc bí ẩn mang tính tầm cỡ quốc tế", ngài Henry nói. "Bởi bà đã làm xong nhiệm vụ. Tôi nhận ra điều đó".

Bà Marple ngớ ngàng, hai bên má ửng hồng, điểm một chút hờn dỗi.

"Bởi từ nhỏ tôi đã được dạy dỗ kỹ càng. Hai chị em tôi được một gia sư người Đức kèm. Cô giáo là một người dạt dào tình cảm. Cô dạy bọn tôi hiểu thế nào là ngôn ngữ các loài hoa... một bài học ngày nay đã bị quên lãng, dù rất là thú vị. Hoa tulip vàng là tượng trưng tình tuyệt vọng trong khi hoa thủy cúc nói thay lời - vì ghen mà tôi chịu chết dưới chân nàng. Dưới lá thư ký tên Georgine, tôi sức nhớ tiếng Đức là Dahlia (hoa thược dược), càng hay vì mọi chuyện tới

đây đã rõ. Tôi ráng nhớ ý nghĩa của loài hoa thược dược, nhưng hồi ơi, lại quên mất. Đầu óc tôi nó ra làm sao ấy”.

“Nói chung nó không mang ý nghĩa CHẾT CHÓC”.

“Không đâu, khiếp thật phải không ? Thế gian này còn lắm chuyện đau buồn”.

“Còn chứ”, bà Bantry thở ra nói. “Cũng may người ta kẻ được hoa, người được bạn”.

“Bà nhắc đến bọn mình sau rốt, ông thấy chưa”, bác sĩ Lloyd nói.

“Đêm nào cũng có một anh chàng đem hoa lan tím tặng cho tôi tại nhà hát”, Jane mor
màng nói.

“Tôi mong nhận được ân huệ từ bàn tay của cô em, tôi mong lắm thay”, bà Marple tưởng
tượng hớn hở nói

Ngài Henry ho khan, ông quay qua chỗ khác.

Chợt bà Marple kêu lên.

“Tôi nhớ ra rồi ! Hoa thược dược có nghĩa là “dối trá xỏ xiên”.

“Tuyệt”, ngài Henry nói. “Hết chỗ chê”.

Nói xong ngài thở ra.

MÓN QUÀ ĐÊM NOEL

“Tôi có một điều thắc mắc”, ngài Henry Clithering lên tiếng. Ông khẽ chớp mắt nhìn quanh mọi người. Đại tá Bantry ngồi duỗi thẳng chân, nhũn mày nhìn qua chỗ lò sưởi như một người lính lơ là trong buổi lễ duyệt binh, vợ ông len lén nhìn xuống tập sách catalogue in hình các loại rau củ vừa mới nhận qua đường bưu điện, bác sĩ Lloyd chăm chú chiêm ngưỡng nhan sắc nàng Jane Helier; trong khi cô nàng mải lo ngắm nghía mấy đầu ngón tay vừa mới sơn móng. Chỉ có mỗi bà Marple ngồi dựa thẳng lưng ra sau ghế, đưa đôi mắt xanh nhạt nhìn quanh chạm ngay cái nhìn của ngài Henry như muốn vặn hỏi.

“Một điều thắc mắc ư?”, bà khẽ hỏi.

“Rất là gay gắt. Chúng ta đây gồm có sáu người, ba nam ba nữ, tôi muốn nhân danh mấy người bị thua thiệt. Tối nay sẽ có ba câu chuyện... do ba ông đứng ra kể! Tôi phản đối mấy bà tính không sòng phẳng”.

“Chà!”, bà Bantry có vẻ tức giận, “chúng tôi rất sòng phẳng. Chúng tôi đã lắng nghe với tất cả nhiệt tình, làm trên bốn phần một người phụ nữ, không muốn công khai để mọi người chú ý!”.

“Một cách tránh né thật hay ho”, ngài Henry nói, “nhưng mà chẳng nói lên được gì. Đã có một tiền lệ trong truyện nghìn lẻ một đêm! Vậy thì cứ kể đi nàng Scheherazade”.

“Ngài ám chỉ tôi?” bà Bantry hỏi. “Tôi biết gì mà kể. Tôi không quen với chuyện máu me hay chuyện huyền bí”.

“Ý tôi không muốn nhắc tới chuyện máu me”, ngài Henry nói. “Tôi biết trong số ba người đây, bà nào cũng có một chuyện ưng ý nhất. Nào hãy hái lên, bà Marple, người nổi tiếng với câu chuyện “Cuộc trùng phùng kỳ lạ của người giúp việc”, hoặc là “Bí ẩn cuộc gặp gỡ của người mẹ”. Đừng làm tôi thất vọng chuyện kể ở làng St. Mary Mead”.

Bà Marple lắc đầu.

“Chẳng có câu chuyện nào ngài thấy thích thú, thưa ngài Henry. Bọn tôi muốn kể một câu chuyện ngắn ly kỳ, nó liên quan đến một mớ tôm đặc sản bỗng nhiên biến đâu mất không ai hay. Nhưng không đáng gì, chuyện nhỏ, nhưng nó làm cho ta để ý tới tính tình con người”.

“Bà muốn dạy tôi nên để ý tới tính tình con người”, ngài Henry trịnh trọng nói.

“Còn cô em thì sao, cô Heiler” Đại tá Bantry hỏi. “Chắc cô em cũng có vài chuyện lý thú muốn kể”.

“Chắc thế”, bác sĩ Lloyd nói.

“Tôi à?” Jane nói. “Ông muốn nói là tôi có kinh nghiệm gì về bản thân để kể lại?”.

“Hay là kể về chuyện của bạn bè cũng thế thôi”, ngài Henry nói xen vô.

“Ồi chà!” Jane nói vu vơ. “Tôi biết chuyện gì đâu mà kể. Chuyện bông hoa, phải rồi và mấy thứ thư từ lạ hoắc... nhưng mà chuyện đó của mấy ông, phải không? Tôi không cho là...” nàng bỏ lưng giữa chừng, nghĩ ngợi.

“Tôi nghĩ là nên chú ý lắng nghe chuyện dài về món tôm”, ngài Henry nói: “Nào đến phiên bà Marple”.

“Ngài chỉ thích đùa, ngài Henry. Chuyện món tôm có hay ho gì đâu, giờ tôi chợt nhớ tới nó, tôi có một vụ - không thể nói là chuyện nhỏ mà phải nói là nghiêm trọng thì đúng hơn... một câu chuyện đau thương. Nghĩa là tôi có dính dáng vô đó, và tôi không ân hận những gì tôi đã làm, không hoàn toàn không ! Câu chuyện không phải ở làng St. Mary Mead”.

“Bà lại làm tôi thất vọng”, ngài Henry nói. “Nhưng tôi ráng nghe. Tôi nghĩ là mọi người không trông chờ ở bà một cách vô vọng”.

Ngài chuẩn bị tư thế nghiêm chỉnh lắng nghe, bà Marple mặt ửng đỏ.

“Tôi sẽ cố gắng kể cho có đầu đuôi”, bà có vẻ lo lắng. “Tôi chỉ sợ bị chê là ba hoa dông dài. Nói dông dài, nghĩ một nẻo. Không có đầu có đuôi. Nếu tôi kể chuyện không hay thì các ông ráng chịu nghe. Chuyện kể đã có từ xa xưa”.

“Như đã nói trước, câu chuyện không ăn nhập gì tới làng St Mary Mead, đây là câu chuyện về một loại thủy...”.

“Bà muốn kể chuyện thủy phi cơ?”, Jane Helier hỏi trố mắt ngạc nhiên.

“Cô sẽ không biết đâu..”, bà Banttry vừa nói vừa giảng giải. Nghe vậy ông chồng nói xen vô.

“Nơi đó, phải nói là khủng khiếp ! Sáng phải thức sớm, nước uống thì tanh. Lại có mấy bà ăn không ngồi rồi, thích gièm pha. Lạy Chúa, nghĩ tới đó...”.

“Nào Arthur”, bà Banttry điềm nhiên nói, “ông lúc nào cũng gặp may kia mà”.

“Lắm bà thích ngồi lê đôi mách”, Đại tá nói lầm bầm trong miệng.

“Nhưng tôi e đây là chuyện có thật”, bà Marple nói. “Chính bản thân tôi...”.

“Ô hay, bà Marple”, ngài đại tá kêu lên sững sốt. “Nào tôi có ý nói ra vậy đâu”.

Bà Marple hai má ửng gior tay ra dấu chặn ngang.

“Tôi nói chuyện thật thưa đại tá Banttry. Tôi chỉ muốn nói có vậy. Để tôi cố nhớ lại coi. Vâng, ngồi lê đôi mách như ông vừa kể... chà, chuyện đó ở đâu lại chả thấy. Nhưng nhiều người thích chuyện đó nhất là những người còn trẻ. Tôi có người cháu viết sách... nhiều tác phẩm xuất sắc mà tôi cho là... đề cập những chuyện xúc phạm tới nhân cách con người hoàn toàn vô căn cứ... ghê gớm thật chứ phải vừa đâu. Tôi muốn nói hầu hết trong giới trẻ không ai muốn dừng lại để suy nghĩ. Tất cả muốn tránh nhìn thẳng vô sự thật. Mấu chốt của vấn đề là: thường chuyện ngồi lê đôi mách, như ông nói, không hẳn là đúng cả ! Tôi cho là nếu, theo tôi nghĩ, những người trong cuộc chịu khó nhìn nhận. Sự thật mới thấy là mười chuyện đúng hết chín ! Thế cho nên mới khiến người ta bực mình”.

“Bà nói đâu trúng đó”, ngài Henry nói.

“Không, không phải vậy, hoàn toàn không phải ! Chẳng qua là nhờ biết tiếp thu và có kinh nghiệm. Tôi đã nghe kể qua câu chuyện một nhà Ai Cập học, nếu bạn đưa cho ông nhìn thấy một con bọ rầy hóa thạch, ông có thể xác định ngay được niên đại của nó từ thời nào trước công nguyên, hoặc một món đồ giả cổ, ông ta chứng minh có căn cứ hẳn hoi, ông phải biết. Cả đời ông chỉ lo mấy việc đó”.

“Đó là chuyện tôi muốn kể ra đây. Cái mà cháu tôi gọi là “mấy bà vô dụng” ăn không ngồi rồi, trong đầu nghĩ chuyện người ta. Cho nên họ được gán cho cái tên là chuyên gia dòm ngó. Bọn trẻ ngày nay được tha hồ ăn nói; ngày trước tôi đâu được vậy, ngược lại đầu óc thì nghĩ vô tư. Yêu đời yêu người. Nếu ai muốn hù dọa dù chỉ nói một lời nhẹ nhàng; nhưng ngày đó phong kiến... như là cái chậu cũ”.

“Vậy thì...”, ngài Henry nói, “cái chậu thì có tội tình gì?”.

"Đúng", bà Marple hăng hái nói. "Cái món đó nhà nào cũng có, nhưng đâu có đẹp dễ gì. Thú thật tôi có ấn tượng như tất cả mọi người có khi bị xúc phạm vì những lời nói thiếu suy nghĩ. Mấy ông chẳng để ý chuyện cô giúp việc Ethel nhà tôi, xinh đẹp siêng năng đủ mọi bề. Từ lúc đó tôi đã nhận thấy nó chẳng khác nào mấy đứa ở bên nhà Annie Webb và nhà bà Bruitt. Nếu chuyện đó xảy đến cho tôi thì không nói làm gì... Tôi cho nó nghỉ việc ngay, viết giấy giới thiệu qua chỗ khác tuy nó đang hoang nhưng không quên dặn bà Edwards đề phòng. Còn

Raymond, cháu tôi nó tức giận ghê lắm, bởi chưa nghe ai nói chuyện lạ đời đến vậy. Vâng, lạ đời. Thế rồi nó qua làm cho nhà phu nhân Ashton, tôi thấy không cần dặn dò. Rồi ông biết sao không ? Một đồng quần áo lót bị cắt hết dây đăng ten, hai chiếc trâm cài tóc nạm kim cương bị lấy mất; con bé bỏ trốn đi nửa đêm, biệt tích luôn !".

Bà Marple bỏ ngang thở ra một hơi, bà kể tiếp.

"Tôi đoán ông sẽ nói ngay chuyện đó liên quan gì tới chuyện khu nghỉ mát Keston spa Hydro... nhưng mà có đấy. Chính vì vậy mà tôi mới tin chắc là ngay lần gặp đầu tiên thấy nhà Sanders đi chung với nhau. Thế mà ông ta nói với tôi muốn giết bà ấy".

"Ô kìa !", ngài Henry nói nghiêng người ra trước.

Bà Marple lạnh lùng nhìn ông.

"Như tôi đã nói, thưa ngài Henry, tôi nói đâu có đó. Ông Sanders người cao lớn, mặt mũi điển trai lịch thiệp, ân cần tử tế với mọi người. Và không ai cảm thấy hài lòng người vợ mình hơn ông được. Chỉ có tôi biết thôi ! Ông ta muốn giết vợ !".

"Ôi trời bà Marple..."

"Vâng, tôi hiểu, chính cháu tôi Raymond West cũng nói. Nó trách tôi không đưa ra được bằng chứng. Thế mà tôi còn nhớ Walter Hones, người đã bắt giữ anh chàng ghen vợ. Một bữa tối hai vợ chồng đi bộ về nhà, bà vợ té xuống sông; vậy là ông ta lãnh đủ tiền bảo hiểm nhân mạng ! Có vài người khác thường hơn người khác... mà họ cũng thuộc thành phần như chúng ta đây. Hai vợ chồng đi chơi leo núi ở Thụy Sĩ. Tôi khuyên bà vợ không nên đi... tưởng nghe khuyên vậy bà sẽ giận... nhưng không bà chỉ cười. Và đáng buồn cười hơn khi một người đã có tuổi như tôi dám can ngăn Harry chồng bà. Thế mới hay, một tai nạn đã xảy ra... Harry lấy vợ khác. Tôi biết làm gì đây ? Tôi biết nhưng lấy đâu ra bằng chứng".

"Chà ! bà Marple", bà Bantley kêu lên. "Bà không nói đùa chứ ?".

"Trời ơi, chuyện bình thường, bình thường quá đi chứ. Mấy ông thì hăng hái bởi chuyện có liên quan đến các ông, dễ nhận ra ngay nếu là một trường hợp tai nạn. Tôi kể ra đây trường hợp nhà Sanders. Hôm đó trên chuyến tàu điện đông người, tôi bỏ đi lên phía trên. Cả ba chúng tôi đứng dậy bỏ đi, ông Sanders bị mất chỗ dựa ngã người vô bà vợ, chúi đầu xuống bậc thềm lên xuống. May gặp người trưởng tàu mạnh tay nứu lại kịp".

"Rõ ràng là một tai nạn còn gì nữa".

"Tất nhiên là một tai nạn, không thể nói tình cờ ngẫu nhiên. Vì ông Sanders trước đây đi làm trên tàu biển, đi tàu gặp lúc sóng biển tròng trành đứng yên được một chỗ, thì khi đi tàu điện khó mà ngã; nếu là một người có tuổi như tôi còn không ngã. Đừng nói là ông".

"Vậy có thể nói bà đã nhất quyết", ngài Henry nói "nghe là biết ngay".

Bà già độc thân gật đầu.

"Chắc quá rồi. Còn một vụ băng qua đường, chẳng bao lâu sau đó tôi mới dám tin chắc hơn cho chứng cứ của tôi, vậy tôi nên làm gì thưa ngài Henry ? Không khéo chút nữa một nạn nhân vừa mới lấy chồng bị giết chết".

"Bà nói sao nghe tôi không kịp".

“Bởi vì, cũng như phần đông người ta, ông không muốn nhìn thẳng vào sự thật. Ông không muốn nhìn nhận sự việc nó phải là như vậy. Nhưng tôi biết nó là như vậy. Tiếc thay điều đó không thể vượt qua được. Ngay chính tôi cũng không thể đi báo cho cảnh sát. Nói ra cho bà ấy biết cũng bằng thừa. Bà muốn bám riết ông ấy. Công việc của tôi là phải tìm hiểu được chừng nào hay chừng đó. Một bữa nọ ngồi đan áo bên lò sưởi, bà Sanders (tên thật là Gladys) thấy tôi, muốn tâm sự. Theo tôi biết hai người mới lấy nhau chưa bao lâu. Chồng bà còn giữ một số tài sản nhưng dần dà tiêu xài gần hết. Hiện phải sống nhờ vào tiền của bà. Chuyện này đã có người nghe được. Bà than thở không muốn đụng tới món tài sản đó. Vậy mà đã có người nghe ngóng được ! Món tiền đó do bà quyết định muốn để lại cho một người, tôi biết việc này. Ngay sau ngày lễ cưới hai bên đã làm di chúc cho nhau. Thật cảm động. Phải vậy thôi, tiền bạc sông phẳng; về sau mới biết, cả một gánh nặng. Hai vợ chồng túng thiếu, sống trên lầu cao nhất của một chung cư sẽ chết chung với người giúp việc nếu nhờ hỏa hoạn, vì vậy phải chừa lối thoát hiểm ngoài cửa sổ. Tôi hỏi trên nhà có xây ban công không. Có ban công nguy hơn, nhất là lúc nguy xô đẩy nhau... ông biết mà”.

“Tôi dặn bà ta đừng ra ngoài ban công, tôi có tật hay nằm mơ. Nghe xong bà rất hoảng sợ... thỉnh thoảng bà vẫn tin vào các chuyện mê tín. Bà xinh đẹp nước da trắng, tóc dợn bông bành đến vai. Bà là người dễ tin. Tôi nói gì bà ta cũng kể cho chồng nghe hết vì tôi để ý ông liếc nhìn qua tôi mấy lần rất hồ nghi. Ông ta không dễ tin, chắc hẳn ông ta còn nhớ hôm đó tôi cũng có mặt trên chuyên xe điện”.

“Tôi thấy khó xử... rất là khó xử - không biết tránh mặt chỗ nào. Tôi có thể ngăn không để mọi chuyện xảy ra tại khu nghỉ mát, tôi muốn nói vài lời cho ông ta nghe, tôi có điều nghi ngờ. Nhưng nghĩ lại có thể ông ta bỏ lỡ kế hoạch về sau. Không nên, tôi nghĩ ra một việc táo bạo hơn thực hiện mưu kế đánh lừa. Trong trường hợp xúi giục ông giết vợ theo cách tôi sắp đặt... tất nhiên ông ta sẽ bị lộ tẩy, bà ta mới ra chân tướng kẻ thủ phạm”.

“Nghe bà kể tôi thật hồi hộp” bác sĩ Lloyd nói. “Bà tính kế nào đây”.

“Tôi đã tính cả rồi, đừng lo”, bà Marple nói. “Nhưng đối tượng biết rõ tôi quá. Ông ta không thể ngồi đó chờ. Đoán biết tôi hồ nghi, ông ra tay trước. Biết tôi nghi sắp có vụ gì đây, ông mới gây án”.

Mọi người ngồi thở ra chờ đợi, bà Marple gật đầu bậm môi nói.

“Tôi thấy nói ra hơi đột ngột. Để tôi kể cho có đầu đuôi. Tôi cảm thấy xót xa trước mọi việc. Lẽ ra tôi phải ngăn lại... Chỉ có trời biết. Tôi đã làm hết mọi cách”.

“Hôm ấy một bầu không khí kinh dị bao trùm, khắp mọi nơi, như có một gánh nặng trên vai từng người. Một cảm giác đau thương. Trường hợp đầu tiên là anh chàng George bảo vệ khu tiền sảnh, phục vụ nhiều năm quen mặt khách vắng lai. Mặc bệnh sung cuồng phổi, chuyển qua sung phổi; bốn bữa sau gã chết. Một tin buồn thảm thiết, một cú sốc cho mọi người. Chỉ trước đêm Noel bốn ngày. Sau là người giúp việc, con bé xinh đẹp, một ngón tay bị súng độc, chết trong vòng hai mươi bốn giờ”.

“Tôi đang ở trong phòng khách, ngồi cạnh là cô Trollope và bà Carpenter, bà thích những chuyện chết chóc, không bỏ sót một chuyện nào”.

“Nhớ lấy lời tôi”, bà nói, “chưa hết đâu. các bạn đã nghe câu nói trong nhân gian “Quá tam ba bận. Tôi thấy đúng vô cùng. Chờ xem một người nữa sẽ chết. Không tránh đâu cho khỏi, chẳng bao lâu nữa đâu. Quá tam ba bận”.

“Nói hết câu bà gật đầu tay cầm lấy que đan áo. Vừa lúc ngược nhìn lên tôi thấy ông Sanders đứng ngoài cửa từ hồi nào. Lúc ông không để ý tôi nhìn cho thật kỹ một lần. Có thể nói mãi về sau tôi còn nhớ câu nói của bà Carpenter khiến hình ảnh ông khắc sâu vô trong đầu. Tôi biết ông đang nghĩ ngợi”.

“Ông bước vô trong phòng trên môi nở một nụ cười tươi tắn như mọi khi.

“Hôm nay tôi muốn mua quà tặng cho quý vị nhân ngày Noel được chứ?”, ông hỏi. “Tôi phải đi ngay về Keston”.

“Ông đứng đó một lúc, vừa cười vừa nói rồi ông bỏ đi ra. Thấy vậy tôi hoảng liền nói ngay.

“Bà Sanders đâu ? Có ai thấy không ?”.

“Bà Trollope cho biết bà ta tới nhà bạn, bà Mortimers, chơi đánh bài, tôi thấy nhẹ đầu. Nhưng còn lo nghĩ chưa biết nên tính làm sao. Nửa giờ sau tôi lên phòng. Vừa bước lên thang lầu, nhìn thấy ông Coles, bác sĩ riêng, tôi muốn hỏi ngay việc tôi đang đau thấp khớp. Tôi mời ông vô phòng. Ông kể cho nghe (không được nói lại cho người khác) cái chết đau thương của Mary. Ông chủ không muốn cho mọi người biết chuyện này nên tôi cũng im luôn. Tất nhiên tôi phải nói từ nãy giờ chúng tôi không hay biết gì hết... từ lúc con bé trút hơi thở cuối cùng. Khỏi phải nói chắc ông cũng hiểu, nhưng bác sĩ Coles thì khác, ông vô tư khiến tôi càng lo thêm, ông nhắc lại lời ông Sanders nhờ ông để ý giùm bà vợ đạo này ốm yếu, ăn uống không tiêu hay sao đó...”

“Rõ ràng chính bà Gladys Sanders nói với tôi là bà ăn uống tốt chính vì vậy bà mừng”.

“Ông hiểu chứ ? Tôi càng nghi cho ông ta hơn, ông ta đang toan tính... chuyện gì ? Bác sĩ Coles vừa đi khỏi tôi chưa kịp kể lại nghi vấn của mình cho ông ta nghe, liệu có nên không. Mà thật nếu có nói tôi không biết nên nói gì. Vừa bước trở ra gặp lại chính... Sanders... từ trên lầu bước xuống. Ông ăn mặc bảnh bao chuẩn bị đi ra phố, ông nhắc ai có muốn nhờ gì ông không. Tôi không nói gì vì muốn giữ phép lịch sự thế thôi ! Tôi đi ra phòng ngoài gọi một tách trà. Lúc đó khoảng hơn năm rưỡi, tôi còn nhớ”.

“Tôi đang lưỡng lự nên kể ra sao cho có đầu có đuôi. Tôi ngồi uống trà tới bảy giờ kém thì ông Sanders bước vô, cùng với hai ông khách lạ, trông vui vẻ lắm. Ông một mình bước tới chỗ tôi và cô Trollope đang ngồi. Thì ra ông muốn hỏi ý kiến bọn tôi nên chọn món quà Noel nào cho bà vợ ông. Ông muốn tặng bà một túi xách đi dự dạ hội”.

“Mấy bà biết...”, ông nói. “tôi chỉ là một thủy thủ quèn. Tôi chả biết gì mấy chuyện quà cáp. Có ba món gởi tới chào hàng nên tôi muốn hỏi ý kiến nhờ mấy bà chọn giúp một món”.

“Tôi nói ngay muốn giúp ông và ông mời đi theo lên lầu; bởi chốc nữa vợ ông sẽ về tới vừa kịp lúc ông mang món quà trở xuống. Chúng tôi đi theo lên. Và chuyện xảy ra sau đó đã làm tôi không bao giờ quên... tới giờ này mấy đầu ngón tay còn nhức lâm râm”.

“Ông Sanders mở cửa buồng ngủ, bật đèn sáng. Tôi còn nhớ lúc đó ai nhìn thấy trước tiên

...

“Bà Sanders nằm úp mặt xuống sàn. Không biết đã chết từ lúc nào”.

“Tôi bước tới ngay, quỳ xuống nhắc tay lên bắt mạch, không làm gì được nữa, tay cứng đờ, lạnh ngắt. Trên đầu nằm một chiếc vớ đựng đầy cát, hung thủ dùng vũ khí này đập đầu nạn nhân. Đứng ngoài cửa cô Trollope đáng thương luôn mồm kêu van, tay ôm đầu gào thét. “Vợ tôi... vợ tôi..”, ông chồng vụt chạy tới bên xác nạn nhân. Tôi ngăn không cho ông đụng tới cái xác. Ông biết đấy, nếu sờ tay vô biết đâu thoáng cái ông tìm cách phi tang.

“Ông đừng đụng tới”, tôi nói, “ông Sanders, bình tĩnh. Cô Trollope, tôi nhờ cô trở xuống gọi quản lý”.

“Tôi quỳ xuống bên xác nạn nhân, không thể để Sanders một mình, sợ ông cố tình làm vậy. Nhìn ông như người thất thần”.

“Người quản lý nhanh chóng chạy lên. Nhìn qua một lượt khắp căn phòng, ông đưa mọi người ra ngoài khóa cửa, giữ chìa khóa, ông bỏ đi gọi báo cảnh sát. Chờ hoài không thấy tới (về sau mới hay đường dây hỏng). Quản lý sai người liên lạc ra tới đồn cảnh sát và khu nghỉ mát ở tận ngoại ô gần vùng đồng hoang. Phần bà Carpenter được một phen lên mặt với bọn tôi. Bà

hài lòng vì lời tiên tri “Quá tam ba bận” ứng nghiệm ngay tức thì. Nghe nói Sanders đi lang thang ngoài vườn tay ôm đầu, mồm than vãn khổ sở.

“Vừa lúc cảnh sát tới nơi, đi theo quản lý và ông Sanders lên trên lầu. Một lát sau tôi được mời lên. Viên thanh tra mật thám ngồi viết biên bản, nhìn mặt ông ta sáng sủa tôi hài lòng.

“Bà Marple là bà đây?”, ông hỏi.

“Vâng”.

“Tôi được biết bà có mặt ngay lúc phát hiện”.

“Tôi nói ra ngay và thuật lại mọi chuyện từ đầu. Cũng may cho ông gặp một người biết giải đáp mọi câu hỏi thông suốt; bởi trước đó ông ta đã tiếp xúc với Sanders và Emily Trollope, cô nàng... theo tôi thấy như bị khủng hoảng tinh thần... nên mới ra người ngớ ngẩn ! Nhớ lại lời mẹ tôi dặn lúc nhỏ, lúc ra ngoài trước đám đông một người con gái lịch thiệp phải biết tự kiềm chế, không thì phải gặp riêng”.

“Một phương châm xử thế đáng khâm phục”, ngài Henry trịnh trọng nói.

Hỏi xong các câu hỏi, viên thanh tra nói:

“Cám ơn bà. Nào yêu cầu bà nhìn lại cái xác một lần nữa. Nó vẫn nằm ở tư thế cũ như lúc bà mới bước vô, phải không ? Không xê dịch đi đâu cả”.

“Tôi phân bua, cố tình ngăn không cho Sanders sờ tới cái xác, viên thanh tra gật đầu đồng ý”.

“Người chồng lúc đó bối rối lắm thì phải”, ông nhắc lại.

“Có. Bối rối thì phải... vâng”, tôi đáp.

“Tôi không có ý gì khác hơn khi muốn nói bối rối “thì phải”, viên thanh tra nhìn sâu vô mắt tôi ?

“Vậy ta có thể xác định lại một lần nữa nạn nhân nằm nguyên chỗ cũ?”. Ông ta nói.

“Chỉ có cái cái mũ là không”, tôi đáp.

“Viên thanh tra ngược nhìn lên chăm chú. “Bà nói sao... chiếc mũ...?”.

“Tôi giải thích cái mũ đội trên đầu nạn nhân Gladys giờ thấy để một bên. Tôi đoán do cảnh sát lúc khám xét nên xê dịch. Viên thanh tra không chấp nhận. Thật ra không có một món nào xê dịch dù một phân, ông ta cau mày nghĩ ngợi, mắt vẫn nhìn xuống chỗ nạn nhân nằm úp mặt”.

Bà Gladys mặc trên người bộ đồ dạo phố, khoác chiếc áo choàng màu đỏ sậm, cổ áo lông màu xám. Chiếc mũ nỉ màu đỏ nằm kề một bên đầu.

“Viên thanh tra đứng nhìn lặng lẽ một hồi, vẻ mặt đăm chiêu. Một ý tưởng vừa lóe lên trong đầu”.

“Bà thử nhớ lại coi, trên tai có đôi bông hay là nạn nhân lúc nào cũng đeo bông tai?”.

“Cũng may tôi có thói quen hay quan sát mọi thứ trước mắt. Tôi còn nhớ có một đốm sáng như ngọc trai ngay bên dưới vành mũ dù không dòm thật kỹ nó ra làm sao. Tôi có thể khẳng định được câu hỏi thứ nhất”.

“Tới đây việc đã ổn. Chiếc hộp đựng nữ trang đã bị đánh cắp, không đáng giá bao nhiêu, tôi hiểu điều đó... chiếc nhẫn đeo tay bị lộ. Sực nhớ đôi bông tai, thủ phạm quay trở lại thì mọi người đã hay. Một tay táo tợn ! Hay biết đâu là...”, ông đảo mắt nhìn quanh chậm rãi nói: “hắn còn ẩn núp quanh quẩn trong này, đây chứ không đâu xa”.

“Tôi nghĩ không có chuyện đó. Tôi đã dòm qua dưới gầm giường. Ông quản lý mở tủ quần áo ra coi. Thủ phạm không thể tìm ra chỗ nào ẩn núp. Chỉ còn một chỗ để cất mũ nón đã khóa kê ngay giữa tủ quần áo, ngăn hẹp thế này không ai chui vô núp được.”

“Viên thanh tra khế gật đầu nghe tôi phân bua.

“Tôi ghi nhớ điều đó”, ông nói, “vậy thì trước sau gì hắn cũng quay lại. Tay này táo tợn ghê”.

“Ông quản lý đã khóa cửa, giữ chìa khóa !”.

“Không ăn thua. Thủ phạm sẽ chui vô theo hướng trên ban công và lối thoát hiểm khi hỏa hoạn, chỉ còn một lối đó thôi. Sao vậy, không khéo bà lo lắng cho hắn. Hắn trèo qua cửa sổ chờ lúc mọi người ra ngoài hết, chui vô lại làm nốt công việc dở dang”.

“Ông chắc là...”, tôi nói *“Có tên trộm vô đây”.*

Ông lạnh lùng đáp:

“Chứ sao, rõ ràng quá còn gì nữa, phải không ?”.

“Nghe ông nói tôi vững bụng. Tuy nhiên tôi không cho rằng ông ta cho là Sanders phải chịu cảnh góa bụa”.

“Ngài biết là tôi đồng ý với nhận định trên. Tôi hoàn toàn tán đồng quan điểm những người bạn Pháp, hàng xóm của chúng ta gọi đó là định kiến. Tôi biết là Sanders muốn cho vợ mình chết. Tôi không muốn nhìn thấy hai quan điểm trùng hợp với nhau. Quan điểm của tôi về Sanders, tôi nói thật, là hoàn toàn chân chính. Gã là một tên dê tiện. Cho dù cái vẻ đau khổ giả nhân giả nghĩa có thật chẳng nữa cũng không qua khỏi mắt tôi, tôi còn nhớ mãi vẻ mặt sùng sờ và bối rối của gã lúc đó đóng kịch thật tài tình. Nó hay ở chỗ như là khóc thật vậy... ngài hiểu ý tôi nói. Sau buổi trao đổi với viên thanh tra mật thám tự xưng tôi cũng thấy đáng hồ nghi hơn nữa. Bởi lẽ nếu Sanders là thủ phạm, tôi không thể ngờ, gã chui vô lại theo lối cửa thoát hiểm để tới lột đôi bông tai đeo trên tai vợ. Không thể chấp nhận một hành vi táo tợn như vậy được, bởi chỉ có Sanders mới dám liều lĩnh. Cho nên tôi cứ nghĩ mãi trong đầu hắn là một tên tội phạm đặc biệt nguy hiểm”.

Bà Marple nhìn quanh một lượt.

“Có lẽ ngài biết là tôi nghĩ gì ? Trên đời này thiếu gì chuyện bất ngờ. Vì tôi cả tin cho nên mới bị mê hoặc. Chuyện xảy ra rồi tôi mới thấy choáng váng. Bởi lẽ ai cũng biết, không còn chối cãi gì nữa, Sanders không thể nhận mình là một kẻ phạm tội...”.

Bà Bantry ngạc nhiên thở ra, bà Marple quay qua nhìn.

“Tôi hiểu đây là một câu chuyện bà không thể ngờ. Chính tôi cũng không ngờ. Nhưng sự thật là sự thật. Nếu có gì sai sót thì nên xuy xét mọi việc từ đầu. Chuyện Sanders là một tên sát thủ chính cống tôi biết... và không ai có thể lay chuyển tôi nghĩ khác được”.

“Đến đây tôi xin kể lại hết mọi chuyện. Buổi trưa hôm đó bà Sanders qua nhà Mortimers chơi bài. Khoảng sáu giờ mười lăm bà về. Từ chỗ khu nghỉ mát dưỡng sức vào khoảng mười lăm phút đi bộ... nếu đi cho nhanh thì không tới. Khoảng sáu rưỡi bà phải về tới nhà. Chờ mãi không thấy, hay bà vô sau cửa hông, đi vội lên lầu thay đồ (chiếc áo choàng và chiếc váy còn treo trước tủ búp - phê) lát nữa bà còn đi ra phố, bất thành linh tai họa ập tới. Như mọi người dự đoán, bà không ngờ có người muốn hại bà. Cái túi đựng cát còn để lại đó theo tôi biết là một món vũ khí lợi hại. Có thể thủ phạm núp đâu đó trong phòng, trong tủ quần áo lớn nhất, tủ này bà không mở ra”.

“Ta xét qua hành vi của Sanders. Như tôi đã kể ông ra khỏi nhà khoảng năm rưỡi, hay trễ hơn một chút. Ông đi mua sắm tại mấy gian hàng, khoảng sáu giờ ông về khách sạn Grand spa gặp hai người bạn; lát nữa ông đi cùng với họ tới chỗ khu nghỉ mát gần đầu đó. Họ cùng chơi bida, uống unction - ki. Hai người bạn (Hitchcock và Spender) đi theo ông từ lúc sáu giờ. Tất cả

cùng rủ nhau trở lại chỗ khu nghỉ mát, sau đó ông đi một mình tới gặp tôi và cô Trollope. Lúc đó như tôi đã kể khoảng bảy giờ kém... ngay thời điểm đó bà vợ ông ta có lẽ đã chết”.

“Tôi xin nói rõ về hai ông bạn kia. Tôi không thích, bởi trông thấy họ chẳng vui vẻ lịch sự chút nào. Nhưng tôi chắc một điều họ đã kể lại một cách trung thực là Sanders suốt buổi đi chung với mấy người bạn”.

“Chợt một chi tiết nhỏ xen vô giữa câu chuyện. Trong khi ngồi chơi bài bà Sanders bỏ đi nghe điện thoại. Có một ông Littleworth nào đó muốn gặp bà. Thấy bà vui vẻ và phấn khích lắm... vì lẽ đó mà bà để lộ ra mấy chi tiết khác. Bà bỏ ra về trước mấy người kia ?

“Ông Sanders được hỏi có biết một người tên Littleworth, là bạn của vợ ông không nhưng ông cho biết chưa nghe tên đó lần nào. Theo tôi nhìn qua bề ngoài có thể đoán ra được ngay bà ấy dường như không biết tên Littleworth là ai. Tuy vậy lúc buông máy quay trở lại, nhìn mặt bà vừa tươi cười vừa mắc cỡ. Có thể là người lạ mặt không muốn xưng tên thật, nên càng dễ hồ nghi hơn, phải vậy không ?”.

“Tuy nhiên, còn lại một điểm chưa thông. Một vụ trộm đột nhập vô nhà, giả thiết này có vẻ không ổn hay lúc đó bà Sanders chuẩn bị đi ra thì gặp một kẻ lạ mặt. Có phải người lạ mặt này đột nhập vô phòng qua lối thoát hiểm ? Lúc đó hai bên cãi vã ? Hay là kẻ lạ lén đánh bà”.

Bà Marple dừng lại.

“Vậy thì...?”, ngài Henry nói, "câu giải đáp sẽ ra sao ?”.

“Ai có thể đoán ra được đây”.

“Tôi không có tài tiên đoán”, bà Bantry nói. “Đáng tiếc là lúc đó Sanders lấy có vắng mặt thật tài tình; nếu bà thấy hài lòng thì có sao đâu”.

Jane Helier nghiêng đầu hỏi lại.

“Tại sao..”, nàng nói, "... cái tủ treo nón nhìn thấy có khóa”.

“Cô em thật là sáng dạ”, bà Marple nói, tủm tỉm cười. “Chính tôi cũng tự hỏi điều đó, dù cách giải thích cũng đơn giản thôi. Trong tủ còn cất một đôi dép thêu ở quai, mấy chiếc khăn mùi soa bà dành cho chồng nhân ngày lễ Noel muốn cất trong tủ khóa lại. Chiếc chìa khóa tìm thấy được trong xác tay”.

“Ồ !” Jane nói. “Vậy thì đâu có gì lạ”.

“Chà ! Có đấy !”, bà Marple nói. “Phải nói nó lạ lắm. Chính nó đã làm lạc hướng mọi toan tính của thủ phạm”.

Mọi cặp mắt đổ dồn về phía bà già.

“Đã hai bữa tôi không nghĩ ra”, bà Marple nói, “tôi thắc mắc hoài... và đây rồi, không chạy đi đâu. Tôi tới gặp viên thanh tra mật thám nhờ ông ướm thử giùm”.

“Bà nhờ ông ướm thử gì nào ?”.

“Tôi nhờ ông ướm thử chiếc mũ đội trên đầu nạn nhân dường như đội không vừa. Chiếc mũ khác số. Không phải chiếc mũ thường ngày, cô hiểu chứ”.

Bà Bantry trở mắt nhìn.

“Nhưng mà chiếc mũ ấy còn đội trên đầu kia mà”

“Không phải trên đầu nạn nhân”.

Bà Marple ngưng kể, muốn để cho những gì bà vừa kể ra thấm dần. Nhưng bà lại tiếp tục kể.

“Chúng tôi không dám quả quyết là xác chết nằm đó là bà Gladys, bởi trước đó không ai nhìn thấy mặt. Bà nằm úp mặt xuống đất, nhớ chưa, còn chiếc mũ thì che hết phần mặt”.

“Nhưng bà đã bị giết chết rồi”.

“Vâng, về sau mới chết. Lúc gọi điện báo cho cảnh sát Gladys Sanders còn mạnh khỏe”.

“Bà muốn nói một cái xác khác được thay vô đó sao ? Bà còn nhớ chính bà đưa tay sờ vô xác chết kia mà”.

“Vâng, nạn nhân lúc đó đã chết”, bà Marple nghiêm chỉnh nói.

“Thôi, kệ xác nó”, đại tá Bantary nói, “làm sao có thể nhìn thấy cái xác từ đầu đến chân. Họ đã làm gì với cái xác chết lúc vừa nhìn thấy trước tiên”.

“Hung thủ kéo trở lại chỗ cũ”, bà Marple nói. “Ghê gớm thật, nhưng phải khâm phục. Lúc chúng tôi ngồi nói chuyện trong phòng khách hắt đứng ngoài rình nghe. Hẳn nghĩ ngay cái xác của Mary, người giúp việc. Nên nhớ, phòng của bà Sanders ở gần bên phòng mấy người giúp việc. Chỗ Mary cách đó hai phòng. Dịch vụ mai táng phải tối mới tới... hẳn chớp ngay thời cơ. Lôi xác nạn nhân ra tới ngoài ban công (năm giờ trời đã sẫm tối) tay quơ đại một chiếc áo của vợ mặc vô, khoác thêm chiếc áo choàng rộng màu đỏ. Hẳn nhìn qua tủ treo mũ đã khóa ! Chỉ còn một cách, vợ đại lấy một chiếc đệm lên cho đầu của nạn nhân. Không ai để ý chuyện đó, rồi lấy cái túi đựng cát đặt xuống một bên. Xong xuôi hẳn bỏ đi dựng lên cái có không có mặt tại hiện trường ?

“Hẳn gọi máy cho vợ... tự xưng tên một ông Littleworth nào đó. Không biết hẳn đã nói gì với vợ... bà này nhẹ dạ cả tin như tôi đã kể lúc nãy. Hẳn gọi cho vợ bỏ dở ván bài ra về sớm, không quay trở lại chỗ khu nghỉ mát, hẳn muốn sắp xếp để gặp vợ tại bên ngoài gần lối thoát hiểm đúng lúc bảy giờ. Có lẽ hẳn muốn dành cho vợ một sự ngạc nhiên”.

“Không ai yêu cầu hẳn phải tránh mặt sau khi gây án. Hẳn gặp lại vợ dẫn lên lầu theo lối thoát hiểm hai người bước vô phòng. Hay trước đó hẳn đã cho vợ hay về chuyện cái xác chết. Vừa lúc bà nghiêng người xuống, nhanh tay hẳn chớp lấy bao cát đập vô đầu... Trời ơi ! Nhớ lại lúc đó trong người tôi thấy còn muốn buồn nôn ! Nhanh tay hẳn cởi hết quần áo vợ treo lên, lấy quần áo che xác bên kia mặt vô lại cho bà”.

“Nhưng còn chiếc mũ thì đội không vừa. Tóc Mary cắt ngắn... còn Gladys Sanders, như tôi đã kể, đầu tóc búi cao. Hẳn mới nghĩ cách bỏ xuống một bên, chắc là không ai để ý. Xong xuôi hẳn kéo xác Mary vô trở lại trong phòng riêng sắp đặt cho ngay ngắn trở lại.

“Chuyện kinh dị”, bác sĩ Lloys nói. “Tay này chơi bạo. Cảnh sát sẽ ập vô bất cứ lúc nào”.

“Ông không nhớ là đường dây bị hỏng”, bà Marple nói. “Đây là mưu mẹo của hẳn. Hẳn không muốn để cho lực lượng cảnh sát tới đây sớm. Nếu tới nơi cảnh sát phải gặp quản lý trước rồi mới lên phòng. Đấy cũng là một nhược điểm, đó là lúc sẽ phát hiện được một cái chết hai tiếng đồng hồ với một xác chết cách đây nửa tiếng; hẳn dựa vô chỗ người phát hiện đầu tiên sẽ một người không có kinh nghiệm”.

Bác sĩ Lloyd gật đầu xác nhận.

“Án mạng có thể xảy ra lúc bảy giờ kém mười lăm hay khoảng chừng đó”, ông nói, “chính xác là bảy giờ hoặc trễ hơn một chút. Khi bác sĩ pháp y khám nghiệm tử thi lúc đó khoảng sớm nhất bảy giờ rưỡi, ông ta không nắm chắc thời điểm”.

“Chính tôi là người có thể biết rõ hết”, bà Marple nói. “Tôi nắm tay bắt mạch, thấy tay lạnh ngắt, về sau bác sĩ pháp y cho hay có thể vụ án xảy ra cách đây không bao lâu, trước khi chúng tôi tới nơi. Nhưng tôi thì không cho là vậy đâu”.

“Tôi mới hay bà biết quá nhiều, bà Marple”, ngài Henry nói. “Vụ án xảy ra trước lúc tôi tới. Tôi không còn nhớ mấy. Chuyện sau đó ra sao?”.

“Sanders bị treo cổ”, bà Marple nói ngắn gọn. “Cũng mau đấy. Riêng tôi thì không có gì phải ân hận khi đưa tên tội phạm ra xét xử. Tôi không còn đủ kiên nhẫn để lắng nghe những lời lẽ dẫn đo chuyện thi hành án tử hình”.

Nét mặt bà dịu lại.

“Tôi tự trách mình một cách nghiêm khắc đã để lỡ mất một cơ hội cứu người vợ vô tội, đáng thương kia. Thử hỏi có mấy ai chịu nghe lời bà già này? Thôi, thôi, có ai hiểu cho? Bà ta chết đi khi lẽ ra cuộc đời vẫn còn nhiều điều để bà hưởng thụ, nhưng thế giới đầy rẫy những điều xấu xa không như bà ta tưởng. Bà ta trót yêu gã đàn ông dê tiện kia và gởi gắm trọn cuộc đời. Bà ta đã quá tin tưởng nên đâu thấy mặt trái của hắn”.

“Thôi thì..”, Jane Helier nói, “bà ta đã ngủ yên. Hoàn toàn ngủ yên. Mong sao...”, nàng bỏ lửng.

Bà Marple đưa mắt nhìn người đẹp được chiêm ngưỡng và đang đạt được nhiều danh vọng, Jane Helier, rồi khẽ gật đầu.

“Tôi hiểu cô”, bà nói nhỏ vừa đủ nghe, “tôi hiểu”.

LÁ THUỐC ĐỘC

“Nào, đèn phiên bà B.” ngài Henry Clethering khích lệ.

Bà Bantry, chủ nhân, lên tiếng trách móc.

“Tôi đã nói trước ông đừng gọi tôi là bà B. Nghe không được nghiêm trang”.

“Thôi thì Scheherazade vậy”.

“Cho dù không được như nàng Sche... tên gì nhỉ ! Tôi không thể kể hết câu chuyện, không tin cứ hỏi Arthur”.

“Chuyện gì bà cũng biết, Dolly”, đại tá Bantry nói, “Chỉ có việc thêu thùa là bà không biết”.

“Thì vậy đó”, bà Bantry nói. Bà đặt tay gõ lên tập catalogue quảng cáo bóng đèn để trên bàn. “Nghe mấy ông nói nhiều mà không hiểu gì hết... “ông nói, bà nói, bạn ngạc nhiên, họ nghĩ là, ai cũng muốn ám chỉ thế đấy, tôi không chịu nổi !”

“Hơn nữa tôi không biết nên kể ra sao đây”.

“Thật khó tin, thưa bà Bantry”, bác sĩ Lloyd nói. Ông lắc đầu như muốn giấu cợt, khó tin.

Bà già Marple nhỏ nhẹ nói: “Thì tôi đã bảo mà...”.

Bà Bantry lắc đầu quày quẩy. “Cuộc sống của tôi nó nhàm chán. Nào lo chuyện bọn giúp việc, khó tìm được người rửa chén bát, đi phố mua sắm quần áo, đến phòng nha sĩ, ra trường đua Ascot (Arthur không thích món này) rồi về làm vườn”.

“Chà !”, bác sĩ Lloyd lên tiếng, “lại chuyện làm vườn. Chúng tôi hiểu ý bà muốn nói gì, bà Bantry”.

“Có được mảnh vườn hay biết mấy”, Jane Helier nói. “Lúc đó bà khỏi phải lo cuốc đất, làm lụng chi cho nhóp tay. Tôi cũng thích ngắm bông hoa”.

“Một mảnh vườn...”, ngài Henry nói. “Hay là có thể bắt đầu câu chuyện từ đây đi. Nào, bà B. kể chuyện mấy loại cây có củ độc hại, củ thủy tiên, mấy thứ cây thuốc độc, hại người đi !”.

“Ông nói sao lạ vậy ?”, bà Bantry nói.

“Nghe nói tôi mới nhớ, này Arthur, ông còn nhớ vụ việc tại nhà Clodderham Court chứ ? Ông phải biết, vụ ngài Ambrose Bercy, cái ông lão có dáng vẻ lịch sự đấy mà”.

“À, nhớ chứ. Ờ vụ này cũng khá lạ. Dolly, bà kể đi”.

“Tôi nhường lời cho ông”.

“Thôi nào. Bà kể đi. Chuyện đó bà lo. Tôi còn kể chuyện khác”.

Bà Bantry hít vô một hơi sâu, chấp tay, nét mặt lo âu. Bà nói một hơi.

“Thế này, tôi không kể dài dòng. Một loài thảo dược chết người, nó đã in sâu trong trí tôi, nhắc đi nhắc lại mấy thứ lá đan sâm và củ hành”.

“Lá đan sâm và củ hành à?”, bác sĩ Lloyd hỏi lại.

Bà Bantry gật.

“Vì vậy cho nên ông mới biết”, bà giải thích. “Nhân một chuyến đi có tôi và Arthur, có cả ngài Ambrose Bercy đến Clodderham Court, một bữa nọ vì sơ xuất (thật là đáng trách, tôi còn nhớ) ra vườn hái mấy ngọn lá cây mao địa hoàng nhập chung một nhúm với lá cây đan sâm. Bữa cơm tối dọn ra có món vịt hầm nhồi mấy thứ lá đó vô, cuối bữa ăn ai cũng thấy đau râm râm, tội nghiệp cho con bé, người nhà của ngài Ambrose... chết vì món ăn đó”.

Bà thôi kể.

“Ôi trời ơi!”, bà Marple kêu lên. “Sao mà ghê vậy”.

“Ghê lắm hở?”.

“Ờ” ngài Henry lên tiếng. “Rồi sao nữa?”.

“Không còn sao nữa”, bà Bantry nói, “tới đó hết”.

Mọi người há hốc mồm. Dù được dặn trước không ai ngờ câu chuyện chỉ tới đó thôi.

“Này bà ơi”, ngài Henry kêu lên, “làm sao hết được. Chuyện bà kể đau đớn vậy, mà nghe chẳng thấy ngọn ngành gì hết”.

“Vâng, tất nhiên chuyện còn dài”, bà Bantry nói. “Nếu kể cho ông nghe ông biết hết rồi còn gì”.

Bà nhìn quanh vẻ mặt căng căng, chợt buồn bã nói.

“Tôi không muốn thêm thắt cho câu chuyện thêm phần éo le”.

“A ha!”, ngài Henry nói. Ông ngồi ngay lại đưa tay sửa gọng kính. “Tất nhiên bà phải biết, Scheherazade chuyện còn mới nguyên. Bà nói vậy dễ dưng chạm. Tôi không nghĩ bà muốn tô vẽ cho thêm chuyện gọi trí tò mò. Giả sử như vài đoạn trong tập truyện “Hai mươi câu hỏi” chẳng hạn. Nào đến lượt bà Marple phát biểu”.

“Tôi thắc mắc chuyện bà nấu ăn”, bà Marple nói. Các bà này ngu ngốc làm sao ấy hay là do tay nghề dở tệ”.

“Quá ngốc nghếch thì phải”, bà Bantry nói. “Sau bữa ăn bà khóc lóc kể lể, người nhà đem về toàn lá đan sâm hỏi bà, bà có biết gì đâu”.

“Không phải bà ta đâu”, bà Marple nói.

“Hay là còn bà nữa lớn tuổi hơn, tôi biết chắc, giỏi nấu ăn”.

“Chà! Hay quá”, bà Bantry nói.

“Tới phiên cô Helier”, ngài Henry nói.

“Ồ! Ngài muốn nói là... tôi muốn hỏi gì không?”.

Jane ngần ngừ một lúc. Nàng buông một câu cũng như không, “thật tình mà nói... tôi không có gì thắc mắc”.

Nàng hướng đôi mắt đẹp về phía ngài Henry như muốn nhẩn nhủ.

“Sao ta không kể cho hết ra những ai tham gia vô vụ này, cô Helier?”, ngài cười, gợi ý.

Jane chưa hết ngạc nhiên.

“Tính theo thứ tự người có mặt”, ngài Henry nói.

“Vâng”, Jane nói. “Một sáng kiến thật hay”.

Bà Bantry bắt đầu kể. Bà đếm tên từng người trên đầu ngón tay.

“Ngài Ambrose, Sylvia Keene (nạn nhân mới chết), có một người bạn thân của cô ta là Maud Wye, cô bé xấu xí hơn, muốn giúp đỡ bạn... Và một ông tên Curle, đến gặp ngài Ambrose bàn chuyện sách cổ viết bằng tiếng Latinh đã ầm ố. Tới Jerry Lorimer, một ông bạn hàng xóm tốt bụng, có một cơ sở kinh doanh là Fairlies cùng hợp tác làm ăn nên sáp nhập vô trang trại của ngài Ambrose. Còn một bà Carpenter, đã lớn tuổi, muốn tìm một gia đình để nương tựa tuổi già. Bà nhận làm một người giúp việc như Sylvia, hình như vậy”.

“Nếu đến phiên tôi”, ngài Henry nói, “nói ví dụ thôi, bởi tôi ngồi kể bên cô Helier, tôi muốn lắm. Muốn được nghe bà Bantry tóm tắt lại những việc từ đầu”.

“Chà !, bà Bantry ngần ngừ.

“Qua đến ngài Ambrose”, ngài Henry nói, “kể lại từ đầu, ông ta ra sao ?”.

“Ồ ! Khỏi phải nói ông là một người hết sức đẹp trai - cũng không già lắm đâu... chưa tới tuổi lục tuần, đâu khoảng đó. Coi vậy mà yếu lắm, đau tim nên không leo lên được cầu thang, thành ra nhìn bề ngoài có vẻ già hơn tuổi thật. Phải nói là ông rất ân cần, lịch sự là đằng khác, theo cách nói của mấy người hàng xóm. Không thấy ông giận hay bực bội với ai. Mái tóc bạch kim trông đẹp mắt, giọng nói nghe êm tai”.

“Hay lắm”, ngài Henry nói. “Tôi hiểu được ngài Ambrose. Còn cô nàng Sylvia... tên thật của nàng là gì ?”.

“Sylvia Keene. Nàng xinh đẹp... phải nói là rất xinh đẹp. Tóc nàng hoe vàng, nước da mịn màng. Phải nói là không thông minh cho lắm, hơi ngốc một chút”.

“Ô kìa, Dolly”, chồng bà phản bác.

“Nhưng mà, Arthur, tôi không có ý muốn nói vậy đâu”, bà Bantry thản nhiên nói. “Phải nói cô nàng ngốc nghếch thật... chẳng có chuyện nào kể nghe lọt tai”.

“Lẽ ra phải khen nàng là một cô gái tuyệt vời mới xứng đáng”, đại tá Bantry khoái chí nói. “Nhìn nàng ra sân tennis mà coi... trông nàng duyên dáng, thật là duyên dáng. Nàng lúc nào cũng vui nhộn, thật là nhí nhảnh. Những lúc đó nàng càng xinh hơn, bọn trẻ ai nhìn thấy cũng thích”.

“Coi chừng ông nhầm rồi đấy”, bà Bantry nói... “Lớp trẻ thời đó lại không thấy hấp dẫn mấy ông như ngày nay. Chỉ có mấy ông già lắm cảm như ông ngồi đó mà nói ba hoa chuyện mấy cô nàng còn son trẻ”.

“Trẻ thôi chưa đủ”, Jane nói. “Phải là một em biết SA mới được”.

“Sao..”, bà Marple nói, “SA là sao ?”

“Là sex appeal”, Jane nói.

“À ra vậy”, bà Marple nói, “Thời của tôi hồi đó người ta thường hay nói là “nhìn thấy đã mắt””.

“Nói vậy cũng không phải ngoa”, ngài Henry nói. “Theo lời bà kể cô giúp việc y như là một con mèo, có phải vậy không bà Bantry?”.

“Không phải loài mèo, ông hiểu chưa ?” bà Bantry nói. “Khác xa. Phải nói là một cô nàng mềm mại, trắng trẻo. Lúc nào cũng mượt mà, êm dịu. Người giúp việc Adelaide Carpenter cũng vậy đó”.

“Hình như là một bà đã lớn tuổi”.

“Ồi chà ! Đâu khoảng bốn mươi gì đó. Bà ở đây khá lâu từ lúc Sylvia mới mười một tuổi. Bà ấy lịch sự. Một quả phụ sống trong hoàn cảnh bất hạnh, người thân trong giới quý tộc thì vô số nhưng không có được một xu tiền mặt. Tôi lại không thích bà ta nhất là mấy bà tay dài trắng trẻo. Tôi thì không thích mèo”.

“Còn ông Curle ?”.

“Ồi ! Mấy ông già lụm cụp. Mấy ông đi đâu cũng thế, khó phân biệt ai là ai ! Ông thích nhất khi có người hỏi chuyện sách cổ, ông còn giữ mấy bản đã mốc meo nhưng không phải lúc nào cũng vậy đâu. Chắc gì ngài Ambrose quan tâm đến ông ta”.

“Còn anh chàng hàng xóm Jerry ?”.

“Anh chàng này dễ thương, đã đính hôn với Sylvia. Thế mới buồn chứ”.

“Còn tôi thì chưa hiểu sao...”, bà Marple nói tới đó bỗng ngưng nửa chừng.

“Sao ?”.

“Chả sao”.

Ngài Henry nhìn bà thấy lạ, chợt ông hỏi kỹ: “Vậy là anh chàng đã đính hôn với cô nàng. Đã lâu chưa ?”.

“Chừng một năm nay. Ngài Ambrose không chịu, bởi cô nàng còn nhỏ. Được chừng một năm, chịu không nổi gã đòi cưới sớm”.

“À ! Còn nàng có của cải gì không ?”.

“Hình như không, mỗi năm kiếm đâu được vài trăm”.

“Chẳng có một món nào để làm của hồi môn, Clithering”, Đại tá Bantry vừa cười nói.

“Đến lượt ông bác sĩ muốn hỏi”, ngài Henry nói. “Tôi rút lui”.

“Tôi chỉ muốn hỏi về chuyên môn thôi”, bác sĩ Lloyd nói. “Tôi muốn biết trong biên bản điều tra có tìm thấy bằng chứng hại cho sức khỏe... tức là bà còn nhớ hoặc bà biết rõ”.

“Tôi cũng không nhớ rõ”, bà Bantry nói “cái vị thuốc trong lá cây lồng đèn mới là độc hại, phải không ?”.

Bác sĩ Lloys gật đầu.

“Chất độc trong lá cây mao địa hoàng lồng đèn digi- talis... đi vô tim. Đúng ra đây là một món dược liệu quý dùng điều trị bệnh tim mạch. Đây là một trường hợp hiếm có. Sau khi ăn phải món ăn có trộn lá cây mao địa hoàng bị ngộ độc chết. Từ đó người ta đồn đại thêm là ăn trúng lá cây và trái độc. Chỉ vài người mới biết lá cây là dược liệu, nó được chiết xuất để làm thuốc chữa bệnh”.

“Hôm nọ bà Mac Arthur có gởi cho bà Toomie mấy củ về trồng”, bà Marple nói. “Bà nấu ăn nhìn lầm tưởng củ hành, báo hại mấy người nhà Tomies ôm bụng rên đau”.

“Đã có ai chết đâu”, bác sĩ Lloyd nói.

“Không, không sao”, bà Marple nói.

“Có một cô nàng chết do ngộ độc thực phẩm (chất alkaloit)”, Jane Helier nói.

“Ta phải cho điều tra vụ này”, ngài Henry nói.

“Một vụ án sao ?”, Jane nói vừa kinh ngạc. “Tôi cho đó chẳng qua là một việc rủi ro”.

“Nếu là chuyện rủi ro..”, ngài Henry thông thả nói. “Thì bà Bantry đem ra kể làm gì. Không, theo tôi thì nhìn qua tướng đầu là rủi ro nhưng mặt trái của nó rùng rợn hơn nữa kia. Tôi nhớ lại một lần, sau bữa ăn mọi người ngồi lại chuyện trò. Nhìn trên tường treo đầy các món vũ khí xưa. Trong một lúc bốc đồng, một người ngồi trong bàn với tay lấy khẩu súng ngắn chĩa vô mặt ông bạn dọa bắn chơi. Súng còn đạn, nên nổ một phát, ông kia chết. Trong vụ này ta nên xác minh, trước hết, ai đã lén nạp đạn vô súng, kế đến, ai là người dựng lên buổi trò chuyện để xảy ra cuộc nổ súng, bởi người giết lấy khẩu súng hoàn toàn vô tư!”

“Tôi thấy đây là câu chuyện cùng nêu lên một vấn đề như nhau. Món ăn được nhồi chung hai thứ đạn sâm và lồng đèn, tất nhiên là độc hại vô cùng. Khi người nấu ăn được miễn nghi vấn ta đã loại trừ khả năng này kia mà, phải không? Tới đây vấn đề đặt ra: Ai đi hái lá cây đem về giao cho bà nấu ăn?”

“Dễ hiểu thôi”, bà Bantry nói, “thì đây câu giải đáp. Do Sylvia mang vô bếp. Công việc mỗi bữa là nàng lo hái mấy thứ rau cải, lá cà rất non nhưng phải chờ cây lá tới lúc đậm đà hương vị. Hôm nào Sylvia với bà Carpenter cũng đều ra vườn để hái chúng. Thường thì mấy bụi cây lồng đèn mọc xen lẫn với cây đàn sâm đằng góc kia, khi hái tay quơ đại với lấy một nắm, chuyện thường”.

“Nhưng có phải do chính tay Sylvia hái không chứ?”.

“Thì có ai thấy đâu, chỉ đoán thôi”.

“Chỉ đoán thôi”, ngài Henry nói, “VẬY thì nguy to”.

“Tôi biết không phải Carpenter đi hái đâu”, bà Bantry nói. “Bởi nhớ lại sáng hôm đó bà đi dạo với tôi ngoài hàng hiên, sau bữa ăn sáng. Mới ra giếng và trời ấm hơn mọi năm lạ lùng. Sylvia ra vườn một mình, một lát sau thấy nàng cặp kè đi vô cùng với Maud Wye”.

“Chắc là hai người thân nhau lắm?”, bà Marple hỏi.

“Vâng”, bà Bantry đáp. Bà định nói gì đó nhưng nghĩ sao bà im lặng.

“Cô nàng ở lại chơi lâu mau?”, bà Marple hỏi.

“Khoảng độ hai tuần”, bà Bantry nói giọng hơi run run.

“Bà chẳng ưa gì cô Wye thì phải” ngài Henry hỏi dò.

“Có chứ. Tôi thích cô nàng. Có mà”.

Giọng bà nói có ẩn ý phiến muộn.

“Bà còn giấu chưa nói ra, bà Bantry”, ngài Henry rõ ràng muốn bà nói những gì mà bà chưa tiết lộ.

“Tôi lấy làm lạ một điều”, bà Marple nói. “Nhưng mà không muốn nói ra đây...”.

“Bà thấy lạ từ lúc nào?”.

“Từ lúc nghe bà kể đôi bạn trẻ vừa đính hôn. Thế mới đáng buồn, nhưng bà hiểu cho, nghe giọng nói bà không được tự nhiên... không rõ ràng, bà hiểu chứ?”.

“Bà mới kỳ lạ làm sao”, bà Bantry nói. “Ai cũng muốn biết. Vâng, tôi đang lo nghĩ một điều, không biết có nên nói ra đây”.

“Bà cứ kể ra”, ngài Henry nói. “Đừng ngại, ... mọi nghi ngờ của bà sẽ được giữ kín”.

“Vâng, chuyện như thế này”, bà Bantry nói. “Buổi tối hôm đó, đúng rồi buổi tối trước hôm xảy ra câu chuyện bi thảm, không hiểu sao tôi đi ra ngoài hàng hiên trước giờ dọn cơm. Cửa sổ phòng khách còn mở, tôi ghé mắt nhìn vô thấy Jerry Lorimer và Maud Wye ở bên trong. Anh ta ôm hôn cô nàng. Phải nói là không biết có phải do tình cờ run rủi hay là..., tôi muốn nói

là khó nói ra quá. Bởi ngài Ambrose không thích anh chàng Jerry Lorimer ra mặt, mà điều này anh chàng cũng nhận ra. Có một điều tôi biết chắc: cô nàng đó, Maud Wye khoái anh chàng. Bữa nào rình thử coi cô nàng liếc mắt nhìn anh chàng thì biết ngay. Tôi thì cho là hai người hợp nhau hơn là với Sylvia”.

“Cho tôi hỏi một câu trong lúc chờ đợi bà Marple”, ngài Henry nói, “Có phải sau cái đêm bi thảm đó Jerry Lorimer muốn lấy nàng Maud Wye không?”.

“Có chứ”, bà Banttry nói. “Có. Sáu tháng sau hai người làm đám cưới”.

“Ồ ! Nàng Scheherazade, Scheherazade”, ngài Henry nói “Tôi phải thuật lại cách diễn đạt câu chuyện vừa qua. Đúng trọng tâm, và nhớ lại cái món thịt..”.

“Thôi đừng nhắc chuyện này”, bà Banttry nói. “Đừng nhắc tới món thịt. Ở đây toàn là người ăn chay không à. Nghe họ nói thế này: “Tôi không ăn thịt”, tất nhiên ông phải bỏ miếng thịt bít tết qua một bên. Ông Curle là người ăn chay. Bữa sáng ông ăn một món như cháo bột. Ông già này có những sở thích độc đáo, chẳng hạn như xài đồ lót hàng hiệu”.

“Trời ơi, Dolly”, chồng bà lên tiếng, “bà còn biết chuyện đồ lót của ông Curle nữa cơ à ?”.

“Có phải vậy đâu”, bà Banttry tức giận nói. “Tôi chỉ đoán chừng thôi”.

“Nếu vậy phải đổi lại nhận xét lúc ban đầu”, ngài Henry nói. “Thay vì vậy tôi phải nói nhân vật trong câu

chuyện kể của bà thật là lý thú. Tôi phải xét lại từ đầu... kìa bà Marple...”.

“Bản tính con người bao giờ cũng có cái hay, thưa ngài Henry. Lạ hơn nữa một số người thích lặp đi lặp lại cái cũ”.

“Có tới hai bà một ông”, ngài Henry nói. “Chuyện tình tay ba xưa như trái đất. Phải chăng đây là câu chuyện ta muốn nêu ra ? Tôi cho là có đấy”.

Bác sĩ Lloyd đằng hắng lấy giọng.

“Tôi đã nghĩ tới chuyện đó”, ông dè dặt nói. “Có phải, thưa bà Banttry, bà vừa nói cảm thấy lợm giọng”.

“Nào có phải tôi ! Cả Arthur ! Và mọi người nữa !”.

“Phải rồi, tất cả mọi người”, ông bác sĩ nói. “Bà hiểu ý tôi nói chứ ? Câu chuyện ngài Henry vừa kể có một ông giết người nhưng không có ý định nhắm bắn ai hết”.

“Tôi chả hiểu”, Jane “Ai bắn ai ?”.

“Ý tôi muốn nói người thực hiện âm mưu này có ý nghĩ thật lạ lùng, hoặc là tin tưởng một cách mù quáng hay là không thèm đếm xỉa đến mạng người. Tôi không ngờ lại có chuyện một người có ý định đầu độc hết tám người chỉ vì có tư thù một người trong số thực khách”.

“Tôi hiểu ý ông”, ngài Henry nói, vẻ mặt trầm ngâm. “Thú thật tôi phải nghĩ mãi về câu chuyện đó”.

“Tức là hẳn muốn tự đầu độc cả mình nữa hay sao ?” Jane hỏi.

“Trong bữa ăn còn thiếu ai không ?”, bà Marple hỏi.

Bà Banttry lắc đầu.

“Có mặt đông đủ mọi người”.

“Chỉ trừ Lorimer, tôi giả sử vậy. Bữa đó anh ta vắng nhà, phải không ?”.

“Không, gã có ngồi vô bàn ăn bữa đó”, bà Banttry nói.

“Chà !” bà Marple bỗng nhiên đổi giọng. “Vậy là mọi chuyện bỗng rồi ren”.

Bà cau mày có vẻ phật ý.

“Tôi thật là ngốc nghếch”, bà nói lầm bầm. “Quá ngốc đi thôi”.

“Nghe ông kể lại tôi càng lo thêm, Lloyd”, ngài Henry nói.

“Dựa trên tiêu chuẩn nào cho là cô nàng, chỉ mỗi cô nàng ấy thôi, bị ngộ độc nặng hơn hết”.

“Ngài không thể nghi ngờ”, ông bác sĩ nói. “Tôi sẽ nói ra đây quan điểm của tôi. Giả sử cô nàng không phải nạn nhân được nhắm trước trong vụ này thì sao ?”

“Sao ?”

“Trong các vụ ngộ độc thức ăn, kết quả kiểm nghiệm không phải lúc nào cũng chính xác. Món ăn dọn ra cho tất cả mọi người trong bàn. Rồi sao ? Một hay hai người bị nhẹ, hai người nữa thấy khó chịu, một người chết. Chỉ có vậy... thiếu cơ sở để xét đoán chính xác. Nhưng nhiều vụ phát sinh thêm manh mối khác nữa. Như nhựa cây lồng đèn dùng điều trị bệnh tim... thầy thuốc cho toa điều trị một vài ca bệnh. Đến đây mới hay trong nhà đó có một người đau tim. Giả sử người đó là nạn nhân được tính toán trước ? Vì sao mọi người khác không hề gì mà người này bị ngộ độc... hay là biết đâu thủ phạm đã nhắm trước. Câu chuyện chuyển qua một hướng khác với một bằng chứng tôi sẽ kể ra đây; hiệu quả của một vị thuốc tác động trên cơ thể người”.

“Thưa ngài Ambrose”, ngài Henry lên tiếng, “có phải ngài cho là chính người đàn ông đó là nạn nhân được tính toán trước ? Như vậy cái chết cô nàng kia là một sự nhầm lẫn”.

“Sau khi ông ta chết ai là người thừa kế ?”, Jane hỏi.

“Một câu hỏi thật sâu sắc đó, cô Helier. Câu hỏi đầu tiên mà người trong nghề như tôi thường nghe đến”, ngài Henry nói.

“Ngài Ambrose có một người con trai”, bà Bantry chậm rãi nói. “Hai cha con trước đây đã từng cãi vã nhau một trận dữ dội. Anh chàng này ngổ ngáo lắm, tôi biết. Hơn nữa ngài Ambrose không có quyền truất quyền thừa kế, mà chuyển giao lại cho nhà Clodderham Court. Martin Bercy được chỉ định lên thế quyền và giữ tài sản. Ngoài ra ngài Ambrose còn nhiều món tài sản mà ông muốn để lại cho người được bảo trợ là Sylvia. Sở dĩ tôi biết là vì chưa đầy một năm ngài Ambrose chết, từ sau cái vụ tai tiếng kia mà tôi đã kể, ông không màng tới chuyện làm tờ di chúc mới sau cái chết đột ngột của Sylvia. Tôi biết rõ tất cả tiền bạc giao cho nhà nước... hoặc để cho một người bà con ruột thịt, tôi không nhớ rõ họ tên”.

“Vậy là ngài muốn để lại cho một người con không có mặt ở đây và một cô nàng chết để tránh xa ông”, ngài Henry trầm ngâm nói. “Vậy thì chẳng có ai được gì ?”.

“Còn người đàn bà kia thừa hưởng được gì không ?”, Jane hỏi, “Người mà bà Bantry gọi là người đàn bà như mèo”.

“Không nghe nhắc tên bà ta trong tờ di chúc”, bà Bantry nói.

“Bà Marple, bà không nghe gì sao”, ngài Henry lên tiếng, “hình như bà đang nghĩ ngợi đầu đầu”.

“Tôi đang liên tưởng tới ông Badger, một dược sĩ”, bà Marple nói. “Nhà ông có thuê một người giúp việc hãy còn nhỏ lắm nhỏ, hơn con gái ông, có thể nói như cháu nội ngoại gì đó thì đúng hơn. Trong nhà và cả con cháu trông nhờ vô ông. Đến lúc ông chết, có ai ngờ chuyện ông lấy con bé giúp việc âm thầm đầu tư hai năm trước ? Tất nhiên ông Badger là một dược sĩ, một ông lão thô lỗ tầm thường. Còn ngài Ambrose thì hào hoa lịch sự theo như lời của bà Bantry, cho dù ở địa vị nào bản tính con người là thế đó”.

Câu chuyện chột ngưng nửa chừng, ngài Henry nhìn chăm chăm bà Marple, bà quay lại nhìn ông như muốn giễu cợt. Chột Jane Helier cất tiếng xóa tan phút yên tĩnh.

“Bà Carpenter có xinh đẹp không?”. Nàng hỏi.

“Được, bình thường thôi”.

“Bà nói chuyện nghe rất êm tai”, Đại tá Bantry nói. “Giọng nói nghe gù gù thì có”, bà Bantry phản đối. “Gầm gù”

“Thảo nào mới hôm kia đây bà chê bà ta y như là một con mèo đó, Dolly”.

“Tôi thì muốn được như con mèo quanh quẩn trong nhà”, bà Bantry nói. “Tính tôi không thích gần đàn bà, ông hiểu ý tôi. Sở thích của tôi là đoán được ý mấy ông và ngắm hoa đẹp”.

“Sở thích thuộc hạng cao cấp”, ngài Henry nói. “Lạ ở chỗ bà nhắc tới mấy ông trước”.

“Mình phải tế nhị một chút”, bà Bantry nói. “Nào chuyện của tôi tới đâu rồi? Tôi thích sòng phẳng, Arthur ông thấy tôi sòng phẳng chứ?”.

“Ờ, chứ sao. Tôi thấy chả có việc gì cứ nói mãi về chuyện quản lý câu lạc bộ đua ngựa”.

“Trước hết là..”, bà Bantry nói chỉ tay về phía ngài Henry.

“Tôi không thích dài dòng. Bởi chưa nắm vững vấn đề. Trước tiên là ngài Ambrose. A, phải nói là ông ta không tính tới chuyện tự tử theo lối xưa. Ngoài ra ông chẳng được lợi gì khi hay tin cái chết của cô nàng mà ông ta bảo trợ. Loại trừ ngài Ambrose. Qua tới ông Curle. Không tìm thấy duyên cớ gây ra cái chết cô nàng kia. Nếu ngài Ambrose là nạn nhân trong cuộc rất có thể ông ta sẽ cuồn lấy mấy trang bản thảo mà không ai nhớ ra. Chứng cứ rất mong manh và không thuyết phục. Tôi cho dù bà Bantry gợi ý nghi ngờ sở thích kỳ quái của ông ta liên quan đến mấy món đồ lót, rốt cuộc ông Curle cũng được miễn trừ. Qua tới cô Wye. Không tìm thấy nguyên do gây ra cái chết ngài Ambrose. Nhưng cái chết của Sylvia thấy rõ động cơ hơn. Bởi cô ta thích anh chàng bồ của Sylvia... theo lời kể bà Bantry. Buổi sáng hôm đó hai người ra sau vườn hái lá. Không, ta không nên loại trừ cô Wye sớm. Qua tới anh chàng Lorimer. Trong hai vụ đều có liên can. Nếu hắt bỏ người yêu để lấy cô nàng kia. Hắt bỏ ý tưởng quyết liệt phải giết nàng, thời đó bỏ nhau dễ dàng vậy sao? Nếu ngài Ambrose chết hẳn phải lấy một người giàu có chứ đâu phải một cô nàng nghèo mạt. Mức độ trầm trọng ra sao phải xét tới chuyện tiền nong trước đã. Nếu tài sản hẳn đem cầm cố hết, trong khi bà Bantry không thừa nhận việc đó, nhưng tôi có thể nói đó là một hành vi điên rồ. Nào ta xét đến trường hợp bà Carpenter. Người đàn bà này tôi nghi từ lâu. Tay bà trắng muốt là một, điều nữa là viện cớ vắng mặt lúc ra vườn hái lá thuốc quả thật tài tình; tôi không bao giờ tin chuyện viện cớ vắng mặt. Tôi còn có lý do để nghi cho bà nhưng chưa tiện nói ra đây. Tóm lại nếu phải kết luận nên gán tội ai thì tôi cho là cô Maude Wye, bởi rất nhiều chứng cứ nghiêng về cô nàng hơn”.

“Người kế tiếp”, bà Bantry nói, tay chỉ về phía bác sĩ Lloyd.

“Tôi nghĩ là ngài đã tính sai, Clithering, khi cứ nghĩ cái chết của nàng đã xong đúng với ý định của hung thủ. Theo chỗ tôi biết thủ phạm muốn nhắm vô ngài Ambrose hơn. Bởi chưa chắc gì anh chàng Lorimer đã có đủ trình độ nhận thức ra mọi việc. Tôi nghiêng về phía buộc tội bà Carpenter nhiều hơn. Bà giúp việc đã lâu năm, biết rõ tình hình sức khỏe ngài Ambrose nên mới sai cô nàng Sylvia (theo lời ngài kể cô nàng có tính ngớ ngẩn) đi ra vườn hái lá thuốc. Duyên cớ thì chưa rõ, nhưng tôi dám chắc ngài Ambrose đã có lúc thảo tở di chúc và nhắc tên bà. Tôi biết sao nói vậy”.

Bà Bantry chỉ phía Jane Helier.

“Tôi biết gì mà nói”, Jane lên tiếng. “Chỉ xin nêu lên một ý kiến. Tại sao cô nàng không đi một mình hái lá thuốc ngoài vườn? Rồi tự tay mang về bếp. Ngài còn biết Ambrose không chịu cho nàng lấy chồng. Nếu ông ta chết, nàng sẽ hưởng trọn món tiền, lúc đó tính chuyện làm đám

cưới ngay. Cả hai cô nàng và bà Carpenter biết tình hình sức khỏe của ông ra sao”.

Bà Banttry chậm rãi chỉ tay qua phía bà Marple.

“Nào xin mời bà giáo làng”, bà nói.

“Tôi thấy ngài Henry đã nêu lên hết rồi, rất là rõ ràng”, bà Marple nói, “Và bác sĩ Lloyd cũng đã chứng minh một cách cụ thể. Cả hai ông đã trình bày rõ ràng mọi chi tiết. Có một điểm tôi chưa rõ là bác sĩ Lloyd đã nêu lên một khía cạnh của vấn đề. Có phải, vì không phải thầy thuốc lo chăm sóc ngài Ambrose nên ông không biết được bệnh tình ngài Ambrose ra sao, phải vậy không?”.

“Tôn hoàn toàn chưa hiểu ý bà muốn nói”, bác sĩ Lloyd nói.

“Ông phỏng đoán thôi phải vậy không ? Ngài Ambrose tiền sử mắc bệnh tim cho nên khi ăn phải lá thuốc có chất nhựa cây lồng đèn mới hại cho ông ta ? Nhưng không lấy đâu ra làm bằng cứ cho việc đó. Lẽ ra phải chứng minh ngược lại”.

“Nói ngược lại là sao ?”.

“Vâng, bởi ngài cho biết loại lá cây thuốc đó dùng chữa bệnh tim”.

“Cho dù vậy đi nữa, bà Marple, rồi hậu quả sẽ ra sao”.

“À, như vậy có nghĩa là ngài đã có sẵn nhựa cây lồng đèn trong tay, khỏi cần phải nói. Điều tôi muốn nói ra đây là như thế này: Giả sử ông đây muốn đầu độc ai bằng nhựa cây lồng đèn. Đầu có phải đơn giản và dễ dàng cho người nào muốn hại là được... nhất là bằng lá cây lồng đèn ? Đối với người khác thì không sao, tất nhiên, nhưng điều đó không làm cho ai ngạc nhiên, bởi vì theo lời bác sĩ Lloyd điều đó không lấy gì làm chắc chắn. Hơn nữa không ai đi hỏi một cô nàng đã bị ngộ độc trong người là nhựa cây lồng đèn hoặc bị một chất khác tương tự ra sao, biết đâu ngài đã đem bỏ vô trong ly nước cocktail hay là trong ly cà phê hoặc là pha cho nàng một nước gì đó, dặn là đó là một ly thuốc bổ”.

“Bà cho là chính ông ta đầu độc một người mà mình bảo trợ, người con gái ngài đã thầm yêu”.

“Đúng rồi quá”, bà Marple nói. “Y như chuyện giữa ông Badger và người giúp việc. Ông đừng vội cho tôi nói tầm bậy, chuyện một ông sáu mươi yêu một người con gái hai mươi. Chuyện đó nhan nhản ngoài đời. Tôi dám nói chuyện có thể xảy ra với một người độc đoán như ngài Ambrose mới lạ lòng chứ, chuyện cô nàng yêu người khác đã có lúc làm ông muốn điên đầu. Nghĩ tới lúc nàng đi lấy chồng ông tìm đủ mọi cách, nhưng rồi không làm gì được. Điên cuồng vì ghen tột cùng, thà rằng giết nàng còn hơn để nàng về trong vòng tay anh chàng Lorimer. Có thể ông đã tính toán từ trước mọi chuyện, bởi lúc gieo hạt trong vườn, cây đàn sâm mọc xen lẫn với cây hoa lồng đèn. Lúc nào ra vườn ông muốn hái chả được, đưa cho nàng mang vào bếp. Nghĩ tới chuyện đó thấy khiếp quá, lại ta nên tha thứ bỏ qua chuyện đó. Mấy ông lớn tuổi lắm lúc nó khác đời, nhất là nghe nói tới mấy em trẻ đẹp. Thay vì cho dạo một bản nhạc lãng mạn... nhưng thôi đừng nhắc lại chuyện tai tiếng này”.

“Ô kìa, bà Banttry”, ngài Henry nói. “Thật vậy sao ?”.

Bà Banttry gật.

“Vâng, tôi biết nói gì hơn, ... không ngờ sự việc xảy ra lại là chuyện rủi ro. Thế rồi sau cái chết của ngài Ambrose tôi nhận được một cái thư, dặn dò đủ điều, ông kể lại đầu đuôi mọi việc; y như giữa tôi với ông chưa từng biết đến vụ này”.

Một thoáng im lặng trôi qua, bà cảm thấy chột dạ. Nghĩ sao bà vội vàng nói ngay:

“Chắc ngài sẽ cho tôi có tội vì tiết lộ chuyện riêng tư, nhưng không phải vậy. Tôi đã thay tên đổi họ các nhân vật trong câu chuyện. Tên ông ta không phải ngài Ambrose Bercy. Ngài

không thấy sao, Arthur trố mắt nhìn tôi lạ lùng khi nghe tôi nói tên ông ta. Ban đầu ông ta chưa hiểu. Tôi cho thay đổi hết mọi thứ. Có khác nào lời mở đầu tờ tạp chí và các tác phẩm: “Tất cả tên tuổi nhân vật trong truyện này là hoàn toàn hư cấu”, ngài sẽ không bao giờ nhận ra họ là ai”.

MỘT CUỘC DÀN CẢNH

"Tôi vừa nhớ ra một việc", Jane Helier nói. Một nụ cười rạng rỡ vừa thoáng hiện trên khuôn mặt xinh đẹp như đứa trẻ chờ được nghe lời khen. Nụ cười làm say mê lòng người đêm đêm ở nhà hát London, một mối lợi lớn cho các tay nhiếp ảnh.

"Chuyện tôi sắp kể ra đây..", nàng mở đầu một cách dè dặt, "nói về một người bạn".

Mọi người nghe tán thưởng xen lẫn những lời xì xào giả vờ. Đại tá Bantry, bà Bantry, ngài Henry Clithering, bác sĩ Lloyd, bà Marple; mọi người đều hiểu ngay "bạn" của Jane chính là nàng chớ không ai khác hơn. Nàng không còn nhớ ra hoặc muốn đụng chạm tới ai.

"Bạn tôi" (xin miễn nói tên ra đây), Jane kể, "là một diễn viên, một diễn viên khá nổi tiếng".

Không thấy ai ngạc nhiên, ngài Henry Clithering nghĩ trong đầu: "Còn bao nhiêu câu nữa nếu cô ta cứ quên chuyển lời xưng hô từ "Tôi" qua "Nàng ta" ??

"Bạn tôi làm một chuyến đi vòng quanh các tỉnh... cách nay một hai năm gì đó. Tôi nghĩ không nên nhắc lại đây nơi đến đâu. Nơi đó là một thị trấn bên bờ sông không xa London cho lắm. Tôi gọi nơi đó là...".

Nàng dừng lại, cau mày nghĩ ngợi. Nghĩ ra một cái tên dễ ợt, sao nàng phải nghĩ ngợi. Ngài Henry hiểu ý nói ngay.

"Ta tạm gọi nơi đó là xóm bờ sông được chứ?", ngài trịnh trọng nói.

"À, vâng, vậy thì hay biết mấy. Xóm bờ sông, tôi phải ghi nhớ. Vâng, nhưng bạn tôi hôm đó đi chơi cùng đám bạn, chợt đâu gặp chuyện lạ đời".

Nàng lại cau mày.

"Thật khó mà..", giọng nàng nghe buồn bã, "nói ra cho mọi người hiểu ý. Mới mở đầu câu chuyện đã thấy lộn xộn".

"Cô em kể nghe rõ ràng đấy chứ", bác sĩ Lloyd nói khích lệ. "Cứ tự nhiên".

"Vâng, một chuyện lạ đời. Bạn tôi được mời tới đồn cảnh sát. Cô ta đi ngay. Thì ra một vụ trộm vừa xảy ra trong căn nhà nghỉ mát bên bờ sông, bắt được một người, hân khai ra tầm bậy. Cảnh sát mời nàng đến để lấy lời khai".

"Xưa nay nàng chưa đến đồn cảnh sát lần nào, đến nơi nàng được tiếp đón tử tế, phải nói rất là tử tế".

"Phải vậy chứ", ngài Henry nói.

"Viên trung sĩ... tôi đoán là một trung sĩ... hay là một ông viên thanh tra gì đó kéo ghế mời nàng ngồi giải thích mọi chuyện, tôi hiểu ngay là do một sự hiểu lầm".

"A ha", ngài Henry nghĩ bụng, "tôi", thì ra là đây. Ta cũng nghĩ vậy".

"Bạn tôi kể lại", Jane kể tiếp nàng quên là đang tự dối mình. "Nàng phải đang tập thử vai mới tại một khách sạn, nàng chưa hề nghe nói tới cái tên một ông Faulkener nào đó. Rồi viên trung sĩ nói, "cô Hel...".

Nàng không kể nữa mặt mày đỏ ửng.

“Cô Helman”, ngài Henry vừa nháy mắt vừa nhắc.

“Vâng, vâng, cái tên đó. Cảm ơn ngài... Viên trung sĩ nói: “Này, cô Helman, đây là một sự nhầm lẫn, nhưng có một việc đã xảy ra trong khách sạn Bridge”, ông hỏi tôi có chịu ra đối chất hay không ? Tôi không nhớ nữa”.

“Không sao”, ngài Henry nói cho nàng yên tâm.

“Thế là phải gặp mặt anh chàng kia, tôi nói ngay: “Tôi không chịu đâu”. Cuối cùng họ dẫn anh chàng đó tới: “Đây là cô Helier”, và “Ồi.”. Jane bỏ lửng câu chuyện, mồm há hốc.

“Không sao đâu, cô gái”, bà Marple an ủi.

“Chúng tôi ngồi mà đoán, cô biết đấy. Cô không cho biết địa điểm đó là gì hay thêm một vài chi tiết tương tự”.

“Vâng”, Jane nói. “Tôi không có ý định kể lại chỉ vì câu chuyện liên quan tới một người khác. Nghĩ lại thật là khó, thật đấy chứ ! Thôi quên cho xong”.

Mọi người cùng nghĩ như nàng, nhưng khuyến khích nàng, nàng kể tiếp.

“Anh chàng có khuôn mặt đẹp trai... rất là điển trai. Diện mạo trẻ trung, tóc hung đỏ. Nhắc thấy tôi gã há mồm. Viên trung sĩ hỏi ngay. “Phải cô nàng này đây ?”, gã nói: “không, không phải rồi. Tôi thật là ngớ ngẩn”. Tôi cười nhìn lại nói “thôi chẳng sao đâu”.

“Tôi không thể tưởng tượng ra được lúc đó ra sao”, ngài Henry nói.

Jane Helier cau mày.

“Để coi... nên kể sao cho rõ”.

“Cô em chỉ kể cho có đầu đuôi là được”, bà Marple nói giọng dịu dàng, không có ý mỉa mai. “Vì sao anh chàng nhìn lầm, và chuyện tên trộm đột nhập vô nhà”.

“À, vâng” Jane nói. “Là như vậy, anh chàng đó... tên là Leslie Faulkener, vừa viết xong một vở kịch. Trước đây đã từng cho ra đời mấy vở, chưa có vở nào được chấm. Lần này anh ta đưa cho tôi xem một vở đặc sắc. Tôi không nhớ ra, bởi có cả trăm vở được gửi tới và không có thì giờ đọc cho biết... trừ mấy vở tôi thấy thích. Nhưng không hiểu sao anh chàng Faulkner nói nhận được thư tôi gửi, rõ ràng là không phải thư tôi viết, ngài hiểu ý tôi nói chứ ?”.

Nàng bỏ ngang câu chuyện, vẻ mặt ưu tư, được khích lệ nàng kể thêm.

“Trong thư cho biết tôi đã xem qua vở kịch, hài lòng, và đề nghị gã tới gặp tôi bàn qua xem sao. Trong thư ghi địa chỉ... nhà nghỉ mát, phố xóm bờ sông. Được lời như mở cờ trong bụng, gã tới đúng địa chỉ... nhà nghỉ mát. Tới nơi gặp bà giữ nhà ra mở cửa, gã hỏi thăm cô Helier, bà nói có cô Helier ở nhà mời ông vô trong phòng khách, gã gặp một người đàn bà. Gã nghĩ người đàn bà đó là tôi đây... tôi thấy buồn cười và kỳ lạ làm sao, bởi gã đã được xem tôi diễn, nhìn ảnh chụp tôi trước đây phổ biến khắp nơi, có phải không ?”.

“Cả nước Anh đều biết”, bà Bantry nói xen vô. “Nhưng thực tế thì ảnh chụp có khi khác với người thật, cô nên nhớ. Và càng khác xa hơn nữa dưới ánh đèn sân khấu và ngoài đời. Không phải người diễn viên nào cũng phải chịu thử thách như cô em đâu”.

“Vâng”, Jane cảm thấy yên tâm, “hình như là vậy. Nhưng theo lời gã mô tả cô nàng đó cao, nước da trắng, mắt xanh tròn xoe rất xinh đẹp. Gã không một chút hồ nghi. Nàng ngồi xuống nói về chuyện vở kịch, và nóng lòng muốn diễn thử. Trong khi đang trao đổi ý kiến người giúp việc mang món uống cocktail ra, Faulkener đỡ lấy một ly theo phép lịch sự. Vâng... gã còn nhớ tới đó... gã đã uống cạn ly cocktail. Lúc tỉnh dậy, sực nhớ nhìn lại, hay bà muốn nói sao cũng được... thấy nằm ngoài ngõ gần bên hàng rào, cũng may không có chiếc xe nào chạy ngang qua cán phải. Thấy trong người cháng váng, run lấy bầy... gã gắng đứng dậy, chân vừa bước đi lảo đảo không biết đi theo hướng nào. Gã nhớ lại lúc đó còn tỉnh, muốn quay về lại nhà

ngủ mát coi thử ra sao. Nhưng đầu óc gã mù cả rồi nên nhắm mắt bước tới dù không biết đi đâu. Đến lúc cảnh sát bắt, dẫn đi một hồi mới tỉnh lại”.

“Sao lại nói cảnh sát bắt dẫn đi?”. Bác sĩ Lloyd hỏi.

“Ờ, tôi chưa kể cho ông nghe à?” Jane trở mắt nhìn qua nói. “Tôi nghĩ vớ vẩn. Trong nhà có trộm”.

“Cô em vừa nhắc một vụ trộm... nhưng không nói là chỗ nào, vì sao, như thế nào?”, bà Bantry nói.

“Vâng, ngay trong nhà nhà nghỉ mát đó, nơi gã vừa tới; đúng rồi... không phải nhà tôi. Nhà đó của một người tên là ông gì đó”.

Jane lại cau mày.

“Cô em muốn ta giúp làm người đỡ đầu gỡ rối lần nữa không?”, ngài Henry hỏi, “đặt cho một bí danh khỏi tốn kém một xu. Kể lại mặt mũi chủ nhà ra sao ta rồi tôi sẽ gán cho ông ta một cái tên”.

“Nhà đó của một ông nhà giàu, một người quý tộc”.

“Ngài Herman Cohen”, ngài Henry gợi ý.

“Nghe hay đấy. Ông mua ngôi nhà này cho một cô... là vợ một diễn viên, cô ta cũng là một nữ diễn viên”.

“Vậy thì đặt tên ông ta cho anh chàng diễn viên là Claud Leason”, ngài Henry nói. “Còn cô ta, để coi ta đặt tên là... cô Mary Kerr”.

“Ngài thật là tài tình”, Jane nói. “Ngài đặt tên sao nghe dễ như chơi. Vâng, ngài biết là, nơi đây là chỗ nghỉ mát cuối tuần của Herman... ngài vừa đặt cho cái tên là Herman đúng chứ?... với người yêu... Lẽ dĩ nhiên bà vợ ông ta không hay biết”.

“Chuyện đời nó vậy đó”, ngài Henry nói.

“Ông đã tặng cho nàng diễn viên một số nữ trang với mấy viên ngọc bích tuyệt đẹp”.

“À!”, bác sĩ Lloyd lên tiếng. “Giờ ta đã hiểu ra”.

“Món nữ trang để tại nhà nhà nghỉ mát, cất trong hộp có khóa. Theo lời thuật lại của cảnh sát món nữ trang bỏ đó không ai giữ gìn... người ngoài có thể dễ dàng được”.

“Này, bà Dolly thấy chưa?”, Đại tá Bantry nói. “Bà nhớ lúc nào tôi cũng dặn nên cẩn thận”.

“Vâng, theo tôi thì...”, bà Bantry nói, “chỉ có mấy người cẩn thận quá đổi nên bị mất của. Đồ nữ trang tôi không cất trong hộp đâu... tôi giấu dưới dây kéo chiếc vớ đùi. Tôi dám nói nếu... tên cô nàng là gì nhỉ... Mary Kerr làm theo như tôi, thì đâu bị mất của”.

“Vẫn mất”, Jane nói. “Bọn trộm nó lên vô nhà lục tung hết, không sót một món”.

“Vậy thì bọn trộm không nhắm lấy đồ nữ trang”. Bà Bantry nói. “Bọn chúng lục tìm tài liệu mật, y như là trong truyện trinh thám”.

“Tài liệu mật thì tôi không biết”, Jane chưa tin là có thật. “Tôi chưa hề nghe nói”. “Chớ nên lơ là, cô Helier”, Đại tá Bantry nói. “Dolly muốn cảnh giác chúng ta đấy”.

“Về vụ trộm...”, ngài Henry nói.

“Vâng, thì ra cảnh sát nghe báo động từ một người tự xưng là cô Mary Kerr. Nàng khai nhà nghỉ mát bị trộm, kẻ trộm là một gã thanh niên tóc hoe đỏ vừa đến đây lúc sáng. Người giúp việc thấy khả nghi không cho vô nhà, một lát sau thấy gã trở ra qua lối cửa sổ. Bà kể lại

hình dạng chính xác và một giờ sau cảnh sát tóm được, gã khai ra hết mọi chuyện. Gã trình ra lá thư tôi gởi. Như tôi đã kể lại cảnh sát truy lùng tôi, khi gặp lại gã khai ra ngay như lời tôi vừa kể... thì ra không phải là tôi ?

“Một câu chuyện lạ lùng”, bác sĩ Lloyd nói. “ông Faulkener biết mặt cô Kerr chứ?”.

“Không, gã không biết... gã nói là không biết. Nhưng còn một điểm lạ nữa tôi chưa kể ra. Cảnh sát tới khám xét nhà nghỉ mát, nơi đây mất các thứ như đã kể... ngăn kéo tháo ra, hộp nữ trang lấy mất, nhìn vô bên trong nhà trống rỗng. Mấy tiếng đồng hồ sau Mary Kerr về tới nhà, nàng khai không phải nàng gọi cảnh sát, về đây nàng mới hay mọi chuyện. Hình như nàng vừa nhận được một bức điện sáng hôm đó, ông quản lý dành cho nàng một vai đề nghị nàng đến gặp ông, hay tin nàng vội vã đi cho kịp. Đến nơi nàng mới hay có kẻ muốn chơi nàng một ván. Không có điện tín nào hết”.

“Một trò chơi nhằm đánh lạc hướng thế thôi”, ngài Henry nói. “Mấy người giúp việc thì sao?”.

“Cũng cái trò cũ lại bày ra đây, chỉ còn một người giúp việc vừa nghe tiếng chuông điện thoại... Mary Kerr gọi về nhấn bỏ quên một món đồ ở nhà. Nàng dặn người giúp việc lấy cái túi xách cất trong ngăn kéo bàn trong buồng ngủ đêm tới nơi gặp nàng. Nàng phải ngồi lại chờ đón chuyến tàu chạy sớm. Người giúp việc bỏ đi ngay không quên khóa cửa trước lại; tới câu lạc bộ theo đúng lời dặn của cô Kerr, chờ mãi không thấy đâu”.

“Hừm”, ngài Henry lên tiếng. “Tôi hiểu ra rồi. Nhà bỏ trống, muốn đột nhập vô qua lối cửa sổ phải khó khăn lắm mới được, không hiểu Faulkener vô được bên trong theo lối nào. Ai gọi cho cảnh sát, nếu không phải là cô Kerr”.

“Vậy là không ai hay biết gì hết, không ai nghĩ ra”.

“Chuyện lạ”, ngài Henry nói, “có phải đó là anh chàng tự xưng tên tuổi mình ra”.

“À, vâng, phần này thì yên chí. Gã còn có một cái thư tưởng đâu là do chính tay tôi viết. Nhìn nét chữ không giống chút nào, nhưng mà gã không biết chuyện đó”.

“Nào ta phải xét lại cho rõ ràng”, ngài Henry nói. “Nếu có sai sót nhắc giùm tôi. Hai đàn bà bị lừa ra khỏi nhà. Anh chàng kia thì bị lừa tới đây do một cái thư giả mạo... làm cho gã tin tuần này cô em đang thử vai tại địa điểm trên phố bờ sông. Anh chàng có sử dụng ma túy, cảnh sát nghe báo liền theo dõi. Một vụ trộm được phát hiện. Tôi đoán là mấy món nữ trang đó bị đánh cắp”.

“À, vâng”.

“Có thể thu hồi lại được chứ?”.

“Không, làm gì được. Thiệt tình mà nói, ngài Herman cố tình che giấu mọi chuyện mà ông ta đã biết. Nhưng ông không thể làm vậy được lâu đâu, tôi đoán là bà vợ ông ta đang lo thủ tục ly dị. Chuyện ra sao thì chưa rõ”.

“Anh chàng Leslie Faulkner ra sao”.

“Cuối cùng được gã được tha. Cảnh sát chưa tìm thấy đủ bằng chứng. Câu chuyện nghe thật lạ lùng làm sao, phải không?”.

“Lạ lắm. Ta nên tin ai đây ? Nói tới đây, cô Helier, tôi biết cô muốn tin vô câu chuyện của Faulkener hơn. Cô cho biết lý do nào dám tin vô một câu chuyện ngoài sức tưởng tượng đến như vậy”.

“Không, không”, Jane nói chống chế. “Không dám đâu. Anh chàng rất dễ thương, rất là biết điều, nếu có lỗi thì chỉ vì đã lỡ nhìn nhầm một người khác ra tôi, cho nên tôi nghĩ là gã đã thú thật ra hết”.

“Tôi hiểu” ngài Henry cười nói. “Nhưng cô phải thừa nhận một điều anh chàng bịa chuyện tài tình thật. Gã viết một bức thư giả như là do cô gởi. Sau khi đột nhập vô nhà lấy trộm món nữ trang, gã giả vờ say ma túy. Thú thật tôi chưa nhận ra đâu là điểm cốt lõi của vấn đề nêu lên. Đột nhập vô nhà một cách dễ dàng, tự giải quyết mọi việc rồi chuồn ra êm ru... nếu không bị lộ tung tích do một người hàng xóm theo dõi, bởi gã thừa hiểu là mình bị theo dõi. Gã vội vã bịa ra vụ này để đánh lạc hướng theo dõi, tự đặt mình vô vị trí người hàng xóm”.

“Trông anh chàng khá giả lắm không?”, bà Marple hỏi.

“Không dám đâu”, Jane nói, “không, anh chàng đang khó khăn”.

“Nghe hết chuyện từ đầu chí cuối nó lạ lắm”, bác sĩ Lloyd nói. “Nếu ta thừa nhận chuyện gã bịa ra là có thật thì hóa ra càng rắc rối hơn. Vì sao người đàn bà xa lạ mạo danh cô Hel muốn lôi kéo anh chàng vô cuộc? Tại sao cô ta muốn dựng lên một màn kịch ly kỳ như thế này?”.

“Jane, nói cho tôi biết”, bà Bantury nói, “đã có lúc nào anh chàng Faulkner gặp mặt cô Mary Kerr đó?”.

“Tôi không rõ”, Jane thông thả nói, “nàng cau mày cô” nhớ cho ra.

“Nếu không có cuộc gặp gỡ trước đó thì coi như câu chuyện kết thúc!”, bà Bantury nói. “Tôi dám chắc điều đó. Có gì là khó đâu chuyện có người nhấc cô ta đi ra phố? Từ Paddington cô ta gọi máy về, hay có thể từ một nhà ga nào đó dặn người giúp việc ra đó gặp, từ đây cô ta quay trở về lại. Đúng hẹn anh chàng kia tới nhà giả vờ say ma túy, cô em dựng chuyện nhà có trộm, phóng đại ra cho thêm phần ly kỳ. Cô ta gọi báo cho cảnh sát, mô tả hình dạng kẻ đứng ra chịu tội, rồi lại bỏ đi ra phố. Tới nơi đón chuyển tàu chót về nhà giả vờ như người không hay biết chuyện gì”.

“Này Dolly, vì sao cô nàng muốn đánh cắp món nữ trang của mình”.

“Chuyện đó bình thường”, bà Bantury nói. “Vả lại, tôi có thể nghĩ ra hàng trăm lý do khác. Nàng đang cần tiền... lão Herman không cho nàng giữ tiền mặt, nàng bịa chuyện mất của, lén đem đi bán lấy tiền xài. Hay biết đâu là nàng bị một tên hăm dọa đòi tông tiền nếu không gã đi báo cho chồng nàng, hoặc là cho bà vợ lão Herman biết. Hoặc là nàng đem bán từ hồi nào, đến khi Herman hay được đòi lấy ra cho coi, lão nổi giận bùng bùng, nàng mới nghĩ mưu mẹo đánh lừa. Mấy việc đó trong truyện trinh thám thiếu gì. Hay là thế này nàng tráo vô đó một món đồ giả làm rập theo đúng mẫu hàng. Còn cái này, táo bạo hơn, trong tiểu thuyết chưa nói tới... nàng phao cho ăn trộm lấy, rồi đem trả lại y nguyên chỗ cũ lão thưởng cho một món tiền hậu hĩ. Vậy là nàng ăn được cả hai bên. Mấy người đó theo tôi là hạng người xảo quyết hết cỡ”.

“Bà thật là tài tình, Dolly”, Jane khâm phục nói. “Tôi chưa nghĩ ra điều đó”.

“Cô em cũng xứng đáng được ca ngợi, tuy là cô nàng kia không thừa nhận. Hẳn biết cách thảo điện tín, để đánh lừa cô nàng, và nhờ một bà giúp đỡ để thi hành kế hoạch trọn vẹn. Không có ai muốn thắc mắc vì sao gã viện có vắng mặt”.

“Bà nghĩ sao, bà Marple?”, Jane hỏi, quay qua nhìn bà già này giờ ngồi lặng thinh. Bà cau mày lóng ngóng.

“Này cô, thiệt tình tôi biết nói gì đây. Ngài Henry sẽ cười cho bởi lần này không ai tới giúp tôi đâu. Có nhiều vấn đề tự phát sinh. Cụ thể như là vấn đề người giúp việc. Trong hoàn cảnh một gia đình lộn xộn như vậy, bọn tôi tớ phải biết rõ mọi chuyện trong nhà và một người con gái đang hoàng không thể thiếu vô chỗ người giúp việc... mẹ nàng không cho. Tôi nghĩ ngay là người giúp việc. Không được bà chủ tin cậy. Bà thông đồng với bọn trộm. Bà bỏ nhà đó ra đi lên London, dù đã biết rõ cú điện thoại giả danh gọi tới nhằm đánh hướng mọi người. Tôi cho đây một lối thoát hợp lý cho vấn đề. Nếu là bọn trộm tay ngang thì không đáng nói. Trong vụ này phải nói là có sự tham gia của người giúp việc”.

Bà Marple dừng lại mơ màng kể lể:

“Tôi thì cho là... vâng, tôi muốn nói trong vụ này có một người xen vô. Giả sử có một người vì tư thù chẳng hạn ? Anh chàng đối xử tệ với một nữ diễn viên ? Cô em thấy vậy đã ổn chưa ? Một cách để lôi kéo anh chàng kia vô cuộc. Vấn đề chỉ có bấy nhiêu. Như vậy, cũng chưa đầy đủ...”.

“Sao, thưa bác sĩ, không nghe ông nói gì hết”, Jane lên tiếng. “Tôi quên ông rồi”.

“Tôi luôn luôn bị bỏ quên”, bác sĩ buồn bã nói. “Một người đứng bên lề”.

“À, không !”, Jane nói. “Sao ông nói vậy”.

“Tôi luôn tán thành mọi ý kiến... nhưng cho tới lúc này chưa thấy một ý kiến nào nghe được. Có thể tôi nhầm lẫn chẳng, khi cho là bà vợ ông ta nhúng tay vô vụ này. Bà vợ lão Herman đó. Bởi chưa có đủ chứng cứ đưa ra, cô em sẽ ngạc nhiên nếu được nghe nhắc lại một việc khó tin... rất cực kì khó tin, một bà vợ có ý đồ xấu”.

“Chà ! Bác sĩ Lloyd”, bà Marple kêu lên thích thú. “Ngài thật là tài tình. Tôi chưa bao giờ nghĩ ra đó là bà Pebmarsh đáng thương kia”.

Jane nhìn sâu vô mắt bà.

“Bà Pebmarsh nào ?”.

“Ờ” bà Marple còn lưỡng lự. “Không hiểu sao tôi lại nhớ đến bà trong vụ này. Bà là thợ giặt ủi. Bà lấy chiếc kim cài trên áo bờ lu bằng đá mắt mèo đem qua nhà khác cất”.

Jane càng rối hơn lúc nãy.

“Vậy là quá rõ ràng rồi còn gì, phải không bà Marple ?”. Ngài Henry nheo mắt nói.

Nhưng lạ thay nghe nói thế bà Marple lắc đầu.

“Không, không đâu. Nghe qua tôi đang còn lúng túng chưa biết nói sao. Tôi muốn nói là... gặp khi hữu sự nên đoàn kết với nhau hơn. Đó là ý tôi rút ra sau câu chuyện cô Helier vừa kể”.

“Thiệt tình mà nói những cái ngụ ý về đạo lý làm người trong câu chuyện tôi chột quên mất”, ngài Henry trịnh trọng nói. “Thế nào rồi tôi sẽ xét lại quan điểm đó, chờ đến khi cô Helier cho biết hướng giải quyết ra sao”.

“Ô kìa”, Jane bối rối nói.

“Tôi nhận thấy nên nói như hồi còn nhỏ, “bỏ cuộc”, chỉ có mỗi mình cô Helier được vinh dự đưa ra một câu chuyện rồi mù đến nỗi bà Marple phải chào thua”.

“Vậy là bỏ cuộc hết sao ?”, Jane hỏi.

“Vâng”. Không nghe ai lên tiếng, chờ mãi không thấy, ngài Henry sắm vai người phát ngôn một lần nữa. “Tức là nên giữ nguyên hay bỏ tất cả các giải pháp vừa nói sơ qua như một bước thử nghiệm. Phía các ông mỗi người cho một, bà Marple được hai, còn chẳng một chục là của bà B.”.

“Đâu tới một chục”, bà Bantary nói “Cùng một đề tài nhìn ở nhiều góc độ khác nhau. Có phải tôi đã nhắc ông nhiều lần đừng gọi tôi là bà B.”.

“Vậy là tất cả bỏ cuộc”. Jane ngẫm nghĩ nói. “Khá lắm”.

Nàng ngả người ra sau ghế, nhìn xuống mấy ngón tay sơn bóng một cách vô tư.

“Chà”, bà Bantary nói. “Này, Jane. Kết cuộc ra sao ?”.

“Kết cuộc ?”.

“Ờ. Sự thật ra làm sao ?”.

Jane nhìn sâu vô mắt bà.

“Tôi chả biết nó ra làm sao”.

“Sao ?”.

“Đó là điều tôi nghĩ mãi trong đầu. Bởi quý vị đủ tài sức và bất kỳ ai cũng có thể nêu lên cho tôi biết”.

Mọi người cảm thấy khó chịu. Nhìn thấy Jane đẹp thật... nhưng ngay lúc này ai cũng phải nghĩ... cách nói ngu xuẩn đó chắc còn lâu dài. Ngay cả người có tâm hồn cao siêu cũng không muốn bỏ qua.

“VẬY là còn lâu mới tìm ra đâu là sự thật”. Ngài Henry nói.

“Không, cho nên như tôi đã nói lẽ ra quý vị nên kể cho tôi nghe”.

Jane cảm thấy tự ái, nàng tỏ ra bất bình.

“Vâng... tôi cảm thấy... cảm thấy...”, Đại tá Bantry muốn nói ra nhưng ghen lời.

“Cô có tính hay hờn, Jane”. Bà vợ ông nói. “Dù sao tôi vẫn cho là tôi luôn luôn nghĩ đúng. Nếu cô kể ra hết tên các nhân vật, tôi càng tin hơn”.

“Tôi không thể làm thế”, Jane chậm rãi nói.

“Không nên”, bà Marple nói, “Helier làm sao dám nói ra”.

“Được chứ có sao đâu”, bà Bantry nói, “thảo nào cô em có vẻ bí mật. Bọn tôi già rồi ít phải chịu tai tiếng. Dù sao cô em có thể cho biết ai là nhân vật quan trọng trong vụ này”.

Jane có lắc đầu, bà Marple giữ vững quan điểm nghiêng về phía Jane.

“Một câu chuyện đáng thương”, bà nói.

“Không”, Jane thiệt tình nói, “Tôi thấy là... tôi thấy thích là đằng khác”.

“Vâng, có lẽ vậy”, bà Marple nói. “Chẳng qua là một cách để chuyển đổi đề tài. Cô em đang thử đóng kịch gì đấy ?”.

“Smith”.

“À, ra thế. Có phải là kịch của nhà văn Somerest Maugham. Ông viết nhiều vở hay lắm. Tôi đã được xem qua khá nhiều vở”.

“Cô em muốn diễn lại vở này nhân dịp đi lưu diễn mùa thu sắp tới phải không ?”, bà Bantry hỏi.

Jane gật.

“Thôi”, bà Marple đứng lên. “Tôi xin kiếu về trước ! Trễ mất rồi ! Dù sao cũng đã được tham dự một buổi gặp mặt thật thú vị. Không ngờ sôi nổi đến vậy. Tôi nghĩ câu chuyện của cô Helier đáng được tán thưởng, quý vị đồng ý chứ ?”.

“Rất tiếc đã làm cho bà phật ý”, Jane nói. “Không được nghe cho hết phần cuối. Lẽ ra tôi phải kể ra trước cho kịp”.

Nàng có vẻ như hối tiếc. Bác sĩ Lloyd nhã nhặn đứng dậy nói.

“Này cô, sao phải vội ? Cô nêu lên một vấn đề tế nhị làm cho chúng tôi sáng trí ra. Chỉ đáng tiếc là chúng ta không giải quyết được vấn đề”.

“Đó là ông nói về ông”, bà Bantry nói. “Tôi đã tìm ra được câu giải đáp. Bảo đảm là chính

xác”.

"Bà hiểu, tôi tin bà đã hiểu", Jane nói. "Nghe bà nói có lý".

"Trong bảy câu giải đáp cô em chọn câu nào ?", ngài Henry hỏi trêu nàng.

Bác sĩ Lloyd xông xáo giúp bà Marple xỏ đôi ủng vô chân "chỉ nhớ lúc cần", bà già nói cho ông biết. Ông bác sĩ đưa bà ra về. Quấn thêm mấy lớp khăn cho đỡ lạnh, bà Marple chúc mọi người ngủ ngon. Bà bước tới chỗ cô Helier sau cùng, nghiêng người nói như vô tai nữ diễn viên. Bất chợt Jane kêu lên một tiếng: "Ồi !" ... khiến mọi người kinh ngạc, quay lại nhìn.

Vừa gật đầu vừa cười, bà Marple bước ra ngoài, Jane Helier trở mắt nhìn theo.

"Cô em buồn ngủ chưa, Jane ?", bà Banttry hỏi.

"Cô em sao vậy ? Hai mắt nhìn chăm chăm như là thấy ma vậy ?".

Thở ra một hơi Jane tỉnh lại, nhìn nụ cười xinh không giấu được mỗi cảm xúc thoáng hiện trên môi, nàng đứng dậy bước theo bà chủ nhà đi lên lầu. Bà Banttry đưa nàng lên tận nơi.

"Lò sưởi gần muốn tắt rồi", bà Banttry vừa nói, bà thò tay khều than không thấy gì. "Chả làm được gì, bọn giúp việc nhà tệ thật".

"Tưởng đâu tôi nay mình thức khuya. Sao, nhìn đồng hồ hơn một giờ sáng !".

"Bà thấy trên đời này có ai như bà ấy không ?", Jane Helier hỏi.

Nàng ngồi xuống bên mép giường mặt mày dăm chiêu.

"Có phải bà giúp việc ?".

"Không phải. Nhưng bà già đáng buồn cười kia... tên gì nhỉ... có phải là Marple ?".

"À, tôi không rõ. Chắc là bà ta ở đâu trong làng này".

"Trời ơi", Jane nói. "Tôi biết tính sao đây ?"

Nàng thở ra một hơi.

"Cô sao vậy ?".

"Tôi đang lo".

"Lo gì ?".

"Dolly", Jane Helier như có linh tính nói ra: "Bà biết lúc ra về bà già kỳ cục kia nói với tôi gì không ?".

"Không, nói sao ?".

Bà nói: "Nghe này, nếu là em tôi không chịu vậy đâu.

Đừng lệ thuộc vô một bà nào hết cho dù bà ta là bạn thân nhất của em". Bà biết không Dolly, bà ta nói vậy mà đúng".

"Một câu dạy đời chẳng ? Ờ, có thể là vậy. Nhưng thực tế nó khác".

"Tôi đoán là bà không tin vào đàn bà. Còn tôi phải lệ thuộc vô cô ấy, không ngờ tôi phải chịu vậy".

"Người đàn bà em vừa nhắc đó là ai ?".

"Netta Green, người đóng thế vai".

"Bà Marple làm gì biết được người đóng thay là ai ?".

“Giả sử bà đoán chừng thôi... nhưng tôi không hiểu sao”.

“Jane, cô nói thật đi cô muốn kể cho tôi nghe chuyện gì đây?”.

“Một câu chuyện. Chuyện tôi vừa kể ban nãy. Dolly, người đàn bà đó chính là người cuốn mất Claud từ tay tôi”.

Bà Bantry gật, cố nhớ lại mối tình đầu dang dở của Jane, chính là anh chàng diễn viên Claud Averbury.

“Gã cưới cô ta; lẽ ra tôi phải nói cho gã biết về sau này sẽ ra sao. Claud không biết chuyện đó, cô nàng vẫn lui tới với lão Joseph Salmon... thường đến nghỉ cuối tuần tại ngôi nhà nghỉ mát như tôi đã kể lại. Tôi muốn cô ta tự khai ra... tôi muốn cho mọi người thấy cô ta là hạng người ra sao. Bà đã rõ chưa, sau cái vụ trộm đó, mọi chuyện đã lộ rõ nguyên hình”.

“Jane!”, bà Bantry há hốc mồm. “Có phải cô đã dựng lên câu chuyện này”.

Jane gật:

“Cho nên tôi chọn vở Smith. Tôi mặc sẵn trong người bộ đồ người hầu phòng, cần là có ngay. Đến khi nghe gọi tới bốt cảnh sát tôi chỉ việc nói đang diễn tuồng với người đóng vai thế tại khách sạn. Thật ra lúc đó bọn tôi đang có mặt tại nhà nghỉ mát. Tôi chỉ việc mở cửa buồng khay cocktail vô, Netta giả vờ đóng vai tôi. Sau cùng gã không còn gặp lại cô ta nữa đâu và không lo chuyện gã nhớ mặt cô ta. Tôi phải hoàn toàn lột xác giả như người hầu phòng, hơn nữa, chả có ai ra vô dòm ngó tới mấy người hầu hạ phục vụ, vì họ cũng là người bình thường. Bọn tôi chực lừa gã ra ngoài, lấy theo hộp nữ trang, gọi báo đồn cảnh sát rồi quay về lại khách sạn. Tôi không muốn cho anh chàng kia phải chịu thiệt thòi nhưng ngài Henry không nghĩ như vậy, phải không? Lúc đó tên tuổi nàng được đăng trên báo... và Claud sẽ nhìn thấy cô nàng mặt mũi ra sao”.

Bà Bantry ngồi xuống cầu nhàu.

“Ôi! Đầu óc tôi muốn điên lên. Vậy là từ trước nay - Jane Helier, cô em dám lừa cả bọn tôi. Rồi đem mấy chuyện đó ra kể lại!”.

“Tôi là một diễn viên có hạng”, Jane kiêu hãnh đáp. “Tôi trước sau vẫn vậy, dù ai có muốn nói gì cũng chẳng sao. Tôi chưa lần nào tự đánh lừa mình, có phải không?”.

“Bà Marple nói nghe có lý”, bà Bantry lăm lăm trong miệng, “Tính cách con người. À, vâng, tính cách con người. Này Jane, cô bạn thân yêu, cô em có nghĩ là bọn trộm là chuyện nhỏ, còn cô em đây có thể bị vô tù không?”.

“Vâng, nhưng chẳng có ai đoán ra được”, Jane nói.

Trừ bà Marple, nàng lại đâm chiêu nghĩ ngợi. “Dolly, thiệt tình bà có nghĩ trên đời này còn nhiều người như bà ta không?”.

“Phải nói là không”, bà Bantry nói.

Jane lại thở ra.

“Dù sao cũng chớ nên liều lĩnh. Nhưng tôi còn chịu lệ thuộc Netta... sự thật như vậy. Cô ta muốn trở mặt phản lại tôi hoặc đòi tiền hay các thứ khác. Cô ta giúp tôi nhớ ra từng chi tiết, hết lòng vì tôi, nhưng có mấy ai hiểu được đàn bà. Không, tôi biết bà Marple nghĩ có lý. Tôi chớ nên chơi trò liều lĩnh”.

“Nhưng mà cô em đã trót liều rồi đấy”.

“Chao ôi, không phải đâu”, Jane trợn trừng đôi mắt xanh. “Bà chưa biết gì sao? Mấy chuyện đó chưa hề xảy ra! Tôi đang làm một cuộc thử nghiệm với kẻ vô danh, nói đại khái là vậy”.

“Tôi không dám nói hiểu được từ ngữ trong giới kịch trường”. Bà Bantry thiết tình nói, “cô em có ý định giới thiệu một vở kịch sắp ra mắt tới đây... chứ không phải chuyện đã xảy ra”.

“Tôi định cho diễn vào mùa thu tới đây... tức là nhằm tháng chín. Giờ chưa biết phải làm gì đây”.

“Còn Jane Marple đoán chừng... đã đoán ra được sự thực nhưng không muốn nói cho bọn tôi biết”, bà Bantry tức giận nói.

“Vì vậy nên bà ta mới nói là... phụ nữ nên đoàn kết với nhau. Bà ta không muốn tôi bẽ mặt trước mặt bọn đàn ông. Thế cũng hay. Tôi không thắc mắc chuyện bà đang nghĩ trong đầu, Dolly”.

“Vậy thì, bỏ qua chuyện đó đi, Jane. Tôi van xin cô”.

“Tôi cũng muốn bỏ”, cô Helier nói lầm bầm. “Biết đâu sẽ còn một bà Marple khác nữa...”.

13

MỘT VỤ CHẾT ĐUỐI

Ngài Henry Clithering, cựu cảnh sát trưởng Scotland Yard đang ở lại nhà Bantry, một nơi gần ngôi làng St Mary Mead.

Sáng thứ bảy, đang lúc sáng khoái nhất đi trở xuống phòng ăn sáng vào mười giờ mười lăm, suýt nữa ông va phải vô người bà Bantry trước cửa phòng ăn. Bà loay hoay từ trong chạy vụt ra, mặt mày hốt hơ hốt hải.

Đại tá Bantry đã ngồi vô bàn. “Chào ông bạn, khỏe chứ. Xin cứ tự nhiên”.

Ngài Henry kéo ghế ngồi. Vừa ngồi xuống, món ăn sáng đã dọn sẵn ra bàn, chủ nhà mở lời.

“Sáng nay Dolly trong người bồn chồn nóng nảy”.

“Vâng, tôi cũng thấy vậy”. Ngài Henry nhỏ nhẹ nói.

Ngài nghĩ trong đầu. “Bà ấy xưa nay tính điềm đạm, có bao giờ tất bật như bữa nay. Ngài Henry quen nhìn bà quanh năm tất bật với việc làm vườn.

“Vâng”, đại tá Bantry nói. “Chỉ có sáng sớm nay là lằng xằng thế đó. Chuyện con bé trong làng... con gái bà Emmot... bà Emmot là người trông coi nhà Blue Boar”.

“À, ra thế”.

“Vâng”, Đại tá Bantry trầm ngâm: “Con bé mặt mũi xinh ghê. Nó vừa gặp chuyện lôi thôi. Chuyện thường ngày ở làng. Vì nó mà tôi với bà Dolly vừa cãi nhau một trận muốn điên cái đầu. Đàn bà có mấy ai thấy xa trông rộng. Dolly tức giận vì con bé... ông biết đàn bà mà... đàn ông thì thô bạo... thật là phức tạp. Nói vậy mà không phải vậy... thời xưa không như thời nay. Bọn con gái nó biết thân nó. Mấy thằng lằng nhằng đầu phải tên nào cũng đều cằng. Nửa này nửa nọ. Tôi thích anh chàng Stanford. Hắn mới lớn lên và không phải là một thằng sở Khanh đâu”.

“Thì ra anh chàng Stanford gây ra chuyện lôi thôi cho con bé?”.

“Hắn chứ ai. Tôi không rành mấy chuyện đó”, ông Đại tá dè dặt nói. “Nghe đồn vậy thôi. Ông biết chuyện đó chứ! Ông thấy chưa, tôi chả biết gì hết. Tôi không phải như Dolly... tính bà bộp chộp, cứ nghĩ người ta có tội. Mặc xác, phải biết giữ mồm giữ miệng. Ông thấy không...”

phải điều tra cho rõ đầu đuôi”.

“Điều tra?”.

Đại tá Bantry trở mắt nhìn.

“Vâng. Tôi kể cho ông nghe chưa? Con bé nhảy xuống sông tự vẫn. Chuyện đồn ầm cả lên, chả ra gì”.

“Khiếp thật”, ngài Henry nói.

“Khiếp chứ. Tôi chúa ghét mấy chuyện đó. Tội nghiệp con bé. Cha nó xưa nay tính khắt khe, coi bộ con bé chịu không nổi”.

Ông bỏ ngang câu chuyện.

“Bà Dolly cũng thấy bức mình theo”.

“Chỗ nó tự vẫn là ở đâu?”.

“Ngoài bờ sông. Chỗ này nước chảy xiết. Ra tới đó thấy con đường mòn có chiếc cầu bắc qua. Ai cũng tưởng nó nhảy xuống chỗ đó. Thôi, thôi đừng nghĩ tới làm gì”.

Nghe tiếng sột soạt. Đại tá Bantry giở báo ra coi, muốn quên câu chuyện buồn thảm để theo dõi tin tức trong nước.

Ngài Henry thích để tai nghe chuyện xảy ra trong làng. Sau bữa ăn sáng ông nằm một mình trên chiếc ghế bành ngoài bãi cỏ, kéo sập chiếc mũ xuống che mắt, ngẫm nghĩ việc đời.

Khoảng mười một giờ rưỡi người hầu phòng bước qua sân cỏ, tới gần chỗ ông.

“Thưa ngài, có bà Marple cần gặp ngài”.

“Bà Marple à?”.

Ngài Henry ngồi dậy, đưa tay sửa chiếc mũ ngay ngắn. Nghe nhắc tên ông giật mình. Ông còn nhớ bà Marple... cung cách trầm lặng của một bà già chưa chồng, đầu óc mình mẫn lạ lùng, ông nhớ lại còn tới cả chục vụ án chưa tìm thấy lời giải... không hiểu làm sao “bà già quê” cứ qua mỗi vụ lại tìm ra lời giải một cách chính xác mới hay chứ. Ngài Henry khâm phục bà sát đất. Ông đang phân vân ngọn gió nào đưa bà tới đây.

Bà Marple ngồi chờ trong phòng khách, vẫn tư thế ngồi thẳng lưng, chiếc giỏ đựng mấy món hàng lạ mắt xếp bên cạnh chỗ ngồi. Hai bên má phơn phớt hồng, gương mặt có vẻ bối rối.

“Thưa ngài Henry... rất hân hạnh. Thật may mắn được gặp ngài, nghe nói ngài mới về đây nghỉ ngơi. Mong ngài bỏ lỗi cho”.

“Thiệt ra tôi rất vui mừng mới phải”, ngài Henry nói, chìa tay ra bắt. “Giờ này bà Bantry đâu đã về”.

“Vâng”, bà Marple nói. “Lúc đi ngang qua nhìn thấy bà ấy đang nói chuyện với ông hàng thịt Footit. Hôm qua con chó Henry Footit bị xe cán... ông ấy mới mua về nuôi, đặt tên cho nó. Giống chó fox, nó lớn xác sữa vang, mấy ông hàng thịt thích lắm”.

“Ờ nó đấy”, ngài Henry nói.

“Cũng may bà ấy đi vắng”, bà Marple nói. “Tôi đến đây mục đích gặp ông, do chuyện đau thương vừa nói đến”.

“Chuyện Henry Footit”, nghe nói ngài Henry đâm hoảng hỏi lại.

Bà Marple nhìn ông muốn tránh.

“Không, không phải. Tôi muốn nói Rose Emmott, ngài nghe rõ chứ?”.

Ngài Henry gật.

“Bà Bantry có cho tôi hay. Khổ thật”.

Nghe nói ngài ngạc nhiên. Không hiểu sao bà Marple muốn gặp ngài hỏi chuyện Rose Emmott.

Bà Marple lại ngồi xuống. Ngài Henry làm theo. Vừa mở lời nhưng thoáng nhìn nét mặt bà thấy khác hơn ban nãy, trang trọng, nghiêm chỉnh.

“Chắc ngài còn nhớ, Henry, tôi với ngài cùng tham dự nhiều vai rất là vui nhộn. Tưởng tượng ra chuyện ly kỳ rồi kết thúc nhẹ nhàng. Ngài còn khen tôi sắm vai không đến nỗi tệ”.

“Bà làm cho bọn tôi chơi với một phen”, ngài Henry nói giọng thành thật. “Bà có biệt tài tìm ra đâu là sự thật. Bà còn nêu lên mấy vụ điển hình ở làng bên, cung cấp thêm manh mối”.

Ngài vừa cười vừa nói, bà Marple không cười. Bà giữ vẻ mặt lạnh như pho tượng.

“Nghe ngài đang ở đây tôi phải tìm tới đây. Nhưng tôi sợ nói ra e rằng ngài sẽ cười cho”.

Qua việc này ngài thấy bà thành khẩn.

“Ô không tôi không dám cười đâu”, ngài nhỏ nhẹ nói.

“Thưa ngài Henry... con bé này... Rose Emmott. Không phải nó nhảy sông tự vẫn... người ta giết nó... Tôi còn biết ai là thủ phạm”.

Ngài Henry nghe qua sững sờ một lúc. Vẫn giọng nói bình thản, bà Marple không có vẻ gì xúc động. Bà muốn trình bày một việc bình thường trên đời này với tất cả tấm lòng.

“Đây là một việc hệ trọng, bà Marple”, ngài Henry lấy lại bình tĩnh nói.

Bà khẽ gật đầu lia lịa.

“Tôi hiểu... tôi hiểu... cho nên tôi mới tới đây”.

“Nhưng coi kìa, bà đừng trông mong vô tôi. Đạo này tôi chỉ là một phó thường dân. Nếu bà muốn nêu vấn đề chuyên môn thì ta nên tới đồn cảnh sát”.

“Tôi thấy không nên”, bà Marple nói.

“Sao lại không?”.

“Bởi ông biết đó, tôi không có một, một chút... theo như ông thường nói là kiến thức”.

“Tức là bà chỉ có thể đoán thôi”.

“Ông muốn nói thế nào cũng được, nhưng thật ra đâu phải vậy. Tôi biết. Ở địa vị của tôi nếu muốn nêu lên ý kiến riêng của tôi cho viên thanh tra mật thám Drewitt nghe... chà, chắc ông sẽ cười. Thiệt tình, không biết có nên trách ông ấy không. Phải nói khó mà hiểu cho hết các vấn đề chuyên môn”.

“Cụ thể như là..”, ngài Henry nói xen vô.

Bà Marple khẽ nhếch mép cười.

“Nếu tôi phải kể thì đó là chuyện anh chàng bán rau Peasegood đã bỏ mối cho đứa cháu gái tôi, thay vì bỏ cà rốt như mọi bữa hẳn lại đem bỏ hàng củ cải như mấy năm trước đây...”.

Bà ngưng giữa chừng.

“Một cái tên xứng đáng là một thương hiệu”, ngài Henry nói nhỏ. “Bà muốn nói chỉ cần

phán đoán manh mối nhờ đối chiếu một vụ tương tự”.

“Tôi biết bản tính con người”, bà Marple nói. “Thật là vô lý nếu bao nhiêu năm ở trong làng mà không biết tính từng người. Vấn đề đặt ra là ngài có tin tôi hay là không?”.

Bà nhìn sâu vô mắt ông. Hai bên má đỏ ửng. Bà nhìn thẳng vào ông không một chút do dự.

Trong cuộc sống ngài Henry đã từng trải. Ngài nói đâu ra đó, không dài dòng. Không cầu kì và lập dị như bà Marple, ngài hiểu chuyện.

“Tôi phải tin bà, bà Marple. Nhưng tôi chưa hiểu sao bà buộc tôi phải biết về vụ này, và vì sao bà tìm tới đây”.

“Tôi đã nghĩ đi nghĩ lại”, bà Marple nói. “Như tôi đã nói

iuni chúa 00 ohưng cú thì ra tới đồn cảnh sát để làm gì. Tôi UtuMikĩ bằng chứng. Tôi muốn ông nên nhìn thẳng vô vấn đề viên thanh tra Drewitt, thích tâng bốc lên mây, tôi biết. Tất nhiên là với vụ việc nghiêm trọng hơn chắc chắn đại tá cảnh sát trưởng Melchett sẽ hợp tác với ông”.

Bà nhìn ông như van lơn.

"Dựa trên cơ sở nào bà muốn nhờ tôi giúp một tay?".

“Tôi nghĩ ra...” bà Marple nói. “Phải viết tên... chỉ cần AK tên., trên mảnh giấy đưa cho ông. Nếu lỡ khi bị điều tra ông phải nói là... người này... không dính dáng tới vụ án. Mà này, có thể là tôi nhầm”.

Bà dừng lại bất chợt rung mình. “Phải nói là khiếp... khiếp thật... nếu một người vô tội phải bị treo cổ”.

"Sao thế này...", ngài Henry kêu lên hoảng hốt.

Bà quay lại nhìn ông sùng sờ.

“Có thể tôi nhầm... mặc dù tôi nghĩ như vậy. Viên thanh tra Drewitt là một nhân vật kỳ tài. Nhưng sự cẩn tắc của một người thông minh lại rất nguy hiểm. Nó sẽ trượt rất xa”.

Ngài Henry nhìn bà tấm tắc.

Lần này tìm kiếm một hồi bà Marple lôi ra chiếc túi đựng sổ tay, xé ra một mảnh giấy viết tên rồi xếp đôi lại đưa qua cho ngài Henry.

Ông mở ra coi. Chả có gì nhưng ông lại nhướng mày, nhìn qua bà Marple tay nhét mảnh giấy vô túi.

"Đấy, đấy", ngài nói. "Chuyện này coi bộ ly kỳ. Trước giờ tôi chưa gặp, nhưng tôi sẽ hậu thuẫn cho bà, bà Marple".

Ngài Henry đang ngồi bên trong phòng cùng với đại tá Melchett cảnh sát trưởng và viên thanh tra mật thám Drewitt.

Ông cảnh sát trưởng dáng người nhỏ thó, tướng nhà binh trông dữ dằn. Viên thanh tra cao lớn, bề ngoài trông lạnh lẽ.

“Rõ ràng là tôi muốn xen vô chuyện mấy ông. Ngài Henry cười nói “Tôi chưa tiện nói ra đây...”

“Kìa ông bạn, chúng tôi mừng lắm. Đấy là một việc làm đáng khích lệ”.

"Chúng tôi lấy làm vinh dự, thưa ngài Henry", viên thanh tra nói.

Ông cảnh sát trưởng nghĩ trong đầu: “chán lắm, ông bạn, chuyện nhà Bantry. ông chồng thì bôi bác nhà nước, bà vợ nói chuyện lắm nhảm mấy thứ rau củ”.

Viên thanh tra thì nghĩ khác: “Tiếc là ta không được xử lý một việc hóc búa thế này. Một bộ óc nhạy bén nhất nước Anh. Ta có nghe nói. Tiếc là khi nói ông ta đã nghĩ ra”.

Ông cảnh sát trưởng mạnh dạn nói.

“Tôi e rằng chuyện này có gì mờ ám. Ban đầu có thể là cô nàng ngã xuống sông, chuyện bất cẩn khi sinh hoạt thường ngày. May thay có bác sĩ Haydock, ông khám nghiệm tử mĩ. Một vết bầm trên cánh tay - phía tay trong. Vết thương do trước lúc tai nạn xảy ra. Tức là anh chàng kia níu tay cô ta xô xuống nước”.

“Tức là phải ra sức?”.

“Không cần phải ráng, không có dấu hiệu cho thấy nạn nhân vùng vẫy... bởi lúc đó cô ta bị níu tay bất thành

lình, trên chiếc cầu trơn trượt. Nếu vậy muốn xô cô ta té xuống có khó gì đâu... cầu không bắt tay vịn”.

“Ngài còn nhớ rõ nơi vụ việc xảy ra?”.

“Có chứ. Trong làng có một thằng nhóc... Jimmy Brown... mười hai tuổi, lúc đó nó đang ở trong lùm cây bên kia sông, nghe thấy tiếng kêu la của một người từ phía chiếc cầu và một tiếng rơi bồm xuống nước, trời chạng vạng nhìn mọi thứ mờ mờ, không rõ. Ngay tức thì nó nhìn thấy một vật màu trắng trôi trên mặt nước, vội chạy ra nhảy xuống cứu. Dem được lên bờ nạn nhân đã ngất, khó cứu”.

Ngài Henry gật.

“Thằng nhóc không nhìn thấy ai trên cầu?”.

“Không, vì lúc đó trời nhá nhem, đầy sương mù. Tôi hỏi nó sau đó có nhìn thấy ai không hay là trước đó; nó quả quyết con bé nhảy xuống sông. Tất cả mọi người đều nghĩ như vậy”.

“Nhưng mà, còn mảnh giấy”, viên thanh tra Drewitt nói. Ông đưa qua cho ngài Henry.

“Mảnh giấy trong túi áo nạn nhân. Viết bằng bút chì của họa sĩ nhưng giấy bị thấm nước nên căng mắt mới đọc ra từng chữ”.

“Nội dung ra sao?”.

“Đây là nét chữ của Sandford. “Hay lắm”, vồn vện một hàng: “Tám rưỡi anh ra cầu gặp em. - R.S.”. À, thời điểm gần tám rưỡi... sau đó vài phút... Jimmy nghe thấy tiếng kêu la và tiếng rơi bồm xuống nước”.

“Không biết ngài đã gặp mặt Sandford lần nào chưa?”, Đại tá Melchett tiếp tục câu chuyện. “Hắn về đây được một tháng. Là một kiến trúc sư trẻ, xây dựng nhiều kiểu nhà độc đáo. Hắn đang xây nhà cho Allington. Có trời mới biết... toàn bộ vật liệu hiện đại. Bàn ăn toàn bằng kính, ghế phẫu thuật bọc da, chân bằng thép. Bấy nhiêu đó không là gì, nhìn vô, mới thấy tính cách anh chàng Sandford. Vụng về... mất tư cách”.

“Hắn bày trò du dỗ”, ngài Henry nói, “là một trò xưa như trái đất, nhưng không làm sao lừa được, nên phải giết nàng”.

Đại tá Melchett tròn xoe mắt.

“À thì ra thế”, ông nói, “phải, phải”.

“Vâng, thưa ngài Henry”, Drewitt nói, “Thì đây... đây là một vụ án xấu xa, lộ liễu. Anh chàng Sandford đã làm cho con bé mang bầu. Rồi hắn chuồn về London. Ở đó hắn có một em...

còn trẻ đẹp... đã hứa hôn trước. Vâng, nếu con bé hay được thì hẳn sẽ mất toi công. Hẳn hẹn gặp Rose tại đầu cầu., bữa đó trời sương mù, nhìn quanh không thấy ai... hẳn níu lấy vai nàng, xô xuống nước. Hẳn là đồ súc sinh... hẳn phải bị trừng phạt xứng đáng. Tôi xin hết”.

Ngài Henry ngồi lặng thinh một lúc, ngẫm nghĩ trong vụ này do thành kiến mà ra, một anh chàng kiến trúc sư thời nay trong một xóm làng xưa cổ như làng St Mary Mead.

“Theo tôi đoán có phải anh chàng Sandford sắp làm cha đứa bé sắp chào đời nay mai?”, ngài hỏi.

“Hẳn sắp làm cha”, Drewitt nói. “Rose Emmott báo tin cho cha nàng biết. Rồi hẳn sẽ lấy nàng làm vợ. Cưới nàng! Không phải hẳn!”

“Trời ơi”, ngài Henry nói, “Sao mà giống như trong mấy vở kịch thời Victoria. Một vai nữ không ai ngờ, một thằng đều từ London tới, người cha nghiêm khắc, tên phản bạn... chúng ta chỉ mong được đón nhận những đôi tình nhân chung thủy mà thôi”. Vâng, để rồi tôi sẽ hỏi hẳn cho ra?

Ngài lớn tiếng hỏi.

“Ở làng này có ai ngấm ghé con bé chưa?”.

“Ngài định nói Joe Ellis” viên thanh tra hỏi. “Jose được lắm. Hẳn làm nghề thợ mộc... Chà! Nếu như con bé chịu theo Joe...”.

Đại tá Melchett gật đầu hiểu ý.

“Ông lo việc của ông đi”, viên thanh tra lớn tiếng.

“Joe Ellis làm sao dính vô vụ này?”, ngài Henry hỏi.

“Chả ai biết làm sao”, viên thanh tra nói. “Hẳn sống lẳng lẽ. Hẳn là thế. Mọi việc vẫn thế. Hẳn chấp nhận mọi toan tính của Rose. Nàng chê hẳn. Hẳn vẫn chờ nàng quay về dù có bao lâu... Hẳn là vậy đó”.

“Tôi muốn được gặp hẳn”, ngài Henry nói.

“À! Ta sẽ đến nơi gặp hẳn”, Đại tá Melchett nói. “Chúng ta không bỏ qua việc này. Tôi thấy nên đến nhà Emmott trước, rồi nhà Sandford, sau cùng tới gặp Ellis. Ngài thấy có tiện không, Clithering?”.

Ngài Henry đồng ý.

Mọi người tới quán Blue Boar gặp Tom Emmott. Thoạt nhìn gã người cao lớn, lực lưỡng, độ tuổi trung niên, mắt nhìn láo liên, chiếc cằm bạnh ra.

“Hân hạnh được gặp quý vị... chào ngài đại tá. Xin mời vô trong này nói chuyện tự nhiên hơn. Quý vị cần việc gì? Không hở? Xin nhường lời quý vị. Quý vị đến đây là có ý hỏi thăm con gái tôi. Chà! Nó là đứa con ngoan, con Rose. Nó xưa nay vẫn vậy... cho tới lúc gặp thằng súc sinh kia, xin lỗi quý ông, tôi nói vậy mới đúng. Nó hứa hẹn lấy con gái tôi. Tôi phải trừng trị hẳn. Hẳn đẩy nhào con tôi xuống nước. Quân súc sinh giết người. Gia đình tôi tan nát. Con gái tôi có tội tình gì..”.

“Con gái ông đã cho ông hay là Sandford phải chịu trách nhiệm lo cho nó?”, Melchett hỏi.

“Dạ có, nó ngồi kể cho tôi nghe tại chỗ này, căn phòng này”.

“Rồi ông nói gì với con gái?”, ngài Henry hỏi.

“Nói gì với nó hở?”, người đàn ông có vẻ ngạc nhiên.

“Này, ông không dọa đuổi con ra khỏi nhà chứ?”.

“Lúc đó tôi thấy choáng váng... tự nhiên vậy. Quý vị phải thông cảm cho tôi. Nhưng làm sao phải đuổi nó đi, không bao giờ !. Gã lại giận. “Không hiểu luật lệ để làm gì... tôi muốn nói bấy nhiêu. Luật lệ để làm gì ? Hẳn có bốn phận lo cho con tôi. Nếu không, lạy Chúa, hẳn phải bồi thường !”.

Gã nắm mạnh tay xuống bàn.

"Lần cuối ông còn nhìn thấy con gái vào lúc nào ?". Melchett hỏi.

"Mới hôm qua, lúc ngồi uống trà".

"Ông thấy con gái ra sao ?".

"Vâng, vẫn như mọi bữa, tôi không để ý. Giá mà tôi biết được..."

"Ông không biết gì đâu", viên thanh tra lạnh lùng nói.

Khách lục tục ra về.

"Emmott coi bộ khó mà tha cho việc này". Ngài Henry trầm ngâm nói.

"Tay này đều", Melchett nói. "Nếu gặp thời cơ hẳn sẽ moi tiền Sandford".

"Nơi đến tiếp theo là nhà anh chàng kiến trúc sư. Rex Sandford trông thực tế khác xa với hình ảnh ngài Henry mừng tượng ra trong đầu. Nhìn bề ngoài gã cao lớn, nước da trắng trẻo, gầy nhom. Đôi mắt xanh mờ màng, tóc tai bờm xờm để dài tới gáy. Giọng nói nghe eo éo.

Đại tá Melchett tự giới thiệu trước rồi qua tới các vị khách cùng đi. Ông muốn đi thẳng vô vấn đề, ông đề nghị anh chàng kiến trúc sư kể lại đầu đuôi chuyện xảy ra tối hôm trước.

"Chắc anh đã biết", ông mào đầu câu chuyện, "tôi không có quyền buộc anh nói ra và những điều anh dựng lên sẽ phản lại anh. Tôi muốn xác định rõ vị trí của anh".

"Tôi... tôi không hiểu ông muốn nói gì", Sandford nói.

"Chắc anh đã biết vụ cô Rose Emmott chết đuối tối hôm qua".

"Biết chứ. Ôi ! Thật là thảm thiết. Thiệt tình đêm qua tôi không thể chợp mắt. Sáng nay không đi làm nổi. Tôi cảm thấy có trách nhiệm... trách nhiệm ghê gớm".

Gã đưa tay lên vuốt tóc, trông càng rối bù hơn.

"Tôi không ngờ xảy ra chuyện rủi ro", gã nói ra vẻ đau đớn... "Tôi không cho là... tôi không biết gì về chuyện đó".

Gã ngồi xuống bên chiếc bàn, hai tay bưng mặt.

"Có phải tôi vừa nghe ông nói, ông Sandford, ông muốn từ chối không khai ra đêm qua ông đang ở đâu lúc tám rưỡi".

"Không, tôi không nhớ. Lúc đó tôi không có nhà. Tôi đang đi dạo như mọi bữa".

"Ông đến nhà cô Emmott ?".

"Không. Tôi đi một mình, ngang qua khu rừng một quãng khá xa".

"Ông nói sao khi mảnh giấy này được tìm thấy trong túi áo nạn nhân ?".

Viên thanh tra Drewitt đọc to lên một cách vô tư.

"Nào, thưa ông", viên thanh tra dứt khoát, "ông không nhận là ông viết cái thư này ?".

"Không, không dám. Ngài nói đúng. Tôi viết cái thư đó. Rose muốn tôi đến gặp nàng. Nàng đòi gặp tôi cho được. Tôi chưa biết tính sao, nên nghĩ cách viết giấy nhắn gọi cho nàng".

“À, vậy càng hay”, viên thanh tra nói.

“Nhưng tôi không đi !”, Sandford kêu lên một tiếng thất thanh. “Tôi không đi ! Thà rằng đừng nên gặp nàng, bởi sáng mai tôi phải về quê. Tôi thấy thà đừng... đừng gặp nhau nữa. Tôi định về London sau mới gửi thư sau... rồi định ngày... sắp xếp”.

“Chắc ông đã biết, thưa ông, cô ấy cho biết là sắp có con, và xác định ông là cha đứa bé ?”.

Sandford càu nhàu, không nói ra.

“Nói vậy có đúng không ?”.

Sandford tay bưng kín mặt.

“Chắc là vậy”, gã ghen ngào nói.

“À !”, viên thanh tra không giấu được cảm xúc. “Nào trở lại chuyện ông “đi dạo”. Đêm qua có ai nhìn thấy ông không ?”.

“Tôi không biết. Tôi nghĩ là không. Tôi còn nhớ hình như là không thấy ai”.

“Tiếc thật .

“Ngài muốn nói sao ?”, Sandford nhìn sâu vô mắt ông.

“Chuyện tôi đi dạo một vòng hay là không, can hệ gì tới quý ông ? Nó không liên quan đến việc tự cô ấy nhảy xuống sông”.

“À”, viên thanh tra nói. “Ông biết mà, không phải cô ấy muốn tự vẫn. Cô ấy bị xô té xuống sông, ông Sandford ạ”.

“Nàng...” phải một hồi lâu gã mới cảm nhận được hết chuyện rùng rợn. “Lạy Chúa ! Thì ra...”.

Gã ngồi phịch xuống ghế.

Đại tá Melchett định bỏ đi.

“Này Sandford, nên nhớ là...”, ông vừa đi vừa nói, “ông đừng tính chuyện đi ra khỏi nhà này”.

Cả ba vị khách cùng lui ra. Viên thanh tra và ông cảnh sát trưởng liếc nhìn nhau.

“Vậy là đầy đủ, thưa ngài”, viên thanh tra nói.

“Vâng, ta cho ban hành trát đòi và ra lệnh bắt giữ hắn”.

“Xin lỗi”, ngài Henry vừa nói. “Tôi bỏ quên đôi găng tay”.

Ngài vụt chạy vô trong, Sandford vẫn ngồi yên trên ghế nhìn chăm chăm vô khoảng không.

“Tôi phải quay lại”, ngài Henry nói, “để cho ông biết là tôi muốn giúp đỡ ông, chuyện riêng tư tôi không thể nói ra đây. Tôi muốn hỏi cho biết, nếu được, ông chỉ cần kể lại ngắn gọn chuyện quan hệ giữa ông với cô nàng Rose ra sao ?”.

“Cô ta thật xinh đẹp”, Sandford nói. “Rất đẹp và gợi tình. Và... và rồi nàng ở lì tại nhà tôi. Thề có Chúa, tôi nói thật. Nàng không để cho tôi yên. Tôi như bị cô lập, không ai thích gần gũi và như tôi đã kể, nàng đẹp vô cùng, nàng biết rõ điều đó...”. Giọng gã như lạc đi, gã ngược nhìn, và rồi chuyện gì đã xảy ra. Nàng đòi tôi phải lấy nàng. Tôi không biết tính sao. Vì đã lỡ hứa hôn với một nàng trên London... thôi, chắc là xong một đời. Nàng chẳng hiểu gì đâu. Làm sao nàng hiểu được ? Nàng cho tôi là kẻ vô tích sự, đúng quá. Như tôi đã kể, tôi không biết nên tính sao. Tôi phải lo tránh mặt Rose. Tôi tính về thành phố... gặp luật sư... lo dàn xếp chuyện tiền bạc cho

nàng. Lạy Chúa, tôi chẳng khác nào một kẻ mất trí. Và mọi chuyện đã rõ, tôi là một nạn nhân. Nhưng sao mọi người lại trách tôi. Chính nàng phải lo liệu việc đó”.

“Trước đây ông đã nghe nàng dọa đòi tự tử lần nào chưa ?”.

Sandíbrd lắc đầu.

“Chưa nghe, nàng có bao giờ vậy đâu”.

“Còn anh chàng Joe Ellis ?”.

“Anh chàng thợ mộc đó hả ? Cả đời nhà hấn làm nghề đó. Anh chàng quê mùa... muốn đeo đuổi Rose”.

“Chắc là hấn phải ghen ?”, ngài Henry nói xen vô.

“Cũng biết ghen chứ... Nhưng là dân quê ngu đần. Hấn ngấm ngấm ôm hận”.

“Thôi”, ngài Henry nói. “Tôi phải về đây”.

Ngài chạy ra theo mấy ông khách kia.

“Tôi thấy là, Melchett..”, ngài nói, “ta nên lưu ý anh chàng này... Ellis... đến thăm anh ta trước đã rồi mới tính chuyện quyết liệt hơn. Không khéo nếu ban hành lệnh bắt e rằng lầm lẫn. Dù sao ghen tuông cũng là duyên cớ dễ gây án mạng... chuyện đời xưa nay đã vậy rồi”.

“Đúng quá”, viên thanh tra nói, “Joe Ellis không rơi vào cái dạng này. Hấn hiền như bụt. Đây ! Chưa hề biết giận ai. Vậy thì ta nên thống nhất với nhau ra tới nơi hỏi gã đêm qua có đi đâu không. Giờ này hấn đang ở nhà. Hấn ở trọ nhà của bà Bartlett... người đàn bà đoan chính... một góa phụ, lo việc giặt ủi quần áo”.

Các vị khác bước vô căn nhà nhỏ thơm tất gọn gàng. Một bà mập ú, tuổi trung niên chạy ra mở cửa. Trông mặt mũi bà tươi tắn, mở to đôi mắt xanh nhìn khách.

“Chào bà Bartlett”, viên thanh tra lên tiếng, “cho tôi hỏi thăm Joe Ellis có ở đây không ?”.

“Mới vừa về khoảng mười phút”, bà Bartlett đáp. “Mời quý ông vô nhà, xin mời”.

Lau vội hai tay vô tấm tạp dề, bà mời mấy ông khách bước vô ngoài nhà trước; bày đủ thứ đồ chơi thú nhồi bông, một chiếc ghế sofa và mấy món đồ cũ kỹ.

Bà vội vã dọn một chỗ cho khách ngồi, kéo bót cái kệ tủ ra cho trống chỗ, bà cất tiếng gọi:

“Joe, có khách đến nhà !”.

Phía dưới nhà bếp tiếng nói vọng lên.

“Chờ tắm rửa xong tôi lên tới ngay”.

Bà Bartlett nhếch mép cười.

“Mời bà vô đây”, Đại tá Melchett nói. “Mời bà ngồi”.

“Ồ, tôi không dám”.

Bà Bartlett được nghe mời xúc động.

“Bà thấy Joe Ellis ở đây được chứ ?”, Melchett hỏi cho có.

“Không còn chỗ chê, một thanh niên nề nếp, không biết một giọt rượu. Lo chí thú làm ăn, quán xuyến việc nhà. Cậu ấy đóng mấy cái kệ cho tôi, sửa lại tủ cất chén bát dưới nhà bếp. Đủ các món linh tinh trong nhà... Joe tính hay giúp người, không màng tới việc trả ơn. Chà ! Vậy mà mấy anh chàng thanh niên ở quanh đây không thích anh ta lắm”.

“Mấy cô nàng gặp anh ta thì có phước lắm”, Melchett nói vu vu. “Nghe nói cậu ta mê cô nàng Rose Emmott trong làng này lắm thì phải?”.

Bà Bartlett thở ra.

“Nghe nói tôi thấy mệt. Cậu ấy mê cô ả, còn cô nàng chẳng thèm ngó lại”.

“Thường buổi tối Joe hay đi đâu chơi, bà Bartlett?”.

“Ở nhà đây chứ đi đâu. Có khi thì làm thêm mấy việc vặt vãnh. Đang học một khóa kế toán hàm thụ”.

“À, thế đấy. Tối qua cậu ấy có ở nhà chứ?”

“Có”.

“Có chắc không bà Bartlett?”, ngài Henry hỏi tới.

Bà quay qua nhìn ông.

“Chắc thế, thưa ngài”.

“Vậy là khoảng từ tám đến tám rưỡi cậu ấy không đi đâu chơi?”.

“À, không”, bà Bartlett cười lên. “Cậu ấy lo sửa tủ đựng chén bát dưới bếp suốt cả buổi tối, còn tôi lo giúp một tay”.

Ngài Henry nhìn nét mặt bà tươi cười, chợt một thoáng hồ nghi hiện ra trong đầu.

Một lúc sau Ellis từ nhà dưới đi lên, bước vô phòng.

Nhìn anh ta người cao lớn lực lưỡng, gương mặt điển trai, chất phác. Đôi mắt xanh nhìn e dè, nụ cười hiền hòa. Nói chung là một chàng trai dễ thương.

Melchett mở đầu câu chuyện, bà Bartlett lui ra ngoài, xuống nhà bếp.

“Chúng tôi đang mở cuộc điều tra về cái chết của Rose Emmot. Anh biết cô ta chứ, Ellis?”.

“Có” anh ta ngần ngừ rồi nói lảm bảm, “tôi chờ ngày được cưới nàng. Tội nghiệp!”.

“Anh biết chuyện xảy ra với cô ấy?”.

“Có”, mắt anh ta long lên một cách tức giận. “Hắn xô nàng xuống nước, chính hắn. Thà vậy đi, lấy gã rồi nàng cũng sẽ khổ. Tôi biết đến lúc đó nàng sẽ quay lại tìm tôi. Tôi sẽ lo hết cho nàng”.

“Cho dù...”.

“Không phải lỗi tại nàng. Hắn hứa hão, muốn lừa nàng. Ôi ! Nàng kể cho tôi nghe. Nàng đâu có muốn tự vẫn... Hắn không đáng giá”.

“Tối qua lúc tám rưỡi anh ở đâu, Ellis?”. Phải chăng do ngài Henry quá tưởng tượng hay là câu trả lời đã được anh ta sắp sẵn trong trí nên anh ta trả lời nhanh chóng.

“Tôi ở nhà đây, lo sửa tủ kệ ở dưới nhà bếp cho bà B. ngài hỏi bà ấy thì biết”.

“Anh chàng mau miệng ghê”, ngài Henry nghĩ trong đầu. “Bình thường gã ăn nói chậm chạp, vậy tức là cho thấy gã đã chuẩn bị trước lời đối đáp”.

Sau đó ngài nghĩ bụng chắc là ngài quá sức tưởng tượng. Ngài nghĩ ra đủ chuyện... đúng vậy, tưởng tượng thấy nổi sợ thoáng hiện trong đôi mắt xanh lúc gã ngồi đó.

Trao đổi thêm mấy việc, các vị khách cáo lui ra về. Ngài Henry xin phép trở xuống nhà bếp. Bà Bartlett đang đứng bên bếp lò nấu ăn. Bà vui vẻ ngược nhìn ngài. Cái tủ kệ kê sát vô

vách, chưa làm xong, đồ nghề còn bày ra đó.

“Ellis lo làm cả buổi tối hôm trước đấy sao?”, ngài Henry hỏi.

“Vâng, khéo đấy chứ thưa ngài, cậu ta là một tay thợ lành nghề, Joe khá lắm”.

Bà nói nghe rất tự nhiên... không vấp vấp.

Còn Ellis... có phải gã nghĩ ra chuyện này? Không, phải có một cái gì khác hơn.

“Ta phải dò xét lại cho kỹ”, ngài Henry nghĩ.

Vừa quay bước đi ra ngoài chân ngài vấp phải chiếc xe đẩy trẻ em.

“Không khéo thằng bé nó thức dậy”, ngài nói.

Bà Bartlett cười giòn.

“Ồ, không phải, thưa ngài. Tôi đâu có con... nghĩ tội nghiệp, chiếc xe đó tôi cất đồ giặt ủi”.

“À, thì ra thế”.

Bất chợt ngài buột miệng nói:

“Bà Bartlett, bà biết Rose Emmott chứ. Bà có thể cho tôi biết đôi nét về cô nàng đó được chứ?”.

Bà nhìn sâu vô mắt ông.

“Dạ được, thưa ngài. Con bé ấy nó nhẹ dạ. Nay thì nó đã chết rồi... nhắc lại mấy chuyện đau buồn làm chi nữa”.

“Nhưng lý do tôi muốn hỏi là.... tôi muốn nghe ý kiến của riêng bà”, ngài nói nghe xuôi tai.

Bà do dự, chưa hiểu ý ngài.

“Con bé ấy nó không đáng gì, thưa ngài”, bà lặng lẽ nói. “Trước mặt Joe, tôi tránh không nói ra. Con bé nó moi hết tiền. Ai chứ nó dám lắm... tiếc thật. Chắc ngài biết rồi chứ?”.

Vâng, ngài Henry biết thế. Nhà Joe Ellis cảm thấy bị xúc phạm. Vì đã quá tin người trong vụ này khi biết rõ sự thật càng xấu xa hơn.

Ngài bỏ đi khỏi, trong người thấy chưa yên. Mất công toi chẳng thu được gì. Cả buổi tối hôm trước Joe Ellis lo cắm cúi làm việc nhà. Bà Bartlett có ở đó giúp gã một tay. Vậy thì có ai tung ra chuyện này trước? Lấy gì làm bằng chứng đối chiếu... ngoại trừ bằng chứng hồ nghi cho câu trả lời sắp đặt trước cửa Joe Ellis... khi nghe hỏi tới gã mau miệng nói ra ngay.

“Vâng”, Melchett nói, “đến đây ta có thể đã hiểu rõ mọi việc, phải không?”.

“Rõ quá, thưa ngài”, viên thanh tra nói. “Sandford là người ta cần bắt giữ. Không cần phải suy xét, việc rõ như ban ngày. Theo tôi thấy rõ là hai cha con cô nàng muốn tống tiền. Gã làm gì có tiền... gã lo sợ nếu chuyện tới tai vị hôn thê... chán nản, gã không còn chọn lựa nào khác hơn. Ngài thấy sao?”, ông nói xong quay lại ngài Henry.

“Có thể là như vậy”, ngài Henry nói. “Nhưng... theo tôi thì anh chàng Sandford không dám có hành vi táo bạo đến vậy”.

Nói vậy chứ ngài thừa hiểu lời phản bác vừa rồi không ăn thua gì. Một con thú lúc bị dồn vô thế bí nó sẽ cắn càn.

“Cho tôi gặp thằng nhóc con”, bất chợt ngài nhớ ra. “Chính tai nó nghe tiếng nàng kêu cứu”.

Jimmy Brown là một thằng nhóc sáng dạ, nhìn bề ngoài nó nhỏ hơn tuổi thực, mặt mũi láu lỉnh. Nó chờ để được hỏi, cảm thấy bất bình khi hiểu được câu chuyện đau thương xảy ra ngay cái đêm định mệnh.

"Lúc đó cháu đang ở bên kia sông, ta biết", ngài Henry nói, "con sông chảy qua làng cháu, vậy cháu nhìn thấy ai bên đó chạy ra tới cầu không?".

"Có, cháu thấy có người trong lùm cây. Chính là anh Sandford, anh ta đã xây lên mấy căn nhà kỳ cục".

Ba vị khách nhìn nhau không nói.

"Vậy là mười phút sau cháu mới nghe tiếng kêu cứu phải không?".

Thằng nhóc gật.

"Còn thấy ai nữa không... có mấy người đứng bên kia sông hả?".

"Có một người đi men theo đường làng. Vừa đi chậm chậm, vừa huýt gió. Chắc là Joe Ellis".

"Cháu làm sao nhìn thấy rõ mặt anh ta?", viên thanh tra hỏi gắt. "Lúc đó trời mù sương".

"Con nghe tiếng huýt gió mới biết", thằng nhóc nói. "Joe thích huýt gió bài hát đó... "Ta muốn thấy nàng hạnh phúc", anh ấy nhớ có mỗi một điệu đó thôi".

Nó học đòi theo lối bọn trẻ mới lớn khi dễ lớp đàn anh.

"Ai huýt gió bài đó mà không được" Melchett nói. "Vậy là anh ta đi thẳng ra tới đầu cầu?".

"Không... Đi đằng kia... đi vô làng".

"Ta không nên quan tâm tới việc người chưa biết mặt là ai", Melchett nói, "cháu nghe tiếng kêu và một tiếng rớt bồm xuống nước, một lát sau thấy xác người nổi lên, bỏ chạy đi kêu cứu, quay lại chỗ cây cầu, chạy băng qua vô làng. Chạy tới nơi không thấy ai đang đứng gần đầu cầu hay sao?".

"Hình như có hai ông đẩy xe cút kít; hai ông ở đằng xa, không biết có phải đi tới đây không, thấy nhà ông Giles gần hơn, cháu chạy tới đó".

"Khá lắm, nhóc con", Melchett nói. "Cháu nhanh trí đấy. Cháu có học hướng đạo không?".

"Dạ có".

"Khá lắm. Ta phải khen khá lắm".

Ngài Henry lặng thinh nghĩ ngợi, ông rút trong túi ra một mảnh giấy, nhìn xuống lắc đầu. Hình như không phải... vậy thì ...

Ngài đi gặp bà Marple.

Bà tiếp đón ngài tại phòng khách trang trí theo lối cổ.

"Tôi đến để thuật lại diễn tiến vụ việc", ngài Henry nói. "Theo tôi thấy mọi việc diễn ra không như ý muốn. Họ đang lập thủ tục bắt giữ Sandford. Họ nói làm vậy là phải...".

"Ông không tìm ra một điểm nào... biết nói sao đây... để hậu thuẫn cho ý kiến tôi đã đóng góp hay sao?". Bà lúng túng... lo ngại. "Có lẽ tôi đã nhầm... thật sự mà nói. Ngài có đủ kinh nghiệm... để khám phá ra nội vụ".

"Trước tiên là...", ngài Henry nói, "Tôi thấy khó tin. Hai nữa phải đối phó với một tên tội phạm viện cớ vắng mặt tại hiện trường. Tối hôm đó Joe Ellis lo sửa kệ tủ dưới nhà bếp, có bà Bartlett lo phụ giúp một tay".

Bà Marple nghiêng người ra trước, hít một hơi sâu.

“Không thể nói vậy được”, bà nói, “bữa đó nhằm tối thứ sáu”.

“Tối thứ sáu à?”.

“Vâng... tối thứ sáu. Thường tối thứ sáu bà Bartlett đi giao đồ giặt ủi cho mấy nhà trong xóm”.

Ngài Henry ngả người ra sau ghế. Chợt ngài nhớ lại lời thằng nhóc Jimmy Brown kể có nghe tiếng một anh chàng huýt gió... đúng quá đi rồi.

Ngài đứng lên, sốt sắng bắt tay bà Marple.

“Tôi muốn nói là đã tìm thấy ẩn số”, ngài nói. “Dù sao tôi phải ráng...”.

Sau năm phút ngài đã có mặt tại nhà trọ bà Bartlett, nhìn thấy anh chàng Joe Ellis đang ngồi quanh mấy món đồ sứ bày ra trước mặt.

“Anh đã nói dối, Ellis, về chuyện tối qua”, ngài mạnh dạn nói. “Không có chuyện anh lo sửa kệ tủ dưới nhà bếp lúc từ tám giờ tới tám rưỡi. Chỉ vài phút trước khi Rose Emmot bị giết anh đi ra bờ sông, về phía đầu cầu”.

Gã há hốc mồm.

“Không phải nàng bị giết chết... không phải. Tôi không biết chuyện đó. Nàng nhảy xuống sông, thật mà. Nàng muốn liều mạng. Tôi không làm gì hại nàng, không...”.

“Vậy sao anh phải bịa chuyện lúc đó đang ở đâu?”, ngài Henry gắt gỏng.

Mắt gã chớp chớp có vẻ áy náy.

“Tôi lo sợ. Bà B. nhìn thấy tôi đang đi ra ngoài đó và khi hay được chuyện gì xảy ra... vâng, bà thấy nguy cho tôi. Tôi nghĩ ra chuyện ở nhà sửa kệ tủ, bà đồng ý nói đỡ cho tôi. Bà không phải như người ta, bà tử tế với tôi”.

Không nói lời nào ngài Henry trở xuống nhà bếp. Bà Bartlett đang giặt đồ.

“Bà Bartlett”, ngài nói. “Tôi đã biết hết. Bà nên thú thật đi... tức là, nếu bà không muốn nhìn thấy Joe Ellis bị treo cổ vì không có tội tình gì ... Không, chắc bà không chịu đâu. Để tôi kể lại cho bà nghe. Tối hôm trước bà đi giao đồ giặt ủi cho mấy nhà trong xóm. Bà gặp Rose Emmott. Bà biết chuyện nàng muốn bỏ rơi Joe, đi theo người khác. Lúc này nàng mới thấy khổ... Joe hay được muốn trở lại với nàng... muốn lấy nàng làm vợ và nếu nàng thấy cần phải có gã. Gã về đây ở chung với bà được bốn năm. Bà đem lòng thương gã, bà thương mến gã. Bà căm ghét cô nàng kia., bà không chịu nổi cảnh con bé đi thỏa cuồn mắt anh chàng kia đi. Bà còn khỏe lắm, bà

Bartlett. Bà nín lấy vai con bé xô xuống dòng nước. Mấy phút sau bà nhìn thấy Joe Ellis. Từ bên kia sông Jimmy nhìn thấy có hai người... lúc đó trời tối sương mù nó nhìn chiếc xe đẩy trẻ con tưởng đâu là xe cút kít, bà nghĩ là Joe có thể bị nghi oan, nên bà bịa ra chuyện lúc đó gã không đi ra ngoài bờ sông nhưng thiệt ra là muốn nhằm bảo vệ cho bà. Nào, bà thấy tôi kể nghe có đúng không?”.

Ngài hít vô một hơi. Ngài đã nắm chắc phần cán.

Bà đứng đó xoa hai tay lên tấm tạp dề, thủng thỉnh kể lại.

“Đúng như lời ngài kể”, bây giờ bà mới chịu khai, giọng bà chùng xuống (cái giọng này mới đáng sợ, ngài Henry nghĩ bụng). “Tôi không hiểu vì sao tôi làm vậy. Trơ tráo... tôi muốn nói con bé đó. Tôi thấy bị choáng... nó không thể nào chiếm đoạt được Joe. Tôi gặp phải nhiều bất hạnh. Chồng tôi khổ sở... tật nguyên lại khó tính. Tôi đã lo cho ông ta. Gặp lúc Joe đến ở trọ.

Tôi đâu đã già, thưa ngài, bởi vì tóc tôi bạc sớm. Tôi mới có bốn mươi thôi. Tôi chỉ còn có Joe. Tôi lo cho gã hết mình... từ A tới Z. Như là một đứa trẻ, thú thật với ngài, anh ta dễ thương dễ nghe. Gã thuộc về tôi, để tôi có người nương tựa. Cũng chỉ vì... chỉ vì..." bà nuốt giận... cố nén cơn xúc động. Ngay lúc này nhìn bà vẫn còn khỏe. Bà đứng ngay dậy, nhìn chăm chăm ngài Henry. "Tôi đã khai ra, thưa ngài. Tôi không ngờ có người biết chuyện này. Làm sao ngài biết hết.,. Tôi không ngờ... tôi đã chắc chắn".

Ngài Henry khẽ lắc đầu.

"Không phải mỗi mình tôi biết", ngài nói... sực nhớ mảnh giấy còn cất trong túi áo, nét chữ viết nắn nót theo lối xưa.

"Bà Bartlett, người cho Joe Ellis ở trọ tại ngôi nhà số 2 Mill Cottages".

Và lần này bà Marple lại đoán trúng.

Chia sẻ ebook : <http://downloadsachmienphi.com/>

Tham gia cộng đồng chia sẻ sách :

Fanpage : <https://www.facebook.com/downloadsachfree>

Cộng đồng Google : <http://bit.ly/downloadsach>